

SUTTANTA PITAKA
KINH TẠNG PÀLI

Bộ Sách Chú Giải

GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ

(Tái Bản lần thứ hai và
đính kèm tích truyện cùng với chú giải)

TẬP II (PHẨM V, VI, VII, VIII & IX)



Biên Soạn: Bhikkhu PASĀDO

**SUTTANTA PITAKA
KINH TẠNG PĀLI**

Bộ Sách Chú Giải

GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ

**(Tái Bản lần thứ hai và
đính kèm tích truyện cùng với chú giải)**

TẬP II (PHẨM V, VI, VII, VIII & IX)



Biên Soạn: Bhikkhu PASĀDO

GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP II (PHẨM V, VI, VII, VIII & IX)

Second edition and revised in Vietnamese by Bhikkhu PASĀDO

Copyright © 2013 by Bhikkhu PASĀDO

All rights reserved.

ISBN 978-1- 4675-7492-1

September 2013

Published by Library of Catudisa Sangha Vihāra

12734 Marsh Road, Bealeton, VA 22712 – USA

CT Printing & Graphics

10218 New Hampshire Avenue

Silver Spring, MD 20903

Tel: 301-431-0025

LỜI GIỚI THIỆU

Mỗi một ai có tâm nguyện đi tìm Chân Lý, cho dù theo bất luận thể loại tín ngưỡng nào, đều có thể cảm thấy hứng thú và bổ ích khi được đọc quyển kinh sách chú giải Kinh Pháp Cú này. Thường xuyên chú niệm về những lời vàng ngọc chứa đựng trong ấy, và đem ra thực hành trong đời sống hằng ngày, người Phật Tử nhiệt tâm về Đạo Pháp, có thể thâm nhận được một niềm vui tinh thần vượt lên cao hơn tất cả những hạnh phúc của Thế Gian, và có thể thành đạt đến trạng thái Tâm cao thượng, nhằm để duyên theo đó, tự thanh lọc Thân Tâm mình và cố gắng rọi sáng, làm cho người khác trở nên thanh tịnh, bằng chính gương lành với những lời khuyên dạy thích nghi.

Với Tập I của Giáo Án Kinh Pháp Cú gồm có bốn Phẩm, từ Phẩm thứ nhất đến Phẩm thứ tư, chứa đựng năm mươi chín câu Kệ Pháp, từ câu Kệ thứ nhất đến câu Kệ thứ năm mươi chín.

Với Phẩm thứ nhất là Phẩm Song Yêu (*Yamaka vagga*) - có hai mươi câu song đối với nhau. Bao hàm các nội dung đối lập nhau, giữa tốt và xấu, thiện và bất thiện xuyên qua các hành động của chính mình đã tạo và gặt lãnh kết quả từ những hành động tạo tác ấy.

Với Phẩm thứ hai là Phẩm Không Phóng Dật (*Appamàda vagga* - *Bất Khinh Suất*) - có mười hai câu gồm những câu khuyến thiện, nhắc nhở làm việc thiện, tạo thiện nghiệp - luôn luôn giữ tâm ghi nhớ lấy mình, thận trọng hay nên biết mình đang làm việc gì.

Với Phẩm thứ ba là Phẩm Tâm (*Citta vagga*) - có mười một câu gồm những câu khuyên dạy chúng ta nên giữ vững tâm, khắc phục tư tưởng xấu, khuyên chúng ta nên hướng Tâm về điều thiện và xa lánh những điều bất thiện, hầu đem lại sự an vui cho chính mình.

Với Phẩm thứ tư là Phẩm Hoa (*Puppha vagga*) - có mười sáu câu - Lấy hoa làm chủ đề với ngụ ý so sánh hoa với đời sống chánh hạnh của người đệ tử Phật.

Tuy nhiên, khi đọc qua những Phật ngôn cao quý này, không nên tự mãn cho rằng là đủ. Phải đọc đi đọc lại, suy niệm, cân nhắc cặn kẽ những câu kệ cùng với những tích truyện, và rút tỉa những bài học thích hợp trong cuộc sống. Qua những mẫu chuyện thích thú và xây dựng, đã mô tả rõ ràng tánh cách vĩ đại của Đức Phật, là một Giáo Chủ đầy Bi Trí Dũng, luôn luôn sẵn sàng tế độ và phục vụ tất cả. Những kim ngôn mỹ từ trong Kinh Pháp Cú phải được áp dụng thật sự vào đời sống hằng ngày. “*Người thấm nhuần Giáo Pháp sống hạnh phúc*”.

Tiếp theo đây, là Tập II của Giáo Án Kinh Pháp Cú gồm có năm Phẩm, từ Phẩm thứ năm đến Phẩm thứ chín, chứa đựng sáu mươi tám câu Kệ Pháp, từ câu Kệ thứ sáu mươi đến câu Kệ thứ một trăm hai mươi tám.

Mỗi bài kệ chứa đựng một nội dung tu học rất sâu sắc và phong phú, là một nguồn cảm hứng cao đẹp, một lối đi mới lạ, một sức mạnh kỳ diệu giúp cho học giả có một niềm tin vững chắc hơn trên con đường tu học để tiến đến giác ngộ và giải thoát.

Đọc những bài kệ trong bộ Kinh Pháp Cú này, chúng ta cảm thấy như thân nghe chính lời Phật dạy từ hơn hai ngàn năm vọng lại trở thành bất hủ với mọi thời gian.

Ngưỡng mong Ân Đức đặc thù của Pháp Bảo, xin được thâm nhập và khái trí vào sở học sở cầu của Kỳ Hạ, và vun bồi Tam Thập Pháp Ba La Mật hạnh Trí Tuệ xuyên suốt cho đến ngày chứng đắc Quả vị Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức biên soạn GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ, hội túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến hai bậc Ân Sư, Ngài Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ (*SANTAKICCO MAHÀ THERA*), và Ngài Đại Trưởng Lão SIÊU VIỆT (*ULÀRO MAHÀ THERA*) với tất cả lòng thành kính của con.

Ngưỡng mong công đức biên soạn GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ, hội đủ túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành kính dâng Quả Phước thanh cao này hướng đến Song Thân trí kính của con, Cô Tư Tu Nữ PHẠM THỊ YÊN kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định – Quận 6), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thù từ hộ trì Chánh Pháp, đến tất cả những bậc Hữu Ân Phật Tử đã ủng hộ cho việc đánh máy, điều chỉnh, bổ túc với tất cả những kỹ năng kỳ công và phát hành GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ và chí đến toàn thể quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thấy.

Ngưỡng mong ÂN ĐỨC PHÁP BẢO luôn mãi được tồn tại lâu dài cho đến năm ngàn năm, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Thiên, Chư Phạm Thiên, Nhân Loại và tất cả chúng sanh.

(Anumodanà, Anumodanà, Anumodanà).

Với tấm lòng Từ Ái,
Mettàparamatthapàrami
Sàdhu, Sàdhu, Sàdhu

Hết lòng cần kính,
Bhikkhu PASÀDO

-----00000-----

*Bố Thí, Pháp Thí vô song
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp Hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường
Kiên trì chân chánh, con đường phúc vinh.*

*In this world, there are three things of value for one who gives...
Before giving, the mind of the giver is happy.
While giving, the mind of the giver is peaceful.
After giving, the mind of the giver is uplifted.
A 6.37*

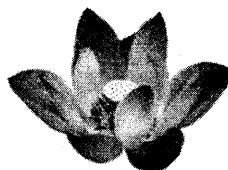
*Gió Tì quét sạch rừng phiền não,
Mưa Pháp trôi đùa ánh lợi danh.*

-----00000-----

**Thành kính tri ân Chư Vị Trưởng Lão tác giả
qua những tài liệu đã được tham khảo:**

1. Kinh Pháp Cú – Narada Mahà Thera – Phạm Kim Khánh dịch.
2. Kinh Pháp Cú – Hòa Thượng Thích Minh Châu.
3. Chú Giải Kinh Pháp Cú – Tỳ Khuru Pháp Minh.
4. Kinh Lời Vàng – Tỳ Khuru Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh).
5. Dhammapada by English (The Word of the Doctrine) – K. R. Norman – Pali Text Society – London, England.
6. Dhammapada by French (La Voie Du Bouddha) – Le Dong

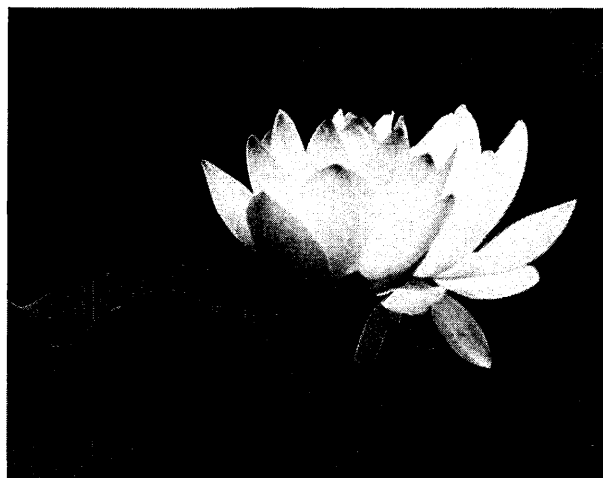
-----00000-----



MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	1
I/ Giáo Án Kinh Pháp Cú - Phẩm thứ năm : Phẩm Người Ngu.....	5
Tích Truyện và Lời Chú Giải	8
II/ Giáo Án Kinh Pháp Cú - Phẩm thứ sáu : Phẩm Hiền Trí	66
Tích Truyện và Lời Chú Giải	69
III/ Giáo Án Kinh Pháp Cú - Phẩm thứ bảy : Phẩm A La Hán.....	101
Tích Truyện và Lời Chú Giải	104
IV/ Giáo Án Kinh Pháp Cú - Phẩm thứ tám : Phẩm Ngàn	131
Tích Truyện và Lời Chú Giải	133
V/ Giáo Án Kinh Pháp Cú - Phẩm thứ chín : Phẩm Ác.....	179
Tích Truyện và Lời Chú Giải	182
Phương Danh Thí Chủ Cúng Dường	219
Kinh sách đã được in ấn và phát hành	227
Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành	227

-----00000-----



I / Giáo Án Kinh Pháp Cú - Phẩm thứ năm : Phẩm Người Ngủ

Phẩm Người Ngủ có mười sáu câu nêu lên tính chất của người ngủ dại. Theo chú giải, danh từ có liên quan đến phẩm hạnh cao thượng, Tuệ Minh Sát, Đạo Quả. Như vậy, không nên hiểu từ ngữ ngủ dại theo định nghĩa thông thường. Ngủ dại là nghịch nghĩa với phẩm hạnh cao thượng, Tuệ Minh Sát, không đi trên Đạo Quả giải thoát, ẩn chứa trong mình ba căn bất thiện là Tham Sân Si, hằng liên hệ với việc làm sai lỗi và gặt hái những kết quả không an lành.

Với người ngủ dại, do Vô Minh che ám, Đức Phật cho biết không thể liễu tri được chân lý cao siêu, do vậy phải chịu khổ thật lâu dài trong vòng sanh tử luân hồi.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ sáu mươi :

Dighà jàgarato ratti	Đêm dài cho kẻ thức
digham santassa yojanam	Đường dài cho kẻ mệt
digho balānam samsāro	Luân hồi dài, kẻ ngu
saddhammam avijānatam	Không biết chân diệu pháp

Đại ý : Đêm dài đối với người không ngủ. Người mệt mỏi thấy đường xa - Đối với kẻ điên cuồng, không hiểu chân lý cao siêu, con đường luân hồi quả thật là xa xôi diệu vợi.

Người ngủ - do Vô Minh che đậy, do ác phước ràng buộc khởi lên quan điểm có thân này, có Danh Sắc ở ngoài. Vô Minh ấy, người ngủ không đoạn tận. Tham ái, người ngủ không tận trừ. Do vậy, người ngủ - khi thân hoại mạng chung, đi đến một thân khác. Do đi đến một thân khác, vị ấy không giải thoát khỏi sanh già đau chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy người ngủ phải chịu khổ trong luân hồi dài.

Người ngủ - do Vô Minh che đậy – không liễu tri đây là Khổ, không liễu tri đây là Khổ Tập, không liễu tri đây là Khổ Diệt, không liễu tri đây là Con Đường đi đến Khổ Diệt; do vậy sanh chấp trước nhiễm đắm với những Pháp thế gian, nên triền miên mãi trong sanh tử luân hồi.

Đức Phật khuyên chúng ta - nếu như muốn giao thiệp hoặc muốn kết bạn, ta phải biết lựa chọn, tránh kết hợp với những người ngủ dại vì gần gũi với những người ngủ dại, chẳng khác nào ta chung chạ với kẻ thù.

Caran ce nādhigaccheyya	Tìm không được bạn đường
-------------------------	--------------------------

sseṃyam sadisam attano,	Hơn mình hay bằng mình
ekacariyam dalham kayirā	Thà quyết sống một mình
natthi bale sahaṃyātā	Không bè bạn kẻ ngu.

Đại ý : Trên bước đường thiên lý xa xôi, nếu người đệ tử không gặp được bạn đồng hành ngang hay hơn mình, thì hãy vững tiến trên con đường đơn độc của mình. Không nên kết hợp với người cuồng dại. (P. C. 61)

Tuy nhiên, vì lòng bi mẫn, vì thương xót họ, ta có thể đến gần người ngu dại để hỗ trợ, nâng đỡ, giúp đỡ cho họ sáng suốt hơn, nhưng không nên để sự ngu dại của họ lây nhiễm lấy ta.

Với người ngu dại - do bản chất si mê khờ dại tiềm ẩn bên trong người, thì cho dù có dịp gặp được bậc thiện trí thức, người ngu cũng không thể nhận chân giá trị của giáo pháp.

Yarajjivam'pi cebālo	Người ngu đàn trội đời
panditam payirupāsati	Thân cận người có trí
naso dhammam vijānāti	Không biết được Chánh Pháp
dabbī sūparasam yathā	Như muống với vị canh.

Đại ý : Người ngu dại, dầu sống chung suốt đời với người trí vẫn không hiểu Giáo Pháp hơn cái muống thưởng thức hương vị của canh (mặc dù nằm trọn vẹn trong nồi canh. (P. C. 64)

Được gần với bậc thiện trí thức, người ngu dại không tầm cầu những lời dạy bảo hữu ích. Bằng như có được nghe lời dạy bảo thì không biết vâng theo lời dạy ấy mà hành theo. Bằng như có vâng lời dạy nhưng chỉ chút ít, lại không chịu suy xét cho rõ ràng tường tận chính chắn, hoặc có suy xét mà không chịu thực hành thì sự thân cận ấy, Đức Phật cho biết rằng cũng là vô ích, cũng như cái muống ngâm mãi trong nồi canh nhưng không được biết mùi vị của canh như thế nào.

Caranti balā dumedhā	Người ngu si thiếu trí
amitten'eva attanā	Tự ngã là kẻ thù
karontā pāpakam kammam	Làm các nghiệp không thiện
yam hoti katukapphalam	Phải chịu quả đắng cay.

Đại ý : Người điên rồ thiếu trí trở đi lộn lại với chính cái tự ngã của mình như kẻ thù, làm những việc ác mà hậu quả sẽ đắng cay. (P. C. 66)

Na tam kammam katam sàdhu
yam katvà anutappati
yassa assumukho rodam
vipàkam patisevati

Nghiệp làm không chánh thiện
Làm rồi phải ăn năn
Mặt nhuốm lệ, khóc than
Lãnh chịu quả dị thực.

Đại ý : Hành động ấy không tốt khi mà, sau khi thực hiện ta ăn năn hối hận và đến lúc gặt quả dữ, ta than khóc, lệ tuôn đầy mặt. (P. C. 67)

Madhu'và mannati bàlo
yàva pàpam na paccati
yadà ca paccati pàpam
atha bàlo dukkham nigacchati

Người ngu nghĩ là ngọt
Ác nghiệp chưa chín muồi
Ác nghiệp chín muồi rồi
Người ngu chịu khổ đau.

Đại ý : Hành động xấu ngọt ngào như mật. Kẻ điên cuồng nghĩ như vậy khi quả dữ chưa trở. Nhưng lúc quả trở, họ sẽ đau khổ. (P. C. 69)

Người ngu đại không biết tầm cầu sự lợi ích trong kiếp hiện tại và vị lai cho chính mình, dầu cho trọn cả đời, gần bậc hiền triết cũng không hưởng được hương vị của các Pháp lành; do đó chỉ biết say đắm trong các hành động bất thiện, tạo các ác nghiệp rồi một ngày khi hội đủ duyên khởi quả dữ trở sanh, người ngu phải gặt lãnh đau khổ, cảm xúc khổ thọ, thời sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực đi đến bất tỉnh; người ngu cảm giác như bị trói buộc, trói buộc bởi đau khổ.

Nhiều khi giữa người hiền trí và người ngu đại có sự sai biệt chỉ bằng gang tấc, tiến tới thành ngu, dừng lại là bậc thiện trí.

Yo bàlo mannati bàlyam
pandito vapi tena so
bàlo ca panditamànì
sa ve bàlo'ti vuccati.

Người ngu nghĩ mình ngu
Nhờ vậy thành có trí
Người ngu tưởng có trí
Thật xứng gọi chí ngu.

Đại ý : Người ngu mà biết mình ngu - vì lẽ ấy - là người trí.
Ngu mà cho rằng mình có trí tuệ thì quá thật là ngu đại. (P. C. 63)

Thông hiểu như thế, Đức Phật khuyên bảo chúng ta nên cố gắng làm cho mình trở thành bậc hiền trí.

Annà hĩ làbhùpanisà
annà nibbànagamini

Khác thay duyên thế lợi
Khác thay đường Níp Bàn

evam etam abhinnàya	Tỳ khuru, đệ tử Phật
bhikkhu Buddhassa sàvako	Hãy như vậy thắng tri.
sakkàram nàbhinandeyya	Chớ ưa thích cung kính
vivekam anubrūhaye	Hãy tu hạnh viễn ly.

Đại ý : Chắc như vậy, con đường dẫn đến lợi lộc của trần gian là một, và dẫn đến Níp Bàn là con đường khác. Thông hiểu như thế, thầy Tỳ Khuru, đệ tử của Đức Phật, không nên thỏa thích trong mùi danh bá lợi của thế gian mà phải trau dồi Tâm dứt bỏ. (P. C. 75)

Không nên thỏa thích những gì hiện thân của ngu muội, trau dồi Tâm dứt bỏ, tu hạnh viễn ly, thắng tri các Pháp, sự hiểu biết ngang qua Thiền Định, tạo thêm sức mạnh cần thiết để con người làm chủ được bản thân, làm chủ được hoàn cảnh, đưa đến một hiểu biết toàn diện, hoàn mãn, có khả năng đâm thủng Vô Minh, đoạn tận Tham Sân Si, thành tựu sự chấm dứt khổ đau, cuối cùng là giải thoát.

-----00000-----

Tích Truyền và Lời Chú Giải

Phẩm Thứ Năm: PHẨM NGƯỜI NGU (BALA VAGGA).

Câu kệ thứ 60: Luân hồi quả thật xa với người không biết Chánh Pháp.

*Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu
Không biết chân Diệu Pháp.
(P.C. 60)*

Long is the night for one who is awake. Long is a yojana for one who is weary. Long is journeying – on for fools who do not know the true doctrine (P. C. 60).

Longue est la nuit pour qui doit veiller. Longue la route pour qui est fatigued. Long le cycle des renaissances, pour le sot qui ne connaît pas la Bonne Loi (P. C. 60).

Dịch nghĩa: Đêm dài đối với người không ngủ. Người mệt mỏi thấy đường xa. Đối với kẻ ngu dại, bất liễu tri Chánh Pháp, con đường luân hồi, quả thật là xa xôi diệu vợi (P. C. 60).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của

Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến một thanh niên nhận lệnh của Vua đi tìm những hoa sen và nỗi lo sợ của Vua Pasenadi.

Tích truyện được nói đến như sau:

Nhân một ngày Quốc Lễ, Vua Pasenadi của xứ Kosala, vận đại triều phục, ngự lên một thớt bạch tượng, đi dạo một vòng kinh thành với đoàn quân hộ giá đầy đủ uy nghi tráng lệ của bậc Đế Vương. Quân chúng đi xem lễ đông nghẹt khắp các nẻo đường, nô đùa cười nói vô cùng náo nhiệt.

Ngay khi đang đi dạo, bất chợt Vua Pasenadi ngược mặt nhìn lên thấy một thiếu phụ trẻ đẹp đứng bên cửa sổ của tòa nhà có bảy tầng, cũng vừa nhìn xuống. Thiếu phụ vội thụt vào và đóng cửa sổ lại. Quốc Vương nhìn theo ngơ ngẩn như đang mong đợi mặt trăng rằm vừa khuất sau một áng mây đen. Lòng Quốc Vương nóng nảy chẳng yên, ngồi trên thớt tượng chẳng vững, đốc thúc cuộc diễn hành dạo thành cho mau kết thúc, vội vã trở về Nội Cung. Sau đó cho người đi điều tra về hoàn cảnh của thiếu phụ và được biết người đàn bà ấy đã có chồng. Vua cho lệnh đòi gặp người chồng vào Hoàng cung, là một thanh niên nghèo khổ có sự suy nghĩ *“Việc này quả có liên quan với vợ của ta rồi !”*.

- Trẫm phong cho khanh làm Thị Vệ Quân.

- Muôn tâu bệ hạ, thần không dám nhận lãnh chức đó. Xin cho thần ở ngoài hành nghề, đóng thuế cho bệ hạ, vì thần chỉ quen với đời sống dân giả.

- Trẫm không cần đến tiền của khanh đóng thuế. Kể từ hôm nay, khanh phải theo hầu trẫm.

Vua ban truyền cho thanh niên này một bộ võ phục, một thanh gươm và một cái khiên. Vì sợ tội chết chém nên đã ra sức siêng năng hầu hạ Quốc Vương, và Vua đã không tìm ra một lỗi lầm nào của thanh niên này. Lòng mong hưởng dục lạc càng tăng trưởng, Vua nghĩ ra một cách, là đi đến một địa điểm cách xa một do tuần, tìm nhiều hoa sen xanh và trắng, lấy đất sét đỏ như mặt trời rạng đông, và phải đem về buổi chiều cùng ngày, cho kịp buổi tắm của Vua, nếu về không đúng giờ thì sẽ bị xử chém, đó là ngụ ý *giết chồng đoạt vợ*.

Sáng sớm ngày hôm sau, người chồng vội vã mang túi vật thực, từ giả vợ nhà, lên đường đi đến địa phận của Long Vương, nơi có nhiều hoa sen xanh và trắng cùng với đất sét đỏ màu rạng đông. Dừng chân bên đường để nghỉ mệt, thanh niên đem vật thực ra dùng một ít, một phần vật thực đem mời một khách bộ hành cùng ăn. Độ xong bữa, còn chừa lại một nắm cơm, đem bỏ xuống nước, rửa mặt súc miệng xong vội khấn lớn tiếng *“Cầu xin Long Vương, Kim Sĩ Điều và Chư Thiên ngự nơi ao sen này được hay biết, là con vâng lệnh của Vua đi tìm những hoa sen xanh và trắng cùng đất sét đỏ màu rạng đông, phải đem về kịp lúc Vua tắm, nếu không sẽ bị chém. Con đã cho vật thực đến người*

được ngàn phần phước, cho cơm đến cá ăn được thêm trăm phần phước. Tất cả phước báu xin chia hết cho Quý Ngài và hãy giúp con sớm được toại ước nguyện”.

Sau khi khẩn to tiếng đến ba lần, Long Vương hiện đến với hình tướng một lão già, trao tặng những vật mà thanh niên này cần thiết. Tạ ơn Long Vương, thanh niên vội vã quay trở về cho kịp giờ tắm của Vua, nhưng cửa thành đã bị đóng sớm hơn mọi khi với lệnh của Vua truyền ra. Thấy cửa đã đóng, xin quan giữ cửa cho vào cũng không được, thanh niên đặt đất sét lên đầu cửa thành, và cắm những hoa sen lên trên đó, liền hô to tiếng *“Hỡi dân chúng trong thành được hay biết, tôi đã thi hành xong lệnh của Vua với những hoa sen và đất sét đỏ đem về trước khi mặt trời lặn. Bây giờ cửa thành đã đóng sớm hơn mọi khi, xin quý Ngài hãy làm chứng cho tôi đã về kịp lúc !”.*

Hô to tiếng cả ba lần, thanh niên suy nghĩ *“Bây giờ ta phải đi đâu ? Hãy vào Kỳ Viên Tự để nghỉ qua đêm với những vị tỳ khưu có Từ Tâm”.*

Cũng ngay trong đêm ấy, Vua Pasenadi trần trọc mãi không ngủ được với Ác Tâm muốn giết chồng đoạt vợ. Vào khoảng nửa đêm, bên tai Vua nghe tiếng khóc than thảm khốc của bốn người đàn ông từ dưới địa ngục dầu sôi rộng sáu mươi do tuần vang dội lên. Bốn người nam này đang bị nấu trong chảo dầu sôi lửa đỏ, nổi lên chìm xuống như những hạt gạo. Từ miệng chảo chìm xuống tận đáy chảo là trái qua ba ngàn năm, và phải trái qua ba ngàn năm nữa mới trôi lên miệng chảo. Bốn người nam này vừa ngóc đầu lên trên miệng chảo được thấy nhau, há miệng định nói chỉ được một tiếng không đủ được một câu kệ, lại bị lộn đầu chìm xuống đáy chảo. Và như thế trọn suốt đêm ấy, bên tai của Vua Pasenadi luôn nghe văng vẳng bốn tiếng **DU SA NA SO** với âm thanh của địa ngục vang lên.

Mặt trời vừa mọc, Vua cho đòi vị Quân Sư vào triều và kể lại ác mộng đêm qua. Vị quân sư Bà La Môn không đủ kiến thức để giải đáp ác mộng của Vua, và chỉ bày nên lập trai đàn cúng tế thần linh với những người và vật cúng lễ. Lệnh được truyền ra, dân chúng kêu ca thảm khốc vì sẽ mất những người thân yêu của mình cho việc trai đàn cúng tế thần linh, làm động đến tai của Hoàng Hậu Mallikà nên đã vội vã vào Nội Triều để tìm ra cho ra lẽ.

- Tâu Đại Vương cho thần thiếp được biết việc chi đã xảy ra làm cho thần sắc của Đại Vương bơ phờ hốc hác như thế ?

Vua Pasenadi kể lại Ác Mộng đêm qua luôn cả lời bàn của vị quân sư Bà La Môn nên thiết lễ đàn tràng cúng tế thần linh để giải trảm triệu bất tường của Ác Mộng.

- Vì sao Đại Vương lại phải nghe lời của quân sư Bà La Môn mù quáng si mê, tự mình muốn sống được an vui lại gây sự tử vong và gieo rắc sự khổ sầu thảm khốc đến bao chúng sanh khác ? Tại Kỳ Viên Tự hiện có Đức Thế Tôn đang trú ngụ, Ngài là bậc Thiên Nhân Sư thông suốt mọi sự việc, Đại Vương nên đến vấn an và thưa thỉnh cùng Đức Phật.

Nghe lời rất hợp lý, Vua Pasenadi cùng Hoàng Hậu Mallikà đi đến Kỳ Viên Tự. Trong lòng còn đang lo sợ về con Ác Mộng, Quốc Vương chỉ đánh lễ Đức Phật, rồi khép nép ngồi xuống một bên. Hoàng Hậu Mallikà thưa trình tất cả mọi chuyện lên đến Đức Phật. Nghe qua, Đức Phật có lời giải thích tường tận:

“Bốn tội nhân đang thọ lãnh khổ trong địa ngục dầu sôi, là bốn công tử giàu có trong thời của Đức Phật Kassapa, chỉ lo ăn chơi hư hỏng và phạm tà hạnh với vợ người cùng những phụ nữ ham tiền. Đến khi chết, sa đọa vào A Tỳ địa ngục suốt thời gian không có Đức Phật. Sau đó, quả ác nghiệp còn dư sót, bốn tội nhân tiếp tục thọ lãnh khổ trong địa ngục chảo dầu sôi mãi cho tới hôm nay. Những chúng sanh này muốn nói lên một câu kệ, nhưng quả trở quá nhanh do đó chỉ vừa thốt lên một tiếng đầu của câu kệ lại bị lộn đầu chìm xuống dưới đáy chảo”.

Kế tiếp theo, Đức Phật giải thích từng mỗi từ ngữ mà Vua Pasenadi đã được nghe với nguyên cả câu kệ.

Với tiếng **DU** đầu tiên có ý nghĩa:

*Xưa ta sống quá nhuốc nhơ,
Chẳng đem Tâm thí bao giờ,
Tuy có thật nhiều tiền của
Không tạo một chỗ nương nhờ.*

Với tiếng **SA** đầu tiên có ý nghĩa:

*Ta ở đây sáu muôn năm,
Tròn đủ, nếu Ta không làm.
Trong địa ngục thọ lãnh khổ
Chừng nào hết bị giam cầm.*

Với tiếng **NA** đầu tiên có ý nghĩa:

*Không hết và cũng không cùng,
Cũng không thấy chỗ cáo chung.
Bởi xưa Ta đã tạo ác,
Tôi đã hội cùng các ông.*

Với tiếng **SO** đầu tiên có ý nghĩa:

*Nếu tôi có được thoát thân,
Trở lại vào hàng thế nhân,
Hiếu biết thọ trì đủ giới,*

Tạo ra Thiện Pháp nhiều lần.

Dứt thời Pháp Thoại, Vua Pasenadi phát sanh kinh cảm với lòng nghĩ thầm “*Nghiệp tà dâm quả thật đáng kinh sợ ! Quả báo trở rất nặng nề, với thời gian rất lâu dài và không biết ngày nào dứt ! Ta đây cũng có Tâm uế trước, nhờ nhuốc, tà vạy nghĩ tưởng đến cướp đoạt vợ người ! Từ đây trở về sau, phải quyết lòng dứt đoạn !*”.

Vua Pasenadi đi đến và quỳ bạch với Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, hôm nay con quả mới biết là đêm rất dài với con.

Thanh niên là cựu thị vệ quân của Vua Pasenadi, cũng đang ngồi nơi Giảng Đường, nghe qua mấy lời tác bạch của Vua, cũng đi đến quỳ và tác bạch với Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, riêng về phần con, ngày hôm qua là con đường quá xa xôi diệu vợi của con.

Đức Phật kết hợp với hai lời phát biểu trên và Ngài tuyên bố:

- Đêm dài với một số người. Dặm đường dài với một số người. Luân hồi dài với những kẻ ngu si.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú trên:

*Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu
Không biết chân Diệu Pháp.
(P.C. 60)*

Khi chấm dứt Pháp Thoại thì thanh niên chứng đắc Quả Thất Lai và hội thánh chúng cũng hưởng được lợi lạc. Vua Pasenadi đánh lễ Đức Phật cáo từ ra về, ngự nơi trụ cột chúng sanh làm Vật Tế, truyền thả tất cả người lẫn vật được tự do.

Tất cả mọi người đều ca tụng công ơn của Hoàng Hậu Mallikà với lời chí tình “*Chúng ta còn được sống đến ngày nay là nhờ Ân đức của Hoàng Hậu Mallikà*”.

Vào lúc xế chiều, Chư Tỳ Khuru câu hội tại giảng đường, đề khởi Pháp Luận của buổi sáng “*Hiện trí thay, Hoàng Hậu Mallikà. Nhờ vào trí tuệ đã cứu tử biết bao chúng sanh*”.

Đức Phật từ hương thất đi đến giảng đường và được biết về Pháp luận của chư Tỳ Khuru, Ngài đã xác định với lời huân từ đến Chư Tăng:

- Nay Chư Tỳ Khuru, chẳng phải chỉ trong kiếp này, Mallikà dùng trí tuệ của mình để cứu tử nhiều chúng sanh. Trong kiếp quá khứ, Mallikà cũng đã từng làm như thế, và đã cứu mạng nhiều chúng sanh.

Dứt lời, Đức Phật dẫn chứng tích truyện quá khứ như sau:

“Thuở xa xưa, có một hoàng tử thuộc xứ Bārāṇasī, đi đến gốc một cổ thụ, khấn vái Mộc Thần với lời nguyện “Cầu xin Thiên Vương chứng tri, trong cõi Nam Diêm Phù Đề này có tất cả một trăm lẻ một quốc vương và một trăm lẻ một hoàng hậu. Nếu khi Phụ Hoàng của tôi băng hà mà tôi được lên kế vị ngai vàng, tôi sẽ lấy huyết cổ của họ mà tế cúng Thiên Vương”.

Một thời gian sau, Vua Cha qua đời, Thái Tử được tôn Vương, nghĩ tới lời khấn nguyện, đã cử binh mã đi đánh các nước lân bang và lần lượt đều bắt được tất cả các quốc vương và hoàng hậu của các tiểu quốc. Tất cả đều bị dẫn đến cổ thụ, chỉ trừ có một Hoàng Hậu tên là Dhammadinnā được miễn tội hình vì đang hoài thai.

Vị Mộc Thần lo ngại với cuộc hành quyết này sẽ làm hoen ố nơi gốc cổ thụ và dòng dõi Vương Tộc trên thế gian đều bị tiêu diệt. Sau khi quán sát xong, biết không đủ khả năng để can gián, Vị Mộc Thần đi cầu cứu các bậc Chư Thiên cao hơn. Trước tiên là các Ngài Tứ Đại Thiên Vương, sau đến Vua Trời Đế Thích. Thiên Chủ Sakka đã vấn kế với vị Mộc Thần là phải đòi cho được Hoàng Hậu Dhammadinnā cùng ra nơi hành quyết, mới trọn đủ lời khấn nguyện là không bỏ sót một người nào.

Khi Hoàng Hậu Dhammadinnā đến nơi, đi đánh lễ Chồng là vị Vua ngồi phía sau cùng các Vua chư hầu. Đức Vua nổi giận, lớn tiếng bắt lỗi vì sao không đánh lễ Đại Vương. Hoàng Hậu Dhammadinnā từ tốn trả lời:

- Hạ thần có trực thuộc chi nơi Đại Vương ? Vị Vua này là phu quân của hạ thần, đã ban cho danh quyền và tước lộc, như thế hạ thần phải biết tôn kính đánh lễ.
- Thế tại sao ngươi không đánh lễ vị Mộc Thần là vị có đại oai lực đã ban cho ta có được Vương quyền ?
- Đại Vương có được Vương Quyền ngày nay là do công lao phước đức của Ngài. Chẳng phải vì ân đức của Mộc Thần. Nếu quả thật, Mộc Thần có oai thần lực thì tại sao tàng cây phía bên trái đã bị cháy, sao (P. C. không tự dập tắt lửa đó đi ?

Cả ba lần trả lời của Hoàng Hậu Dhammadinnā đều làm cho Mộc Thần hoan hỷ và hết lời tán thán ca ngợi. Vừa dứt lời, Hoàng hậu Dhammadinnā cất lên tiếng khóc và sau lại cười. Quốc Vương lấy làm lạ mới vấn hỏi.

- Vì trong quá khứ, hạ thần đã giết một con dê cái để lấy thịt mà đãi khách. Sau đó, vì tội chặt đầu con dê mà hạ thần phải bị đọa vào địa ngục, và khi quả còn dư sót, hạ thần đã bị chặt đầu nhiều lần bằng số lông của dê mà đền tội của Ác Sát Nghiệp. Còn Đại Vương sát hại biết bao nhiêu mạng người thì không biết đời nào mới thoát khỏi quả của Ác Nghiệp này. Nghĩ tưởng đến đó mà hạ thần phát khóc cho Đại Vương.

Hạ thần chặt cổ một dê cái,
Bằng số lông phải thọ hình.

*Chặt cổ quá nhiều chúng sanh,
Làm sao thoát khổ tội tình, Đại Vương ?*

Còn hạ thần cười vì biết rằng đây là kiếp cuối đền tội và hạ thần sẽ được thoát khổ.

Quốc Vương nghe qua thở dài và phát tâm kinh hãi, liền đích thân đi mở trời tất cả các Vua, đi đánh lễ các Vua cao niên, chấp tay xá các Vua trẻ tuổi và cầu xin tất cả hãy tha thứ lỗi lầm của mình. Sau đó, tiễn đưa tất cả các vị đó trở về nguyên quán.

Đức Phật nhận diện các nhân vật trong tích truyện, với quốc vương xưa kia là Vua Pasenadi ngày nay, Hoàng Hậu Dhammadinnà chính là Mallikà và vị Mộc Thân là Như Lai khi hãy còn là bồ tát.

Đức Phật mới khuyên bảo tất cả Chư Tăng:

- Nay chư Tỳ Khuru, Nghiệp sát quả chẳng nên tạo tác. Vì những kẻ sát nhân hằng luôn khóc than chịu thống khổ trong thọ lãnh quả báo.

*Chúng sanh nên biết rành như thế,
Sanh mạng này chẳng dễ được đâu !
Chẳng nên sát hại lẫn nhau,
Vì kẻ hiếu sát hằng đau khổ hoài!*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến một thanh niên nhận lệnh của Vua đi tìm những hoa sen và nỗi lo sợ của Vua Pasenadi, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

“Anamataggoyam bhikkhave samsàro pubbà kotim na pannayatiti – Nay chư Tỳ Khuru, tiền tiền vô thủy, hậu hậu vô chung !”.

Đức Phật là bậc Đạo Sư đã khai thuyết nhiều Pháp Thoại với lời nhấn mạnh rằng *“Chúng sanh có thể tự giải thoát mà không cần thiết phải có một đấng Cứu Thế!”*. Mỗi chúng sanh là tạo hóa của mình, ngoài hành động của chính chúng ta, không thấy có một đấng tạo hóa nào khác trong thế gian. Bằng hành động của ta tạo ra tâm tánh, cá tính, và tư cách cá nhân. Do đó, Đức Phật đã dạy *“Chúng ta là thừa kế của chính hành động của ta, là người mang theo với mình về hành động của mình, hành động của chúng ta là thai bào từ đó chúng ta được sanh ra đời”* (Trung Bộ Kinh).

Qua lời dạy, xuyên qua Vô Minh và Ái Dục, chúng ta cứ mãi lạc bước, thên thang trong đêm tối dài dằng của vòng luân hồi mà không tự dạy dỗ, thì làm sao có sự khác biệt lớn lao và những điểm dị đồng như thế giữa những chúng sanh mà ngày nay chúng ta được nhận thấy trong thế gian.

Trong một kiếp sống Vô Thường không ngừng biến chuyển, phần chánh yếu được hình thành bởi định luật Nhân Quả trong sắc thái tiềm ẩn của tiến trình Tâm, ta hiểu chắc chắn rằng cái khuôn đúc tạo ra đời sống chính là Vô Minh, và vô số hình thức biến đổi Vô

Thường là biểu hiện của nhiều loại Ái Dục đủ màu sắc, thúc giục và lôi cuốn tất cả, từ kiếp này sang kiếp khác, khởi sanh rồi hoại diệt, như bong bóng nước trong đại dương mênh mông của vòng luân hồi tử sanh.

Từ đó, nhận thức được ý nghĩa của định luật Nhân Quả xuyên qua những hiện tượng trở thành – trở lại, chúng ta đang gặt hái những gì chính mình đã gieo trong quá khứ, đôi khi chúng ta đang mưu hoạch những gì đã gieo trong kiếp sống hiện tiền. Và cũng dường như thế, những hành động hiện tại sẽ đúc khuôn cho kiếp sống vị lai, như thế, chúng ta bắt đầu hiểu biết vị trí của mình ở trong thế gian Hiệp Thế này.

*“Hãy tự tìm hiểu các con,
Hãy huân tập thuần thực cái Tâm của các con”.
(Trường Bộ Kinh).*

*Đêm dài vì giấc chẳng an,
Đậm dài chìm nổi, càng xa thân tàn.
Đường đời vạn nẻo ngút ngàn,
Bất tri Chánh Pháp, khổ qua luân hồi.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 61: Không nên thân cận người thiếu trí ngu dại.

*Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu.
(P.C. 61)*

If when wandering one does not meet one's better or one's equal, one should certainly make a solitary journey. There is no companionship with fools (P. C. 61).

Si l'on ne trouve pas de compagnons de route, qui ne soient au moins ses égaux. Mieux vaut marcher en solitaire: il n'y a point de société avec les sots (P. C. 61).

Dịch nghĩa: Trên bước thiên lý xa xôi, nếu không gặp được bạn đồng hành hơn hay bằng mình, thì hãy vững bước tiến trên con đường đơn độc của mình. Không nên kết hợp với người ngu dại (P. C. 61).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của

Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến một đệ tử lười biếng và ngỗ nghịch của Đại Đức MahàKassapa.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, Đại Đức MahàKassapa trú ngụ tại hang động Pippaliguhà, phụ cận thành Rājagaha (Vương Xá), có hai đệ tử theo hầu cận bên Ngài. Trong hai đệ tử, một vị luôn lễ độ và siêng năng làm tròn bổn phận, còn vị kia thì rất gian dối và thường luôn cướp công lao của bạn như chính mình đã làm. Thấy vậy, vị đệ tử siêng năng nghĩ suy *“Người này luôn cướp công lao của mình, làm cho Thầy nghĩ lầm là của ông ta làm. Vậy ta phải làm cho vị này bỏ tật ấy mới được !”*.

Vào buổi chiều, vị đệ tử lười biếng ngủ vừa thức dậy, thấy hơi nước nóng xông ra từ phòng tắm, vội liền nghĩ *“Đã có nước sôi sẵn để trong nhà tắm rồi”*. Tuy nhiên, vị này không hay biết rằng, vị đệ tử siêng năng đã nấu xong nước nóng, nhưng chỉ để trong nồi một gáo nước sôi, phần còn lại thì đem giấu phía sau phòng tắm, đủ để có hơi nước bay ra mà thôi.

Vị lười biếng đi thỉnh Thầy Tế Độ đi tắm. Khi vừa tới nơi, thấy trong nồi chỉ có một gáo nước sôi, Đại Đức MahàKassapa vẫn hỏi:

- Này con, nước sôi đâu ?

Biết bị đánh lừa, vị đệ tử lười biếng vội xách bình đi tới giếng múc nước, vừa đi vừa cần nhẩn trong miệng *“Thật quá quắc như thế, quả là người đã gạt ta nghĩ rằng đã có sẵn nước sôi rồi!”*. Ngay khi ấy, vị đệ tử siêng năng đem nước đã được đun nấu để vào phòng tắm và thỉnh Thầy Tế Độ đi tắm. Đại Đức MahàKassapa thấy rõ mọi sự việc liền khởi tâm suy nghĩ *“Vì sao vị đệ tử kia lại vừa đi vừa cần nhẩn như thế ! Vì sao bảo với Ta là nước đã nấu xong và thỉnh Ta đi tắm, bây giờ sao lại xách bình đi múc nước và đun nấu, thế là nghĩa làm sao ?”*.

Đợi vị ấy trở lại, Đại Đức MahàKassapa bảo vị ấy ngồi xuống đàng hoàng và ôn tồn với lời dạy bảo:

- Này con, đã là một vị xuất gia với đầy đủ Phạm Hạnh, thì việc nào có làm thì mới nhận là việc mình có làm, việc không có làm thì phải nhận là không có làm. Người xuất gia phải có hành động và lời nói chân chánh. Con không nên làm những điều sai trái và lại còn ưu não sân hận, vừa đi vừa cần nhẩn như thế quả thật không đúng Phạm Hạnh của người xuất gia !

Vị đệ tử lười biếng nghĩ thầm *“Ai lại mà coi ! Ngài Đại Đức này mà còn làm như vậy nữa. Chỉ vì vấn đề nước tắm mà Ngài đã rầy la ta thậm tệ như vậy sao!”*.

Vì bất duyệt ý với Thầy Tế Độ, nên sáng hôm sau, vị đệ tử này không đi khát thực cùng với Ngài MahàKassapa và vị đệ tử siêng năng. Vị đệ tử ngỗ nghịch lại đi khát thực

tới nhà một Phật Tử thuần tín với Đại Đức MahàKassapa. Chủ nhà liền vấn hỏi:

- Bạch Đại Đức, chẳng hay Ngài Đại Trưởng Lão đâu rồi ?
- Thừa thí chủ, hôm nay trong người của Ngài không được khỏe, nên còn ở trong tịnh thất.
- Như vậy, chúng con phải nên làm điều chi cho Ngài Đại Trưởng Lão ?
- Quý vị thí chủ nên cúng dường cho Ngài những vật thực thượng vị thích hợp cho sức khỏe của Ngài.

Chủ nhà lo đủ tất cả những vật thực thượng vị và căn dặn với vị đệ tử này là đem về cúng dường đến Đại Đức MahàKassapa, nhưng trên đường trở về nơi trú ngụ của Thầy Tế Độ, vị đệ tử này đã ngồi xuống bên một lều đường và dùng tất cả những vật thực để trong bát, trước khi về đến nơi tịnh thất của Đại Đức MahàKassapa.

Ở một địa phương mà Ngài Đại Trưởng Lão cùng với vị đệ tử đi bát, có một thí chủ cúng dường cho Đại Đức một lá y lớn được làm bằng vải nhuễn rất tốt. Đại Đức MahàKassapa cho lại vị đệ tử đang cùng đi bát với Ngài.

Qua ngày hôm sau, Đại Đức đi đến nhà Phật Tử thuần tín hộ độ cho Ngài. Chủ nhà liền vấn an:

- Kính bạch Ngài, ngày hôm qua chúng con được nghe vị đệ tử trẻ của Ngài bảo rằng Ngài không được khỏe và theo lời chỉ dẫn của vị đệ tử này, chúng con đã tạo ra những vật thực thích hợp để dâng cúng đến cho Ngài, ngõ hầu Ngài mau phục hồi lại sức khỏe. Chẳng hay Ngài đã dùng và hôm nay sức khỏe của Ngài cảm thấy như thế nào ?

Đại Đức vừa nghe qua, ngồi lặng thinh và quay qua vấn đề khác để thăm hỏi và ban huấn từ đến gia đình Phật Tử này. Khi về lại nơi tịnh thất, đợi khi vị đệ tử lười biếng này đến đánh lễ xong, Đại Đức MahàKassapa ôn tồn dạy bảo:

- Nay con, Thầy vừa được biết việc làm sai trật của con đã làm vào ngày hôm qua. Con nên biết rằng người xuất gia không nên dùng những vật thực mà mình quán xét thấy không hợp lẽ đạo như vậy.

Với lời dạy bảo lần này, vị đệ tử phát tâm sân hận giận dữ và cột oan trái với Thầy Tế Độ “*Bữa hôm trước về vụ nước tắm, Ngài đã la cho ta là kẻ láo xược. Ngày hôm nay, vì thực phẩm mà Thiện Tín hộ độ của Ngài đã dâng đến ta và ta đã dùng hết, thì Ngài lại bảo rằng phải biết quán xét đúng sai trước khi thọ dụng. Có được y vải mới tốt đẹp thì lại đem cho người đệ tử kia và chẳng màng nghĩ đến ta. Ôi thôi ! Nghiệp của Ngài quả là nặng lắm thay ! Đã đối xử khắc nghiệt với ta thì ta cũng biết cách đối xử lại vậy thôi !*”.

Vào ngày hôm sau, trong lúc Đại Đức đi vào làng, chỉ còn vị đệ tử lười biếng này ở lại tịnh thất, và với tâm sân hận oán thù với Thầy Tế Độ, vị này đã lấy cây đập bẻ hết các vật dụng của Ngài Đại Trưởng Lão, sau đó dùng lửa đốt cháy luôn cả tịnh thất của Đại Đức MahàKassapa, và bỏ đi khuất dạng.

Câu chuyện này được đến tai của Chư Tỳ Khưu cư ngụ trong thành Rājagaha, đã đem thuật lại tất cả đến Đức Phật khi Ngài đang trú ngụ tại Kỳ Viên Tự.

Sau khi nghe qua mọi việc, Đức Phật ban bố huấn từ đến chư Tỳ Khưu:

- Chẳng phải chỉ trong kiếp này, vị đệ tử đó oán thù với Thầy Tể Độ khi được nghe những lời giáo hóa. Trong kiếp quá khứ, vị này cũng đã sanh tâm oán đối như thế với người giáo hóa mình. Chẳng phải chỉ trong kiếp này, vị đệ tử đó mới phá hủy tịnh thất của người giáo hóa mà trong kiếp quá khứ, người này cũng đã từng làm những hành động tương tự như vậy.

Vừa dứt lời, Đức Phật đã kể lại tiền tích của vị đệ tử ngỗ nghịch này.

Thuở xưa, dưới triều đại của Vua Brahmadatta, trú ngụ tại kinh thành Bārāṇasī. Khi ấy có một con sáo đang trú ẩn trong một hang ổ tại nơi Tuyết Lãnh. Một hôm, trong lúc mưa giông gió bão, có một con khỉ rét run lập cập và mon men đi vào miền núi này. Sáo thấy khỉ liền hét lên bài kệ:

*Anh có đầu giống người,
Đủ tay chân, khỉ ơi!
Sao không làm nhà ở,
Để lang thang ngoài trời !*

Khỉ được nghe như thế, khỉ vội ngồi suy nghĩ “Cho dù ta có đủ cả tay chân nhưng ta lại thiếu trí tuệ sáng suốt để kiến tạo ra nhà cửa”. Muốn bày tỏ cho sáo được biết nỗi lòng của mình, khỉ liền hú lên một bài kệ:

*Ta có đầu giống người,
Đủ tay chân sáo ơi!
Nhưng ta thiếu trí tuệ,
Phải thua kém người đời!*

Với lời qua tiếng lại, dần dần câu chuyện trở nên gây cản, mất đi sự hòa khí và sáo thốt lên bài kệ chê trách khỉ rằng:

*Người có tâm bất an,
Nóng nảy gây trái oan,
Thường bồn chồn liếng khỉ,
Không vui vẻ hân hoan.
Tự nâng cao giá trị,
Thời giờ đừng lãng phí,
Anh nên cắt cái chòi,*

Gió rét có nơi nghỉ.

Khi nghe vậy, khi liền khởi tâm sân hận “Sáo này dám chê trách ta là kẻ có tâm bất an, có tâm nóng nảy, ưa gây oan trái và thường hay bồn chồn. Vậy ta hãy cho sáo biết sự ưa gây oan trái của ta như thế nào!”.

Khi liền đi tới phá tan hang ổ của sáo. Sáo thấy động ổ, vội thoát ra ngoài và vội bay mất.

Sau khi thuyết xong tích truyện này, Đức Phật đã dẫn giải nhân vật, với khi xưa kia nay là thầy Tỳ Khuru phá hoại tịnh thất của Thầy Tế Độ, và sáo xưa kia nay là Đại Đức MahàKassapa. Và kết luận câu chuyện, Đức Phật có lời dạy bảo:

- Và như thế, này chư Tỳ Khuru, không phải bây giờ người giáo huấn bị phá hoại chỗ trú ngụ. Và với bậc hiền triết không nên thân cận với kẻ ngu, tốt hơn là chỉ nên sống một mình.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú trên:

*Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu.
(P.C. 61)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến một đệ tử lười biếng và ngỗ nghịch của Đại Đức MahàKassapa, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Trên bước thiên lý xa xôi, nếu người Phật Tử không gặp được bạn đồng hành cùng ngang với mình hay hơn mình, thì hãy vững tiến bước trên con đường đơn độc của mình, và quyết không kết hợp với người cuồng si.

Theo chú giải, từ ngữ “*Bàla – Ngu Si*” có liên quan đến phẩm hạnh cao thượng, Tuệ Minh Sát và Đạo Quả. Như vậy, không nên hiểu sự ngu dại theo định nghĩa thông thường. Ngu dại là nghịch nghĩa với phẩm hạnh cao thượng, với Tuệ Minh sát, không đi trên con đường Đạo Quả giải thoát, ẩn chứa trong mình với ba căn Bất Thiện là Tham, Sân và Si, hằng liên hệ với việc làm sai lỗi và gặt hái những kết quả không an lành.

Với người ngu dại, do Vô Minh che đậy, Đức Phật cho biết họ không thể biết được chân lý cao siêu, và do vậy, họ phải chịu khổ thật lâu dài trong vòng sanh tử luân hồi.

Với người ngu dại, do Vô Minh che đậy, do Ác Phước ràng buộc, đã khởi lên quan điểm có Thân này với sự hiện hữu của Danh và Sắc. Vô Minh ấy, người ngu không đoạn tận. Tham Ái ấy, người ngu không diệt trừ. Do vậy, người ngu khi thân hoại mạng chung, đi đến một thân khác. Do đi đến một thân khác, người ngu không giải thoát khỏi sanh già

đau chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy, người ngu phải chịu khổ trong luân hồi dài lâu.

Với người ngu đại, do Vô Minh che đậy, bất liễu tri đây là Khổ, bất liễu tri đây là Khổ Tập, bất liễu tri đây là Khổ Diệt, bất liễu tri đây là Khổ Diệt Đạo. Do vậy, người ngu sanh tâm chấp trước, nhiễm đắm với những Pháp Thế Gian, và như thế triền miên mãi trong sanh tử luân hồi.

Đức Phật hằng khuyên nhủ hàng Phật Tử, nếu như muốn giao thiệp hoặc muốn kết bạn, người Phật Tử phải biết lựa chọn, tránh kết hợp với người ngu đại, vì một khi gần gũi với người ngu đại, chẳng khác nào đang chung chạ với kẻ thù.

*Bạn vàng không được kết giao,
Cao nhân không được hội vào thủy chung.
Một mình ta sống ung dung,
Tội chi kết bạn lại cùng kẻ ngu.*

Tuy nhiên, vì lòng bi mẫn, vì lòng thương tưởng người ngu đại, người Phật Tử có thể đến gần người ngu đại để hỗ trợ, nâng đỡ, giúp đỡ, cho họ được sáng suốt hơn, nhưng không nên để sự ngu đại của họ lây nhiễm lấy mình.

-----00000-----

Câu kệ thứ 62: Quán sát thấy được chính tự bản thân này cũng không phải là Ta.

*Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não.
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu?
(P.C. 62)*

[Thinking] “I have sons, I have wealth”, the fool is tormented. He has indeed no self of his own, how much less sons ? How much less wealth ? (P. C. 62).

“Mes fils sont miens, ma fortune est mienne”. Voilà ce qui tourmente le sot. Mais si lui – meme ne s’appartient pas vraiment, que dire de ses fils, de sa fortune ? (P. C. 62).

Dịch nghĩa: “Ta có con cái, ta có tài sản”. Đó là nỗi lo âu của người ngu đại. Quả thật, chính họ không phải là của họ. Vậy con cái nào là của họ ? Tài sản nào là của họ ? (P. C. 62).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của

Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Trưởng Giả Ànanda rất keo kiệt.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, trong thành Sàvatthi có một Trưởng Giả tên là Ànanda rất giàu có với tài sản lên đến tám trăm triệu đồng tiền vàng, nhưng lại có tiếng trong dân gian là keo kiệt. Cứ mỗi nửa tháng, Trưởng giả Ànanda nhóm họp thân quyến một lần, và trước mặt mọi người trong gia tộc, trưởng Giả gọi người con trai tên là Mùlasiri với lời nhắc nhở:

- Con phải nên nhớ rằng với tài sản tám trăm triệu đồng tiền vàng này chẳng phải là to lớn đâu. Con chẳng nên bố thí cho một ai, hãy cố gắng làm cho tiền bạc phát sanh thêm lên mãi, và cho dù chỉ một đồng cũng chẳng nên tiêu phí mà hao hụt tài sản của gia đình mình.

Trưởng Giả Ànanda thường luôn nhắc nhở đến ba lần. Sau đó, ông thốt lên một bài kệ để dạy con:

*Thấy những giọt thuốc hư,
Hãy góp chứa vào hũ,
Com với chút mật dư,
Hiện sĩ ngồi nhà độ.*

Trưởng Giả Ànanda có năm hầm tài sản được chôn dấu trong nhà, và thời gian sau, chưa kịp chỉ cho người con trai được biết chỗ chôn dấu thì trưởng giả đã mất phần qua đời. Tâm thức của Trưởng Giả Ànanda đi tục sanh vào thai bào của một phụ nữ Chiên Đà La (một giai cấp hạ liệt của thời Ấn Độ cổ xưa) đang cư ngụ trong một làng nhỏ, ngoài cổng thành Sàvatthi. Quốc Vương hay tin Trưởng Giả Ànanda đã qua đời, liền cho gọi Công Tử Mùlasiri vào hoàng cung và phong chức Trưởng Giả.

Một ngàn gia đình Chiên Đà La vẫn cùng nhau làm thuê mướn lẫn quanh thành phố để sống qua ngày. Tuy nhiên từ lúc Trưởng Giả Ànanda tái tục vào giòng họ thì cả giòng họ không còn tìm được việc làm như trước nữa, dù chỉ là một việc làm được trả công bằng một bữa com. Các vị bô lão trong làng, bàn luận với nhau “*Chúng ta ngày nay đi xin việc làm để kiếm sống cũng không có, chắc là trong bộ lạc này có những kẻ bất hạnh đang ở chung với chúng ta*”. Họ bèn chia ra làm hai nhóm, lựa chọn lần để loại ra người xấu số. Sau khi phân tách, chia ra từng nhóm, họ nhận thấy chính người đàn bà mang thai kia là nguyên nhân, nên quyết định đuổi bà ta ra khỏi làng.

Phụ nữ này còn đang mang thai ngày nào là còn vất vả ngày ấy, đi xin việc làm sống lây lất cho đến lúc hạ sanh ra một đứa con trai. Đứa bé này có diện mạo rất xấu xa, góm ghềnh, trông thấy rất ghê tởm. Với hình dáng cổ quái như hàng ngạ quỷ, trông nó xấu

không thể tưởng tượng được. Tuy nhiên, mẹ nó cũng không bỏ rơi nó. Tình thương của người mẹ đối với đứa con do mình đã sanh ra, quả thật là đậm đà mãnh liệt. Người đàn bà nuôi đứa con này cũng gặp rất nhiều khó khăn. Mỗi khi ẵm con đi xin thì chẳng một ai dám nhìn mà cho ra vật thí. Ngày nào bà đem nó theo là ngày ấy bà chẳng được một chút nào cả. Còn bỏ con ở lại nhà một mình thì ngày ấy bà tìm được việc làm có lương bổng.

Đến khi đứa bé được trọng tuổi, có thể ôm bát tự đi xin ăn lấy, để tự nuôi mạng sống được thì bà trao cho đứa con một cái bát và dạy bảo:

- Con à, mẹ đã vì con mà đau khổ rất nhiều rồi và đến hôm nay thì mẹ không còn nuôi con được nữa. Trong thành này, người ta có thí cơm cho những người bần cùng hành khất. Vậy con hãy vào đó và đi xin ăn để nuôi mạng.

Nói vừa dứt lời, bà mẹ thả con đi một mình.

Lần theo từng nhà đi xin ăn, đứa bé đi đến xóm, nơi đó là chỗ trú ngụ của tiền kiếp là Trưởng Giả Ānanda. Đến đây, thấy lại được cảnh củ, nhớ lại được chuyện xưa tích củ, đứa bé đi thẳng vào nhà như là nhà của nó. Qua ba từng cửa cổng, không một ai lưu ý đến đứa bé này, và khi đến cổng thứ tư thì đứa con trai nhỏ của Trưởng Giả Mùlasiri vừa trông thấy nó, đã hoảng sợ khóc thét lớn lên.

Ngay khi ấy, các gia đình của Trưởng Giả chạy ra và đuổi đứa bé nghèo khổ:

- Đi ra ngay, đồ hắc ám kinh tởm.

Vừa đuổi xua, vừa đánh đập, và ôm đứa bé ăn xin ném vào đồng rác lớn.

Lúc bấy giờ, Đức Phật cùng với thị giả Ānanda đang trì bình khất thực và cũng vừa đến nơi đó. Đức Phật nhìn thấy cảnh tượng ấy, đưa mắt nhìn Đại Đức Ānanda và thị giả liền vấn hỏi duyên sự cái nhìn của Đức Phật.

Sau khi biết rõ nguồn cơn tiền kiếp của đứa bé khổ đau này, Đại Đức Ānanda đi đến báo với gia đình đi mời Trưởng Giả Mùlasiri đến gặp Đức Phật. Đại chúng thấy điềm lạ cũng đến tụ tập rất đông đảo. Khi Trưởng Giả Mùlasiri vừa đến thì Đức Phật thốt lời vấn hỏi:

- Nay Mùlasiri, người có biết đứa bé nghèo khổ này chẳng ?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con không được biết về đứa bé này.

- Nó là Trưởng Giả Ānanda, chính là cha của người trong tiền kiếp đó vậy !

Nhận thấy Trưởng Giả Mùlasiri chưa tin lời, Đức Phật liền bảo với đứa bé ăn mày:

- Nay Trưởng Giả Ānanda, ông hãy đi chỉ chỗ năm hầm đại tài sản đã chôn giấu cho con trai của ông đi.

Tức thời, đứa bé chạy ngay vào nhà và chỉ chỗ chôn năm hầm tài sản cho Trưởng Giả Mùlasiri. Ngay lúc đó, Trưởng Giả Mùlasiri phát tâm tín thành và quy ngưỡng trọn đời với Đức Thế Tôn. Nhân cơ hội ấy, Đức Phật đã thuyết một Pháp Thoại đến Trưởng Giả Mùlasiri cùng với đại chúng. Thời Pháp Thoại vừa dứt, đại chúng dự thính đồng đều

hường phước báu thù thắng.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú trên:

*Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não.
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu?
(P.C. 62)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Trưởng Giả Ānanda rất keo kiệt, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

“Ta có được con cái. Sự nghiệp và tài sản này là của ta” quả thật đó là mối lo âu của hạng người ngu dại.

“Chúng sanh là thừa kế Nghiệp Báo của chính mình, là phải thọ lãnh những hành động của mình và hành động là thai bào từ trong đó chúng sanh được sanh ra”.

Chúng sanh gặt hái những gì mà mình đã gieo trong quá khứ, và hậu quả phải đón nhận, quả thật vậy, chúng sanh đang gieo trồng nhân trong chính kiếp sống này. Cũng cùng một cách ấy, hành động của chúng sanh ngay trong kiếp hiện tại này, đang hình thành trong ngày vị lai, và như thế, chúng sanh bắt đầu hiểu biết vị trí của mình ở trong vũ trụ bí ẩn này.

Nếu trong đêm dài của vòng luân hồi, thênh thang lê bước xuyên qua màn đêm của Vô Minh, Ái Dục và Thủ, chúng sanh không tự mình uốn nắn để thành như thế nào trong ngày nay, thì làm sao thấy được bao nhiêu khác biệt giữa chúng sanh và giữa những hoàn cảnh trong thế gian.

Năng lực không bao giờ mất và không có lý do nào để nghĩ rằng năng lực đã biểu hiện dưới hình thức Tâm và Thân trong mỗi con người có thể biến mất. Nó luôn luôn biến chuyển. Trong hiện tại, nó đang biến đổi từng khoảnh khắc của đời sống. Nó cũng không biến mất lúc ta mãn phần qua đời. Luồng sinh lực của Tâm chỉ lặp lại và chính sự lặp đi lặp lại của luồng sinh lực này trong những điều kiện mới, được gọi là tái sanh.

Với người ngu dại, không biết tầm cầu sự lợi ích trong kiếp hiện tại và vị lai cho chính mình, dầu trọn cả cuộc đời, thân cận bậc Hiền Triết cũng không hưởng được hương vị của các Thiện Pháp. Do đó, chỉ biết say đắm trong các hành động Bất Thiện, tạo các Ác Nghiệp rồi một ngày khi hội túc duyên, quả dữ trở sanh, người ngu dại phải gặt lãnh khổ đau, cảm xúc khổ thọ, khởi sanh sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực đi đến bất tỉnh. Người ngu dại có cảm giác như bị trói buộc, trói buộc bởi đau khổ.

Con tôi, tài sản của tôi !

*Đó là ưu não cho người cuồng si.
Trong ta, ta có được gì!
Tài sản, con cái – khác chi mộng trường.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 63: Biết nhận thức sự ngu dại của mình sẽ trở thành người có trí.

*Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu.
(P.C. 63)*

Whatever fool realizes his folly, he is on that account a learned man indeed. But a fool thinking he is learned, he indeed is called “fool” (P. C. 63).

Le sot conscient de sa sottise, pour cette raison même est un sage. Le sot qui se prend pour un sage, mérite d’être appelé un sot, assurément (P. C. 63).

Dịch nghĩa: Người ngu mà biết được mình ngu – vì lẽ ấy – thành người trí. Nhưng, người ngu dại lại nghĩ rằng mình có trí, thì quả thật là, người ngu dại (P. C. 63).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến một người chuyên hành nghề móc túi.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, trong thành Sàvatthi có hai người bạn cùng rủ nhau theo đại chúng đến Kỳ Viên Tự để được Thính Pháp. Ngay lúc đó, một người bạn và đại chúng đồng cùng chăm chỉ Thính Pháp, người bạn còn lại chỉ để tâm xem coi những vật không có người lưu ý gìn giữ thì tìm cách lấy trộm ngay.

Người bạn sau khi Thính Pháp thì chứng đắc Quả Dự Lưu Thất Lai. Còn người kia thì thu nhặt được một số tiền của những người vô ý không lưu tâm cẩn phòng.

Người hành nghề móc túi thì ngày nào cũng có tiền và ăn uống luôn được sung sướng thỏa thích. Còn người bạn kia thì đời sống luôn gặp khó khăn bản chặt. Nhìn thấy vậy, kẻ trộm đạo mới vấn hỏi:

- Hai vợ chồng bạn là những người thông minh trí tuệ, vì sao không làm cho ra có tiền

để ăn tiêu sung sướng, để làm chi phải thiếu trước hụt sau vậy, này bạn hữu.

Vị Thánh Thỉnh Văn đệ tử của Đức Phật nghĩ thầm “*Bạn này quả thật là người ngu si mà lại tự cho mình là người hiền trí*”.

Dứt dòng suy nghĩ, người bạn này rũ tất cả quyền thuộc cùng đi đến Kỳ Viên Tự và thuật lại mọi việc đến Đức Phật. Ngài mở lời khai thuyết Pháp Thoại cho tất cả đại chúng cùng được thính Pháp.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú trên:

*Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chỉ ngu.
(P.C. 63)*

Pháp Cú này bao hàm ý nghĩa về nhận xét và đánh giá của hai hạng người. Với hạng người tự nhận xét và ý thức rằng “*ta là kẻ ngu si thiếu trí*” một cách chân thật đúng trạng thái của mình, nhờ vậy sẽ thành bậc hiền trí. Vì lẽ, một khi biết rõ vị trí của mình, hạng người này sẽ tìm cách lân la thân cận với những bậc hiền trí để tìm cách mở mang trí tuệ. Do nhờ cố gắng học hỏi, ghi nhớ những huấn từ đã được giảng dạy, hằng ngày luôn trau dồi ôn tập các điều đã được học, quả thật vậy, hạng người này lâu dần sẽ trở thành bậc hiền trí.

Tuy nhiên, với hạng người tự nhận xét và ý thức rằng “*ta là bậc đa văn quảng kiến, có trí tuệ siêu tuyệt, và không một ai sánh bằng*”. Vì tự cho mình là bậc hiền trí, nên không tìm lân la thân cận với bậc hiền trí nào khác, không mong cầu học hỏi thêm Phật Pháp, không tiến hành tu tập Thiền Chỉ và Quán, với thiên chấp một cách ngu đại. Đức Thế Tôn bảo đó là “*hạng người này thật đáng gọi là chỉ ngu*”.

Đức Phật vừa chấm dứt Pháp Thoại, tất cả những quyền thuộc của vị Thánh Thỉnh Văn cùng với đại chúng đều chứng đắc một lượt Quả Dự Lưu Thất Lai.

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến một người chuyên hành nghề móc túi, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Trên thế gian này, sự sai khác giữa người ngu đại và bậc hiền trí, quả thật chỉ bằng một gang tấc, tiến tới thành bậc hiền trí và dừng lại thì thành người ngu đại.

Thấu hiểu như thế, Đức Phật hằng khuyên bảo hàng Phật Tử nên cố gắng làm cho mình trở thành bậc hiền trí. Hàng Phật Tử tiến tu mong cầu đạt được trạng thái thanh tịnh, là thường luôn trau dồi Bát Chánh Đạo. Với Chánh Nghiệp là chi thứ hai của phần Giới, là kiên cố, tránh xa ba loại hành động sai lầm: sát sanh, trộm cắp và tà hạnh. Thay

vì ba hành động sai lầm ấy, hàng Phật Tử trau dồi lòng bi mẫn đối với tất cả chúng sanh, chỉ lấy những vật được cho đến mình, và sống đời sống gia đình thanh tịnh.

Những giới tu tập này, trong khi nỗ lực rèn luyện tâm tánh cá nhân của người thận trọng nghiêm trì, cũng giúp đem lại trạng thái an lạc trong việc giao dịch của nhân loại. Toàn thể giới luật, hay cuộc sống giới đức tốt đẹp, luôn được dựa trên nền tảng của Từ Ái và Bi Mẫn. Với người thiếu hai đức tánh nổi bật ấy thì không thể thật sự được gọi là người có đức hạnh.

Hàng Phật Tử luôn nỗ lực trau dồi đời sống tâm linh đến mức độ Thánh Thiện, vì lẽ Tâm không được thuần hóa, sẽ luôn luôn tìm lý do biện giải để hành động sai lầm bằng Thân hay bằng Lời. *“Khi tư tưởng không được canh phòng, hành động bằng Thân cũng buông lung, lời và ý cũng tương tự”*.

Hạnh kiểm tạo ra tâm tánh. Không một ai có thể ban cho người khác một tâm tánh thiện hảo. Mỗi một người phải tự mình xây dựng nhân phẩm của mình bằng đường lối suy tư, nghĩ ngợi, cần cù, nỗ lực, chánh niệm và định tâm.

Có những lối sống bất công và sai lạc giữa cá nhân, giữa gia đình và giữa những dân tộc. Một nghề sinh sống bất chánh và không đúng với Chánh Mạng thường kéo theo biết bao hoàn cảnh bất hạnh, kém điều hòa và xáo trộn. Khi một người hay một đoàn thể sa ngã trong tội ác, lợi dụng khai thác kẻ khác, ắt xen lẫn vào phá rối trật tự và tình trạng thanh tịnh và an lạc của xã hội.

Với tánh ích kỷ và tham lam đã xúi giục con người có lối sống sai lạc và bất hợp pháp, quả thật đó là đặc tính của hạng người ngu dại.

*Người ngu xin hãy biết mình,
Thà rằng như vậy, thông minh mấy phần.
Ngu si lại tưởng trí nhân,
Nghĩ suy như vậy, vạn lần chí ngu !*

-----00000-----

Câu kệ thứ 64: Người ngu dại không thể nhận chân giá trị của Giáo Pháp.

*Người ngu dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh Pháp,
Như muông với vị canh.
(P.C. 64)*

Even if a fool associates with a learned man all his life, he does not know the doctrine, just as a spoon does not know the taste of soup (P. C. 64).

Une vie entière en compagnie d'un sage, ne rendrait pas la Loi plus perceptible au sot. Qu'à la cuiller la saveur du potage (P. C. 64).

Dịch nghĩa: Người ngu dại, cho dù sống chung trọn đời với người trí, vẫn không thấu hiểu Giáo Pháp, cũng như cái muỗng, cho dù nằm trọn vẹn trong nồi canh, vẫn không thưởng thức được hương vị của canh (P. C. 64).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khuru Udāyī thích khoe khoang.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có vị Tỳ Khuru Udāyī có tánh hay khoe khoang, muốn được mọi người khen tặng là người thông suốt về Chánh Pháp. Thường lệ, thừa lúc các vị Cao Tăng Trưởng Lão đi vắng, Tỳ Khuru Udāyī hay đi vào Giảng Đường và ngồi lên Pháp Tọa.

Một hôm, có một nhóm Tỳ Khuru Tăng ở phương xa về tới Kỳ Viên Tự, vừa trông thấy Tỳ Khuru Udāyī liền nghĩ thầm “*Có lẽ vị Tôn Giả này là một bậc Cao Tăng, đã văn quảng kiến*”. Dứt dòng suy nghĩ, nhóm chư Tỳ Khuru Tăng này đến nhờ Tỳ Khuru Udāyī giảng giải về Pháp Số như là Ngũ Uẩn, v.v. Tỳ Khuru Udāyī không thể giảng giải được một Pháp Số nào cả, vì chẳng thông suốt Giáo Pháp.

Chư Tỳ Khuru Tăng rất ngạc nhiên, liền bày tỏ sự chê trách:

- Vị Tỳ Khuru này là ai vậy ? Tại sao vị này đã lớn tuổi, lại sống lâu bên cạnh Đức Thế Tôn mà chẳng thấu hiểu được thế nào là Ngũ Uẩn, Tứ Đại, Lục Căn với Lục Trần ?

Chư Tỳ Khuru Tăng đem câu chuyện thắc mắc này đi đến cùng tác bạch với Đức Phật. Để trả lời thắc mắc của Chư Tăng, Đức Phật thuyết một Pháp Thoại, và cuối cùng thốt lên bài kệ Pháp Cú trên:

*Người ngu dẫu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh Pháp,
Như muỗng với vị canh.
(P.C. 64)*

Pháp Cú bao hàm ý nghĩa diễn tả hạng người ngu dại, cho dù cả cuộc đời được sống gần gũi thân cận với bậc Trí Tuệ, cũng không lãnh hội được lợi ích của sự thân cận. Và

như thế, sự thân cận của hạng người ngu dại với bậc Trí Tuệ được ví như muông với vị canh. Quả thật vậy, muông nằm trong tô canh cho dù có nhiều gia vị, cũng không nếm được bất luận mùi vị nào trong tô canh, dù đó là chua hay đắng, mặn hay ngọt, v.v. Cũng như thế, người ngu dại cho dù suốt đời sống bên cạnh bậc Trí Tuệ cũng không lãnh hội được sự lợi ích của Chánh Pháp.

Dứt thời Pháp Thoại, tất cả chư Tỳ Khuru Tăng đều chứng đắc Đạo Quả và chấm dứt mọi lậu hoặc.

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khuru Udāyī thích khoe khoang, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Với người ngu dại, do bản chất si mê khờ dại tiềm ẩn bên trong người, thì cho dù có gặp được bậc Thiện Trí Thức, người ngu dại cũng không thể nhận chân giá trị của Giáo Pháp. Được gần bậc Thiện Trí Thức, người ngu dại không tầm cầu những lời dạy bảo hữu ích. Bằng như có được nghe lời dạy bảo thì người ngu dại cũng không biết vâng theo lời dạy mà sửa đổi và thực hành theo.

Với người ngu dại, cái “Ngã Tâm” gây ra sự Vị Ngã hay sự Quy Ngã là điều kiện dẫn đến bất liễu tri Trí Tuệ của bậc Thánh Nhân, là cội nguồn khổ đau của người ngu dại, vì nó mang theo lòng ham muốn, sự sân hận ghét bỏ, và sự thờ ơ buồn chán. Tất cả những sự việc này là thái độ tâm lý mà người ngu dại không thể tìm thấy chân hạnh phúc được lâu dài.

Lòng Tham có thể dự phần vào sự hỷ lạc nhất thời. Sự sân hận, tự giận mình hay giận người khác đều sản sinh nhiều khổ đau và sự ghét bỏ các sự vật hay hoàn cảnh cũng không giúp con người đi đến hạnh phúc. Với người luôn luôn phát triển sự giận dữ, tự tách mình ra khỏi thế giới của loài người, là người nuôi lòng chua chát, và đang chắt chứa cho mình một nghiệp rất xấu, cùng với hậu quả là sự khổ đau lớn lao phát sinh trong ngày vị lai.

Với sự ngu dại hay si mê, ngăn chặn con người ngu dại không được thấy những điều kiện thực sự đưa đến hạnh phúc và những điều dẫn đến khổ đau. Cho dù toàn bộ con đường đưa đến Toàn Thiện của Đức Phật đã được giải thích một cách rõ ràng và trong sáng như một tấm bản đồ chi tiết, đang được trải ra trước mắt của người ngu dại, đặc biệt do bởi tính si mê, người ngu dại hoàn toàn không thông suốt được vấn đề.

*Người ngu gần bậc Cao Thâm,
Suốt đời cũng chẳng nhập Tâm Pháp màu.
Muông nào biết nếm vị đâu,
Dầu cho vẫn nhúng ngập đầu trong canh.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 65: Bậc Thiện Trí mau lẹ nhận chân giá trị của Giáo Pháp.

*Người trí, dầu một khắc
Thân cận người có trí,
Biết ngay Chân Diệu Pháp,
Như lưỡi với vị canh.
(P.C. 65)*

If a wise man associates with a learned man even for a moment, he quickly knows the doctrine, just as the tongue knows the taste of soup (P. C. 65).

Un bref moment auprès d'un sage, et l'homme sensé a compris la Loi, vif comme la langue qui d'un seul coup arrive à saisir le gout de la soupe (P. C. 65).

Dịch nghĩa: Dầu chỉ sống chung với bậc Trí Tuệ trong chốc lát, người hữu trí liễu tri nhanh chóng Giáo Pháp, ví như cái lưỡi thưởng thức hương vị của canh (P. C. 65).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến ba mươi vị Tỳ Khưu trong xứ Patheyyaka.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một nhóm gồm ba mươi chàng thanh niên quý tộc giàu có sinh sống trong xứ Patheyyaka, cùng rủ nhau vào rừng để cắm trại vui chơi với một kỷ nữ. Đang lúc vui say quên mình, cô kỷ nữ đã lén đánh cắp tất cả các vật trang sức và bạc vàng, rồi bỏ trốn đi. Khi hay biết sự việc, cả ba mươi chàng thanh niên tựa nhau đi tìm kiếm khắp mọi nơi trong khu rừng, thì họ gặp được Đức Phật và Chư Tăng cũng vừa đi ngang qua đó. Tất cả đều đi đến Đức Phật, vắn lên câu hỏi “có thấy cô kỷ nữ đi trên đường hay không”. Đức Phật thuyết giảng một Pháp Thoại, làm cho tất cả ba mươi thanh niên chứng đắc Quả vị Dự Lưu Thất Lai, đồng rủ nhau đi xuất gia và gia nhập vào Giáo Hội Tăng Đoàn của Đức Phật.

Trong một thời gian ngắn trú ngụ tại Kỳ Viên Tự, ba mươi vị tân Tỳ Khưu này nỗ lực chuyên cần tu tập, thọ trì giới hạnh trang nghiêm, và trau dồi Pháp khổ hạnh Đầu Đà một cách tinh chuyên, để thanh lọc thân tâm.

Với thời gian thích hợp, Đức Phật thuyết bài Pháp Thoại về con đường Sanh Tử Vô Thủy, khiến tất cả ba mươi vị Tỳ Khưu này đều chứng đắc Quả vị Vô Sinh.

Khi được hay biết việc này, Chư Tăng câu hội trong Giảng Đường đề khởi bàn tán

Pháp Thoại “*Ôi quả thật vi diệu ! Các vị tân Tỳ Khuru này thông hiểu Giáo Pháp và thành đạt Đạo Quả một cách mau lẹ thay !*”.

Nghe qua lời bình luận bàn tán của Chư Tăng, Đức Phật có lời giải thích:

- Nay chư Tỳ Khuru, không phải chỉ trong kiếp hiện tại, mà đã có trong kiếp quá khứ, ba mươi vị Tỳ Khuru này cũng đã là anh em bạn hữu với nhau, cũng đã từng được nghe Giáo Pháp, cũng đã thọ trì giới luật trang nghiêm, do đó ngày hôm nay, ba mươi vị Tỳ Khuru hội đủ duyên lành và chứng đắc Quả vị Vô Sinh ngay tại nơi chỗ ngồi của mình.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú trên:

*Người trí, dầu một khắc
Thân cận người có trí,
Biết ngay Chân Diệu Pháp,
Như lưỡi với vị canh.
(P.C. 65)*

Với Pháp Thoại dứt, tất cả hội chúng Tăng dự Thính Pháp tại đó đều chứng đắc Quả vị Vô Sinh.

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến ba mươi vị Tỳ Khuru trong xứ Patheyyaka, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Từ ngữ **Vinnu** là người khôn khéo, người hiểu biết, đồng nghĩa với từ ngữ **Pandita** bậc hiền trí. Với người khôn khéo vốn đã có căn bản sự hiểu biết, khi được thân cận với bậc hiền trí, thì sẽ có sự học hỏi và thông suốt Giáo Pháp một cách mau lẹ, tu tập tinh tấn Pháp Chỉ Quán và sớm mau thành tựu Đạo Quả giải thoát.

Cũng ví như người có lưỡi lành mạnh, sạch sẽ, khi nếm thưởng thức các vị của thực phẩm thì có sự hiểu biết mau lẹ các vị của thực phẩm. Với người hiểu biết khôn khéo cũng mau lẹ hiểu biết Pháp Siêu Thế cũng tương tự như vậy.

Hạnh phúc và đau khổ phát sanh từ đâu, và được tồn tại ở nơi đâu ? Với huấn từ của Đức Phật, nơi nào phát sanh chính ngay đó được giải quyết. Và điểm chánh yếu của việc giải quyết là phải ở chính ngay trong tâm thức. Thay vì tìm cách sửa đổi hoàn cảnh ở bên ngoài để thích hợp với mình, quả là việc làm vượt qua khỏi khả năng của mình, Đức Phật dạy nên tự sửa đổi chính mình để thích ứng, để điều hòa với thiên nhiên, phải điều chỉnh quan kiến của mình đối với sự vật để có một quan niệm sống điều hợp với hoàn cảnh, nhằm sửa dọn Thân Tâm hoàn toàn trong sạch, và cuối cùng thoát ra khỏi mọi hình thức đau khổ.

Hầu như tất cả mọi người đều có nhận thức rằng hạnh phúc quả thật hiếm hoi và đời

sống thì đầy đầy sự đau khổ. Nhưng đứng trước sự đau khổ, mỗi người, mỗi giới có thái độ sai khác nhau. Có người lý trí hóa sự đau khổ, dùng lý trí phân tách suy luận, giải thích sự đau khổ. Có người cố tình lãng quên những nỗi đau khổ để yên tâm thọ hưởng chút ít lạc thú của cuộc đời. Có người thọ nhận khổ đau rồi sanh buồn phiền ưu não, hiện bày trạng thái yếm thế bi quan.

Tuy nhiên, theo huấn từ của Đức Phật, người Phật Tử phải mở rộng mắt nhìn thẳng vào vấn đề và nhận thức rằng đau khổ là một sự kiện hiển nhiên sẵn có và dính liền với đời sống. Cùng thể ấy, Đức Phật xác nhận đau khổ là chứng bệnh trầm kha của chúng sanh, và chính Ái Dục là nguyên nhân làm phát sanh đau khổ, và Phật Tử có thể nhổ tận gốc rễ, diệt trừ Ái Dục, qua huấn từ của Đức Phật là Bát Chánh Đạo, bao gồm Giới – Định – Tuệ.

*Người khôn gần bậc Hiền Minh,
Chỉ trong khoảnh khắc tỏ tường lý chân.
Lưỡi kia chỉ ném một lần,
Hương vị canh đó biệt phân rõ ràng.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 66: Quả báo đắng cay trở sanh từ nơi Bất Thiện Hạnh.

*Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù,
Làm các Nghiệp không Thiện,
Phải chịu quả đắng cay.
(P.C. 66)*

Stupid fools wander about with a self which is like an enemy, doing evil action which has bitter fruit (P. C. 66).

Les sots, n'étant pas très sensés, en commettant de mauvaises actions, don't le fruit est amer, se font d'eux – mêmes les propres ennemis (P. C. 66).

Dịch nghĩa: Những người thiếu trí ngu dại trở đi lộn lại với chính cái tự ngã của mình như kẻ thù, tạo tác những việc ác mà hậu quả sẽ đắng cay (P. C. 66).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết Pháp Cú này khi Ngài an ngự tại Veluvana, đề cập đến Thiện Nam tên gọi Suppabuddhakutthi.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một người nam tên gọi là Suppabuddha mắc căn bệnh phong hủi. Tuy nhiên, ông thường hay đến Chùa nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng Giáo Pháp. Mỗi khi đến Chùa, ông phải ngồi bên ngoài vòng của Hội Chúng, không dám vào ngồi bên trong. Một hôm, sau một Pháp Thoại do Đức Phật khai thuyết thì Suppabuddha chứng đắc Quả vị Thất Lai (Tu Đà Hườn), ông muốn đi đến Đức Phật bạch rõ sự chứng đắc của mình, nhưng ông không dám rẽ lối giữa hàng Tứ Chúng, và ông đã đứng chờ đợi Hội Chúng ra về hết rồi thì ông sẽ đi đến để tỏ bày.

Trong giây phút trì hoãn đó, vị Thiên Chủ Sakka (Đế Thích) nhìn thấy và hiểu biết tác ý của Suppabuddha, và Thiên Chủ khởi lên một ý nghĩ muốn trắc nghiệm sự tín tâm của Suppabuddha có trọn vẹn với Tam Bảo hay không.

Thiên Chủ hiện trên hư không và trước mặt Suppabuddha, thốt lên lời:

- Này Suppabuddha! Người là kẻ bần cùng, kẻ khốn khó, Ta sẽ ban cho người một kho tàng vô lượng vô biên, nếu người chịu từ khước niềm tin vào Tam Bảo, không còn tin tưởng vào Tam Bảo nữa. Người có chịu như vậy hay không ?”.

- Dạ thưa Ngài là ai vậy, xin cho tôi được biết về Ngài.

- Ta là Thiên Chủ Sakka.

- Này Thiên Chủ, Ngài quả thật là người si mê mù quáng, vô tâm vô quý. Những lời của Ngài vừa thốt ra, nghe chẳng hợp lý chút nào cả. Ngài cho rằng tôi nghèo khổ, bần cùng, tuy nhiên quả thật tôi có nhiều tài sản to lớn, tôi có được bảy Thánh Sản thù thắng. Đó là Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn, Thí, Tuệ.

*Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn, Thí, Tuệ,
Bảy loại Thánh Sản vừa kể đây,
Ai mà có được đủ đầy,
Dầu nam hay nữ, người này chẳng nên,
Lấy tiếng “Vô Sản” gọi tên,
Đời này chẳng phải hư hèn rỗng không.*

Những ai có đủ bảy Thánh Sản này thì hàng Chư Phật Toàn Giác, Độc Giác và Thinh Văn Giác không bao giờ gọi người ấy là kẻ nghèo khổ, bần cùng.

Dứt câu trả lời của Suppabuddha, Thiên Chủ ngó lơi giã từ và đi đến Đức Phật, thuật lại tất cả những biện giải của Suppabuddha. Đức Phật nói lời xác chứng:

- Này Thiên Chủ Sakka, cho dù có tới một trăm hay một ngàn vị Thiên Chủ cũng không thể nào làm lay chuyển niềm tin bất thối chuyển của Suppabuddha vào Tam Bảo.

Sau đó, Suppabuddha cũng tự mình đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn. Qua việc bày tỏ lòng tôn kính của mình đến với Đức Phật, Suppabuddha đã đem việc mình đã chứng đắc Quả vị

Thất Lai bạch lên Đức Phật và từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Trên đường về lại nhà, Suppabuddha đã bị một con bò cái húc vào người, làm ông ngã lăn bên đường và chết tại nơi đây.

Tương truyền rằng: Bò cái này là một nữ Dạ Xoa, hóa thân ra để báo oán hận một oan trái trong một kiếp quá khứ. Bò cái này đã húc và làm chết đến bốn người, đó là: Ngài Bāhiyadārucīriya, Pukkusāti, Tambadāthika và Buppabuddha.

Câu chuyện oan trái là, trong một kiếp quá khứ, bốn vị bị bò húc là bốn chàng thanh niên giàu có cùng một kỹ nữ đi dạo chơi trong hoa viên, cùng nhau vui thú hoan lạc cả ngày, khi hoàng hôn buông xuống thì bốn chàng thanh niên này cùng nhau bàn tính:

- Chỗ này vắng vẻ, không người qua lại. Người kỹ nữ này đã làm tiền chúng ta thái quá, với số tiền lên đến một ngàn đồng vàng. Chúng ta phải giết chết nàng ta để khỏi phải trả số tiền đó và thu đoạt hết những trang sức của cô ta đang mang trên người.

Nàng kỹ nữ nghe được lời bàn tán đó, lòng nghĩ thầm “*Những kẻ vô sĩ này đã cùng ta hoan lạc, bây giờ lại muốn hãm hại ta chết. Ta sẽ phải đối phó ra sao ?*”. Cả bốn chàng thanh niên tiến hành việc sát mạng, và trước khi chết, nàng kỹ nữ đã phát lời nguyện oan trái “*Bốn người hãm hại ta như thế nào, ta nguyện làm Dạ Xoa để có thể sát hại lại những người mà báo thù*”.

Do nhân ấy, kỹ nữ thành Dạ Xoa và hóa thân ra bò cái để báo thù, húc chết cả bốn người, trong đó có Suppabuddha.

Chư Tỳ Khuru biết được việc Suppabuddha vừa từ trần, đến bạch lên Đức Bôn Sur và vấn hỏi:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sanh thú nào là của Suppabuddha ? Và do nhân nào Suppabuddha bị bệnh phong củi ?”.

- Nay Chư Tỳ Khuru, vị này đã chứng đắc Quả Thất Lai và hiện đang sanh về Cõi Đạo Lợi Thiên. Trong một kiếp quá khứ, vị này đã gặp một Độc Giác Phật tên gọi là Tagarasikhi, vị này đã phun nước miếng lên người của vị Độc Giác Phật. Khi thân hoại mạng chung vị này đã phải chịu quả khổ đau lâu dài trong Địa Ngục, còn dư sót quả báo, nên kiếp này phải mang bệnh phong củi.

Để kết thúc sự giải thích, Đức Thế Tôn có lời dạy bảo “*Này Chư Tỳ Khuru, những chúng sanh nào còn đi lang thang trên con đường tạo tác Bất Thiện Hạnh, do tự mình tự tạo ra Ác Nghiệp và như thế, phải hứng chịu hậu quả đắng cay tương xứng, quả thật như vậy*”.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú trên:

*Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù,*

*Làm các Nghiệp không Thiện,
Phải chịu quả đắng cay.
(P.C. 66)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Thiện Nam tên gọi Suppabuddhakutthi, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Ảnh hưởng Nghiệp Báo quả thật quá khôn lường. Nghiệp Quả trở sanh được tính theo từng sát na Tâm đã tạo tác trước đó, dù vậy có đôi khi, Nhân Quả quả thật không tương xứng. Chúng sanh có phải gặt hái tất cả những gì đã gieo hay không ? Đức Phật có lời dạy bảo “*Nếu chúng sanh phải gặt hái hết những quả báo của tất cả những hành động trong quá khứ thì không thể có đời sống đạo đức và cũng không thể có cơ hội để tận diệt phiền não*”.

Nếu như phải trả hết quả báo của tất cả hành động trong quá khứ thì chúng sanh ắt phải chịu sống vĩnh viễn trong khổ đau và không thể mong có ngày giải thoát. Chúng sanh luôn luôn biến đổi và luôn luôn đang trở thành một cái gì mới, và cái mới ấy tùy thuộc vào ý chí, nghị lực và hành động của chính mình.

Từng giây, từng phút, chúng sanh có thể tự cải hóa, làm cho trở nên tốt đẹp hơn cũng như xấu xa thêm. Dù một người tội lỗi hư hèn nhất cũng không đáng khinh. Trái lại, ta nên tạo cho họ có một niềm tin vào sự cố gắng cải thiện bản chất bình sanh của chính nơi họ. Nhìn thấy người lại nghĩ đến tự thân mình. Có khi, trong một kiếp quá khứ ta cũng ở trong tình trạng với hạng người hư hèn đó và ta đã tiến bộ. Hôm nay, ở trong một vị trí thấp kém, họ cũng có thể cố gắng theo ta và có khi tiến bộ hơn cả ta.

Trong sự báo ứng của Nghiệp, chúng ta nên biết rằng có những năng lực hỗ trợ, nâng đỡ, tạo điều kiện cho quả sớm trở sanh và ngược lại cũng có những năng lực kèm hãm, ngăn chặn không cho quả trở sanh tương xứng.

*Này người thiếu trí đại ngu,
Lại xem “Tự Ngã”, kẻ thù khôn thay !
Trở đi trở lại cõi này,
Mãi tạo Ác Nghiệp, khổ này ai mang ?*

-----00000-----

Câu kệ thứ 67: Quả báo trở sanh hối hận từ nơi Bất Thiện Hạnh.

*Nghiệp làm không chánh Thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,*

*Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực
(P.C. 67)*

That deed when done is not good which one regrets when one has done it, the result of which one experiences weeping with tearful face (P. C. 67).

Mal accomplie est l'action qui s'appelle le repentir, et don't on cueille le fruit dans les cris et les larmes (P. C. 67).

Dịch nghĩa: Hành động ấy quả không tốt khi mà, sau khi tạo ra, người lại ăn năn hối hận và, đến lúc gặt quả dữ, người lại than khóc và lệ tuôn đầy mặt (P. C. 67).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvathì (Xá Vệ), đề cập đến một nông phu với con rắn độc.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một nhóm trộm đạo đào đường hầm, đột nhập vào nhà một vị bá hộ. Bọn trộm đạo thâu góp rất nhiều vàng bạc, rồi theo con đường hầm mà thoát ra ngoài. Có một tên trộm lừa đồng bọn, giấu đi một ngàn đồng vàng, bỏ vào một túi trước khi bọn chúng đến tại thửa ruộng để phân chia tài vật. Lúc mang tài vật của mình đi, tên trộm ấy đã làm rơi túi tiền ngàn vàng ra khỏi bọc mà không hay biết.

Cùng ngày ấy, vào lúc rạng sáng tinh sương, Đức Phật với Tuệ Nhân quán sát thế gian, thấy người nông phu hữu duyên với Ngài, sau khi thọ lãnh hình phạt của Vua Quan thì sẽ hội phúc duyên để chứng đắc Đạo Quả Thất Lai (Tu Đà Hườn).

Sáng ngày, Đức Phật cùng thị giả Ànanda thực hiện việc trì bình khát thực, đi ngang qua thửa ruộng của người nông phu. Vừa trông thấy Đức Phật, người nông phu liền bỏ việc đồng áng và đi đến bày tỏ lòng tôn kính với Ngài. Xong việc lễ bái, người nông phu trở lại tiếp tục việc cày ruộng, Đức Phật và thị giả Ànanda đi đến nơi túi vàng bị rơi nằm dưới đất. Đức Phật chỉ cho Đại Đức Ànanda trông thấy và nói:

- Này Ànanda ! Người có thấy một con rắn độc hay không ?
- Kính bạch Đức Thế Tôn, dạ con có thấy một con rắn độc rất ghê sợ.

Nghe qua lời đối đáp giữa Đức Thế Tôn và người thị giả, người nông phu lắng tâm suy nghĩ “*Có phải ta đã tới số bất tường mà tại sao lại có rắn độc lại văng trong ruộng đất này ?*”. Khi Đức Phật cùng Đại Đức Ànanda đi khỏi, người nông phu định giết con rắn độc thì lại thấy túi tiền, liền nghĩ ngay “*Chắc Đức Thế Tôn muốn nói vật này đây !*”.

Lượm túi tiền lên, vụng về đặt nó bên đường và che đậy sơ sài, người nông phu quay trở lại việc đồng áng.

Lúc bấy giờ, gia nhân và bá hộ kia phát hiện có việc trộm đạo trong nhà, cho người đi lần theo dấu chân và đi đến ngay thửa ruộng của người nông phu thì hết dấu vết. Mọi người loanh quanh tìm kiếm khắp chung quanh vùng đất, cuối cùng thấy được túi tiền và xúm bắt lấy người nông phu, vừa mắng chửi và vừa đánh đập anh ta, sau đó giải anh ta đến điện Vua để kết tội hình. Quan xét xử chiếu theo tang vật, liền ra lệnh người nông phu phải thọ án tử hình. Anh ta bị quân lính lấy roi quất vào người và dẫn ra pháp trường để thọ án. Trong suốt thời gian diễn tiến qua mau lẹ đó, người nông phu luôn miệng lảm nhảm câu chuyện đôi thoại giữa Đức Phật và thị giả Ananda.

- *Này Ananda ! Người có thấy một con rắn độc hay không ?*

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, dạ con có thấy một con rắn độc rất ghê sợ.*

Quân lính nạt hỏi người nông phu đang nói điều chi, anh ta liền trả lời rằng “*Bao giờ tôi gặp được Quốc Vương thì tôi sẽ nói !*”. Tức thời, quân lính quyết định dẫn người nông phu đi đến sân rồng và tâu lên Đức Vua mọi tự sự. Quốc Vương phán hỏi:

- *Này người kia, tại sao ngươi lại nói như thế !*

- *Tâu Bệ Hạ, con không phải là kẻ trộm đạo.*

Vừa dứt lời, anh ta kể lại tất cả mọi chuyện đã xảy ra vào lúc sáng đi cày ruộng, cuộc đôi thoại giữa Đức Phật và Đại Đức Ananda khi đi trì bình khát thực ngang qua thửa ruộng và thấy túi tiền, sau đó anh ta bị bắt và dẫn đến gặp Đức Vua. Nghe xong câu chuyện đó, Đức Vua phán quyết:

- *Này khanh, người là bậc hiền nhân, cho nên có Đức Thế Tôn làm nhân chứng. Nếu hành phạt người quả thật không hợp lý. Trẫm đã biết nên hành động như thế nào cho hợp lý rồi.*

Chiều hôm ấy, Vua cùng với người nông phu đi đến Kỳ Viên Tự để yết kiến Đức Phật. Sau việc bày tỏ lòng tôn kính, Vua đem câu chuyện của người nông phu thuật lại với Đức Phật.

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, Ngài đã thấy vật chi và đã nói điều gì với Đại Đức Ananda, tại nơi thửa ruộng của người nông phu này ?*

- *Này Đại Vương, Như Lai đã thấy túi tiền nằm trên đất ruộng và nói với Ananda là nên trông thấy đó là một con rắn rất độc hại.*

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu không có Ngài đã thấy và đã nói như thế thì người nông phu này đã bị tội chết rất oan mạng.*

- *Phải đó, này Đại Vương ! Như Lai đã nói lên bấy nhiêu lời nói đó và bỏ ra đi. Lẽ thường, với bậc Trí Tuệ, Nghiệp nào đã làm ra mà về sau phải bị hối hận ăn năn thì chẳng nên làm !*

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú trên:

*Nghiệp làm không chánh Thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực
(P.C. 67)*

Khi dứt câu kệ, người nông phu chứng đắc quả vị Thất Lai (Tu Đà Hườn) cùng với Hội Chúng Tăng đồng cùng chứng đắc Thánh Quả.

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến một nông phu với con rắn độc, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Ai biết được cái Nghiệp đã tích trữ của một người khác ?

Nhân Thiện tạo quả an lành. Nhưng một khi đã gieo nhân Thiện mà còn hối tiếc, đã làm việc Thiện mà còn ăn năn thì quả trở sanh không được tương xứng với tác nhân.

Thời gian hoặc cơ hội thuận lợi và bất thuận lợi là hai yếu tố có thể cũng gây ảnh hưởng đến sự báo ứng của Nghiệp Báo. Trong sự báo ứng của Nghiệp Báo, sự nỗ lực và sự thiếu nỗ lực giữ vai trò chánh yếu. Do sự nỗ lực hiện tại, ta có thể tạo ra một Nghiệp mới, hoàn cảnh mới và môi trường mới.

Khi có việc bất tường xảy đến, khi gặp trở ngại khó khăn, thất bại và một hoàn cảnh bất hạnh, người Phật Tử nhận định rằng mình đang gặt hái nhân nào đã gieo trước kia, mình đang trang trải một món nợ đã vay trong quá khứ. Tuy nhiên, thay vì phải chịu bó tay đầu hàng với nghịch cảnh, để cho định luật Nghiệp Báo tự do diễn tiến, người Phật Tử tận lực cố gắng diệt trừ hạt nhân xấu và cùng lúc gieo trồng hạt nhân hữu ích, vì lẽ tương lai hoàn toàn nằm trong tay của chính mình.

Một người, cho dù phải chịu khổ đau ngay trong hiện tại, nhưng vẫn có hy vọng như mọi người, trong một ngày tốt đẹp chính mình cũng có thể thành đạt Đạo Quả cao thượng, an vui hạnh phúc miên trường.

Niềm tin vào Nghiệp Báo đã nâng cao giá trị của sự tinh tấn và kích thích lòng nhiệt thành vì định lý Nghiệp Báo dạy mỗi người Phật Tử phải biết nhận lãnh lấy trách nhiệm của chính mình.

*Nghiệp nào là Nghiệp Ác Tà,
Làm xong hối tiếc, lệ sa đầm dề.
Mặt mày nhăn nhó ủ ê,
Thọ ngay quả báo nặng nề đắng cay.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 68: Quả báo trở sanh hoan hỷ từ nơi Thiện Hạnh.

Và Nghiệp làm chánh Thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực
(P.C. 68)

But that deed when done is good which one does not regret when one has done it, the result of which one experiences pleased and happy (P. C. 68).

Une action est bien accomplie, si aucun remords ne s'ensuit, et qu'avec joie et plaisir on cueille son fruit (P. C. 68).

Dịch nghĩa: Tuy nhiên, hành động ấy quả thiện hảo khi mà, sau khi tạo ra, người lại không ăn năn hối hận và, đến lúc gặt quả lành, người lại hân hoan và duyệt ý (P. C. 68).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết Pháp Cú này khi Ngài an ngự tại Veluvana, đề cập đến người làm tràng hoa cúng dường Đức Phật, có tên gọi là Sumana.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một người làm những tràng hoa tên là Sumana, thường đem dâng đến cho Vua Bimbisàra để nhận lãnh tiền thưởng.

Một hôm, Đức Thế Tôn ngự vào kinh thành Ràjagaha để trì bình khát thực, cùng đi theo có Hội Chúng Tăng. Từ nơi kim thân của Ngài đã phát ánh sáng tỏa khắp châu thân, biểu lộ oai thần đại lực của một bậc Chánh Đẳng Giác, khiến cho thanh niên Sumana vừa trông thấy, đã phát khởi tín tâm, vội nghĩ suy trong lòng “*Ta phải lấy cái chi để dâng cúng đến Đức Thế Tôn ngay bây giờ ?*”. Chẳng có vật nào khác, ngoài mấy tràng hoa chuẩn bị để đi đến dâng lên cho Đức Vua, lòng của Sumana suy nghĩ “*Ta sẽ dâng cúng những tràng hoa này đến Đức Thế Tôn*”. Rồi Sumana lại nghĩ suy về một vấn đề khác “*Những tràng hoa này là phẩm vật hằng ngày Ta phải nạp vào cung Vua, nếu như hôm nay Vua không nhận được hoa, Đức Vua sẽ giam cầm, sẽ xử tử, hoặc sẽ lưu đày Ta thì sao ?*”.

Sau đó, Sumana lại quyết lòng tự nhủ “*Nếu Ta có bị lưu đày hoặc bị Vua xử tử thì cũng được ! Xét cho kỹ, cho dù được Đức Vua sủng ái thì Ta cũng chỉ được tài sản quý nhất là mạng sống trong kiếp này. Còn nếu Ta cúng dường Đức Thế Tôn, quả thật Ta*

được gặt hái rất nhiều lợi ích, ngay trong kiếp này và mãi trong những kiếp vị lai. Vậy Ta phải cúng dường ngay bây giờ, nếu trì hoãn thì e rằng Tâm của Ta sẽ bị lui sụt”.

Thế là, Sumana hoan hỷ cúng dường tám tràng hoa đến Đức Phật. Sumana đã tung lên hai tràng hoa ở trên đầu của Đức Phật. Lại thay, những hoa ấy xòe ra như một tầng lọng, rồi lơ lửng trên không. Tung lên lần thứ hai với hai tràng hoa được tung lên ở bên tay phải của Đức Phật thì được kết thành bức màn hoa che phía tay phải của Đức Phật. Tung lên lần thứ ba với hai tràng hoa thì sa xuống làm tấm màn che phía sau lưng Đức Phật. Tung lên lần thứ tư với hai tràng hoa cuối cùng thì được kết thành bức màn hoa che phía tay trái của Đức Phật. Như thế, tám tràng hoa được chia ra làm bốn chỗ chung quanh kim thân của Đức Phật và chừa trống phía trước như cánh cửa ngõ vậy.

Tuy là những vật vô tri giác, nhưng những tràng hoa cũng tỏ bày lòng tôn kính Đức Thế Tôn, quần quít không rời kim thân của Ngài. Tất cả những tràng hoa này đều phát ra những quang tuyến tỏa sáng lan rộng làm cả kinh thành đều náo động với hiện tượng kỳ lạ này.

Dân chúng ở khắp mọi nơi đều kéo tới với vật phẩm trên tay, tuân tợ đến cúng dường Đức Phật và Chư Tăng. Trong phút giây đó, Đức Phật thị hiện thần thông, hiển lộ công đức cúng dường của người làm tràng hoa được loan truyền khắp cả kinh thành.

Ngay khi ấy, Sumana thụ cảm khắp châu thân tràn đầy Ngũ Phỉ Lạc, lặng lẽ nôi gót bước theo sau và thốt lời tán thán Đức Thế Tôn. Sau đó, thanh niên này quỳ xuống đánh lễ Ngài và phỉu sạch hai tay, quay gót trở về nhà.

Về thanh niên này, sau khi cúng dường hoa tươi đến Đức Phật, thấy được việc lạ thường như thế nên Tâm càng trong sạch, hoan hỷ, trở về nhà liền kể lại mọi chuyện cho người vợ nghe về sự cúng dường mà mình đã làm, và thấy được sự hiện tượng lạ thường. Tuy nhiên, người vợ là hạng người si mê, không trong sạch, liền nói rằng:

- Như thế tội lỗi có đến thì anh ráng chịu lấy. Tại sao anh không đem những hoa tươi đến dâng lên cho Vua ? Sự hình phạt sẽ đến như thế nào, đừng đổ thừa cho tôi, và hai ta hãy chia tay nhau ngay giây phút này”.

Vừa dứt lời, người vợ liền đi vào Vương Cung, đem trình tấu tất cả tự sự của người chồng cho Vua nghe, để lập công và tránh tội. Vốn là bậc Thánh Thinh Văn ở bậc Thất Lai, Vua Bimbisàra biết được đây là hạng người si ác, liền đuổi người vợ ra khỏi Vương Cung, và Đức Vua đã đi đến cúng dường Đức Phật cùng với Chư Tăng.

Sau bữa trai ngọ, Đức Thế Tôn khái thuyết chúc phúc đến thí chủ và Ngài trở về lại Veluvana. Cùng lúc ấy, bốn màn hoa lại che phủ kín kim thân của Ngài làm cho dân chúng hoan hô vang dội khắp mọi nơi.

Về phần Vua Bimbisàra thì cho thị thần đòi thanh niên làm tràng hoa đến trình diện.

Khi được gặp mặt, Vua liền hỏi thanh niên:

- Này Sumana, có phải người lấy những bông hoa tươi của Trầm đem dâng cúng đến Đức Phật phải không” ?

Thanh niên này liền trả lời với Đức Vua:

-Tâu Đại Vương, quả thật như vậy. Kính xin Đại Vương mở lòng hải hà và tha tội cho tôi.

Đức Vua nghe xong, có lòng hoan hỷ thanh tịnh, liền ban phát rất nhiều tài sản, vàng bạc và vô số châu báu đến cho người làm tràng hoa.

Như thế, thanh niên này được hưởng bổng lộc của Vua ban cho, là do nhờ vào việc cúng dường đến bậc đáng cúng dường, đón nhận quả phước báu ngay hiện tại.

Sau đó, Đại Đức Ananda bạch hỏi Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, người làm tràng hoa được kết quả thấy rõ ngay trong đời này. Và đến đời sau có được hưởng quả phước nữa không ?

Đức Phật dạy rằng:

- Này Ananda, người làm tràng hoa này đã dám hy sinh tánh mạng để cúng dường Ta, do nhờ có Tâm trong sạch, khi đến hết tuổi thọ thì không bị đọa vào bốn Ác Khố được một ức kiếp, và đến kiếp cuối cùng thì sẽ được chứng đắc Quả Độc Giác với danh hiệu là Sumana, và đến khi tan rã ngũ uẩn thì viên tịch Níp Bàn.

Với việc làm Thiện này, người giữ hoa viên được hưởng lợi ích ngay trong đời này và lợi ích vị lai.

Vào chiều hôm ấy, Chư Tăng đem câu chuyện của thanh niên Sumana ra bàn luận, Đức Phật từ Hương Thất đi đến nơi Giảng Đường và nói lời xác chứng:

- Quả thật như vậy, này Chư Tỳ Khuru, với Nghiệp nào đã làm xong với Tâm hoan hỷ thỏa thích và không ăn năn hối hận mỗi khi nhớ lại thì Nghiệp đó là Thiện Nghiệp cần nên thực hiện vậy.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú trên:

*Và Nghiệp làm chánh Thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực
(P.C. 68)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến người làm tràng hoa cúng dường Đức Phật, có tên gọi là Sumana, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Trong đời sống hằng ngày, những suy tư của người Phật Tử, có rất nhiều yếu tố tác động từ bên ngoài và chi phối như là sự giao tiếp thân cận, tập tục, lễ nghi, v.v. Trong những trường hợp ấy thì sự tự do ý chí cũng dễ bị tác động. Tuy nhiên, dù ở trong trường

hợp khó khăn nào, người Phật Tử cũng vẫn có đủ khả năng dùng sự tự do ý chí để vượt qua mọi áp lực bên ngoài và tạo ra những tư tưởng Thiện hoặc Ác.

Một người thân cận có thể là một yếu tố có rất nhiều ảnh hưởng tác động, tuy nhiên chính ngay người Phật Tử phải chịu trách nhiệm về tất cả mọi hành động của chính mình và chỉ có hành động của chính mình sẽ theo ta như bóng với hình.

Ngay cả, trong một điều kiện thuận lợi và hội túc duyên mà người Phật Tử không tự nỗ lực cố gắng để thực hiện những Thiện Nghiệp, thì chẳng những người Phật Tử bỏ lỡ một cơ hội quý báu mà có khi phung phí cả một sự nghiệp, vật chất lẫn tinh thần.

Người Phật Tử phải tự nỗ lực để vượt qua mọi khó khăn, luôn cải thiện hoàn cảnh, tận dụng mọi khả năng và mọi cơ hội hiếm có, tận lực vững tiến và tiến bộ thật sự, Thiện Nghiệp đã được thực hiện, sẽ được trợ duyên đầy đủ, trở thành một điểm nương tựa và sự khích lệ tinh thần để vững tâm tiến bộ trên con đường giải thoát mọi khổ đau.

*Nghiệp nào là Nghiệp tốt hay,
Làm xong chẳng chút mảy may hận phiền.
Nghiệp nào Thiện Ý vui hiền,
Thọ ngay quả phước tùy duyên hợp thời.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 69: Quả báo trở sanh khổ đau đến người tạo Ác Nghiệp.

*Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi Ác chưa chín mùi,
Ác Nghiệp chín mùi rồi,
Người ngu chịu khổ đau.
(P.C. 69)*

A fool thinks it is like honey, as long as evil does not mature. But when evil matures, then the fool goes to misery (P. C. 69).

Tant que le mal n'est pas venu à terme, le sot lui trouve une saveur de miel. Mais quand le mal a muri son fruit, il en éprouve le gout de fiel (P. C. 69).

Dịch nghĩa: Hành động xấu ngọt ngào như mật, người ngu dại nghĩ như vậy, khi quả dữ chưa trở sanh. Nhưng một khi quả trở sanh thì người ngu thọ lãnh khổ đau (P. C. 69).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khuru Thánh Ni

Uppalavannà.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, trong thành Sàvatthi có một thiếu nữ rất xinh đẹp, là con của một gia đình Trưởng giả giàu có, được Cha Mẹ đặt tên là Uppalavannà, vì nàng có da mặt ngăm đen, nhưng rất mịn màng và thanh lịch cùng với tánh nết hiền lương thùy mị. Khi Uppalavannà đến tuổi thành niên thì có rất nhiều vương tôn công tử nhà quyền quý vọng tộc mang nhiều lễ vật đến ngõ lời cầu hôn với nàng.

Vị Trưởng Giả, thân phụ của cô, không thể từ chối với một ai và chỉ có một cách duy nhất là vấn hỏi để biết quyết định của nàng:

- Nay con thân yêu, theo ý nghĩ của con thì quyết định như thế nào ? Con có thuận lòng cầu hôn với một ai chăng ?

- Kính thưa Cha, con chỉ xin được xuất gia và tu tập nơi Tự Viện.

(Trương truyền rằng, trong rất nhiều tiền kiếp quá khứ, ước định lên đến một trăm ngàn đại kiếp, Uppalavannà đã phát đại nguyện dưới chân Đức Phật Padumuttara (Thượng Liên Hoa) và từ đó tiếp tục gieo trồng và trưởng dưỡng hạt giống Giác Ngộ cho mãi đến kiếp hiện tại).

Nghe qua, Trưởng Giả rất hoan hỷ, liền thiết tiệc linh đình để làm lễ tiễn đưa con gái và đưa Uppalavannà đi đến một Tự Viện của Tỳ Khuru Ni, và tại nơi đó, Uppalavannà chính thức làm lễ xuất gia, thọ đại giới và tu tập cùng với Chúng Tỳ Khuru Ni.

Một hôm, với ngày trị nhật chấp tác, Uppalavannà quét dọn và sửa soạn làm lễ Phát Lộ cho việc tác bạch sám hối của Ni chúng. Sau khi quét dọn xong ở nơi kiết giới, Tỳ Khuru Ni Uppalavannà thắp lên những ngọn đèn và dùng những ngọn đèn làm đề mục tu tập Thiền định, và Tỳ Khuru Ni Uppalavannà đã chứng đắc quả vị Vô Sinh cùng với Tứ Tuệ Phân Tích và Thần Túc Thắng Trí.

Thời gian sau, Thánh Ni Uppalavannà hành Pháp Đầu Đà ngụ chốn rừng già, hành đạo độc cư, vì lúc bấy giờ chưa có giới cấm Tỳ Khuru Ni ngụ trong rừng. Với hạnh nguyện như thế, đã có rất nhiều cận sự nam và cận sự nữ phát tâm cúng dường Tịnh thất cho Thánh Ni với đầy đủ tiện nghi cần thiết cho việc trú ngụ và tu tập. Riêng về Thánh Ni Uppalavannà cứ mỗi sáng vào thành Sàvatthi trì bình khát thực và quay trở về nơi Tịnh Thất của mình mà hành đạo.

Có một thanh niên tên là Nanda, vốn là anh em cô cậu của Thánh Ni Uppalavannà, và anh ta đã nặng tình luyến ái với Thánh Ni khi hãy còn trong gia đình. Khi được biết chỗ tịnh thất trong rừng già Andhavana và anh ta đã đi tới nơi đó, lén vào bên trong tịnh thất và núp dưới gầm giường để chờ Thánh Ni Uppalavannà quay trở về sau thời trì bình khát thực, tiến hành việc cưỡng hiếp Thánh Ni.

Thanh niên Nanda thực hiện được việc thú tánh của mình và đã bỏ chạy ra khỏi tịnh thất. Khi ấy, quả địa cầu không chịu nổi tội ác nặng nề của Nanda nên đã nứt làm đôi và Nanda sa vào nơi đất nứt, bị đọa vào đại địa ngục A Tỳ.

Thánh Ni Uppalavanna đem câu chuyện này trình lên Giáo Hội Tỳ Khuru Ni. Chư Ni bạch lên Chư Tăng và Chư Tăng bạch trình lên Đức Thế Tôn.

Nghe qua câu chuyện, Đức Phật gọi Chư Tỳ Khuru đến với lời phán dạy:

- Nay Chư Tỳ Khuru, nếu kẻ thiếu trí gây ra Ác Nghiệp đến với hàng Tứ Chúng thì cho dù kẻ ấy có vui thích thỏa mãn chút ít chi thì cũng chỉ ví như người nếm qua hương vị ngọt ngào của chất đường và mật chẳng hạn.

Tiếp theo, Đức Phật khái thuyết một Pháp Thoại và đọc lên câu kệ Pháp Cú:

*Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi Ác chưa chín mùi,
Ác Nghiệp chín mùi rồi,
Người ngu chịu khổ đau.
(P.C. 69)*

Vào một thời khác, đại chúng Tỳ Khuru cùng nhau luận bàn về Pháp Thoại như sau:

“Cho dù là bậc Lậu Tận, theo chúng ta nghĩ suy, các Ngài cũng còn thụ hưởng dục lạc, vui thích ngũ trần. Quả thật vậy, các Quý Ngài đâu phải là bông cây hay gò mồi, thân thể của Quý Ngài cũng biết thụ hưởng dục lạc và vui thích ngũ trần”.

Đức Phật đã ngự đến, khái thuyết một Pháp Thoại và có lời giải thích:

- Nay Chư Tỳ Khuru, các bậc Lậu Tận không vui thích ngũ trần, không thụ hưởng dục lạc. Quả thật vậy, ví như trên mặt những lá sen, nước rơi xuống không thấm ướt, không ú đọng, và cũng ví như trên đầu mũi kim, hạt cải không thể đeo dính được, mà phải lăn rơi xuống đất. Cũng như thế ấy, trong Tâm của bậc Lậu Tận, dục lạc ngũ trần không đeo dính và không ú đọng lại được”.

Sau đó, Đức Phật kết luận với câu kệ Pháp Cú:

*Như nước trên lá sen,
Như hạt cải trên đầu kim,
Người không ái nhiễm,
Ta gọi Bà La Môn.
(P.C. 401)*

*Lá sen chẳng giữ mưa sa,
Đầu kim chẳng dính hạt hoa cải vàng,*

*Vô ý, vô nhiễm ta bà,
Người như thế, gọi là Bà La Môn.*

Nhân dịp này, Đức Phật bàn với Đức Vua Pasenadi với lời đề nghị:

- Trong Giáo Pháp có rất nhiều vương tôn công tử và các vị công nương tiểu thư đã từ bỏ đời sống Thế Tục và xuất gia hành đạo, lại vui thích trú ngụ trong rừng già. Tuy nhiên thường hay gặp điều khó khăn với những thanh niên ác tâm, quấy nhiễu và làm tai hại đời sống Phạm Hạnh. Bởi do như thế, cần phải kiến tạo chỗ trú ngụ cho Chúng Tỷ Khuru Ni ở trong vòng kinh thành.

Đức Vua Pasenadi hoan hỷ tín thọ lời đề nghị và cho quan quân kiến thiết một cảnh già lam riêng biệt cho Tỷ Khuru Ni tại một địa điểm trong vòng thành đô. Từ đó về sau, Chư Tỷ Khuru Ni chỉ được trú ngụ trong vòng thành đô, và không còn nơi chốn rừng già riêng biệt.

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỷ Khuru Thánh Ni Uppalavannā, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Mọi hành động được thực hiện đều do Tâm. Chính Tâm thể hiện ra nơi thân, lời và ý. Vui hay buồn, hạnh phúc hay đau khổ, là kết quả hẳn nhiên phải có từ nơi những Tâm Thiện hoặc Bất Thiện. Đã gieo Nhân tất phải gặt hái Quả, ở nơi này, vào lúc này hay ở nơi khác hoặc lúc khác. Ngày hôm nay ta phải gặt hái những gì mà chính ta đã gieo trồng trong quá khứ hay chính trong hiện tại.

Nghiệp Báo tự nó là một định luật có hiệu lực trong một phạm vi riêng biệt, không chịu ảnh hưởng của một tha lực nào từ bên ngoài đưa tới. Khả năng trở Quả đã dính liền với Nghiệp Lực. Trong từng mỗi hành động (thân, lời, ý) đã có tiềm tàng năng lực tạo Quả, cũng như trong hạt đã có tiềm lực tạo nên cây và sanh ra trái.

Nhân sanh Quả, Quả giải thích Nhân. Hạt sanh ra trái và nhìn thấy trái, ta biết được hạt như thế nào. Sự liên quan giữa hạt và trái cũng như giữa Nghiệp và Quả. Hạnh phúc và khổ đau thường hiện bày đến cho nhân loại, là Quả tất nhiên phải có, trở sanh do những Nhân tương ứng.

Một số Nghiệp có kết quả tức thời và mối liên hệ Nhân Quả có thể nhận ra ngay. Tuy nhiên cũng có những Nghiệp Quả khác, sau một thời gian mới hình thành và khó nhận ra được mối liên hệ tương quan.

*Khi Ác Nghiệp chưa chín mùi,
Người ngu lầm tưởng an vui mật đường.
Đến khi quả chín lẽ thường,
Người ngu đón nhận chán chường khổ đau.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 70: Liễu tri Chánh Pháp thù thắng hơn tu tập ép xác khổ hạnh.

*Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống,
Không bằng phần mười sáu,
Người hiểu Pháp Hữu Vi.
(P.C. 70)*

A fool might eat his food month by month with the tip of Kusa grass, he is not worth one sixteenth part of those who have perfected the doctrine (P. C. 70).

Un sot jeunerait – il des mois Durant, juste nourri d’une pointe d’herbe Kusa. Qu’il ne gagnerait pas le seizième du mérite de ceux qui ont approfondi la Loi (P.C. 70).

Dịch nghĩa: Tháng này qua tháng kia, người ngu dại có thể chỉ ăn một chút ít vật thực được vít lên chỉ bằng đầu ngọn cỏ Kusa, nhưng (việc khổ hạnh như thế) cũng không bằng một phần mười sáu của người thông suốt Chân Lý (P. C. 70).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết khi Ngài an ngự tại Veluvana, đề cập đến một tu sĩ ngoại đạo tên Jambuka.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một gia đình giàu cư ngụ tại thành Rājagaha, hạ sanh một đứa bé, đặt tên là Jambuka và đứa bé này có những đặc điểm hết sức lạ kỳ: từ lúc biết đi, cậu bé này không bao giờ chịu nằm trên giường, không bao giờ ăn những thực phẩm nấu chín mà chỉ ăn những đồ xú uế do tự thân bài tiết ra. Đến tuổi trưởng thành, thanh niên này lại không chịu vận mặc y phục, mãi thích lỏa lồ và đi lang thang khắp nơi, ngủ ở dưới đất và ăn những vật mà tự thân đại tiện ra.

Cha Mẹ của Jambuka rất đau khổ, quyết định dẫn thanh niên này đến nhóm tu sĩ ngoại đạo lỏa thể và yêu cầu cho Jambuka được xuất gia nhập đạo. Lễ xuất gia được thực hiện dưới một cái mương sâu tới cần cổ, bắt hai tấm ván đè trên cần cổ của anh ta, vị thầy ngồi trên tấm ván và dùng sóng lá thốt nốt mà cạo tóc cho thanh niên này.

Sáng ngày hôm sau, cả nhóm tu sĩ đi đến Cha Mẹ của Jambuka để thọ thực thì Jambuka xin được ở lại Tự Viện và đợi mọi người đi hết, Jambuka đi đến nhà vệ sinh và bóc lấy những phân phần trong hầm mà ăn. Các tu sĩ hỏi Jambuka về việc thọ thực thì anh ta nói quanh co và luôn miệng bảo rằng đã có thọ thực,

- Tôi không cần những vật thực này vì tôi đã có phần vật thực riêng của tôi rồi.
- Phần vật thực ở đâu mà có vậy ?
- Ở gần đây và không xa lắm.

Nhiều ngày liên tiếp, mỗi khi đi vào làng, nhóm tu sĩ Ājīvaka đều rù Jambuka cùng đi theo, nhưng anh ta vẫn luôn từ chối và không chịu đi. Với thái độ kỳ lạ của Jambuka đã làm cho nhóm tu sĩ sanh nghi. Cùng nhau bàn tính và cuối cùng cho hai vị tu sĩ ở lại rình xem Jambuka thì nhóm tu sĩ ngoại đạo phát hiện sự việc, đồng phát tâm kinh hãi và nghĩ suy như nhau *“Việc này quả thật rất tồi tệ ! Nếu Chư Thánh Văn đệ tử của Sa Môn Gotama hay biết được việc này, lại đi truyền rao tin này ra thì thật vô cùng nhục nhã cho chúng ta, cho là nhóm tu sĩ Ājīvaka thường hay ăn phân phần người, quả thật xấu xa vô cùng. Tên Jambuka này không xứng danh là tu sĩ của nhóm chúng ta chút nào cả !”*. Thế rồi, cả nhóm tu sĩ Ājīvaka đồng tâm trục xuất Jambuka ra khỏi tự viện của mình.

Jambuka đi đến một cánh đồng, nơi đó đại chúng phóng uế tự do, có một tảng đá bằng phẳng và trên mặt đá có một lỗ trũng xuống rất lớn. Đại chúng thường ura đại tiện xuống nơi đó và Jambuka đã chọn nơi đó làm chỗ trú ngụ của mình. Mỗi tối, Jambuka bóc phần để ăn và ban ngày thì khi thấy có người đi tới, Jambuka lấy tay vịn vào tảng đá, đứng một chân, còn chân kia giơ lên tỳ vào đầu gối của chân đứng, há miệng ra hướng về phía gió. Đại chúng thấy việc lạ, đến gần đánh lễ và vấn hỏi thì Jambuka giải thích một cách sai lệch:

- Bần đạo tu khổ hạnh dị thường lắm. Há miệng hứng gió làm vật thực và nếu ta đứng cả hai chân thì quả đất này sẽ rung động và như thế, quả thật vậy là ta đã đứng như vậy mãi mãi và không bao giờ nằm xuống ngủ nghỉ.

Dân chúng trong hai xứ Anga và Magadha xô nhau đến đánh lễ Jambuka và cúng dường rất nhiều lễ vật trọng hậu. Tuy nhiên, Jambuka không thọ lãnh lễ vật của một ai với lời giải thích *“Ta chỉ lấy gió làm vật thực. Nếu ta thọ thực bất luận món nào khác thì e rằng hư hoại công đức hạnh của ta !”*.

Thấy đại chúng nài nỉ cầu khẩn thái quá, Jambuka lấy đầu ngón cỏ thom vít mỗi thứ một chút, để lên chót lưỡi, ném cho có vị và ra dấu bảo thí chủ ra về. Và như thế, Jambuka sống khổ hạnh như thế, trải qua năm mươi lăm năm, chỉ ăn phân, không y phục, nhổ tóc và nằm trên mặt đất.

Duyên lành đến Jambuka với Tuệ Nhân thù thắng của Đức Phật quán thấy ông ta có đủ phước duyên chứng đắc Quả vị Vô Sinh giải thoát trong kiếp này. Sau khi trì bình khát thực xong, Đức Phật nói với Đại Đức Ānanda là sẽ đi đến trú ngụ qua đêm với Jambuka. Chư Thiên biết được ý định của Đức Phật, đã làm cho mưa rửa sạch tinh khiết khắp cả vùng của Jambuka.

Đến nơi trú ngụ của Jambuka, trao đổi những lời chào hỏi thân thiện, Jambuka đã chỉ

một sườn núi và nơi đó, Đức Phật lưu lại qua một đêm. Vào canh đầu, Tứ Đại Thiên Vương với hào quang thù thắng đi đến đánh lễ Đức Phật làm sáng cả khu vực. Vào canh giữa, Thiên Chủ Đế Thích đi tới đánh lễ Đức Phật với hào quang chói sáng khắp cả núi đồi. Vào canh cuối, Đức Đại Phạm Thiên đi đến đánh lễ Đức Phật với mười ngón tay phát ra mười đạo hào quang chói sáng khắp cả muôn phương. Tất cả những sự việc này đã làm Jambuka kinh hãi và đã vấn hỏi Đức Phật để được biết rõ nguồn cơn. Qua lời giải thích của Đức Phật, Jambuka biết được Đức Phật là bậc tối thượng thù thắng hơn cả Chư Thiên Dục Giới chí đến Đại Phạm Thiên Sắc Giới, liền bày tỏ nỗi lòng của mình:

- Quả thật bậc Đại Sa Môn là bậc phi thường. Ta ở đây suốt năm mươi năm dài, tu khổ hạnh lấy gió làm vật thực, mà chẳng có một ai đến để đánh lễ và hầu hạ ta.

- Này Jambuka! Người quen gặt đại chúng mù quáng si mê, bây giờ lại muốn gặt cả Như Lai nữa sao? Trong thời gian qua, người chỉ ăn phân người làm vật thực, lấy đất làm giường, lấy da thịt làm y phục, lấy sóng lá thốt nốt làm đồ cạo tóc. Vì Nghiệp quá khứ ganh tỵ ty liệt nên bây giờ người phải chịu quả khổ đau như thế, mà đến hôm nay, người vẫn cố chấp tà kiến sai lầm ty liệt như thế nữa sao?

Nghe qua lời dạy bảo của Đức Phật, Jambuka ngổ lời xin được biết về Nghiệp quá khứ của mình. Đức Phật cho biết rằng:

“Trong một kiếp quá khứ, vào thời kỳ của Đức Phật Kassapa, Jambuka là một vị trụ trì của một Tự Viện, đã đem lòng ganh tỵ đến một vị Khách Tăng, là bậc Thánh Lậu Tận rất được lòng thương kính của Đại Thí Chủ hộ độ Tự Viện, với những lời nhục mạ bốn điều đến bậc Thánh Tăng ấy là: “Không nên thọ thực với nhà Thí Chủ mà chỉ nên ăn phân dơ bẩn của người, không nên cho người cạo tóc mà nên lấy lá thốt nốt tự cạo tốt hơn, không xứng mặc y phục của Thí Chủ cúng dường mà nên sống lỏa lồ không vận y phục, và không nên nằm trên giường của Thí Chủ cúng dường mà nên nằm dưới đất”.

Với lời sỉ vả nhục mạ, vị Thánh Lậu Tận im lặng và tự nghĩ “Không nên để cho kẻ thiếu trí này vì ta mà phải bị sa đọa!”. Sáng hôm sau, Ngài thức dậy thật sớm và lặng lẽ ra đi, từ chối lời thỉnh cầu của Đại Thí Chủ cúng dường vật thực. Vị Đại Thí Chủ vốn là bậc Thiện trí thức, khi thấy chỉ có vị Trụ Trì đến nhà thọ thực và không có vị Thánh Tăng, vội vàng sửa soạn sẵn một phần vật thực và nhờ vị Trụ Trì đem về để dâng lên vị Thánh Tăng. Tuy nhiên, trên nửa đường về lại Tự Viện, vị Trụ Trì đã đồ hết tất cả vật thực bên lề đường với lòng nghĩ suy bồn xồn “sợ e vị Khách Tăng này còn mãi lưu luyến dính mắc tại nơi Đại Thí Chủ này”.

Mặc dù vị Trụ Trì đã tu hạnh Sa Môn được rất lâu, nhưng khi đã tạo Ác Nghiệp nặng nề với bậc Thánh Lậu Tận, Thiện Pháp của vị Trụ Trì này không đủ sức cứu ông ta, và sau khi mãn tuổi thọ, vị Trụ Trì sa vào Vô Gián địa ngục, thọ lãnh khổ đau khốc liệt suốt thời gian rất lâu dài trong thời không có Phật hiện hữu”.

Nghe qua tiền kiếp của mình, Jambùka phát tâm hồ thẹn và ghê sợ tội lỗi đã tạo ra. Đức Phật cho y tắm mưa đến Jambùka dùng để che thân thể và lắng nghe tuần tự Pháp Thoại của Đức Phật khái thuyết. Dứt thời Pháp Thoại, Jambùka chứng đắc Quả vị Vô Sinh cùng với Tứ Tuệ Phân Tích. Sau đó, Jambùka xin với Đức Phật được xuất gia và thọ Cụ Túc Giới với quả phước báu Thiện Lai Tỳ Khuru.

Sáng hôm sau, dân chúng trong hai xứ kéo đến rất đông, khởi tâm thắc mắc vì không biết được câu chuyện vừa xảy ra vào ngày hôm qua và không biết ai cao ai thấp, giữa Đức Phật và Jambùka. Đức Phật bảo Jambùka giải thích để đoan nghi đại chúng. Tỳ khuru Jambùka hiện bày thần túc thông, từ trên hư không cúi xuống đánh lễ Đức Phật và thốt lên lời tôn kính:

-Kính bạch Đức Thế Tôn, Ngài là Đức Tôn Sư của con, con là hàng Thịnh Văn đệ tử của Ngài.

Nhân lúc quần chúng phát tâm tín thành, Đức Phật khái thuyết Pháp Thoại:

- Từ bấy lâu nay, Jambùka ép xác khổ hạnh và nghĩ rằng đã hành Đạo cao thượng, tuy nhiên cho dù hành Đạo như thể cả trăm năm đi nữa cũng chẳng có giá trị chút nào, chẳng bằng một phần mười sáu của người thấu hiểu chân lý, nhịn ăn một bữa thọ thực với Tâm thanh lọc mọi ô nhiễm về phạm hạnh của mình.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú trên:

*Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống,
Không bằng phần mười sáu,
Người hiểu Pháp Hữu Vi.
(P.C. 70)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến một tu sĩ ngoại đạo tên Jambùka, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Tâm Từ Ái, một trong những đặc điểm nổi bật nhất trong Phật Giáo, cố gắng phá vỡ mọi trở ngại đẳng cấp, xã hội, chủng tộc hay tín ngưỡng. Nếu chỉ vì nhãn hiệu tôn giáo khác biệt nhau mà những người không cùng theo một hệ thống tín ngưỡng không thể hợp nhau lại trên một lập trường chung, trong tinh thần tương thân tương ái, thì hẳn là các vị Giáo Chủ đã thất bại trong sứ mạng cao cả của các Ngài.

Trong toàn thể Giáo Pháp của Đức Phật không có điều nào không thích hợp với lý trí hoặc không thể thực hành được. Đức Phật đã thực hành những điều Ngài dạy, và dạy những điều mà Ngài đã thực hành. Điểm quan trọng được nhấn mạnh nổi bật nhất trong Giáo Pháp là Pháp Hành, bởi vì tín ngưỡng suông không thể thanh lọc Thân Tâm của nhân loại được. Qua Pháp Hành dẫn đến sự chứng tri giác ngộ và giải thoát. Dem quả phước

do tác ý của bậc đã chứng ngộ Chân Lý thì được nhiều hơn gấp mười sáu lần với công phu khổ hạnh của kẻ thiếu trí. (Tám Tâm Quả Thiện Vô Nhân và Tám Tâm Đại Quả Dục Giới Tịnh Hảo).

*Người ngu ngày lại qua ngày,
Chỉ dùng vật thực cở rầy chút gì !
Phép tu khổ hạnh sao bì ?
Một phần mười sáu liễu tri Pháp Hành !*

-----00000-----

Câu kệ thứ 71: Quả báo của Ác Nghiệp vẫn âm thầm đốt cháy người tạo tác.

*Nghiệp Ác đã được làm
Như sữa, không đông ngay.
Cháy ngầm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đây.
(P.C. 71)*

For an evil deed when done does not curdle the same day, as milk does. Burning like fire covered in ashes, it follows the foo (P. C. 71).

Comme le lait ne caille point dans l'instant, ce n'est pas sur – le – champ, qu'une mauvaise action vient à terme. Elle suit le sot, invisible et ardente, comme une braise couvant sous la cendre (P. C. 71).

Dịch nghĩa: Quả thật vậy, hành động ác đã tạo tác không trở quả tức thì, cũng ví như sữa tươi không tức thì đông đặc. Nó (âm thầm) theo người ngu dại như cục lửa ngùn cháy dưới lớp tro tàn (P. C. 71).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khái thuyết khi Ngài an ngự tại Veluvana, đề cập đến một ngạ quỷ với thân mình rần.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, Đại Đức Moggallāna và Đại Đức Lakkhana đi từ núi Kỳ Xà Quật về thành Vương Xá để tri bình khát thực. Trên đường đi, Đại Đức nhìn thấy một hiện tượng trên hư không và đã mỉm cười, làm cho Đại Đức Lakkhana thắc mắc muốn được biết nguyên do của sự mỉm cười. Đại Đức Moggallāna hứa sẽ giải thích khi về lại Kỳ Viên Tự và trước

mặt Đức Phật. Câu chuyện mỉm cười của Đại Đức Moggallàna đã được giải thích ngay khi cả hai Đại Đức đã đến Kỳ Viên Tự và cùng ngồi trước mặt Đức Phật.

- Nay Pháp Hữu, buổi sáng nay Tôi đã nhìn thấy một con ngạ quỷ có thân mình rắn dài hai mươi lăm do tuần, ở trên núi Kỳ Xà Quật, với toàn thân đang bị lửa đốt cháy từ đầu cho đến đuôi, từ đuôi cháy trở lên đầu, từ ở giữa cháy lan tỏa ra hai phía thân và từ hai phía thân bốc cháy nhập lại ở giữa.

Đại Đức Moggallàna dứt lời thì Đức Phật xác chứng lời nói đó:

- Nay Chư Tỳ Khuru, Moggallàna đã nói lời sự thật. Chính Như Lai đã thấy ngạ quỷ thân mình rắn vào thời gian trước đây, nhưng vì không có người thứ hai được thấy và Như Lai nghĩ rằng sẽ bất lợi khi nói ra điều này. Nay Moggallàna đã nhìn thấy thì Như Lai xác chứng điều này quả là chân thật.

Chư Tỳ Khuru đồng thanh thỉnh cầu Đức Phật giải thích nguyên nhân dẫn đến làm ngạ quỷ thân mình rắn đó.

- Nay Chư Tỳ Khuru, trong thuở xa xưa, dân làng thành Bārāṇasī cùng nhau dựng một thảo am để dâng cúng đến một vị Độc Giác Phật và hằng mỗi ngày với hai thời, sáng và chiều đều mang những lễ vật đến cúng dường vị Độc Giác Phật. Con đường của mọi người đi đến vị Độc Giác Phật là băng ngang qua một đám ruộng của một thanh niên, cũng là dân trong thành Bārāṇasī. Thanh niên này bất duyệt ý và đã nhiều phen ra cản ngăn không cho quần chúng giẫm đạp lên đất ruộng của mình, nhưng tất cả đều vô hiệu. Con tức giận bực phát lên đã làm cho thanh niên chủ đám ruộng nghĩ quấy “Nếu không có thảo am của vị Sa Môn kia thì đâu có ai lui tới và giẫm đạp nát ruộng của mình!”.

Giữ lấy ý nghĩ sai quấy đó, thanh niên này đã đợi lúc vị Độc Giác Phật vào thành để trì bình khát thực, anh ta đã đến đập phá hết tất cả những vật dụng trong thảo am và cuối cùng châm lửa đốt cháy thảo am thành tro bụi.

Khi thấy chỗ trú ngụ của mình đã thành tro bụi, vị Độc Giác Phật lặng lẽ ra đi, không có lời từ giã với dân chúng trong thành. Dân chúng thắc mắc, hỏi đây chuyện với nhau

- Ai đã đốt cháy thảo am này vậy? Đức Bốn Sư của chúng ta hiện giờ ở đâu? Chủ đám ruộng cũng đứng chung với quần chúng và thốt lên lời:

- Chính tay tôi đã đốt cháy thảo am của vị Sa Môn đó!

Dân chúng biết được sự việc, rất bất bình và nổi giận, đã dùng gậy gộc và đi đến đánh đập thanh niên ấy cho đến mạng vong. Thanh niên chủ đám ruộng dọa vào A Tỳ địa ngục, bị lửa thiêu đốt rất lâu dài và khi hết quả báo tại địa ngục thì còn dư sót Nghiệp Quả của việc đốt cháy thảo am vị Độc Giác Phật, phải sanh làm ngạ quỷ với thân mình rắn và bị lửa đốt cháy khắp toàn châu thân, phải chịu thọ hình thống khổ với thời gian rất lâu dài.

Kết thúc câu chuyện ngạ quỷ thân mình rắn, Đức Phật giảng dạy Chư Tỳ Khuru:

- Nay Chư Tỳ Khuru, Nghiệp Ác bao giờ cũng ví như sữa tươi vừa mới vắt ra, không

thể biến chất ngay tức thời như thế nào thì Nghiệp Ác vừa mới tạo ra cũng không thể chín mùi ngay tức thời như thế ấy. Nhưng khi Nghiệp Ác chín mùi thì lúc bấy giờ kẻ tạo Ác Nghiệp phải chịu thống khổ triền miên.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú trên:

*Nghiệp Ác đã được làm
Như sữa, không đông ngay.
Cháy ngấm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy.
(P.C. 71)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến một ngạ quỷ với thân mình rấn, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

“*Phải kết nối với điều bất duyệt ý là khổ - oán tắng hội Khổ*” và ngược lại “*Phải xa lìa điều duyệt ý là khổ - ái biệt ly Khổ*”. Hai hoàn cảnh này đối với hầu hết mọi người như là những người bạn đường chung thủy qua suốt cả cuộc đời này. Các sự việc hình như không bao giờ thuận hợp với nhau cả, hoặc là chúng ta đón nhận những gì không ưa thích, hoặc là chúng ta thiếu mất những gì mà mình ưa thích.

Ở tại đây, Đức Phật đã chỉ rõ cho chúng ta rằng cứ mãi chạy theo những điều **ưa** và **ghét** rồi cuộc chẳng bao giờ chấm dứt, chúng ta sẽ không cảm nhận một chân hạnh phúc có giá trị lâu bền. Những gì mà chúng ta có được, do chạy theo điều **ưa** và **ghét** chỉ là điều thất vọng lớn hơn, một sự căng thẳng cứ mạnh thêm lên, giữa hai thái cực Tham và Sân. Không bao giờ chúng ta có thể tìm thấy, dù trải qua bao nhiêu kiếp sống liên tiếp nữa, một tình trạng ổn định mà ở đó vắng mặt những điều mà ta không thích (người, hoàn cảnh, v.v) và có mặt những điều mà ta ưa thích, nếu khảo sát thật kỹ một tình trạng sống, ta luôn luôn tìm thấy một cái gì phiền não, điều bất toàn luôn hiện hữu ở nơi đó.

Sự làm thỏa mãn những ham muốn bằng sự sở hữu các đối tượng ham muốn, đã được Đức Phật ví như một người uống nước mặn để làm thỏa mãn cơn khát của mình.

*Nghiệp Ác vừa mới tạo ra,
Như sữa mới nặn khó mà đông ngay.
Tro tàn lửa ngún còn đây,
Ngấm theo kẻ ác, hằng ngày đốt thiêu!*

-----00000-----

Câu kệ thứ 72: Kẻ thiếu trí với kiến thức nông cạn đưa đến chỗ diệt vong.

*Tự nó chịu bất hạnh
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan.
(P.C. 72)*

A reputation for skill arises for a fool merely to his disadvantage, it destroys the fool's good share (of merit), splitting his head (P. C. 72).

Le sot gagne – t – il en intelligence, elle ne fait que causer sa perte, d'étruisant sa bonne fortune, lui faisant éclater la tête (P. C. 72).

Dịch nghĩa: Trong sự sụp đổ của chính mình, quả thật vậy, người ngu đại thâm thập tri thức và danh vọng. Chính điều đó tiêu diệt quả phước báu của người ngu và bửa cái đầu của người ngu đại (P. C. 72).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết khi Ngài an ngự tại Veluvana, đề cập đến một ngạ quỷ bị búa đập vào đầu.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, Đại Đức Moggallàna và Đại Đức Lakkhana đi từ núi Kỳ Xà Quật về thành Vương Xá để tri bình khất thực. Trên đường đi, Đại Đức nhìn thấy một hiện tượng trên hư không và đã mỉm cười, làm cho Đại Đức Lakkhana thắc mắc muốn được biết nguyên do của sự mỉm cười. Đại Đức Moggallàna hứa sẽ giải thích khi về lại Kỳ Viên Tự và trước mặt Đức Phật. Câu chuyện mỉm cười của Đại Đức Moggallàna đã được giải thích ngay khi cả hai Đại Đức đã đến Kỳ Viên Tự và cùng ngồi trước mặt Đức Phật.

- Nay Pháp Hữu, buổi sáng nay Tôi đã nhìn thấy một con ngạ quỷ có thân mình cao ba phần tư do tuần, ở trên núi Kỳ Xà Quật, với cái đầu đang bị vô số cây búa sắt cháy thành ngọn lửa đánh vào đầu không ngớt, cứ mãi bị đập đi đập lại, sọ óc bị nát tan rồi huòn lại như cũ, chịu rất nhiều thống khổ đau đớn.

Đại Đức Moggallàna dứt lời thì Đức Phật xác chứng lời nói đó:

- Nay Chư Tỳ Khuru, Moggallàna đã nói lời sự thật. Chính Như Lai đã thấy ngạ quỷ bị búa đập vào đầu vào thời gian trước đây, nhưng vì không có người thứ hai được thấy và Như Lai nghĩ rằng sẽ bất lợi khi nói ra điều này. Nay Moggallàna đã nhìn thấy thì Như Lai xác chứng điều này quả là chân thật.

Chư Tỳ Khuru đồng thanh thỉnh cầu Đức Phật giải thích nguyên nhân dẫn đến làm ngạ quỷ bị búa đập vào đầu.

- Nay Chư Tỳ Khuru, trong thuở xa xưa, trong thành Bārāṇasī có một người đàn ông bị

mất cả hai chân, nhưng ông ta lại có tài búng những sỏi đá rất thiện nghệ. Hằng ngày, ông ta đến ngồi dưới gốc một cây đa tại cổng thành và làm theo yêu cầu của những đứa trẻ để được mưu sinh. Khi ông ta búng những viên đá sỏi lên những chiếc lá tạo hình con voi, con chim, v.v. làm cho bọn trẻ thỏa thích thì được chúng đem cơm, bánh, vật thực đến cho ông ta ăn.

Một hôm, có đoàn xe của Vua đi qua và dừng lại gốc cây đa tại cổng thành. Khi Vua trông thấy những chiếc lá có đủ hình thái lạ kỳ, cho thị thần đi tìm hiểu nguyên nhân và biết được anh què tạo ra những hình trên bằng tài búng những sỏi đá. Vua ngó ý mời anh què về Triều Nội để giải quyết Viên Ngự Sử hay tranh giành lý luận với tất cả mọi người, không chừa một ai, kể cả Vua, làm cho mọi người phải bức bối khó chịu.

- Trẫm nhờ khanh dùng một cân phấn dê để búng vào miệng vị Quan này mỗi khi ông ta há miệng ra để lý luận.

- Tâu Bệ Hạ, xin cho tôi được ngồi sau một bức rèm có khoét một lỗ nhỏ và tôi sẽ làm theo ý của Ngài.

Và như thế, viên Quan Ngự Sử cứ mỗi lần há miệng ra để tranh luận thì bị anh què búng một viên phấn dê vào miệng, nhưng vì quá mê say để giành nói, nên viên Quan này cứ nuốt phấn dê vào cổ họng và tiếp tục tranh luận. Khi hết một cân phấn dê thì anh què lay động bức rèm. Vua biết được liền cắt lời viên Quan Ngự Sử:

- Nay Khanh Đại Học Sĩ, Trẫm rất khâm phục Khanh và không thể nào biện luận hơn được Khanh, hơn cả một cân phấn dê nuốt hết vào bụng mà Khanh cũng không ngừng giành nói.

Vị Quan nghe xong, rất lấy làm hổ thẹn và từ đó không nói một lời nào, mỗi khi đến Hoàng Cung, và Vua đã ban ân thưởng trọng hậu đến anh què. Vị Quân Sư (tiền thân của Như Lai) thốt lên một câu kệ:

Nếu tập luyện cho tinh,
Nghề nào cũng hiển vinh.
Như anh què bắn sắn,
Tài nghệ rất tinh minh.

Thuở ấy, có một thanh niên đến tâm cầu học nghề của anh què. Lúc ban đầu anh què từ chối, nhưng sau bao phen năn nỉ và sau cùng được truyền dạy, thanh niên này trở nên tinh thông nghề búng sắn. Lời dạy cuối cùng của anh què đến người học trò là:

- Con không được búng sắn đến bất cứ một loài thú hay người, nếu loài thú hay người có người gìn giữ trông coi. Con chỉ được búng sắn vào loài thú hay người mà không có gia tộc, không thân bằng quyến thuộc thì khi búng sắn đến những loại đó, con sẽ không bị thiệt hại bất luận điều gì.

- Dạ con xin vâng theo lời chỉ dạy của Thầy.

Thời bấy giờ, có một vị Độc Giác Phật an cư trong một thảo am ở phụ cận thành. Lúc bấy giờ, Ngài đang đi trì bình khát thực, đang đứng tại cổng thành. Thanh niên thấy được và khởi Tâm nghĩ suy “Vị Sa Môn này không thân bằng quyến thuộc, vậy Ta thử búa sạ vào Ông ta để thử nghiệm tài nghệ của Ta”.

Nghĩ xong, thanh niên lấy sạ và búa vào lỗ tay phải của Độc Giác Phật và xuyên qua lỗ tay trái, Độc Giác Phật thọ lãnh khổ đau, không thể đi khát thực được nữa, trở về thảo am và Vô Dư Y Níp Bàn. Dân chúng thấy vắng bóng vị Độc Giác Phật, cùng kéo nhau đi đến thảo am và nhìn thấy Ngài đã viên tịch, mọi người đều cùng khóc lóc và than thở. Thanh niên cũng có mặt trong đám đông người và đã thốt lên lời:

- Hôm nay là ngày xuất sư của Tôi và để thử tài nghệ của mình nên Tôi đã búa sạ vào vị Sa Môn này.

Dân chúng biết được sự việc, rất bất bình và nổi giận, đã dùng gậy gộc và đi đến đánh đập thanh niên ấy cho đến mạng vong. Sau khi chết, thanh niên phải bị đọa vào A Tỳ địa ngục, bị lửa thiêu đốt rất lâu dài và khi hết quả báo tại địa ngục thì còn dư sót Nghiệp Quả của việc búa sạ vào lỗ tai vị Độc Giác Phật, phải sanh làm ngạ quỷ bị búa đập vào đầu, phải chịu thọ hình thống khổ với thời gian rất lâu dài.

Kết thúc câu chuyện ngạ quỷ này, Đức Phật giảng dạy Chư Tỳ Khuru:

- Nay Chư Tỳ Khuru, với kẻ thiếu trí mà có được nghề nghiệp thiện xảo hoặc có được tài sản hoặc có chức quyền thì họ thường tự làm hại bản thân của mình.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú trên:

*Tự nó chịu bất hạnh
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan.*

(P.C. 72)

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến một ngạ quỷ bị búa đập vào đầu, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Ở dưới Cõi Nhân Loại, trong nấc thang Tâm thức là Cõi Ngạ Quỷ. Các chúng sanh này thỉnh thoảng được nhân loại nhìn thấy, nghe hay nói cách khác, được một số có kinh nghiệm. Chúng sanh về Cõi giới ấy bằng cách nào? Chúng sanh về Cõi đó do bởi lòng Tham. Hãy nghĩ đến những người cứ bám chặt vào tiền tài, vào những sở hữu vật chất, vào gia đình. Những người hà tiện, những người thích thú trong sự thủ đắc các sự vật nhiều hơn, tốt hơn, lớn hơn so với những người khác. Những người như thế đang triển khai các yếu tố Tâm thức mà nếu họ chấp chặt vào đó thì chúng sẽ dẫn họ thác sinh về Cõi

giới Nga Quý.

“Nga” (đói) nghĩa là luôn luôn cảm nhận những khát ái không bao giờ được thỏa mãn, vì sự tiếp xúc với gia đình trước kia của họ, những người mà trong vài trường hợp nga quý có thể báo hiệu nhưng không được giao tiếp, vì tiền bạc và của cải của họ mà chính họ có thể được thấy nhưng không sở hữu được.

Đời sống của Nga Quý kéo dài và khốn khổ. Rất nhiều Nga Quý không thể nhận thức được ngày hay đêm, chỉ thấy một màu xám vô tận, ở đó thỉnh thoảng có những vật lơ mờ xuất hiện. Khi Nghiệp Ác đã vơi đi trong Cõi Nga Quý thì họ sẽ được tái tục làm người bị biến dạng (khuyết tật).

Trong Kinh tạng Pàli diễn tả tình trạng Nga Quý như là tình trạng của một con người quá mệt mỏi nhưng chỉ tìm thấy được một cây gậy đỡ, chỉ cho một cái bóng lơ lơ, và người ấy nghỉ ngơi dưới bóng cây ấy, trên nền đất lởm chởm những đá sỏi. Nga Quý thọ lãnh đầy khổ đau lâu dài.

*Người ngu sa đọa tâm hồn,
Tri thức tìm kiếm mỗi mòn công danh.
Đầu to bừa nát thôi đành !
Hoa hương rã nát, cây cành thảm thương.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 73 và 74: Với người ngu đại tâm cầu sự danh vọng một cách bất chánh.

*Ưa danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỳ khưu,
Ưa quyền tại Tịnh Xá,
Muốn mọi người lễ kính.
(P.C. 73)*

*Mong rằng cả hai Tăng, Tục,
Nghĩ rằng chính Ta làm,
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh Ta,
Người ngu nghĩ như vậy,
Dục và Mạn tăng trưởng.
(P.C. 74)*

He might wish for respect from bad people, and pre – eminence among bhikkhus, and authority in dwelling places, and honours among the families of others (P. C. 73).

“Let both householders and wanderers know that this was done by me. Let them be under my control alone in anything concerning what is to be done and not done”. Such is the fool’s thought. His desire and his pride increase (P. C. 74).

Réputation usurpée, préséance sur les bhikkhus, pouvoir suprême au monastère, hommages de la population, que d’honneurs voulus par le sot ! (P. C. 73)

“Qu’ils disent tous, moines ou laics, que ceci est mon oeuvre. Qu’en toute action, ils me soient subordonnés”. Ainsi pense le sot. Et ses désirs, et sa vanité, de s’enfler (P. C.74).

Dịch nghĩa: Người ngu đại mong muốn thanh danh bất chánh, mong muốn chiếm địa vị trên trước giữa Tăng Chúng, mong muốn quyền thế trong Tu Viện, và mong muốn được sự kính nể hơn giữa các gia đình khác (P. C. 73).

Hãy để cả hai, Tăng Chúng và hàng Cư Sĩ, biết rằng “Việc này do chính Ta làm. Trong mỗi việc, cho dù lớn hay nhỏ, hoàn thành hay chưa thành, hãy để chúng làm theo Ta”. Đó là sự suy nghĩ của người ngu đại. Lòng tham ái và tính ngã mạn của họ được tăng trưởng (P. C. 74).

Hai kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khuru Sudhamma và cận sự nam Citta.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở bấy giờ, trong thành Macchikàsanda có cận sự nam tên là Citta hội túc duyên với Đại Đức Mahànàma thuộc nhóm năm vị Kiều Trần Như, đã cúng dường vật thực và được Thính Pháp cao thượng, nên đã chứng đắc Quả Dự Lưu Thất Lai. Phát Tâm tín thành kiên cố, cận sự nam Citta đã cúng dường mảnh vườn ưa thích của mình để làm một Thiền Lâm thanh tịnh, dưới sự chứng minh của Đại Đức Mahànàma bằng cách xối nước lên tay, và Citta khẩn nguyện “*Ngay sát na này, xin cho con được thành tựu trong Phật Pháp*”. Nước xối vừa dứt thì khắp cả mặt địa cầu đều rung động.

Tiếp theo, vị cận sự nam Citta sửa sang lại ngôi vườn, lập nên một **Tứ Phương Tăng Tự Viện**, là nơi luôn luôn đón tiếp Khách Tăng tứ phương và thỉnh mời Tỳ Khuru Sudhamma làm trụ trì trông coi Tự Viện.

Một hôm, khi hay tin hai vị Chí Thượng Thinh Văn đi đến, cận sự nam Citta đi ra một khoảng đường nửa do tuần để nghinh tiếp và thỉnh các Quý Ngài về Tự Viện của mình, săn sóc và phục vụ một cách tận tình chu đáo.

Sau đó, Citta đã cung thỉnh Đại Đức Sàrìputta khái thuyết Pháp Thoại hữu ích cao thượng và khi dứt Pháp Thoại thì cận sự nam Citta chứng đắc quả vị Bất Lai, đồng thời đánh lễ tác bạch với hai vị Thượng Thủ Chúng Tăng:

- Kính bạch hai Ngài, con xin cung thỉnh hai Ngài cùng với một ngàn Chúng Tăng Tỳ Khuru hoan hỷ hoan lâm đến thọ thực nơi nhà của con vào sáng ngày mai.

Thỉnh những vị Khách Tăng trước, rồi sau đó, Citta đến thỉnh vị trụ trì Sudhamma:

- Kính bạch Ngài Trụ Trì, con cũng xin cung thỉnh Ngài cùng đi với Chư vị Khách Tăng hoan lâm đến tể xá đặng thọ lễ vật thực cúng dường vào sáng ngày mai.

Vì được thỉnh sau Chư vị Khách Tăng nên vị Trụ Trì đã nghĩ rằng cận sự nam Citta không có lòng tôn kính mình, Tỳ Khuru Sudhamma đã nổi giận và từ khước ngay lúc đó, mặc dù vị thí chủ van nài khẩn khoản đến ba lần, nhưng vị trụ trì vẫn một mực từ chối. Citta đã ra về với lời từ giả:

- Kính bạch Ngài, xin Ngài thông cảm cho con.

Ngày hôm sau, vị thí chủ Citta sắm sửa trai soạn Chư Tăng vô cùng long trọng. Tuy nhiên, khi hãy còn rất sớm, Tỳ Khuru Sudhamma cũng ngồi không yên, cuối cùng đi tới nhà của Citta, nhưng không chịu ngồi xuống, chỉ muốn được nhìn thấy những lễ vật được bày biện trong cuộc lễ này.

Mặc cho Citta cung kính đón chào nhưng Tỳ Khuru Sudhamma vẫn còn có sự bất toại nguyện trong lòng, và lời nói sau cùng của Tỳ Khuru Sudhamma là *“sẽ rời khỏi Tự Viện và ra đi”*.

Thực hiện lời nói trong cơn nóng giận, Tỳ Khuru Sudhamma đã đi đến Kỳ Viên Tự tại thành Sàvatthi (cách trú xứ đến ba mươi do tuần) để trình bày mọi sự việc lên Đức Phật. Khi nghe qua câu chuyện, Đức Phật có lời khuyên giải:

- Này Sudhamma, vị cận sự nam là người có đức tin trong sạch, mà sao Sudhamma lại thô lỗ nông nổi và miệt thị người ta.

Sau đó, Đức Phật triệu tập Tăng Chúng và áp dụng Luật trong Tăng Đoàn để khuyến cáo nhắc nhở Tỳ Khuru Sudhamma. Và sau khi đã sám hối giữa Tăng Chúng, Tỳ Khuru Sudhamma vâng theo lời dạy của Đức Phật, đã trở về xin lỗi với cận sự nam Citta. Tuy nhiên, Citta từ chối việc tha lỗi, đã làm cho Tỳ Khuru Sudhamma quá sức ngỡ ngàng, lặng lẽ quay trở lại Kỳ Viên Tự, để thỉnh ý của Đức Phật.

Lần này, Đức Phật cất cử một Tỳ Khuru cùng đi với Tỳ Khuru Sudhamma để trở lại và ngõ lời xin lỗi thiện cảm với cận sự nam Citta. Trước khi ra đi, Đức Phật có lời dạy bảo:

- Này Sudhamma, đã là một vị Sa Môn, không nên nghĩ suy sai lầm như vậy, ***đây là chùa của ta, đạo tràng này là của ta, tín đồ này là của ta, hoặc hiện bày tính chất tật đố và ngã mạn***. Vì làm như thế, thì những Pháp phiền não, nhất là Tật Đố và Ngã Mạn, sẽ theo đó mà phát triển tăng trưởng lên.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Ham danh không xứng đức tài,
Chức vị Sư Trưởng, quyền oai nhất chùa.
Gồm thâu đệ tử tín đồ,
Lễ vật dâng cúng dư thừa cũng cam.*

*Việc này do chính Ta làm,
Việc lớn, việc nhỏ bao hàm tự Ta.
Người ngu cứ tưởng sai ngoa,
Muốn cho Tăng, Tục biết qua việc mình.
Nên lòng ngạo mạn phát sinh,
Lòng Tham dính mắc mắc tình gia tăng.*

Về trở lại Tự Viện, vừa trông thấy cận sự nam Citta, Tỳ Khuru Sudhamma vội lên tiếng chịu lỗi, và xin Citta hoan hỷ niệm thứ. Cận sự nam Citta trả lời:

- Kính bạch Ngài, con hoan hỷ niệm thứ với Ngài, và nếu con có điều chi sai lỗi, kính xin Ngài cũng hoan hỷ niệm thứ cho con.

Trở về phòng của mình, Tỳ Khuru Sudhamma theo những huấn từ của Đức Phật chỉ dạy và tiến hành suy niệm, ngay khi đó Tỳ Khuru Sudhamma đã chứng đắc quả vị Vô Sinh. Riêng về cận sự nam Citta khởi tâm suy nghĩ “*Từ ngày ta liễu tri Thánh Đạo Thánh Quả, mà chưa dịp được diện kiến và đánh lễ Đức Thế Tôn. Vậy ta phải sắp sửa để đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn cho hợp với lễ đạo*”.

Citta đem việc nghĩ suy của mình trình lên Tứ Chúng thì tất cả mọi người đều hoan hỷ và cùng nhau sửa soạn lễ vật, với năm trăm cỗ xe và hội chúng đông đảo cùng nhau tiến về Kỳ Viên Tự tại thành Sàvatthi. Trong suốt đoạn đường dài ba mươi do tuần, với Tứ Chúng đông đảo như thế, mà không thiếu thốn bất luận điều gì trong điều kiện sinh hoạt, do hội túc Tiên Phúc Duyên đã gieo trồng trong quá khứ, nên cứ mỗi chặng đường một do tuần đều có Chư Thiên và dân chúng hai bên đường dâng cúng và chia sẻ những vật dụng cần thiết, do đó khi đến thành Sàvatthi thì tất cả những vật thực vẫn còn nguyên trên những cỗ xe.

Tại Kỳ Viên Tự, Đức Phật bảo với Đại Đức Ānanda:

- Nay Ānanda, chiều nay, gia chủ Citta cùng với hội chúng đông đảo sẽ đến đánh lễ Như Lai.

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sẽ có những điều huyền diệu nào xảy ra hay không ?

- Nay Ānanda, sẽ có một trận mưa hoa đầy đủ hương sắc do Chư Thiên tạo ra để cùng cúng dường với hội chúng của Citta đến Như Lai.

Lần lượt các hội chúng tuần tự đi vào Kỳ Viên Tự, đánh lễ Đức Thế Tôn và ngay khi Citta quỳ sụp xuống đánh lễ và ôm chân của Đức Phật thì có trận mưa hoa từ Thiên Giới rơi xuống với lời chúc phúc vang rền của Chư Thiên trên hư không “Lành Thay ! Lành Thay !”.

Đoàn Tứ Chúng của cận sự nam Citta lưu lại Kỳ Viên Tự trong thời gian một tháng. Mỗi ngày đều có lễ cúng dường vật thực đến Đức Phật và Chư Thánh Tăng, tuy nhiên không có ngày nào, Citta lấy những vật thực từ trên xe xuống để cúng dường, mà tất cả đều phát sanh lên từ Chư Thiên và dân chúng khắp nơi đem đến thiết lễ Trai Tăng.

Đến ngày trở về thành Macchikàsanda, cận sự nam Citta thỉnh ý Đức Phật xin để lại tất cả những vật thực trên những cỗ xe tại Kỳ Viên Tự và ra về. Đức Phật chỉ dạy Đại Đức Ànanda đón nhận và sắp xếp chỗ nơi thích hợp, rồi hợp Tăng Chúng lại tụng đọc tuyên ngôn nhìn nhận địa điểm thích hợp đúng theo Luật. Tuy vậy, Phước Vật của cận sự nam Citta cứ mãi hiện bày không dứt, liên tục phát sanh cho đến về lại nhà tại thành Macchikàsanda.

Đại Đức Ànanda khởi Tâm thắc mắc và vấn hỏi Đức Phật, với nhân với duyên chi mà Citta có được Phước Vật thù thắng và có được sự quý kính của Chư Thiên và nhân loại như vậy. Đức Phật giải thích:

- Cận sự nam Citta đã khẩn nguyện phát tâm hoan hỷ xả thí dưới chân Đức Phật Padumuttara (Thượng Liên Hoa) và trải qua trăm ngàn đại kiếp, tới thời Đức Phật Kassapa, Citta sanh làm người thợ săn. Một hôm nhằm lúc trời mưa lớn, đang lúc còn mãi đi săn trong rừng, người thợ săn thấy một vị Sa Môn đang hành Pháp cao thượng, liền phát tâm muốn được cúng dường để bát.

Người thợ săn vội vã trở về nhà, cùng người vợ sửa soạn vật thực để cúng dường. Trên đường đi đến để bát vị Sa Môn, người thợ săn hái những hoa xinh đẹp để trên bình bát, và với hai tay dâng lên cúng dường vị Sa Môn, cùng lời phát nguyện: “Do Tâm con hoan hỷ trong việc cúng dường cùng với những hoa tươi xinh đẹp, xin cho con được tái tục trong thời lúc nào và ở bất cứ nơi đâu, luôn được hàng ngàn quà tặng đến cho con và có được trận mưa hoa từ trên hư không rơi xuống, đặng làm cho Tâm được thỏa thích”.

Do luôn tạo Thiện Nghiệp trọn cả cuộc đời, người thợ săn khi mãn tuổi thọ được sanh về Thiên Giới, hưởng Phúc Lộc Thiên và khi trở lại làm người thì luôn được đón nhận quả Phước Vật thù thắng không voi cạn cùng với sự quý kính của Chư Thiên và nhân loại.

Qua hai câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khưu Sudhamma và cận sự nam Citta, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Trong vấn đề tôn kính, hẳn cũng nên hiểu biết ý nghĩa của nhiều lễ vật cúng dường đến Tam Bảo, vì Phật Giáo thực sự không chứa đựng điều chi vô nghĩa cả, nếu có sự thực hành

vô nghĩa thì chính thực điều đó không phải là giáo lý của Đức Phật.

Có ba lễ vật cúng dường thông dụng: hương, hoa và đèn, cho người Phật Tử có dịp thực hiện một ít pháp tu Thiền Quán riêng lẻ trong lúc tiến hành việc dâng lễ vật. Khi thắp nến hay đèn, Phật Tử có tác niệm **“Mong cho con được sự giác ngộ”**. Những nén hương được thắp lên từ ánh lửa của ngọn nến, Phật Tử với tác niệm **“Để thành tựu viên mãn sự giác ngộ”**. Trong khi mùi hương dịu tỏa khắp mọi phương, Phật Tử với tác niệm **“Xin nguyện cho mùi hương đức hạnh truyền rải đến khắp cả chúng sanh ở khắp mọi nơi”**. Khi dâng hoa với hai bàn tay chấp lại thành kính cúng dường, Phật Tử tác niệm **“Cuộc đời này quả thật ngắn ngủi, với những bông hoa tươi đẹp của ngày hôm nay và ngày mai sẽ úa tàn cùng với hương thơm. Cái được gọi là Thân xác này đây cũng tương tự không sai khác”**.

Liễu tri được điều ấy, trong cuộc sống luôn trôi chảy và vô thường, người Phật Tử nỗ lực duy trì và nâng cao tiêu chuẩn Giới Đức của mình và bước thêm một bước hướng về sự Giác Ngộ.

*Đức tin, Giới hạnh trọn lành,
Danh thơm, Thánh sản sẵn dành Thánh nhân.
Đến đâu cũng được ân cần,
Cung nghinh, quý kính, trọn ân kiết tường.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 75: Giữa danh lợi và Níp Bàn là hai con đường hoàn toàn khác biệt.

*Khác thay duyên Thế lợi,
Khác thay đường Níp Bàn,
Tỳ khuru, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng trí,
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu tập viển ly.
(P.C. 75)*

There is one means for getting gain, another means for going to Nibbàna. Thus having learned this, let the Bhikkhu, the follower of the Buddha, not rejoice in honour. Let him practise seclusion (P. C. 75).

Autre eat la voie des biens de ce monde, autre celle du Nibbàna. Une fois qu'il l'a compris, le Bhikkhu, disciple du Bouddha, cessant de se livrer à la quête des honneurs, se

met à cultiver le détachement (P. C. 75).

Dịch nghĩa: Quả thật như vậy, con đường dẫn đến lợi lộc của thế gian là một, và dẫn đến Níp Bàn là một con đường khác. Liễu tri được như thế, thầy Tỳ Khuru, đệ tử Phật, không nên thỏa thích trong mùi danh bã lợi của thế gian, mà phải trau dồi Tâm dứt bỏ (P. C. 75).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Sa Di Tissa trú ngụ trong rừng.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, người bạn của thân phụ Đại Đức Sàriputta lâm vào hoàn cảnh nghèo khó, nên thường hay lẫn tránh với Đại Đức Sàriputta vào mỗi khi nhìn thấy Đại Đức đứng chờ cúng dường vật thực ở trước cửa nhà. Một hôm, do nhờ đi tụng kinh cho một cuộc lễ thuộc Môn Phái của mình, vị Bà La Môn có được một chút ít vật thực thì trong lòng liền nghĩ đến để dành cúng dường Đại Đức Sàriputta. Lúc bấy giờ, Đại Đức cũng vừa xuất khỏi Thiên Quả, và quán thấy được Thiện Tâm của vị Bà La Môn này, nên liền đáp y và ôm bình bát, Đại Đức đi thẳng đến trước cửa nhà của vị Bà La Môn. Được trông thấy Đại Đức, vị Bà La Môn phát tín tâm thanh tịnh, ra đón chào và cung thỉnh Đại Đức vào ngồi trong nhà, đoạn đem phần vật thực đã có được và đi đến rót vào bát của Đại Đức cùng với cúng dường một tấm y choàng lớn. Tuy nhiên, Đại Đức Sàriputta chỉ nhận một nửa phần và lấy tay đập miệng bát lại. Với lời thành khẩn, vị Bà La Môn bày tỏ cùng với Đại Đức rằng:

- Kính xin Ngài từ bi tế độ cho con trong những kiếp về sau, và chẳng phải độ con ngay trong kiếp này.

Nhận lời thỉnh cầu, Đại Đức Sàriputta đã thọ nhận trọn phần vật thực và thọ thực ở ngay tại nơi đó. Vị Bà La Môn lại xin phát nguyện trước mặt Đại Đức:

- Kính bạch Ngài, xin cho con được chứng đắc Pháp Quả nào mà Ngài đã được chứng đắc.

- Nay Ông Bà La Môn, cầu chúc cho Ông được thành tựu như ý.

Và ngay sau đó, Đại Đức Sàriputta quay trở lại Kỳ Viên Tự. Với lòng hoan hỷ khôn nguôi và ngưỡng mộ Đại Đức Sàriputta vô hạn, thì ngay phút giây còn đang vương vấn nghĩ suy, vị Bà La Môn trút hơi thở cuối cùng và đi tục sinh vào thai bào của một Nữ Cạn Sự thường hay hộ độ cúng dường đến Đại Đức Sàriputta đang trú ngụ tại thành Sàvatthi. Thai nhi ở trong bụng làm cho sản phụ phát sanh sự thai nghén với lòng mong mỏi về hai điều ước:

(1) là muốn được cúng dường vật thực đến năm trăm vị tỳ khuru Tăng và có Đại Đức Sàriputta làm chủ tọa với cơm nấu với sữa tươi,

(2) lại có một ước nguyện là được đắp y casa, ngôi thọ tàn thực của Chư Tăng trong bình bát ở phía sau của Chư Tăng”.

Được sự chấp thuận của mọi người trong gia đình, lễ cúng dường Trai Tăng được thiết lập và hoàn toàn được thành tựu mọi ước nguyện của người sản phụ.

Vừa tròn mười tháng, sản phụ hạ sinh được một bé trai. Tin vui được chào đón khắp cả mọi người trong nhà, và lễ cúng dường Trai Tăng lại được thiết lập với sự hiện diện của Đại Đức Sàriputta làm chủ tọa cùng với năm trăm vị tỳ khuru Tăng. Được nằm trên một tấm vải làm bằng gấm rất đắt tiền, trẻ sơ sinh này vừa nhìn thấy Đại Đức Sàriputta liền nhận biết được rằng “Vị Đại Đức này là vị Thầy của ta trong tiền kiếp (**Pubbacàriya**), nhờ vào ân đức của Ngài mà hôm nay ta được sanh vào trong một gia đình giàu có. Như vậy, ta phải cúng dường cho Ngài một vật lễ cao quý”. Vừa được bông lên để đi đến Đại Đức Sàriputta thì ngón tay của đứa bé nắm chặt lấy tấm vải gấm và quyết không buông ra với trạng thái khóc lên thật to. Thấy vậy, quyến thuộc không làm sái ý của trẻ và khi đến gần Đại Đức thì đứa bé đã buông tấm vải gấm xuống ngay nơi chân của Đại Đức Sàriputta. Mọi người trong nhà liền quỳ xuống và tác bạch đến Đại Đức:

- Kính xin Đại Đức nhận lãnh tâm lòng của trẻ và xin hoan hỷ truyền Quy và Giới đến Thiện Nam vừa phát tâm cúng dường tấm vải gấm quý giá này.

- Đây gia chủ, tên của đứa bé này là chi ?

- Kính bạch Đại Đức, xin Ngài hoan hỷ đặt tên cho con trẻ.

- Vậy thì hãy gọi trẻ thơ này là Tissa.

Vì trước khi xuất gia theo Đức Phật, Đại Đức Sàriputta có tên gọi là Upatissamānava. Từ ngữ **Upa** có nghĩa là gần gũi, thân cận. Do đó, Mẹ Cha của trẻ thơ liền nghĩ suy về việc tạo thuận duyên cho bé Tissa không rời xa Thầy Tế Độ của mình.

Vào lúc tuổi vừa lên bảy, Tissa vào xin với Mẹ Cha được xuất gia và theo tu học với Đại Đức Sàriputta. Mẹ Cha của con trẻ rất hoan hỷ duyệt ý và đi thỉnh Đại Đức đến nhà để chứng minh. Đến chiều cùng ngày, Mẹ Cha dẫn bé Tissa lên Kỳ Viên Tự và xin gửi Tissa cho Đại Đức. Nhìn thấy Tissa, Đại Đức Sàriputta có lời khuyên bảo:

- Đây Tissa con, việc tu hành rất khó nhọc. Khi mình cần dùng vật nóng thì lại được vật lạnh, và khi cần dùng vật lạnh thì lại được vật nóng. Đã là người xuất gia thì phải sống kham khổ, còn con đã quen sống trong sung sướng, Thầy sợ e con không kham nhẫn được mọi tình huống xảy ra.

- Kính bạch Đại Đức, tất cả những điều mà Ngài vừa kể ra, con chịu được hết cả.

- Lành thay, tốt thay cho con trẻ.

Và như thế, lễ xuất gia Sa Di của Tissa được thực hiện với sự hướng dẫn của Đại Đức Sàriputta qua việc quán về ba mươi hai thể trước và thọ trì Thập Giới. Gia đình của Tissa thiết lễ cúng dường Trai Tăng suốt cả bảy ngày và có Đức Phật làm chủ tọa cùng rất đông chư tỳ khuru Tăng. Đến ngày thứ tám, Sa Di Tissa bắt đầu theo Chư Tỳ Khuru Tăng vào thành để trì bình khát thực. Do quả phước báu từ Thiện Sự đã tạo ra trong kiếp quá khứ là cúng dường vật thực và một tấm y choàng lớn đến Đại Đức Sàriputta, do đó, ngay khi vừa bước vào thành thì dân chúng đã cùng nhau kéo đến cúng dường Sa Di Tissa rất đông đảo, với ngàn phần vật thực và ngàn lá y casa. Sa Di Tissa lại đem cúng dường tất cả đến Chư Tỳ Khuru Tăng. Từ đó, Sa Di Tissa được Chư Tăng ban tặng danh hiệu là **Tissa Thí Thực**.

Lúc bấy giờ với thời tiết giá lạnh, nhìn thấy Chư Tỳ Khuru Tăng mặc y áo không đủ ấm, Sa Di Tissa lại phát tâm muốn tìm kiếm những tấm y gấm ngự hàn để cúng dường đến Chư Tăng. Tuần tự đi đến từng nhà, Sa Di Tissa đi trước và Chư Tăng tháp tùng đi theo sau, từ ngoài làng vào đến cổng thành, thì Sa Di Tissa đã có được năm trăm chiếc y gấm. Đến ngay đầu chợ, có một người bán hàng vừa nhìn thấy Sa Di Tissa liền đem lòng thương mến như con ruột, vội phát tâm cúng dường hai chiếc y gấm quý giá cùng với lời phát nguyện:

- Xin cho tôi đắc được Pháp Quả của Ngài đã chứng đắc.
- Xin cho người được thành tựu như ý nguyện.

Tiếp tục đến hết vòng thành thì Sa Di có đủ ngàn lá y gấm và cúng dường đến Chư Tỳ Khuru Tăng. Từ đó, Sa Di Tissa được Chư Tăng ban tặng danh hiệu là **Tissa Thí Y**.

Tuy nhiên, Sa Di Tissa nhận thức về việc trú ngụ tại Kỳ Viên Tự là nơi có rất nhiều người thường lui tới, không có được phút giây thanh tịnh. Sa Di Tissa đi đến đánh lễ Đức Phật và xin được vào trong rừng để tu tập với Thiền Quán. Đức Phật truyền trao đề mục và Sa Di Tissa đến đánh lễ với Thầy Tế Độ, và ra đi nhắm hướng về khu rừng già. Được lòng thương yêu của biết bao nhiêu người, Sa Di Tissa được hướng dẫn đến trú ngụ một tịnh thất ở trong rừng. Từ đó, Sa Di Tissa được mọi người ban tặng danh hiệu là **Tissa Cư Lâm**.

Thế là, Sa Di có cả ba danh hiệu là **Tissa Thí Thực, Tissa Thí Y, Tissa Cư Lâm**. Mỗi ngày, Sa Di trì bình khát thực ở những nhà Phật Tử ở ngoài bìa rừng. Mỗi lần thọ nhận vật thực cúng dường, Sa Di Tissa thường luôn phúc chúc với hai câu “*Xin cho người được sự an vui. Xin cho người được thoát khổ*”.

Đến mùa mưa, nhận lời thỉnh cầu của Chư Phật Tử, Sa Di Tissa đã trú ngụ an cư kiết vũ tại tịnh thất này và chứng đắc Quả vị Vô Sinh vào tháng thứ ba. Và mãn hạn mùa an cư, Đại Đức Sàriputta, Đại Đức Moggallàna cùng với một số đông Chư Tỳ Khuru Tăng đã đi đến viếng thăm Sa Di Tissa. Phật Tử được loan báo và cùng kéo nhau đến rất đông, bày tỏ lòng tôn kính cúng dường và ngỏ lời thỉnh cầu được Đại Đức Sàriputta thuyết Pháp,

tuy nhiên Đại Đức đã từ chối và giao việc này cho Sa Di Tissa. Tất cả Phật Tử đồng loạt quỳ bạch với Đại Đức với lời chân ngôn: *“Sự của chúng con chỉ thuộc lòng hai câu kệ phúc chúc, là “Xin cho người được an vui, Xin cho người được thoát khổ” và ngoài ra không biết Pháp nào khác”*. Đại Đức Sàriputta chỉ dạy Sa Di:

- Nay Tissa, con hãy lấy hai chủ đề *“những người được an vui, những người được thoát khổ”* làm đề tài thuyết giảng rành rẽ nghĩa lý đi.

- Kính bạch Ngài, con xin vâng lời.

Bước lên Pháp Tọa, Sa Di Tissa khái thuyết tuần tự Giáo Pháp, từ thấp lên cao, từ sơ cơ đến thậm thâm, phân tích lần lượt Ngũ Uẩn, Tứ Đại, Lục Căn, Ba mươi bảy Phẩm trợ Đạo, là con đường đưa đến chứng đắc Đạo Quả Vô Sinh. Kết luận thời Pháp, Sa Di Tissa nói *“Với người chứng đắc Quả Vô Sinh thì hằng được an vui như thế. Với người chứng đắc Quả Vô Sinh thì hằng được thoát khổ như thế. Là sẽ thoát khỏi Sanh Lão Bệnh Tử và Tứ Khổ Thủ mà chúng sanh Phàm Phu thường phải bị vương mang”*.

Dứt thời Pháp Thoại, Phật Tử chia ra làm hai nhóm, một nhóm hoan hỷ thỏa thích và một nhóm khởi Tâm thắc mắc vì bấy lâu nay, không được nghe Sa Di thuyết giảng. Tại Kỳ Viên Tự, dưới Tuệ Nhãn của Đức Phật quán sát thấy được điều này, nên Ngài cùng Chư Tăng đã ngự đến nơi của Sa Di Tissa, và có lời sách tấn khuyên nhủ hàng Phật Tử với lời chỉ dạy rằng *“Này các Thiện gia tử, quả thật hữu phúc và hội thiện duyên với Sa Di Tissa, do đó mà có dịp được diện kiến với Chư Thánh Tăng và ngay cả Như Lai”*. Nghe qua lời dạy của Đức Phật, tất cả Phật Tử đều hoan hỷ và không còn thắc mắc.

Sau đó, Đức Phật đi cùng với Sa Di Tissa dạo quanh khu rừng và có những lời chỉ dạy rất có giá trị đến Sa Di Tissa. Cuối cùng, Đức Phật và cùng Chư Thánh Tăng lần lượt quay trở lại Kỳ Viên Tự và chỉ còn Sa Di Tissa hoan hỷ với cảnh thanh tịnh ở nơi tịnh thất trong rừng già.

Tối hôm đó, Chư Tăng ngồi luận bàn tại nơi Giảng Đường của Kỳ Viên Tự về đạo hạnh của Sa Di Tissa, đã từ khước mọi vật lễ cúng dường và chỉ vui thích tu tập khổ luyện chốn thanh tịnh. Đức Phật ngự đến và có lời giải thích:

- Nay Chư Tỳ Khưu, có hai con đường hoàn toàn khác biệt. Một bên là con đường duyên theo Thế Lợi. Một bên là con đường tu tập đưa đến Đạo Quả Vô Sinh Níp Bàn. Với những ai biết từ khước mọi danh lợi và vui thích ẩn dật nơi thanh tịnh, tinh tấn hành Đạo không xao lãng thì quả thật sẽ chứng đắc được Quả vị Vô Sinh”.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Khác thay duyên Thế lợi,
Khác thay đường Níp Bàn,
Tỳ khưu, đệ tử Phật,*

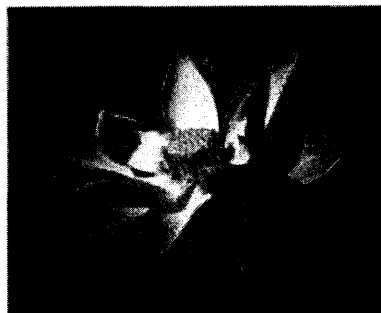
*Hãy như vậy thắng trí,
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu tập viễn ly.
(P.C. 75)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Sa Di Tissa trú ngụ trong rừng , rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Điều mà chúng ta gọi là hạnh phúc trong đời sống chỉ là sự thỏa mãn của một vài điều mong mỏi. Khi được một việc thì ta lại muốn việc khác. Tham vọng không nào dứt, không khi nào ta cho là vừa đủ cả. Vậy, phiền não và đau khổ là bản chất của đời sống. Hàng Phật Tử nên phân biệt hạnh phúc Níp Bàn với hạnh phúc thông thường ở thế gian. Hạnh phúc của thế gian còn phải miệt mài và bị chi phối bởi tám Pháp Thế Gian (Bát Phong). Hạnh phúc Níp Bàn không phai lạt và không nhầm chán. Đó là hạnh phúc không mệt mỏi, không thay đổi. Hạnh phúc tạm bợ ở thế gian là sự thỏa mãn của một vài tham vọng. Trái lại, hạnh phúc Níp Bàn phát sanh do sự diệt trừ mọi tham vọng. **“Nibbànam paramam sukham” – Níp Bàn là hạnh phúc tối thượng**. Níp Bàn không là hạnh phúc phát sanh từ nơi ngũ quan. Là hạnh phúc chân lạc tuyệt đối, được phát sanh do sự tích cực giải thoát ra khỏi mọi đau khổ của đời sống.

*Một đường hưởng lạc Thế Gian,
Một đường tu chứng Níp Bàn vô sanh.
Tỳ Khuru Phật Tử phải rành,
Chớ nên tham đắm lợi danh thế quyền.
Đạo mẫu phải rắng Tâm chuyên,
Đi đường giải thoát bình yên lâu dài.*

-----00000-----



II / Giáo Án Kinh Pháp Cú - Phẩm thứ sáu : Phẩm Hiền Trí.

Từ ngữ “*Pandita*” dịch là Hiền Trí, bậc thiện trí thức, bậc trí tuệ.

Bậc thiện trí thức là bậc thấy xa hiểu rộng, có thể chỉ cho ta biết đường chánh phải theo, đường tà phải lánh. Được gọi là bậc Hiền Trí do hội đủ bảy pháp hiền triết (*Sappurisdhamma*) như sau:

- 1) Tri nhân: hiểu biết rõ cái nhân, là biết sự hiền lành là cái nhân của sự an vui, sự hung ác là cái nhân của sự khổ não.
- 2) Tri quả: hiểu biết rõ cái quả, là biết sự an vui là cái quả của sự hiền lành, sự khổ não là kết quả của sự hung ác.
- 3) Tri ngã: hiểu biết rõ vị trí mình, là biết cái cảnh ngộ trình độ của mình đến đâu rồi hành theo cho phù hợp.
- 4) Tri độ: hiểu biết chuyên nghề lành để nuôi sống và thường có tiết độ trong sự ăn uống.
- 5) Tri thời : hiểu biết dùng thời giờ, biết giờ nào phải làm việc nào, không lộn xộn trong thời giờ đã qui định.
- 6) Tri hội: biết tùy cơ ứng biến, là trong khi hội họp với nhiều người, biết cách đối phó và hành động nói năng cách nào cho dễ việc tiếp dẫn người.
- 7) Tri bỉ: biết xem người, là biết người lành để thân cận, biết người ác để xa lánh.

Không kỳ là dân tộc nào, người giàu sang hay nghèo khó, đàn ông hay đàn bà, bậc xuất gia hay tại gia, ai hội đủ bảy pháp thì được gọi là bậc Hiền Trí. Và có bốn nguyên nhân sanh khởi trí huệ.

- a) Sự giao thiệp với bậc có thân ngữ ý lành gọi là bậc Hiền Trí (*Sappurisdhammasseva*).
- b) Sự nghe pháp và cung kính vâng giữ những lời giảng dạy của bậc Hiền Trí (*Saddhammassavana*).
- c) Sự suy xét cho triệt để các lời dạy bảo của các bậc Hiền Trí để hành theo (*Yonisomanasikàra – Như Lý Tác Ý*).
- d) Sự gắng hành theo những pháp mà mình đã suy xét rồi (*Dhammanudhammapatipatti*).

Phẩm Hiền Trí có mười bốn câu nêu lên những tính chất cao quý của người hiền trí, rất có ích cho chúng ta khi được gần gũi học hỏi với những người ấy.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ bảy mươi sáu :

Nidhinam'va pavattàram	Nếu thấy bậc hiền trí
Yem passé vajjadassinam	Chỉ lỗi và khiển trách
niggayhavàdim medhàvim	Như chỉ chỗ chôn vàng
tàdisam panditam bhaja	Hãy thân cận người trí
tàdisam bhajamànassa	Thân cận người như vậy
seyyo hoti na pàpiyo	Chỉ tốt hơn, không xấu

Đại ý: Nếu gặp người thiện trí chỉ cho ta những lỗi lầm và những điểm cần phải sửa sai - giống như người phát giác cho ta kho tàng bảo vật - hãy kết hợp với người như thế. Ai kết hợp với người như thế sẽ trở nên tốt, không xấu hơn. (P. C. 76)

Vẫn biết rằng chúng ta sanh trong cõi đời này, tùy theo duyên nghiệp trước, kẻ nhiều người ít, ai cũng có sức mạnh của thân thể, của kiến thức và của trí tuệ để làm ăn nuôi sống. Nhưng muốn sự làm ăn của mình được dễ dàng, có kết quả tốt và muốn giữ mình cho đặng trong sạch hoàn toàn để hưởng sự an vui trong kiếp hiện tại và vị lai, ta cần phải có cái trí huệ để sáng suốt hơn nữa. Muốn được thấy xa hiểu rộng, chẳng chỉ hay hơn là ta năng giao thiệp và học hỏi với bậc Hiền Trí.

Thân cận với các bậc Hiền Trí có được bốn phước báu:

- 1) Hằng làm cho giới hạnh được tăng tiến cao thượng.
- 2) Hằng làm cho định được tăng tiến cao thượng.
- 3) Hằng làm cho tuệ được tăng tiến cao thượng.
- 4) Hằng làm cho sự giải thoát được tăng tiến cao thượng.

Na bhaje pàpake mitte	Chớ thân với bạn ác
na bhaje purisàdhame	Chớ thân kẻ tiểu nhân
bhajetha mitte kalyàne	Hãy thân người bạn lành
bhajetha purisuttame	Hãy thân bậc thượng nhân.

Đại ý: Không kết hợp với bạn xấu, với người ti tiện - Hãy kết hợp với người tốt, người cao quý. (P. C. 78)

Gần gũi với bậc Hiền Trí ráng nghe lời dạy bảo của các Ngài và suy xét thấu đáo nghĩa lý, các Ngài thường chỉ dẫn những việc lành cho chúng ta hành đặng có lợi ích bản thân, chỉ chúng ta những khiếm khuyết tồn tại để sửa chữa hầu mong chúng ta được trọn vẹn tốt lành.

Udakam hi nayanti nettikà	Người trị thủy dẫn nước
Usukànà namayanti tejanam	Kẻ làm tên nắn tên
Dàrum namayanti tacchakà	Người thợ mộc uốn gỗ
Attànam damayanti panditā	Bậc trí nhiếp tự thân.

Đại ý: Người dẫn thủy nhập điền đào mương cho nước chảy. Thợ làm tên uốn nắn mũi tên cho ngay thẳng. Thợ mộc uốn gỗ. Bậc thiện trí tự kiểm soát lấy mình. (P. C. 80)

Muốn trở thành người hiền trí như các bậc Hiền Trí, Đức Phật khuyên chúng ta phải biết tự kiểm soát lấy mình, không được bông bột sôi nổi và cũng không được nản lòng rùn chí, trước mọi thăng trầm của thế sự - giữa tán dương và khiển trách - phải biết giữ tâm vững chắc như tảng đá kiên cố khó lòng lay chuyển.

Selo yathà ekaghano	Như hòn đá kiên cố
vàtena na samirati	Không gió nào dao động
evam nindāpasamsāsu	Cũng vậy giữa khen chê
na saminjanti panditā	Người trí không dao động

Đại ý: Như tảng đá cứng chắc không lay chuyển trước gió, dường thế ấy, bậc thiện trí không bị lời tán dương hay khiển trách làm chao động. (P. C. 81)

Đạt được trạng thái như thế, sẽ gặt hái được kết quả an tịnh, hạnh phúc và trí tuệ như các bậc Hiền Trí.

Yathāpi rahado gambhīro	Như hồ nước sâu thẳm
vippasanno anāvilo	Trong sáng, không khuấy đục
evam dhammāni sutvāna	Cũng vậy, nghe chánh pháp
vippasīdanti panditā	Người trí hưởng tịnh lạc

Đại ý: Như nước trong hồ sâu, yên lặng và trong suốt, dường thế ấy, khi nghe Pháp, (tâm của) người thiện trí vô cùng an tịnh (P. C. 82).

Ngoài ra Đức Phật còn nêu cho chúng ta thấy nét hạnh của bậc Hiền Trí sống trong đời.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ tám mươi chín như sau :

Yesam sambodhiangesu	Những ai với chánh tâm
Sammā cittam subhāvitam,	Khéo tu tập giác chi
àdānapatinissagge	Từ bỏ mọi ái nhiễm

anupàdàya ye ratà
khìnàsavà jutimanto
te loke parinibbutà

Hoan hỷ không chấp thủ
Không lậu hoặc, sáng chói
Sống tịch tịnh ở đời.

Đại ý : Người có tâm hoàn hảo trong bồ đề phần, người không luyến ái, thỏa thích trong sự “từ bỏ ái dục” (tức Níp Bàn). Con người không ô nhiễm và sáng ngời rực rỡ ấy đã chứng ngộ Níp Bàn trên chính thế gian này. (P. C. 89)

Bậc Hiền Trí thường xuyên suy niệm về những pháp lành và đem ra thực hành trong đời sống hằng ngày, nhiệt tâm hướng về đạo pháp, thấu hoạch một niềm vui tinh thần vượt lên cao hơn tất cả những hạnh phúc trên thế gian và thành đạt một trạng thái tâm thuần tịnh chân chánh, duyên theo đó, tự thanh lọc thân tâm mình và cố gắng rọi sáng, làm cho người khác trở nên trong sạch, bằng gương lành và lời khuyên dạy thích nghi.

Tóm lại, Bậc Hiền Trí luôn có được bốn chi là :

- 1) Biết ân người đã làm đến mình (*katannu*).
- 2) Làm cho mình được trong sạch, khỏi điều tội lỗi (*attasuddhi*).
- 3) Làm cho người được trong sạch (*paràsuddhi*).
- 4) Tiếp độ người nên tiếp độ (*sangaha*).

-----00000-----

Tích Truyện và Lời Chú Giải

Phẩm Thứ Sáu: PHẨM HIỀN TRÍ (PANDITA VAGGA).

Câu kệ thứ 76: Kết hợp với bậc Trí Tuệ thường có được lời khuyên hữu ích.

*Nếu thấy bậc Hiền Trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng,
Hãy thân cận người trí!
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.
(P.C. 76)*

If one should see one who sees faults and speaks rebukingly, wise, one should follow such a learned man as one would the reporter of treasures. For one following such a one

it becomes better, not worse (P. C. 76).

L'homme sagace qui sait, comme un découvreur de trésors, voir les fautes d'autrui et lui en faire reproche, est un sage dont il faut chercher la compagnie. Qui s'associe avec lui ira de mieux en mieux, non de pis en pis (P. C. 76).

Dịch nghĩa: Nếu gặp được người Thiện Trí chỉ cho ta những lỗi lầm và những điều cần phải sửa sai – ví như người phát giác chỉ cho ta kho tàng bảo vật. Hãy kết hợp với người như thế. Ai kết hợp với người như thế thì sẽ trở nên tốt hơn, không có xấu hơn (P. C. 76).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khuru Ràdha.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một người Bà La Môn nghèo khổ tên là Ràdha, cư ngụ trong thành Sàvatthi, với lòng mong mỏi muốn được xuất gia để sống gần gũi với Chư Tỳ Khuru Tăng, do đó, ông đã đến một Tu Viện xin làm công quả, phụ giúp Chư Tăng trong các việc lật vật như quét dọn cốc liêu, dâng nước rửa mặt, v.v. Tuy nhiên, Chư Tăng chỉ có việc cung cấp vật thực và những nhu cầu cần thiết trong đời sống hằng ngày, nhưng Ràdha chẳng được một vị Tỳ Khuru nào trong Chư Tăng khuyến khích và ủng hộ cho việc xuất gia, vì lẽ tất cả Chư Tăng nhận thấy Ràdha là một lão già và có thể sẽ rất khó dạy bảo uốn nắn. Một hôm, trong lúc quán sát Thế Gian, Đức Phật nhận thấy vị Bà La Môn này hội túc duyên để tu tập và sẽ chứng đắc Quả Vô Sinh. Đức Phật đã đi đến nơi trú ngụ của Ràdha thuộc trong vòng Tự Viện, và dừng lại với lời vấn hỏi:

- Này Ràdha, thường ngày con làm những công việc chi tại nơi đây ?
- Kính bạch Đức Thế Tôn, con làm tất cả mọi việc để phụ giúp Chư Tăng.
- Con có được Chư Tăng tế độ con hay không ?
- Về vật thực và những nhu cầu thì con được tiếp độ, nhưng Chư Tăng không thuận lòng với việc xin xuất gia của con.

Nhân dịp này, Đức Phật triệu tập tất cả Chư Tăng và có lời vấn hỏi:

- Này Chư Tỳ Khuru, trong tất cả mọi người ở đây có ai nhớ ra việc thọ bát của vị Bà La Môn này chăng ?

Đại Đức Sàriputta trả lời:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con đã nhớ ra. Trong lúc con đi trì bình khát thực trong thành Ràjagaha, thì chính vị Bà La Môn này đã để một vá cơm vào trong bình bát của con.
- Này Sàriputta, một người hộ giúp cho mình như thế, thật không đáng được giúp cho

được thoát khỏi khổ hay sao ?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con sẽ tế độ cho ông ta.

Sau đó, Đại Đức Sàriputta làm lễ xuất gia cho Ràdha và dẫn đi du phương với một thầy một trò để tiện việc hành đạo. Sau khi được xuất gia, tân Tỳ Khuru có lòng tôn kính quý trọng đến vị Thầy Tế Độ và Tỳ Khuru Ràdha đã làm thành người dễ dạy, dễ bảo. Tân Tỳ Khuru đã thâm nhận tất cả những lời khuyên bảo của Thầy Tế Độ và đã vâng lời tu tập thực hành theo tất cả những lời khuyên nhủ với lời chỉ dạy của Đại Đức Sàriputta, cuối cùng thì Tỳ Khuru Ràdha đã chứng đắc được Quả vị Vô Sinh. Tiếp đến, Đại Đức Sàriputta đã dẫn đi diện kiến Đức Phật và Ngài đã có lời vấn hỏi Đại Đức Sàriputta:

- Vị Tỳ Khuru của con như thế nào ? Có khó dạy bảo uốn nắn giống như Chư Tỳ Khuru đã nghĩ tưởng với nhau hay không ?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Tỳ Khuru Ràdha là người rất dễ dạy, và con đã chỉ dạy điều chi thì đều hoan hỷ thọ nhận và không có điều chi phần nộ”.

Trong ngày, Chư Tăng đã đem câu chuyện về Tỳ Khuru Ràdha ra bàn luận tại giảng đường với nội dung bàn luận như sau: “Đại Đức Sàriputta là bậc đáng tôn kính với hạnh biết ân và báo đáp ân đức, chỉ với một vá com và đã tế độ Ràdha được xuất gia. Về Tỳ Khuru Ràdha có nét hạnh đáng tôn kính qua việc làm thành người dễ dạy bảo và dễ uốn nắn, biết vâng nghe theo lời chỉ dạy của Thầy Tế Độ”.

Và Đức Phật đã ngự đến, có lời khen ngợi Tỳ Khuru Ràdha cùng với lời dạy bảo Chư Tỳ Khuru rằng:

- Nay Chư Tỳ Khuru, hãy nên là người dễ dạy tương tự như Tỳ Khuru Ràdha và nên nhận thấy rằng người cho lời giáo giới (*Ovada*) ví như người chỉ kho báu vậy.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Nếu thấy bậc Hiền Tri,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng,
Hãy thân cận người trí!
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

(P.C. 76)

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khuru Ràdha, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Trong câu kệ này cho chúng ta thấy hai nét hạnh cao quý, nét hạnh tri ân và báo đáp ân đức cùng với nét hạnh làm thành người dễ dạy.

Pháp báo đáp ân đức là việc làm thành người biết tri ân của người đã thực hiện rồi báo

đáp ân đức lại, Đức Phật gọi là *lãnh vực của bậc Hiền Triết*, là lãnh địa của bậc Hiền Triết hoặc là biểu tượng của bậc Thiện Nhân, như có những Phật ngôn dẫn chứng như sau: ***“Bhūmi ve sappurisaṇaṃ katannūkataveditā”*** hạnh báo đáp ân đức là lãnh địa của bậc Thiện Nhân, ***“Nimittam sàdhurūpaṇaṃ katannūkataveditā”*** hạnh báo đáp ân đức là biểu tượng của bậc Thiện Nhân. Ý nghĩa được nhận thấy là với người mà thành bậc Thiện Nhân là phải có hạnh báo đáp ân đức, bởi vì sự báo đáp ân đức làm thành nền tảng, là căn gốc cho phát sanh thiện công đức ở rất nhiều khía cạnh.

Việc làm thành người dễ dạy là việc thâm nhận lời khuyên nhủ dạy bảo hoặc sự nhắc nhở của người khác trong đường hướng chân chánh và hợp theo lẽ đạo, và không có sự ương ngạnh, kiêu mạn, tự hào rằng ta là người tuyệt hảo cao quý hơn người, là ta có sự hiểu biết hơn người. Bất luận ai đi đến khuyên nhủ dạy bảo thì không có mở rộng Tâm thức để thâm nhận lời khuyên bảo hay ý kiến của người khác, cởi mở tâm tư và thực hành theo lời khuyên nhủ dạy bảo đó. Nên hiểu biết rằng *việc làm thành người dễ dạy*, chẳng phải là ai sai bảo làm cái chi thì cũng làm theo mà không có sự hiểu biết về đúng hay sai. Với việc người sai bảo làm cái chi rồi cũng làm theo hết, mà chẳng biết rằng đúng hay sai, quả thật chẳng được gọi là người dễ dạy. Tuy nhiên, gọi là người dễ bảo, là người dễ dạy theo ý nghĩa phải là dễ dạy hoặc đồng ý vâng lời theo một cách đặc biệt chỉ có trong câu chuyện chân chánh và hợp theo lẽ đạo mà thôi.

*Gặp người hiền trí giải bày,
Những điều làm lỗi sửa sai cho mình.
Hãy nên cùng họ kết tình,
Xem họ như bậc cao minh chỉ đường.
Chỉ ta tìm thấy kho tàng,
Gần hiền vô hại, lợi càng gia tăng.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 77: Lời khuyên chỉ thích hợp với người hiền và thành oán hận với người xấu ác.

*Những người hay khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác,
Được người hiền kính yêu,
Bị người ác không thích.
(P.C. 77)*

He would advise, he would admonish, he would restrain from the impure. He becomes beloved of the Good, he becomes unbeloved of the Bad (P. C. 77).

Celui qui conseille, enseigne, éloigne du mal, comme il plait aux hommes de bien ! Comme il irrite les méchants ! (P. C. 77)

Dịch nghĩa: Hãy để người ấy khuyên nhủ, dạy dỗ và thuyết phục ta không làm điều ác. Người ấy trở thành người kính yêu của hàng Thiện Nhân, trở thành ghét bỏ của hàng Tiệt Nhân (P. C. 77).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến nhóm Tỳ Khuru Ác Tăng vi phạm giới luật.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, tại làng Kita thuộc nước Sàvatthi, có một nhóm Chư Tỳ Khuru Tăng quấy ác và không biết hổ thẹn tội lỗi, mặc dầu họ đã thọ Đại Giới từ nơi hai vị Chí Thượng Thánh Văn, là Đại Đức Sàriputta và Đại Đức Moggallāna. Họ quy tụ được một nhóm rất đông đệ tử xuất gia, gồm có năm trăm vị Tỳ Khuru cùng trú ngụ chung nhau ở núi Kita, chuyên sống về nghề canh tác, trồng trọt rau cải và cây ăn trái. Tất cả Chư Tỳ Khuru Tăng này đã từ khước hạnh trì bình khát thực. Ngoài ra họ đã tạo ra nhiều điều tà hạnh, làm hư hỏng rất nhiều gia đình Thiện Tín để nhờ đó mà nuôi sống với Tứ Vật Dụng qua con đường Tà Mạng. Họ chỉ dung chứa những vị Tỳ Khuru phá giới và quấy ác, và đuổi xua những Tỳ Khuru giữ giới trong sạch thanh tịnh.

Đức Phật biết được những điều tác tệ của nhóm chư Tỳ Khuru Tăng này. Ngài đã cho gọi hai vị Chí Thượng Thánh Văn tới và chỉ dạy, là phải hành Tăng Sự tấn xuất nhóm Chư Tỳ Khuru Tăng này ra khỏi vùng đang trú ngụ, với lời dạy bảo rằng:

- Này Sàriputta, Moggallāna, các con hãy ra đi đến nơi làng Kita. Phải thực thi Tăng Sự tấn xuất với sự tụng đọc tuyên ngôn, với những ai không vâng lời quy phục. Không nên ngần ngại về những hành động vi phạm giới luật của họ gây ra tai hại lớn, làm giảm mất lòng tin tưởng của dân chúng vào Đạo Pháp. Còn với những người ngoan hiền thì các con hãy dạy bảo và nhắc nhở họ.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Những người hay khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác,
Được người hiền kính yêu,*

Bị người ác không thích.

(P.C. 77)

Sau khi nhận huấn từ của Đức Phật, nhị vị Đại Đệ Tử là Đại Đức Sàriputta và Đại Đức Moggallàna đi đến làng Kita, dạy bảo và nhắc nhở nhóm Tỳ Khuru quấy ác. Tức thời, có một số Chư Tỳ Khuru nhận lãnh giáo huấn và quy phục hai vị Đại Đức. Có một số từ bỏ đời sống Đạo Hạnh và quay trở về đời sống Thế nhân. Còn một số bất phục, không nhận lỗi và ương ngạnh với những lời dạy bảo của hai vị Đại Đức, đã bị hai Đại Đức thi hành Tăng Sự tụng đọc tuyên ngôn tẩn xuất nhóm Tỳ Khuru này ra khỏi làng Kita.

Quả thật, với người dạy dỗ và nhắc nhở, thì những kẻ thiếu trí sanh Tâm bất toại nguyện, oán hận và chẳng ưa thích. Với những người ngoan hiền thì phát Tâm hoan hỷ và kính yêu những vị Giáo Thọ đã chỉ dạy những điều lợi lạc.

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến nhóm Tỳ Khuru Ác Tăng vi phạm giới luật, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Giới Luật là nền tảng vững chắc trong đời sống của người Phật Tử. Đó là căn bản của công trình trau dồi Tâm Trí. Với người quyết Tâm trau dồi tu tập thì phải phát triển Tâm ưa thích giới đức, vốn là yếu tố bồi dưỡng đời sống tâm linh, giúp cho Tâm Trí dễ dàng an trụ và tĩnh lặng. Giới Luật mà Đức Phật ban hành không phải là những điều răn cấm tiêu cực mà rõ ràng xác định ý chí cương quyết hành Thiện Pháp, sự quyết tâm vun bồi những hành động tốt đẹp – một con đường toàn hảo được xây đắp bằng Thiện Ý, nhằm tạo an lành và hạnh phúc cho nhân loại. Những quy tắc đạo lý này nhằm tạo dựng một xã hội châu toàn bằng cách đem lại tình trạng hòa hợp, nhất trí, điều hòa, thuận thảo và sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người và con người.

Giới đức trang nghiêm giúp phát triển Tâm Định. Tâm Định ở mức độ cao siêu là phương tiện để thành đạt Trí Tuệ hay Tuệ Quán. Tuệ Quán phát sanh phá tan lớp mây mù si mê bao phủ mọi sự vật và trực chứng thực tướng của vạn pháp. Như vậy, Giới – Định và Tuệ là ba điều học hoặc là ba điều cần phải tu học. Phật Tử không thể thực hành riêng rẽ một điều học và bỏ quên hai điều học còn lại. Mỗi điều học là phương tiện để tiến tới mục tiêu. Và cả ba điều học diệt trừ tận gốc rễ của ba căn Bất Thiện, là Tham Sân Si.

*Người hay dạy dỗ khuyên răn,
Thấy ai phạm lỗi can ngăn tức thì.
Người sáng kính mến yêu vì,
Kẻ tối, trái lại sân si oán thù.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 78: Hãy nên kết hợp với hảo bằng hữu.

*Chớ thân với bạn ác,
Chớ thân kẻ tiểu nhân.
Hãy thân người bạn lành,
Hãy thân bậc Thượng nhân.
(P.C. 78)*

One should not associate with evil friends, one should not associate with the lowest of men. One should associate with good friends, one should associate with the best of men (P. C. 78).

Ne prends pas de méchants comme amis. Ne fréquente pas de gens mesquins. Fais – toi des amis de bonne conduit. Cherche la compagnie de gens nobles (P. C. 78).

Dịch nghĩa: Không kết hợp với bạn xấu ác, không kết hợp với hạng người ty liệt. Hãy kết hợp với hảo bằng hữu, hãy kết hợp với hạng người cao quý (P. C. 78).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khuru Channa khó dạy.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, trước khi xuất gia trở thành vị Tỳ Khuru thì Channa là một người hầu giữ ngựa cho Thái Tử Siddhattha trong kinh thành Kapilavatthu. Vào một đêm, Thái Tử cưỡi ngựa Kiền Trắc, vượt khỏi kinh thành thì có Channa đi theo cùng, trên đường đi tìm Chân Lý và Đạo Quả giải thoát. Đến khi Thái Tử chứng đắc Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác và kỳ về lại thăm kinh thành Kapilavatthu để độ Phụ Vương là Vua Tịnh Phạn cùng Hoàng Thân Quốc Thích thì lúc bấy giờ Channa đã xin được xuất gia và trở thành một Tỳ Khuru đệ tử Phật. Tỳ Khuru Channa thường luôn tự hào và ngã mạn, thường hay khoe khoang với Chư Tăng rằng Tỳ Khuru Channa là người có công lớn đối với Đức Phật và Chư Tăng. Và có lần Tỳ Khuru Channa đã thốt ra lời mỉa mai đến hai vị Chí Thượng Thịnh Văn của Đức Phật như sau:

“Trong khi Thái Tử lìa khỏi kinh thành để xuất gia tìm đạo, tu tập khổ hạnh thì Ngài ra đi chỉ có một mình và có ta ở bên cạnh. Lúc bấy giờ chẳng thấy có một ai nào khác, thế mà bây giờ có người đi đến đâu cũng xưng tên Ta là Sàriputta, Ta là Moggallàna, là Chí Thượng Thịnh Văn đệ tử Phật”.

Được Chư Tăng trình mọi sự việc về Tỳ Khuru Channa đến Đức Phật thì Ngài có cho

gọi Tỳ Khuru Channa đến khuyên răn dạy bảo. Tỳ Khuru Channa nín nhịn được hai lần, nhưng sau đó lại vẫn mĩa mai hai vị Chí Thượng Thịnh Văn như bao lần trước. Trong khi đang mĩa mai vào lần thứ ba thì Đức Phật cho gọi đến và dạy bảo:

- Này Channa, hãy nên thay đổi thái độ ngay, không nên có lời vô lễ với hai vị Tỳ Khuru đức hạnh này. Hai vị Chí Thượng Thịnh Văn này là những hảo bằng hữu của Chư Tăng, và Channa phải nên thân cận giao kết và tôn kính họ”.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Chớ thân với bạn ác,
Chớ thân kẻ tiểu nhân.
Hãy thân người bạn lành,
Hãy thân bậc Thượng nhân.
(P.C. 78)*

Tỳ Khuru Channa mặc dầu đã nghe được huấn từ của Đức Phật, nhưng sau đó cũng vẫn tiếp tục mĩa mai, nhiếc mắng các vị Tỳ Khuru. Chư Tăng lại tác bạch lên Đức Phật về việc làm thiếu lễ độ này thì Đức Phật có lời dạy:

- Này Chư Tỳ Khuru, trong khi Như Lai còn tại thế thì Chư Tăng không thể nào bắt buộc Tỳ Khuru Channa vâng giữ điều học được. Hãy nhẫn nại chờ khi Như Lai viên tịch thì lúc bấy giờ Chư Tăng sẽ dạy dỗ được Channa.

Và rồi thời gian viên tịch của Đức Phật đã đến, Đại Đức Ànanda bạch hỏi:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con sẽ phải dùng Pháp nào để cải hóa Tỳ Khuru Channa ?

- Này Ànanda, hãy dùng hình phạt *Phạm Đàn (Brahmadanda)* một hình thức xử phạt bằng cách tuyệt giao, không thân cận, không tiếp xúc và nói năng chi cả để hành phạt Tỳ Khuru Channa.

Ngay khi Đức Phật viên tịch Níp Bàn thì Đại Đức Ànanda nhóm họp Chư Tăng để thực hành Tăng Sự *Phạm Đàn* với Tỳ Khuru Channa, đã khiến cho Tỳ Khuru Channa đau khổ và phải ngất xỉu đến ba lần. Sau đó, Tỳ Khuru Channa bày tỏ ăn năn và nỗ lực tu tập tròn đủ Phạm Hạnh, cuối cùng thì chứng đắc Quả Vô Sinh.

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khuru Channa khó dạy, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Những sự ương ngạnh, kiêu căng hoặc sự ngạo mạn tự phụ, kết hợp với cả sự bướng bỉnh kiêu ngạo, chung lại tất cả chẳng có một việc Thiện nào, đều phát xuất từ nơi Ngã Mạn, là sự Ngã Chấp và Tà Kiến, là việc thấy sai chấp lầm, Thân Kiến, nghĩ rằng ta đây thù thắng cao quý hơn người, vượt trội hơn người, luôn cả trong lãnh vực chủng tộc, dòng

giống cho đến tài sản của cải và kiến thức, khiến cho phát sanh sự thô lỗ, tự phụ kiêu căng, dương dương tự đắc, khinh thường người khác. Sự thô lỗ, v.v. là điều bất tường hoặc là điều xấu xa ty liệt của đời sống, làm cho đời sống bị suy sụp không có sự thăng tiến, bởi vì người có sự thô lỗ, kiêu căng tự phụ thường sẽ không được đón nhận sự chỉ dẫn dạy bảo ở nơi người khác, không được đón nhận những sự tốt đẹp ở nơi người khác và rất khó sẽ thực hiện những việc tốt. Với sự Ngã Mạn và Kiến Chấp nghĩ rằng ta đây đã có điều hay, điều giỏi rồi thì sẽ chặt đứt tất cả những cơ hội hoặc chặt đứt con đường phát triển thăng tiến của đời sống.

Và ngược trở lại thì sự khiêm cung là sự việc làm cho người có Tâm mềm mỏng nhún nhường, là sự việc làm người hành xử một cách khiêm tốn, gọi là sự khiêm cung. Với người diệt trừ ngã mạn và sự thô lỗ được ví như mảnh vải để lau chân, như bò bị người bẻ sừng, như rắn độc bị nhổ răng thì thường có lời nói ngọt ngào, dịu dàng, dễ nghe. Với người như vậy, Ngài gọi là có sự khiêm cung. Tóm lại, sự khiêm cung là sự việc làm cho Thân, Ngữ, Ý mềm mỏng nhún nhường, không có ngã mạn kiến chấp, không còn thô lỗ kiêu mạn, không cống cao tự phụ lấn át người khác.

Sự tôn kính là sự việc có Tâm nhận thức rõ biết trong cái hay của người và vật rồi khởi lên sự tôn kính quý trọng. Còn sự khiêm cung là việc nghĩ tưởng đến cái hay của tự mình rồi khởi Tâm nhún nhường hạ mình, không cống cao ngã mạn lòng lấy.

*Đừng thân cận bạn ác, ngu,
Đừng gần gũi kẻ thất phu tục tử.
Chỉ nên kết giao kim bằng,
Với bậc hiền đức, Trí năng hơn đời.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 79: Với người thâm nhuần Giáo Pháp thì hằng sống được an vui hạnh phúc.

*Pháp Hỷ đem an lạc,
Với Tâm tư thuần tịnh,
Người Trí thường hoan hỷ,
Với Pháp bậc Thánh thuyết.
(P.C. 79)*

He who drinks of the doctrine sleeps happy, with a clear mind. The learned man always rejoices in the doctrine taught by the noble ones (P. C. 79).

Qui s'est imprégné de la Loi, vit dans le Bonheur, l'esprit apaisé. Le sage trouve toujours ses délices dans la Loi enseignée par les Ariyas (P. C. 79).

Dịch nghĩa: Người thấm nhuần Giáo Pháp hằng sống trong hạnh phúc với Tâm an tịnh. Bậc Hiền Trí luôn luôn thỏa thích trong Giáo Pháp của các bậc Thánh đã khai thuyết (P. C. 79).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khuru Mahākappina.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, trước khi xuất gia thành vị Tỳ Khuru trong Tăng Đoàn của Đức Phật, thì Mahākappina là một vị Vua có rất nhiều phước báu vi diệu thù thắng. Do trong những tiền kiếp quá khứ, kể từ thời kỳ của Đức Phật Padumuttara (*Thượng Liên Hoa - Vị Phật quá khứ*) lúc đó là một Thiện Nam Tử đã phát tâm cúng dường vật thực đến Đức Phật Padumuttara và xin phát nguyện được luôn hưởng phước báu thù thắng như ý nguyện. Trong thời gian xoay chuyển của vòng luân hồi, Mahākappina có khi được sanh làm một Trưởng nhóm thợ dệt trong một khu phố dệt cách kinh thành không bao xa. Người trưởng nhóm thợ dệt này cùng người vợ thường luôn làm những Thiện Sự, như cúng dường Tứ Vật Dụng và hộ độ đến một ngàn vị Độc Giác Phật. Mãn phần trong kiếp sống đó, cả hai vợ chồng Trưởng nhóm thợ dệt được sanh về Cỏi Đạo Lợi Thiên và được hưởng Thiên Lộc cho đến thời kỳ Đức Phật Kassapa.

Mãn phần kiếp sống Thiên Tử thì cả hai lại đi tục sinh vào Cỏi Nhân Loại, và thọ sanh trong những gia đình Trưởng giả. Đến tuổi lớn khôn, cả hai lại kết hợp gia duyên như những kiếp quá khứ không rời xa nhau. Thường xuyên cả hai cùng rủ nhau đi đến Tịnh Xá để được Thính Pháp do Đức Phật Kassapa khai thuyết. Cũng trong kiếp sống này, cả hai vợ chồng lại tiếp tục làm những Thiện Sự để tạo ra những Thiện Phước. Cả hai vợ chồng này kết hợp với nhiều Phật Tử trong làng để cùng nhau kiến tạo một Đại Giảng Đường to lớn và cúng dường đến Đức Phật, Chư Tăng cùng Hội Chúng Phật Tử có đủ điều kiện để thường lui tới Thính Pháp và tu tập. Riêng về người vợ Trưởng Giả lại thiết lập một lễ vật cúng dường đến Đức Phật một đóa hoa Anoja (*Huỳnh Hoa*) với ánh sắc vàng chói sáng và một khăn choàng rất quý giá với lời khấn nguyện “*Nguyện xin Thiện Sự này trở sanh quả phước báu trong ngày vị lai, một khi con sanh trong Cảnh giới nào cũng có được dung sắc chói ngời như sắc Huỳnh Hoa và cũng được mang tên là Anoja*”. Đức Phật thọ ký và chúc phúc “*Chúc con được thành tựu như ý nguyện*”.

Mãn phần ở Nhân Loại, cả hai vợ chồng này và những Phật Tử đã hoan hỷ cùng nhau

kiến tạo Thiện Sự, đều thọ sinh về Cỏi Đạo Lợi Thiên hưởng Thiên Lộc lâu dài, cho đến thời kỳ Đức Phật Gotama, được tái tục vào Cỏi Nhân Loại. Một vị được sanh vào trong Hoàng Tộc và đến tuổi trưởng thành được Tôn Vương với danh hiệu là Vua Mahākappina. Còn vị kia được sanh vào trong Hoàng Tộc của kinh thành Tàyala, nước Madda và được song thân đặt tên là Công Chúa Anoya vì có dung sắc chói ngời như đóa Hoa Huỳnh. Những Phật Tử sau khi mãn kiếp sống Thiên Tử thì tục sinh ở Cỏi Nhân Loại trong những gia đình Trưởng giả giàu có hoặc làm những Hoàng Thân Quốc Thích của Vua Mahākappina, là do nhờ hưởng Quả Phước Báo của những Thiện Sự mà họ đã kiến tạo cùng chung lượt với nhau. Tâm tư của Vua Mahākappina luôn ngày đêm nghĩ tưởng đến Ân Đức Tam Bảo và có ngỏ lời với các quan đại thần đi khắp nơi tìm kiếm Tam Bảo để đến mà nương nhờ.

Một hôm, Vua Mahākappina cùng với các quan đại thần đi du ngoạn trong vườn thượng uyển, và Vua đã gặp một nhóm người thương buôn từ nước Sāvattthi đến, thuật chuyện về Đức Phật cùng Tăng Đoàn đang trú ngụ tại Kỳ Viên Tự. Vừa nghe qua, tâm tư của Vua Mahākappina ngây ngất vì vui mừng và bàn với các quan đại thần về ý định của mình là sẽ tìm đến Đức Phật và xin được xuất gia. Các quan đại thần cũng đồng thuận xin cùng xuất gia với Vua Mahākappina. Cùng ngày hôm ấy, Đức Phật với Tuệ Nhãn siêu nhiên nhìn thấy Vua Mahākappina cùng các quan đại thần đã hội túc duyên để đắc chứng Đạo Quả, Ngài liền đáp y, ôm bình bát, rời khỏi Kỳ Viên Tự và đi về hướng của Quốc Vương. Sau cùng đến tại bờ sông Candabhāgā, Đức Phật đã ngồi xuống dưới một cội cổ thụ, và phóng tỏa hào quang chói ngời.

Vua Mahākappina và các quan đại thần đã vượt qua một trăm hai mươi do tuần với muôn ngàn gian khổ trên đường đi tới Đức Phật. Có lúc đến một dòng sông chảy mạnh, không có ghe thuyền để qua sông, tuy nhiên với lòng thành của Vua Mahākappina đã khẩn nguyện với Ân Đức Phật Bảo, với chín hồng danh của Đức Phật, đã khiến dòng sông trở lại chảy êm ả và đoàn người và ngựa của Vua Mahākappina đã vượt qua một cách an toàn. Đi được một đoạn đường dài lại gặp một con sông như con sông thứ nhất, cũng đang chảy mạnh và không có phương tiện để qua sông, lần này với lòng tưởng nhớ đến Ân Đức Pháp Bảo, Vua Mahākappina chú tâm chánh niệm vào Pháp Bảo, và như thế, đoàn người và ngựa của Vua Mahākappina đã vượt qua sông một cách an toàn. Cuối cùng, trước khi gặp được Đức Phật, Vua Mahākappina và đoàn tùy tùng phải vượt qua một con sông thứ ba, cũng như hai con sông trước, và lần này Quốc Vương đã chánh niệm với Ân Đức Tăng Bảo, và cũng như thế, đoàn của Vua Mahākappina đã đi tới bên bờ sông Candabhāgā, cùng lúc ấy nhìn thấy Đức Phật với kim thân có hào quang tỏa sáng ngời. Tất cả đồng cùng xuống ngựa, cùng nhau đi đến đánh lễ Đức Phật và sau đó, Vua Mahākappina cùng với các quan đại thần ngồi xuống một bên. Đức Phật khai thuyết Tuần Tự Pháp và đến cuối thời

Pháp Thoại thì Vua Mahākappina cùng các quan đều chứng đắc Quả Thất Lai. Khi ấy, tất cả đều cùng nhau quỳ lên và ngỏ lời với Đức Phật xin được xuất gia. Quán xét trong những kiếp quá khứ, có một kiếp thì tất cả những Thiện Nam Tử này đã cúng dường y áo đến Chư Độc Giác Phật và trong thời của Đức Phật Kassapa cũng đã cúng dường y áo đến Đức Phật và Tăng Chúng, do đó, Đức Phật liền đưa tay hướng về tất cả và dạy rằng: **“Ehi bhikkhu! Thiện Lai Tỳ Khuru”**. Quả phước báu trở sanh tức thời đến với tất cả những Thiện Nam Tử này, và tất cả đều trở thành những tân tỳ khuru với tám món vật dụng tùy thân, với dung mạo trang nghiêm và đạo hạnh.

Về phần Hoàng Hậu Anoya khi được hay tin Vua Mahākappina cùng các quan đi đến thành Sàvatthi để diện kiến Đức Phật. Hoàng Hậu liền cho triệu tập tất cả mệnh phụ phu nhân của các quan đại thần, để cùng nhau lên đường đi tìm Vua Mahākappina và các đại quan. Tương tự với đoàn của Vua Mahākappina, đoàn của Hoàng Hậu cũng phải vượt qua ba con sông lớn và với chú tâm niệm tuân tự Ân Đức Tam Bảo, thì cuối cùng đoàn của Hoàng Hậu Anoya cũng đã đi đến bờ sông Candabhàgà, được nhìn thấy Đức Phật với hào quang phún tỏa khắp châu thân. Tuy nhiên, với thần lực của Đức Phật đã che lấp những tân Tỳ Khuru này, do đó, Hoàng Hậu Anoya cùng tất cả các mệnh phụ chỉ nhìn thấy một mình Đức Phật. Tất cả đồng đi đến đánh lễ Đức Phật, Hoàng Hậu Anoya ngỏ lời vấn hỏi Ngài để xin được tìm thấy Vua Mahākappina và các đại quan. Thay vì trả lời câu hỏi của Hoàng Hậu Anoya, Đức Phật khái thuyết Tuần Tự Pháp đến cho tất cả mọi người, cuối cùng thì tất cả các vị Phu Nhân này đều chứng đắc Quả Thất Lai. Riêng về những tân Tỳ Khuru đang ngồi Thính Pháp tại nơi đó, đến khi dứt thời Pháp Thoại thì tất cả đều chứng đắc Quả Vô Sinh.

Ngay sát na ấy, Đức Phật khiến cho tất cả Quý Bà đều được nhìn thấy những vị Thánh Vô Sinh. Tức thời, các mệnh phụ này đều tiến tới quỳ xuống đánh lễ các bậc Thánh Vô Sinh với tất cả lòng tôn kính, và sau đó, đồng cùng nhau quay trở lại với Đức Phật quỳ xuống tác bạch xin được xuất gia thành hàng Ni Chúng. Đức Phật thọ nhận lời thỉnh cầu và cho tất cả những Thánh Nữ này được xuất gia và trú ngụ vào Nữ Tu Viện. Không bao lâu sau, tại nơi Nữ Tu Viện trong thành Sàvatthi, tất cả Tỳ Khuru Ni này đều chứng đắc Quả Vô Sinh.

Trong thời gian trú ngụ tại Kỳ Viên Tự, Tỳ Khuru Mahākappina luôn miệng thốt lên lời **“Ôi! Hạnh Phúc thay ! Hạnh Phúc thay !”**. Chư Tăng đem câu chuyện được nghe như thế đến trình lên Đức Phật. Khi được biết tâm tư của Tỳ Khuru Mahākappina hoan hỷ trong hạnh xuất gia và tận diệt hết phiền não, Đức Phật có lời dạy bảo Chư Tăng:

- Nay Chư Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Mahākappina không phải vì nghĩ tới ngũ trần dục lạc, cũng không nghĩ tới sự sung sướng về đời sống Vương giả. Tỳ Khuru Mahākappina đang thấm nhuần trong Chánh Pháp, từ đó Pháp Hỷ phát sanh lên và cảm thọ phi lạc về sự an

lạc Níp Bàn.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Pháp Hỷ đem an lạc,
Với Tâm tư thuần tịnh,
Người Trí thường hoan hỷ,
Với Pháp bậc Thánh thuyết.
(P.C. 79)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khuru Mahākappina. rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Người thấm nhuần Giáo Pháp luôn sống hạnh phúc với tâm an lạc. Hàng Trí Tuệ thường luôn hoan hỷ trong Giáo Pháp mà các bậc Thánh Nhân đã tìm ra và giảng dạy. Giáo Pháp của Đức Phật được xây dựng trên nền tảng vững chắc của Tứ Thánh Đế. Xuyên qua đời sống hằng ngày, Chân Đế luôn hiện bày trong từng mỗi khoảnh khắc. Với người thiếu trí chỉ thấy lớp bên ngoài, tuy nhiên với bậc Thánh nhân thì nhìn thấy được thực tướng của sự vật. Hàng Trí Tuệ nhìn thấy đời sống với thực tướng của sự tạm bợ, không bền vững và thường luôn biến đổi. Với người thông thường thì có quan niệm về thọ hưởng ngũ dục lạc là hạnh phúc tốt đẹp nhất. Tuy nhiên, với Đức Phật, không luyến ái, vượt lên trên mọi dục lạc, là hạnh phúc cao thượng thù thắng.

Người đã thanh lọc mọi tham vọng, ích kỷ, mọi thù hận, mọi tư tưởng oán đối tàn bạo, và đượm nhuần tinh thần vị tha, từ ái và ôn hòa, thì lúc bấy giờ sẽ thấy đời sống của chính mình được an lành hạnh phúc.

*Người đắc Pháp Hỷ thành thoi,
Với Tâm khiết tịnh, sống đời thanh cao.
Người Trí luôn mãi hân hoan,
Lắng nghe Pháp Phật bảo ban giáo truyền.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 80: Bậc Trí Tuệ thường luôn tự kiểm soát chính mình.

*Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc Trí nhiếp tự thân.
(P.C. 80)*

Truly canal – makers lead water, fletchers bend the arrow (straight), carpenters bend wood, learned men tame the self (P. C. 80).

Ceux qui captent les eaux en sont les maitres. Les artisans faconnent les flèches. Les charpentiers courbent le bois. Les sages sont maitres d'eux – mêmes (P. C. 80).

Dịch nghĩa: Người dẫn thủy nhập điền đào mương cho nước chảy. thợ làm tên uốn nắn mũi tên cho ngay thẳng. thợ mộc uốn gỗ. Bậc Hiền Trí tự kiểm soát lấy mình (P. C. 80).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Sa Di Pandita.

Tích truyện được nói đến như sau:

Khởi phát tích truyện này bắt nguồn từ thời kỳ Đức Phật Kassapa.

Thuở ấy, Đức Phật Kassapa có thuyết giảng một Pháp Thoại cho Tứ Chúng được nghe, về bốn hạng người hiện hữu trong đời qua việc kiến tạo Thiện Sự, như sau:

(1) Tự mình làm những Thiện Sự và không muốn rủ mời người khác cùng làm với mình, do đó, kiếp vị lai được sanh làm người có đầy đủ tài sản nhưng lại cô đơn, không thân bằng quyến thuộc,

(2) Chỉ kêu gọi người khác làm Thiện Sự, nhưng chính mình thì không xả thí hoặc thực hiện việc Thiện Sự, do đó, kiếp vị lai được sanh làm người thì có đông đảo bà con quyến thuộc nhưng lại thiếu thốn nghèo khổ,

(3) Tự mình không làm Thiện Sự và cũng không kêu gọi một ai làm Thiện Sự, do đó, kiếp vị lai được sanh làm người thì phải nghèo khổ và cô đơn.

(4) Tự mình vui thích làm Thiện Sự và hoan hỷ kêu gọi mọi người cùng làm Thiện Sự với mình, do đó, kiếp vị lai được sanh làm người có đầy đủ tài sản và có đông đảo thân bằng quyến thuộc.

Kết thúc thời Pháp Thoại thì có một Thiện Nam Tử phát tâm làm hạng người thứ tư, đi đến thỉnh cầu cúng dường vật thực Đức Phật và Chư Tăng vào ngày hôm sau. Sau đó, Thiện Nam Tử này đã đi đến từng mỗi nhà ở trong làng để kêu gọi cùng nhau làm việc Thiện Sự. Đến cuối làng thì Thiện Nam Tử này gặp một anh rất nghèo khổ và cũng ngó lơ lời mời anh nghèo khổ này cùng tham gia vào việc cúng dường. Biết không từ chối được lời mời, cuối cùng thì anh nghèo khổ cũng nhận lời để cúng dường bỏ bát một vị tỳ khưu. Về nhà bàn với người vợ và cả hai vợ chồng phải đi kiếm việc làm nỗ lực để có đủ tiền và mua vật thực cho ngày mai đi cúng dường. Tấm lòng chân thành đã làm động tâm Thiên

Chủ Dao Lợi Thiên phải thị hiện xuống làm một cụ già để phụ giúp hai vợ chồng nghèo khổ này trong việc nấu nướng và sửa soạn vật thực bỏ bát cho vị tỳ khuru.

Sáng ngày hôm sau, vị Thiện Nam Tử phân chia từng mỗi người lo bỏ bát vật thực đến từng vị Tỳ Khuru, tuy nhiên lại quên hẳn việc phân chia cho anh nghèo khổ. Quá đau khổ, anh nghèo khổ đã đi thẳng đến Chùa và khóc than trước Hương Thất của Đức Phật. Quán sát anh nghèo khổ có đủ phước duyên, Đức Phật mở cửa Hương Thất của Ngài và lặng lẽ trao bình bát cho anh nghèo khổ trước bao sự ngạc nhiên của tất cả mọi người. Anh nghèo khổ thỉnh Đức Phật đi về nhà và cả hai vợ chồng cùng nhau đánh lễ Ngài, sau đó cúng dường vật thực đến cho Ngài. Phước báu của hai vợ chồng nghèo khổ được lan truyền khắp cả thị thành, cho đến tai của Quốc Vương cũng hoan hỷ vui theo, và quyết định phong cấp tước vị Đại Trưởng Giả cho anh nghèo khổ cùng với bảy thứ báu vật. Từ đó, cả hai vợ chồng Tân Trưởng Giả này thường luôn tạo nhiều Thiện Sự để cúng dường Đức Phật và Chư Tăng mãi cho đến chấm dứt tuổi thọ.

Mãn kiếp sống ở nhân loại, cả hai vợ chồng đều được sanh về Dao Lợi Thiên, được hưởng Thiên Lộc cho đến thời kỳ Đức Phật Gotama, và đi thọ sanh vào gia đình một vị Trưởng Giả giàu có lại là đại thí chủ hộ độ Đại Đức Sàriputta. Vừa tròn mười tháng, sản phụ hạ sinh được một bé trai. Tin vui được chào đón khắp cả mọi người trong nhà, và lễ cúng dường Trai Tăng lại được thiết lập với sự hiện diện của Đại Đức Sàriputta làm chủ tọa cùng với năm trăm vị tỳ khuru Tăng. Đến ngày lễ đặt tên cho con, mọi người trong nhà liền quỳ xuống và tác bạch đến Đại Đức:

- Kính xin Đại Đức nhận lãnh tâm lòng của trẻ và xin hoan hỷ truyền Quy và Giới.
- Đây gia chủ, tên của đứa bé này là chi ?
- Kính bạch Đại Đức, con trẻ có tên là Pandita.

Vào lúc tuổi vừa lên bảy, Pandita vào xin với Mẹ Cha được xuất gia và theo tu học với Đại Đức Sàriputta. Mẹ Cha của con trẻ rất hoan hỷ duyệt ý và đi thỉnh Đại Đức đến nhà để chứng minh. Đến chiều cùng ngày, Mẹ Cha dẫn bé Pandita lên Kỳ Viên Tự và xin gửi Pandita cho Đại Đức. Nhìn thấy Pandita, Đại Đức Sàriputta có lời khuyên bảo:

- Đây Pandita con, việc tu hành rất khó nhọc. Con có được biết hay không ?
- Kính bạch Đại Đức, dạ con xin ghi nhận huấn từ của Ngài.

Và như thế, lễ xuất gia Sa Di của Pandita được thực hiện với sự hướng dẫn của Đại Đức Sàriputta qua việc quán về ba mươi hai thể trực và thọ trì Thập Giới. Gia đình của Pandita thiết lễ cúng dường Trai Tăng suốt cả bảy ngày và có Đức Phật làm chủ tọa cùng rất đông chư tỳ khuru Tăng. Đến ngày thứ tám, Sa Di Pandita bắt đầu theo Đại Đức Sàriputta vào làng để trì bình khát thực. Dọc đường làng, Sa Di Pandita thấy nhiều nông gia làm việc dẫn thủy nhập điền, liền khởi lên câu hỏi với Thầy Tế Độ:

- Kính bạch Ngài, nước có Tâm thức hay không ?

- Nay Pandita con, nước không có Tâm thức.

Sa Di Pandita liền suy nghĩ: “*với một vật không có Tâm thức mà còn làm được điều lợi ích. Thế con người có Tâm thức lại chẳng biết tự điều chế Tâm mình để thực hành Sa Môn Pháp đặng cho có lợi ích*”.

Đi thêm một đoạn nữa, Sa Di Pandita thấy người thợ làm cung tên đang hơ lửa để uốn nắn cung tên cho thẳng, liền khởi lên câu hỏi với Thầy Tế Độ:

- Kính bạch Ngài, cung tên có Tâm thức hay không ?
- Nay Pandita con, cung tên không có Tâm thức.

Sa Di Pandita liền suy nghĩ: “*với một vật không có Tâm thức mà còn làm được điều lợi ích. Thế con người có Tâm thức lại chẳng biết tự điều chế Tâm mình để thực hành Sa Môn Pháp đặng cho có lợi ích*”.

Lại thêm một đoạn nữa, Sa Di Pandita thấy nhiều người thợ làm bánh xe với cãm, vành, trục xe, liền khởi lên câu hỏi với Thầy Tế Độ:

- Kính bạch Ngài, những khúc gỗ này có Tâm thức hay không ?
- Nay Pandita con, những khúc gỗ đó không có Tâm thức.

Sa Di Pandita liền suy nghĩ: “*với một vật không có Tâm thức mà còn làm được điều lợi ích. Thế con người có Tâm thức lại chẳng biết tự điều chế Tâm mình để thực hành Sa Môn Pháp đặng cho có lợi ích*”.

Tự suy nghĩ với những lý lẽ chín chắn như thế, Sa Di Pandita xin với Thầy Tế Độ không đi trì bình khát thực và muốn quay trở lại tịnh thất để tu tập Sa Môn Pháp. Về đến tịnh thất, Sa Di Pandita nỗ lực thâm sát quán Tâm thức, không hề xao lãng. Khi ấy, do oai lực tiên tu một cách phi thường của Sa Di Pandita đã làm động tâm của Thiên Chủ Đế Thích, khiến Ngài cùng Tứ Đại Thiên Vương thị hiện xuống chung quanh tịnh thất để giữ gìn sự thanh tịnh. Và như thế, Sa Di Pandita chứng đắc Quả vị Bất Lai.

Đại Đức Sàriputta cũng vừa đi khát thực xong và quay trở về Tịnh Xá, định trao phần vật thực đến Sa Di Pandita. Đức Phật dùng Tuệ Nhãn quán sát thấy sự việc Sa Di Pandita sẽ chứng đắc Quả Vô Sinh, do đó Ngài liền đi đến tịnh thất của Sa Di, và gọi chuyện vấn hỏi Đại Đức Sàriputta, với mục đích để cho Pandita tiến tu đến Quả Vô Sinh. Ngay khi đó, Sa Di Pandita thành đạt Quả Vô Sinh, chỉ có tám ngày sau khi xuất gia và tu học với Đại Đức Sàriputta.

Tối hôm đó, Chư Tăng ngồi luận bàn tại nơi Giảng Đường của Kỳ Viên Tự về sự tiên tu của Sa Di Pandita, đã khiến cho Thiên Chủ và Tứ Đại Thiên Vương phải thị hiện hộ trì mọi điều an lạc. Đức Phật ngự đến và có lời giải thích:

- Nay Chư Tỳ Khưu, khi một hành giả nhiệt tâm tiên tu rất ráo thì tất cả mọi Nhân Thiên và ngay cả Như Lai, đều phải bảo vệ và hộ trì cho được thành tựu tốt đẹp và an lạc.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc Trí nhiếp tự thân.
(P.C. 80)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Sa Di Pandita, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Con người là một tiến trình Danh và Sắc luôn luôn biến chuyển, và yếu tố quan trọng nhất nằm trong tiến trình Tâm thức. Kiểm soát Tâm là trung tâm điểm, là phần nòng cốt của Giáo Pháp, những huấn từ của Đức Phật. Hạnh phúc phải được tìm ra và phải được gia công làm cho nó trở nên tốt đẹp, toàn hảo, qua những yếu tố tinh thần bên trong, Tâm thức của ta. Vì lẽ ấy, Đức Phật rất chú trọng đến trạng thái thanh tịnh của Tâm thức, xem như đó là điều kiện thiết yếu để kiến tạo chân hạnh phúc và đưa đến sự giải thoát ra khỏi khổ đau. Trau dồi Tâm, làm cho Tâm trở nên thuần thực, không còn hiện tượng cưỡng kháng, và đi theo con đường tiến hóa trật tự chân chánh, lúc bấy giờ Tâm trở nên hữu dụng, cho chính tự mình và cho xã hội. Bằng cách chú Tâm và suy tư chân chánh về những gì mà ta gặp phải trong cuộc sống hằng ngày, kiểm soát những khuynh hướng xấu và kiềm chế những quyền rũ Tâm xa lìa khỏi những ô nhiễm.

*Với người dẫn thủy nhập điền,
Thợ làm cung uốn ngay liền mũi tên.
Thợ mộc uốn gỗ cần chuyên,
Bậc Trí điều chế Tâm viên tự mình.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 81: Bậc Trí không dao động trước những lời khen và chê.

*Như tảng đá kiên cố,
Không gió nào lay động,
Cũng vậy, giữa khen chê,
Người Trí không giao động.
(P.C. 81)*

As a solid rock is not moved by the wind, so learned men are not moved amid praise and blame (P. C. 81).

Comme un roc solide que le vent ne peut ébranler. Les sages ne sont pas troublés d'être loués ou blâmés (P. C. 81).

Dịch nghĩa: Như tảng đá vững chắc không lay chuyển trước gió, dường thể ấy, bậc Hiền Trí không bị lời tán dương hay khiển trách làm chao động (P. C. 81).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khuru Bhaddiya thấp lùn.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, Tỳ Khuru Bhaddiya tu tập rất tinh cần, và chẳng bao lâu sau thì chứng đắc Quả Vô Sinh. Tuy nhiên Tỳ Khuru Bhaddiya có thân hình thấp lùn, nên thường bị các Chư Phạm Tăng trêu chọc và đặt danh hiệu là *Lakuntaka – thấp lùn*. Tâm thức của vị Thánh Tăng này rất từ ái và nhẫn nại mỗi khi bị trêu chọc, có khi bị véo tai hoặc sờ đầu, hoặc bị bóp mũi, v.v. nhưng Ngài vẫn không biểu lộ sự buồn phiền hoặc sân hận. Tỳ Khuru Bhaddiya vẫn giữ Tâm bình thản, trong những trường hợp bị trêu chọc hoặc có những lời nói bất kính với Ngài.

Một hôm, Chư Tăng ngồi luận bàn tại nơi Giảng Đường của Kỳ Viên Tự về Tâm từ ái và hạnh nhẫn nại của Thánh Tăng Bhaddiya. Đức Phật ngự đến và có lời giải thích:

- Nay Chư Tỳ Khuru, bậc Thánh Vô Sinh luôn giữ Tâm thanh tịnh trước những hiện cảnh trái nghịch, Tâm luôn bình thản và không khởi sanh một Bất Thiện Ý hoặc Ác Ý nào với một ai. Ví như tảng đá kiên cố, không lay động trước những bão tố thì cũng như vậy, vị Thánh Vô Sinh điềm tĩnh trước những lời khen và chê.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Như tảng đá kiên cố,
Không gió nào lay động,
Cũng vậy, giữa khen chê,
Người Trí không giao động.
(P.C. 81)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khuru Bhaddiya, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Tâm dao động là Tâm ngã nghiêng thay đổi, như đôi khi ngã theo phía thương và đôi khi ngã theo phía ghét, có đôi khi theo phía Tham, Sân, Si, không bền vững, lên xuống thất thường, một chốc thì vui vẻ, một chốc lại buồn bã, một chốc thì thương và một chốc lại ghét. Thể loại này gọi là Tâm dao động. Một trường hợp khác, Tâm lo sợ là Tâm bồn chồn lo lắng, hoảng hốt vì sẽ có cái chi đưa đến làm cho buồn lòng. Tâm rung động là

Tâm dao động theo Cảnh ưa thích, dao động theo sự dính mắc và duyệt ý. Tâm vẫn còn có trạng thái lo sợ và rung động như vừa đề cập đến đây, được gọi là Tâm dao động. Có tám Thế Gian Pháp, còn gọi là Bát Phong, chính đó làm cho Tâm thức của chúng ta bị dao động.

Đức Phật hằng khuyên dạy hàng đệ tử phải biết làm chủ cái Tâm và khi giải đáp thắc mắc cho người đệ tử thì Ngài thường chỉ dạy “*Chỉ có Tâm hướng dẫn thế gian, Tâm lôi kéo Thế Gian. Tất cả đều diễn tiến dưới sự lôi cuốn của Tâm thức*”. Năng lực của Tâm rất rộng lớn và cần phải trau dồi đúng mức để thành đạt mục tiêu tối hậu là Níp Bàn. Năng lực của Tâm quả thật là một thực tại. Chỉ khi nào nhận thức năng lực thù thắng của Tâm thức và thấu hiểu rõ ràng là chính Tâm thức của ta có thể biến đổi Thế Gian này thành một Cõi Thiên Giới hoặc một cảnh địa ngục cho mình, thì lúc bấy giờ ta mới học được phương thức phải làm thế nào để thành đạt hạnh phúc.

*Ví như tảng đá kiên trì,
Gió cuồng tám hướng dễ gì chuyển lay !
Tiếng đời chê dở, khen hay !
Không làm chao động đôi mày Trí Nhân.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 82: Giáo Pháp làm cho Tâm của bậc Trí được an tịnh .

*Như hồ nước sâu thẳm,
Trong sáng, không khuấy đục,
Cũng vậy, nghe Chánh Pháp,
Người Trí hưởng tịnh lạc.
(P.C. 82)*

Just as a deep pool is calm and clear, so, hearing the teachings, learned men are calm
(P. C. 82).

*Un lac profond, aux eaux pures, immobiles, tels sont les sages, inondés de clarté,
lorsqu'ils ont reçu l'enseignement de la Loi (P. C. 82).*

Dịch nghĩa: Như nước trong hồ sâu, yên lặng và trong suốt, dường thế ấy, đang khi nghe Giáo Pháp thì Tâm của bậc Hiền Trí an tịnh (P. C. 82).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến hai mẹ con Nữ Thí Chủ

Kànà.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, Cô Kànà là con gái của một Nữ Thí Chủ rất kính mộ Đạo Phật. Mẹ của Cô Kànà đã chuẩn bị những vật lễ cho ngày lễ gã cưới Cô Kànà, tuy nhiên khi vừa làm xong những vật lễ để nàng đem về nhà chồng thì ngay lúc ấy, ngoài trước nhà có những Tỳ Khuru Tăng đi trì bình khát thực, cả hai Mẹ con đều phát tâm cúng dường để bát đến Chư Tỳ Khuru Tăng. Và như thế đến cả bốn lần, luôn cả bốn ngày đều dâng cúng vật thực đến Chư Tăng. Những việc làm này đã khiến bên nhà Chồng của Cô Kànà bất duyệt ý và đã đổi ý đi cưới một phụ nữ khác. Khi Cô Kànà hay được tin đó, khởi Tâm đau khổ buồn rầu, trong lòng phát sanh oán hận Chư Tăng, thốt lên những lời vô lễ và cho rằng: “*Vì Chư Tăng đến nhà thọ nhận vật thực nên Cô Kànà đã bị chồng từ hôn*”. Tiếng đồn vang xa khiến Chư Tăng chẳng một ai đi ngang qua nhà của hai Mẹ con Kànà.

Đức Phật hay biết được tin này và Ngài đã ngự đến nhà Mẹ Cô Kànà để thọ nhận vật thực. Sau khi thọ thực xong, Đức Phật có lời vấn hỏi:

- Này thí chủ, các đệ tử của Như Lai có làm những lỗi lầm chi khi đến nhà thọ nhận vật thực hay không ?
- Kính bạch Đức Thế Tôn, Chư Tăng không có lỗi lầm chi cả và chỉ có Kànà làm những lỗi lầm.

Vừa dứt lời thì Cô Kànà đã quỳ xuống và xin sám hối đến Đức Phật. Nhân đó, Đức Phật khái thuyết một Pháp Thoại về Tuân Tự Pháp cho Kànà được nghe và dứt thời Pháp Thoại thì Kànà chứng đắc Quả Thất Lai.

Trên đường trở về Kỳ Viên Tự, Đức Phật gặp Vua Pasenadi và Đức Phật đã thuật lại thái độ bất kính của Cô Kànà đối với Chư Tăng trước kia và sau khi được nghe Chánh Pháp thì Tâm thức của nàng Kànà được an tịnh trú trong Quả Thất Lai. Vua Pasenadi khởi Tâm hoan hỷ và đón nhận Cô Kànà làm con nuôi với chức vị là Công Chúa trong Hoàng Triều. Giữa triều đình, Vua Pasenadi có lời phán quyết:

- Này tất cả quần thần, ai có khả năng nuôi dưỡng con gái của Trẫm thì hãy đến rước Công Chúa về nhà.

Khi ấy có Quan Tể Tướng xin được đón nhận Công Chúa Kànà về làm vợ và giao cho tất cả quyền hạn quản lý tài sản với lời căn dặn “*Công Chúa hãy tùy nghi làm những Thiện Sự theo sở thích*”. Từ đó, Công Chúa Kànà làm những Thiện Sự xả thí cúng dường đến Chư Tăng và phát chẩn với những người nghèo khổ.

Một hôm, Chư Tăng ngồi luận bàn tại nơi Giảng Đường của Kỳ Viên Tự về sự thay đổi tri kiến và tâm tư buồn phiền của Cô Kànà trước kia và trở nên an tịnh sau khi được nghe Chánh Pháp. Đức Phật ngự đến và có lời giải thích:

- Nay Chư Tỳ Khuru, không phải chỉ trong thời hiện tại này, Kàna đã có những Tâm buồn phiền và xúc phạm đến Chư Đại Đức Tăng mà trong thời quá khứ, Kàna cũng trạng thái Tâm như vậy. Tuy nhiên, nhờ vào được nghe những huấn từ của Như Lai, đã làm cho Tâm của Kàna trở nên thanh tịnh như hồ nước trong sáng.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Như hồ nước sâu thẳm,
Trong sáng, không khuấy đục,
Cũng vậy, nghe Chánh Pháp,
Người Trí hưởng tịnh lạc.
(P.C. 82)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến hai Mẹ con Kàna , rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Người Phật Tử nương tựa vào Giáo Pháp, là những huấn từ của Đức Phật, chỉ vì lòng tôn kính, mà không biết Giáo Pháp chứa đựng những điều chi thì quả thật là xa rời Chánh Kiến của Đạo Phật. Sự nương tựa vào Giáo Pháp là thực sự khi Giáo Pháp được đưa vào việc tu tập và được thể chứng. Nói một cách khác, Giáo Pháp cũng như Đức Phật, cả hai thật sự là những nơi nương tựa được tìm kiếm ở bên trong mà không phải ở những biểu hiện bên ngoài, mặc dù những biểu hiện bên ngoài có thể và thường là những sự hỗ trợ hữu ích cho nơi nương tựa thực sự.

Nếu quả thật muốn biết Đức Phật đã chỉ dạy những điều gì thì hiển nhiên cần phải vượt qua chính khởi điểm này và thực sự phải khảo sát vào những điều mà Giáo Pháp được chứa đựng trong những huấn từ ấy. Sau đó, Phật Tử mới gặt hái được một ít hiểu biết cần thiết về Pháp Bảo và nhất là, để Pháp Bảo được nhận thức từ ở bên trong của chính mình.

*Hiền nhân nghe Pháp vừa xong,
Tâm liền thanh tịnh sạch trong như hồ.
Nước sâu gương phẳng lặng lờ,
Trong veo sáng suốt, chẳng như bụi hồng.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 83: Bạc Trí Giả không bị chi phối giữa hạnh phúc và khổ đau.

*Người hiền bỏ tất cả,
Người lành không bàn dục,*

*Dầu cảm thọ Lạc Khổ,
Bậc Trí không vui buồn.
(P.C. 83)*

Good men indeed go everywhere. The good do not boast from desire for sensual pleasures. Touched by happiness or misery, learned men do not show variation (P. C. 83).

Quoi qu'il arrive, les homes de bien vont leur chemin. Jamais ils ne devisent de passion sensuelle. Les sages ne montrent ni exaltation ni abatement, qu'ils soient affectés par la joie ou la peine (P. C. 83).

Dịch nghĩa: Bậc Thiện Nhân dứt bỏ tất cả. Bậc Hiền Triết không bàn đến những dục lạc. Dầu hạnh phúc hay khổ đau, bậc Hiền Trí không bông bột cũng không để tinh thần suy sụp (P. C. 83).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến năm trăm vị Tỳ Khưu tại Veranja.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một vị Bà La Môn ở Veranja được nghe Đức Phật ngự tại quê mình cùng với đông đảo Chư Tăng, gần cây Nimba. Vị Bà La Môn đã đi đến đánh lễ Đức Phật và nêu lên nhiều câu hỏi có liên quan đến phẩm hạnh của Đức Phật. Sau khi được nghe lời giải đáp, vị Bà La Môn lấy làm hoan hỷ, xin quy y Tam Bảo và thỉnh Đức Phật cùng Chư Tăng lưu trú một mùa an cư kiết vũ tại Veranja. Đức Phật nhận lời bách cách giữ sự im lặng. Bất hạnh thay, ngay lúc ấy tại Veranja có nạn đói. Do đó, Đức Phật và Chư Tăng phải dùng thức ăn của ngựa. Một nhóm người lái ngựa có Thiện Tâm đã dâng cúng thực phẩm của ngựa còn lại và Đức Phật đã chia sót phần vật thực này, với trạng thái Tâm bình thản, và Chư Tăng cũng vẫn tinh tấn tu tập trong nếp sống đạo hạnh. Đến kỳ mãn mùa an cư nơi đó, Đức Phật đến từ giã vị Bà La Môn và quay trở lại Kỳ Viên Tự trong thành Sàvatthi. Dân chúng trong thành Sàvatthi thiết đại lễ Trai Tăng, cúng dường Đức Phật để mừng ngày Ngài đã trở về. Khi ấy có năm trăm người ăn tàn thực nương theo Chư Tỳ Khưu Tăng, cũng đến trú ngụ trong vòng Tịnh Xá. Nhóm người này đã xin được những món ăn tàn thực của Chư Tăng, đều là những món ăn thượng vị. Sau khi họ ăn uống no nê, ngủ xong rồi thức dậy, nhóm người này đã đi đến mé sông và chơi giỡn la hét, chia phe để đấu vật, ở lẫn quần trong vòng của Tịnh Xá.

Khi đó, Chư Tăng bàn luận câu chuyện này ở tại giảng đường như sau: “*Này chư*

Huynh Đệ, hãy nhìn nhóm người dùng những tàn thực này. Khi còn ở thành Veranja nhằm mùa đói kém thì họ không tỏ ra vẻ sai quấy. Bây giờ về đây, được ăn uống những vật phẩm thượng vị thì họ lại phô bày ra lắm trò đáng khà ó. Chư Tăng khi còn ở Veranja tuy vậy mà được an tịnh, còn bây giờ thì không được an tịnh chút nào”.

Đức Phật ngự đến và có lời giải thích:

- Nay Chư Tỳ Khuru, không phải chỉ trong thời hiện tại này, nhóm người này đã có những hành động khả ố như vậy trong thời quá khứ. Họ thường luôn phô bày những hành động hò hét la lối sau những khi họ đã dùng bữa no nê thỏa thích. Tuy nhiên, với những bậc Trí Giả thường luôn phẩm hạnh thanh cao. Họ đã xa lìa Tham Dục, cho dù trong hoàn cảnh hạnh phúc hoặc khổ đau, các bậc Trí Giả vẫn giữ Tâm tĩnh lặng an vui.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Người hiền bỏ tất cả,
Người lành không bàn dục,
Dầu cảm thọ Lạc Khổ,
Bậc Trí không vui buồn.
(P.C. 83)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến năm trăm vị Tỳ Khuru tại Veranja, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Đức Phật chẳng khuyên nhủ hàng Phật Tử đem Tâm trí và thời giờ để than van sầu muộn về những bất hạnh của đời sống. Hành động như vậy chỉ làm cho kiếp nhân sinh càng thêm đau khổ. Không than van sầu muộn những chuyện đã qua. Không nóng nảy khát khao những việc chưa đến. Chuyên chú Tâm trí vào ngay hiện tại với những sự việc đang hiện bày. Suy tưởng về các sắc thái tích cực và tiêu cực của đời sống, người Phật Tử sẽ đi đến kết luận hợp lý rằng, đối chiếu với sự hiện hữu của những hiện tượng tùy duyên, hữu vi, sanh ra do điều kiện thì ắt phải có trạng thái bất tùy duyên mà sự hiện hữu không tùy thuộc điều kiện, vô sanh, bất tử và không còn phiền não.

Tri Túc bằng lòng với cái hiện tại và hiện có. Khi có đủ những điều thiết yếu của đời sống, Tâm của chúng sanh sẽ khởi lên dao động khi có nhiều ham muốn khởi lên. Càng có nhiều vật sở hữu thì trong thực tế, khi chẳng được thỏa mãn chúng cũng là một nguyên nhân của sự bất toại nguyện trong tương lai. Đã có nhiều sự vật, người ta càng muốn có nhiều hơn, nhiều, nhiều nữa. Đây là trái nghịch của Tri Túc.

Trái lại, một đời sống giản dị không phải là đời sống hạnh phúc bởi do cần kiệm đạm bạc, mà bằng sự an tịnh nội tâm, bằng tư duy không chạy theo vọng ngoại. Cuộc sống đơn giản không loại bỏ sự phát triển năng động về Tâm thức và nếu có được sự tri túc thì sự phát triển được thuận lợi và viên mãn.

*Trí Giả chẳng chút bận lòng,
 Những điều Tham Dục lòng không luận bàn.
 Trí Giả Tâm đã tịnh an,
 Với cảnh vui khổ chẳng màng bận tâm.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 84: Bậc Trí không tìm sự thành tựu qua con đường bất chánh.

*Không vì mình, vì người,
 Không cầu được con cái,
 Không tài sản quốc độ,
 Không cầu mình thành tựu,
 Với việc làm Phi Pháp,
 Vị ấy thật trì giới,
 Có Trí Tuệ, đúng Pháp.
 (P.C. 84)*

Who neither for his own sake nor for the sake of another would wish for a son, or wealth, or a kingdom, nor would wish prosperity for himself by unlawful means, he would be virtuous, wise and lawful (P. C. 84).

Celui qui ne veut ni pour lui – même, ni pour un autre, fils, fortune ou pouvoir, et qui ne cherche par aucune voie injuste. À obtenir son proper succès, il est, en vérité, vertueux, droit et sage (P. C. 84).

Dịch nghĩa: Không vì mình, cũng không vì người khác (mà bậc Hiền Trí hành động lầm lạc). Không ham muốn con cái, sự nghiệp, hay ngai vàng (bằng hành động lầm lạc): không tìm thành công bằng phương tiện bất chánh. Con người như thế quả thật đạo hạnh, thiện trí và có chánh hạnh (P. C. 84).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khưu Dhammika.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, một Thiện Nam Tử có tên là Dhammika đang vui sống với gia đình. Một hôm, vị ấy phát tâm muốn được cắt ái ly gia và có ý định vào Tự Viện để tu tập. Thiện Nam Tử này đem những suy nghĩ của mình ra bàn với người vợ. Viện dẫn với lý do đang

mang thai, người vợ từ chối lời yêu cầu của Dhammika và bảo rằng hãy chờ sanh xong thì hãy đi. Sau khi người vợ sanh xong, Dhammika nhắc lại ý định của mình thì người vợ lại năn nỉ vì con hãy còn quá nhỏ, xin ráng đợi chờ thêm một thời gian nữa. Nghe vậy, vị Thiện Nam này suy nghĩ *“Cho dù vợ nhà có đồng ý hay không, Ta phải biết tự lo lấy việc giải thoát cho chính mình”*. Với sự quyết tâm vững chắc, Dhammika rời bỏ cuộc sống Thế Tục, gia nhập vào Tăng Đoàn. Sau đó, Tỳ Khuru Dhammika đi đến xin với Đức Phật chỉ dạy cho đề mục Thiền Quán. Với sự tinh cần nỗ lực, chẳng bao lâu sau, Tỳ Khuru Dhammika chứng đắc Quả Vô Sinh.

Thời gian sau, Trưởng Lão Dhammika quay trở lại quê nhà với ý định đem Chánh Pháp tế độ vợ con. Người con nghe qua và liễu tri, xin được xuất gia và làm vị tỳ khuru. Chẳng bao lâu sau, người con chứng đắc Quả Vô Sinh. Người vợ ở nhà một mình, lòng suy nghĩ *“Chồng ta, con ta, tất cả đã đều xuất gia. Còn lại chỉ mình ta để làm gì với căn nhà trống vắng này. Ta cũng phải xuất gia thôi”*. Nghĩ suy xong, người vợ đi đến Nữ Tu Viện và xuất gia làm vị Tỳ Khuru Ni, chẳng bao lâu, vị Tỳ Khuru Ni này cũng chứng đắc Quả Vô Sinh.

Khi đó, Chư Tăng đem câu chuyện của Trưởng Lão Dhammika ra bàn luận ở tại giảng đường: *“Trưởng Lão Dhammika đã tự cắt ái ly gia và tu tập đạt thành Quả Vô Sinh. Và lại đem lòng từ mẫn về tế độ cả Thân Quyển vợ con cũng đều được chứng quả Tối Thượng”*.

Đức Phật ngự đến và có lời giải thích:

- Nay Chư Tỳ Khuru, bậc Trí Giả không vì sự giàu sang, danh vọng cho riêng mình hay cho người khác mà làm điều sai quấy. Bậc Trí Giả biết chọn con đường giác ngộ, và giải thoát cho chính mình, để thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, qua sự nỗ lực tu tập theo Chánh Pháp.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Không vì mình, vì người,
Không cầu được con cái,
Không tài sản quốc độ,
Không cầu mình thành tựu,
Với việc làm Phi Pháp,
Vị ấy thật trì giới,
Có Trí Tuệ, đúng Pháp.
(P.C. 84)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khuru Dhammika, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Việc tiếp độ quyền thuộc chính là việc chia sẻ sự giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau khi quyền thuộc hữu sự cần có sự giúp đỡ, luôn đến ban phát sự tôn kính trọng vọng và không miệt thị, nương theo bốn phương thức nền tảng của việc tiếp độ, như sau:

- (1) **Xả thí:** là việc tương trợ, san sẻ những vật thực, vật dụng lẫn nhau, v.v.
- (2) **Sở Ái Ngữ:** là việc ăn nói với nhau phải ưu ái, ân cần cùng với lời lẽ ngọt ngào, lịch sự và dịu dàng.
- (3) **Tiện Ích Lợi Nhân:** là làm việc chi đều là hữu ích cho quyền thuộc, như giúp đỡ khi hữu sự v.v.
- (4) **Chánh Trục Vô Tư:** là việc cư xử cho thích đáng với quyền thuộc, không tự cao tự đại, kính trọng và tôn xưng với nhau tuần tự theo thứ bậc.

Một nguyên tắc quan trọng khác nữa của việc tiếp độ quyền thuộc là việc giúp đỡ chỉ là để giúp đỡ cho họ mà thôi, cũng chẳng phải chờ đón sự giúp đỡ từ một phía của ta và họ chẳng làm điều chi cả. Việc tiếp độ này quả thật không đúng, vì xem như đi khuyến khích cho họ lười biếng và một điều quan trọng khác nữa là việc giúp đỡ đặc biệt đúng cách là phải thích hợp theo lẽ đạo lý, chẳng phải khi nhìn thấy quyền thuộc của ta đã sai lầm, rồi cũng vào giúp đỡ cho họ. Điều này quả thật không đúng theo nền tảng của Phật Giáo. Nếu nhận xét cho đúng đắn thì sẽ thấy việc tiếp độ quyền thuộc, Ngài xếp để đằng sau việc thực hành theo Phật Pháp. Điều này cũng để phòng ngừa sự thiên vị vào hùa theo quyền thuộc, giúp đỡ quyền thuộc theo con đường sai lầm, lệch lạc.

Việc tiếp độ quyền thuộc có đề cập đến một tỷ dụ, ví như cây cối cùng nhau mọc lên thành rừng già. Khi giông bão phát khởi lên thì từng mỗi cây thường giúp đỡ và nương tựa vào nhau để ngăn chặn cuồng phong, không cho đổ ngã dễ dàng, như thế nào, thì con người có nhiều bà con quyền thuộc thường nương tựa đùm bọc vào nhau một khi tai họa đến, có khả năng đỡ bớt phần nào hay phần ấy, cũng như thế đó.

*Trí Giả chẳng làm gian tà,
Không vì thiên hạ, hoặc là riêng ai.
Không nên, bằng việc quấy sai,
Cầu mong quốc độ, con trai, sự giàu.
Không nên tha thiết mong cầu,
Dùng phương bất chánh ngõ hầu thành công.
Được vậy mới thật tấn phong,
Đạo đức, Trí tuệ, có lòng thẳng ngay.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 85 và 86: Người thực hành theo Giáo Pháp thì được giải thoát và số người còn lại phải chịu luân hồi.

*Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia,
Còn số người còn lại,
Xuôi ngược chạy bờ này.
(P.C. 85)*

*Những ai hành trì Pháp,
Theo Chánh Pháp khéo dạy,
Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt Ma lực khó thoát.
(P.C. 86)*

Few are those persons among men who go to the far shore. But those other people only run along the bank (P. C. 85).

But those people who, when the doctrine has been properly preached, follow the doctrine, will go to the far shore. The dominion of death is very hard to cross over (P. C. 86).

Rares sont ceux qui abordent à l'autre rive. La multitude reste sur celle – ci et s'y agite (P. C. 85).

Mais ceux qui vivent selon la Loi bien enseignée atteindront, eux, le Nibbàna, par – delà le royaume des passions, si périlleux qu'il soit à traverser (P. C. 86).

Dịch nghĩa: Giữa đám người, có rất ít người đến được bờ bên kia, số người còn lại chỉ quay quần xuôi ngược ở bờ bên này (P. C. 85).

Nhưng, những người hành đúng theo Giáo Pháp đã được trình bày một cách rõ ràng, sẽ đi đến được bờ bên kia. Mãnh lực của Tử Thần thì quả thật rất khó mà vượt qua (P. C. 86).

Hai kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến một nhóm Phật Tử thức khuya để được Thính Pháp.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở bấy giờ, trong thành Sàvatthi có một nhóm Phật Tử đến cúng dường vật thực cho Chư Tăng và sau đó họ thỉnh cầu Chư Tăng tổ chức một buổi Thuyết Pháp suốt đêm.

Đêm ấy, Phật Tử rủ nhau đến rất đông. Tuy nhiên, họ không thể thức suốt đêm để Thính Pháp. Một số bị lòng Tham Dục thúc đẩy, tự động rút ra về. Một số khác thì bị sự Sân Hận khởi sanh rồi cũng bỏ ra về. Một số thì bị Hôn Trầm Thụy Miên, cố gắng ngồi nán lại, gục lên gục xuống và chẳng nghe được lời thuyết giảng. Chỉ có một số rất ít người chăm chú lắng nghe cho đến hết thời Pháp Thoại.

Ngày hôm sau, Chư Tăng đem câu chuyện Thính Pháp của Phật Tử ra bàn luận.

Đức Phật ngự đến và có lời giải thích:

- Nay Chư Tỳ Khuru, đa số chúng sanh còn bị ràng buộc vào cuộc sống ở Thế Gian, vẫn còn dính mắc trong những Dục Lạc của Thế Gian. Chỉ có một số rất ít người vượt đến bờ giác của Cảnh giới Níp Bàn.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia,
Còn số người còn lại,
Xuôi ngược chạy bờ này.
(P.C. 85)*

*Những ai hành trì Pháp,
Theo Chánh Pháp khéo dạy,
Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt Ma lực khó thoát.
(P.C. 86)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến một nhóm Phật Tử thức khuya để được Thính Pháp, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Nói đến thời gian của sự việc Thính Pháp là chính ngay trong lúc Tâm thức có vấn đề, tinh thần bị suy sụp và khởi sanh ưu não hoặc phóng dật, được gọi là *việc Thính Pháp theo thời*, không nên Thính Pháp khi không có điều kiện. Có những trường hợp rất đơn giản cho người không thích việc Thính Pháp sẽ viện cớ vào việc quá bận rộn và không có thời gian. Do đó, khi nào chúng ta có vấn đề ở lãnh vực tinh thần mà không giải quyết được thì nên Thính Pháp. Tuy nhiên chẳng phải chỉ lắng nghe duy nhất vào Chư Tăng thuyết giảng, mà phải nên tìm kiếm đến bậc Trí Giả cho đến luôn cả việc đọc những sách vở, hoặc nên lắng nghe từ những máy phát thanh và vô tuyến truyền hình. Việc Thính Pháp hoặc đi tìm kiếm bậc trí giả trong thời gian như vậy, thường làm thành điều kiết tường, là con đường giải quyết mọi vấn đề của đời sống. Chẳng phải tự quyết định để giải quyết vấn đề, bởi vì có thể quyết định một cách sai trật. Một vài người bảo rằng việc lắng nghe

thuyết giảng mà chẳng hiểu biết chi cả, điều này cũng giải quyết được với việc đọc những sách vở, đọc đi đọc lại và chậm rãi, cũng sẽ làm cho liễu tri được Giáo Pháp. Một trường hợp khác, cũng có đề cập rằng nếu việc lắng nghe mà chẳng được thấu hiểu, cũng nên lắng nghe vì lẽ sẽ thành mãnh lực cận y duyên tiếp nối theo ta trong kiếp tới, làm cho khởi sanh thành người có trí tuệ thông minh và lanh lợi.

*Phân đông nhân loại dật dờ,
Sống say, chết mộng, bên bờ bến mê!
Quần quanh xuôi ngược ê chề,
Đảo điên tất bật, kéo lê bờ này
Những ai tinh tấn kiên trì,
Theo lời Chánh Pháp, khéo tri khéo hành.
Vượt qua Dục Vọng, Tử Sanh,
Thuyền xuôi giác ngộ, mây lành đón đưa.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 87, 88 và 89: Từ bỏ việc ác, phát triển việc thiện và tìm an lạc trong hạnh viễn ly, người không luyến ái sống đời an tịnh.

*Kẻ trí bỏ pháp đen,
Tu tập theo pháp trắng,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Sống viễn ly khó lạc.
(P. C. 87)*

*Hãy cầu vui Níp Bàn,
Bỏ dục, không sở hữu,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Cầu uế từ nội tâm.
(P.C. 88)*

*Những ai với Chánh Tâm,
Khéo tu tập Giác Chi,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ,
Không lậu hoặc, sáng chói,*

Sống tịch tịnh ở đời.

(P.C. 89)

Leaving the black (=bad) characteristics, a learned man should develop the bright (=good) [characteristics], coming from his home to the homeless state, in seclusion where it is hard to find enjoyment (P.C. 87).

There he should seek enjoyment, leaving sensual pleasures, having nothing. The learned man should cleanse himself from all defilements of the mind (P. C. 88).

Of whom the mind is properly developed in the elements of enlightenment, who delight in the abandonment of attachment without clinging, they with Āsavas extinguished, full of brightness, have gained Nibbàna in the world (P. C. 89).

Quittant son foyer pour la vie sans demeure, le sage laissera les états sombres pour aller vers les états lumineux (P. C. 87).

Il quètera sa joie dans le détachement, si austère à vivre pour les gens du commun. Rejetant les désirs des sens, délaissant toute possession, il effacera les impuretés de son esprit (P. C. 88).

Ceux qui ont, à la perfection, cultivé les Facteurs d'Éveil, qui, libres d'attachements, trouvent leur joie dans le renoncement, lumineux, sans souillures, ils ont atteint le Nibbàna en ce monde (P. C. 89).

Dịch nghĩa: Đi từ căn nhà của mình đến cảnh không nhà, bậc Hiền Trí phải từ bỏ những đặc tính tối mê (Bất Thiện) và phải phát triển những đặc tính tươi sáng (Thiện), phải tìm sự thỏa thích trong hạnh từ khước (Níp Bàn), là điều rất khó được thụ hưởng (P. C. 87).

Phải từ bỏ những dục lạc, khắc phục những chướng ngại, bậc Hiền Trí phải tự thanh lọc chính mình khỏi mọi ô nhiễm ở trong Tâm (P. C. 88).

Với người có Tâm hoàn hảo trong những yếu tố của sự giác ngộ, thỏa thích trong sự “từ bỏ của Ái Dục” (tức Níp Bàn). Người đã diệt trừ những Lưu Hoặc, hoàn toàn sáng ngời rực rỡ, người ấy đã chứng đắc Níp Bàn ngay trong thế gian (P. C. 89).

Ba kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến năm trăm Tỷ Khuru Khách Tăng.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở bấy giờ, có năm trăm vị Tỷ Khuru Tăng tu tập tại Xứ Kosala, và sau khi mãn hạn an cư mùa mưa, các vị này cùng quay trở về Kỳ Viên Tự để yết kiến Đức Phật. Khi đến nơi, sau khi đánh lễ xong, các vị đã ngồi xuống một bên. Sau khi lắng nghe Chư Tăng

phúc trình sự hành đạo của riêng từng nhóm, Đức Phật khái thuyết và ngâm lên ba bài kệ trên.

*Kẻ trí bỏ pháp đen,
Tu tập theo pháp trắng,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Sống viễn ly khó lạc.
(P. C. 87)*

*Hãy cầu vui Níp Bàn,
Bỏ dục, không sở hữu,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Cầu uế từ nội tâm.
(P.C. 88)*

*Những ai với Chánh Tâm,
Khéo tu tập Giác Chi,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ,
Không lậu hoặc, sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời.
(P.C. 89)*

Qua ba câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến năm trăm Tỳ Khuru Khách Tăng, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Mỗi khi có dịp khảo sát một huấn từ của Đức Phật, hàng Phật Tử thường tìm thấy tại nơi đó có một con đường (Đạo) từ khía cạnh này hay khía cạnh khác. Và sự việc hiện bày như thế là vì Tâm là nền tảng cho mọi kinh nghiệm: khi những trạng thái Tâm Bất Thiện hiện hữu thì người ta kinh nghiệm được việc Sanh Tử; khi các trạng thái Tâm đó biến mất và với sự phát triển của các trạng thái Tâm Thiện thì người ta có thể biết được các Hỷ Lạc ở các Cõi Trời Lạc Thú; cuối cùng sau khi dùng lưới gươm Trí Tuệ mà tự tách mình ra khỏi cả sự ham muốn các Thiện Sự, người ta sẽ thể hội nhập vào niềm Hỷ Lạc siêu thế bất khả thuyết của Níp Bàn.

Có phải con người khổ đau vì vẫn tiếp tục lang thang trong vòng Sanh Tử ?

Hay là con người là biểu hiện của sự Tối Thắng Thanh Tịnh, Trí Tuệ và Từ Bi trong mọi hành động như một bậc Giác Ngộ ?

Với một bên là Tâm không có sự tu tập một phút giây nào ! Với một bên là Tâm

chứng đạt một sự chuyển biến vô cùng lớn lao trong sự vận hành mà người ta có thể bảo rằng một vị Giác Ngộ có thủ đắc các năng lực Tâm Thức, quả thật là, bậc Giác Ngộ ở bên ngoài mọi sự xếp hạng.

Một phần tóm lược Giáo Lý gồm có ba điều tiên quyết, như là khung sườn của khối Giáo Lý lớn lao dùng để nghiên cứu và tu tập, đó là Giới – Định và Tuệ. Không làm các điều xấu ác – đó là trở về với Giới. Trau dồi các điều thiện lành – đó là trở về với Định. Giữ Tâm Ý thanh tịnh – đó là trở về với Tuệ.

Một sự miêu tả rất quan trọng về Níp Bàn, còn gọi là Đáo Bỉ Ngạn (đến bờ an vui). Bờ bên này của con sông được xem là nguy hiểm với bao sự việc kinh hãi. Nhìn qua dòng nước, bờ sông bên kia được trông thấy an toàn, với bao điều xinh đẹp an vui. Con người quyết tâm nhặt cây làm một chiếc bè vượt qua sông để đến bờ bên kia. Quyết tâm là yếu tố cần thiết để khởi làm một việc và sau đó phải có nghị lực bền bỉ để vượt dòng sông – dòng sông của sự biến dịch thường xuyên.

Hàng Phật Tử thường gia công để tìm hiểu nhiều về Níp Bàn và Giáo Pháp. Về Giáo Pháp thì cần nên lưu ý đến sự nhấn mạnh về những điều kiện bất an, khổ đau trong Cõi Sanh Tử này.

*Người Trí Hắc Pháp bỏ ra,
Tu tập Bạch Pháp lìa xa gia đình,
Xuất ly, tự sống một mình,
Y theo Giới Đức, lộ trình Sa Môn.
(P. C. 87)*

*Người Trí tắm gội sạch trơn,
Những điều cấu uế hãy còn trong Tâm,
Thú vui Chánh Pháp nên tâm,
Xa lìa ngũ dục, hướng Tâm Níp Bàn.
(P. C. 88)*

*Người Tâm hoàn hảo Chánh Chân,
Trú trong bảy Pháp cội nhân Bồ Đề.
Không còn cố thủ chấp nê,
Rời Tâm Ái Dục, diệt bề trần lao,
Giữ Tâm sáng suốt thanh cao,
Níp Bàn ắt hưởng, trú vào hiện nay.
(P. C. 89)*

-----00000-----

III / Giáo Án Kinh Pháp Cú - Phẩm thứ bảy : Phẩm A La Hán

Từ ngữ “*Arahanta*” có nhiều nghĩa, như là “Ứng Cúng”, “Vô sinh”, diệt trừ mọi thăng thụt trôi buộc bằng Trí Tuệ và chứng ngộ Níp Bàn không còn tái sinh nữa. Ngoài ra còn được gọi là “*Asekha - Vô Học*” đã hoàn toàn thuần thực, không còn gì để học tập vì đã hoàn toàn viên mãn công trình tu học, thật sự hiểu biết Thực Tướng của mình và thông suốt Thực Tướng của thế gian. Là Bạc Tứ Quả - (quả vị thứ tư của đời sống Phạm Hạnh Cao Thượng), đó là Tu Đà Hườn (*Sotàpatti - Thất Lai*), Tư Đà Hàm (*Sakadàgàmi - Nhất Lai*), A Na Hàm (*Anàgàmi - Bất Lai*), A La Hán (*Arahanta - Vô sinh*).

Bạc Tứ Quả A La Hán bao gồm tất cả Bạc Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, Chí Thượng Thanh Văn, Đại Thanh Văn và Thanh Văn tầm thường.

Sau khi thành đạt quả vị - Hữu Dư Y Níp Bàn, các Ngài không ngớt phục vụ tha nhân bằng hai đường lối, lời dạy và gương lành.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ chín mươi :

Gataddhino visokassa	Đích đã đến, không sâu
vippamuttassa sabbadhi	Giải thoát ngoài tất cả
sabbaganthappahinassa	Trừ diệt mọi buộc ràng
parilāho na vijjati.	Vị ấy không nhiệt não.

Đại ý : Đối với người đã trải qua suốt cuộc hành trình, chấm dứt mọi ưu phiền, hoàn toàn siêu thoát, cắt đứt mọi trôi buộc, nhiệt độ (tham ái) không còn nữa. (P. C. 90)

Câu này đề cập đến phẩm hạnh vị A La Hán. Có hai nhiệt độ tinh thần và vật chất. Lúc còn sống, vị A La Hán còn thọ cảm nhiệt độ của thể xác, nhưng không quan tâm đến. Còn sức nóng tinh thần, nhiệt độ của tham vọng hay lửa tham ái, Ngài không còn nữa vì đã đoạn tận bốn loại trôi buộc (*gantha*) là :

- a/ Tham muốn (*abhijjhā*)
- b/ Oán ghét (*byāpāda*)
- c/ Giới chấp tiện thị (*sīlabbataparamāsa*)
- d/ Thủ thực kiến chấp (*idam saccābhinivesa*) cố chấp trong thành kiến.

Khi thọ cảm xúc, vị ấy không có sầu muộn, than van. Vị ấy chỉ cảm giác một cảm thọ, tức cảm thọ về thân, không cảm thọ về tâm. Vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của mọi cảm thọ. Vị thánh A La Hán không còn bị trói buộc bởi sanh già đau chết sầu bi khổ ưu não, thoát khỏi mọi trói buộc của đau khổ, hoàn toàn siêu thoát (*sabbadhi*) hoàn toàn tự do, thoát ra khỏi mọi dính mắc đối với thân ngũ uẩn.

Yesam sannicayo natthi	Tài sản không chất chứa
Ye parinnatabhojanà	Ăn uống biết liễu tri,
sunnato animitto ca	Tự tại trong hành xứ,
vimokkho yesam gocaro	Không, Vô Tướng, Giải thoát,
àkāse'va sakuntānam	Như chim giữa hư không
gati tesam durannayā	Hướng chúng đi khó tìm.

Đại ý : Những ai không tích trữ, nhiếp tâm chánh niệm khi dùng vật thực, thành đạt Giải thoát - vốn Rỗng không và Vô Tướng như đối tượng của mình. Lộ trình của các vị ấy không khác nào lộ trình của đàn chim bay trên không trung, không thể vẽ lại được. (P. C. 92)

Đời sống của vị A La Hán hoàn toàn bình thản tự tại giữa mọi thăng trầm của thế sự - được và thua, tán dương và khiển trách, danh thơm và tiếng xấu. hạnh phúc và khổ đau luôn giữ được tâm quân bình, không chao động, không biểu hiện lòng ưa thích hay bất mãn, không hỷ hả vui cười và cũng không lo âu sầu muộn.

Pathavissamo no virujjhati	Như đất, không hiềm hận
indakhilupamo tàdī subbato,	Như cột trụ, kiên trì
rahado'va apetakaddamo,	Như hồ, không bùn nhơ
samsārā na bhavanti tàdīno	Không luân hồi, vị ấy.

Đại ý : Như đất, người giữ tâm quân bình và có nếp sống kỷ cương không còn xúc động. Người ấy như trụ đồng Indakhila, như ao hồ phẳng lặng, không bị bùn đất làm nhơ bẩn. Với người có tâm quân bình như thế, cuộc đi lang thang bất định của cuộc đời không còn lập lại nữa. (P. C. 95)

Đất không hề biết thích thú hay nhàm chán khi có người đi lên những vật thơm tho hay thú vị như thế nào, thì cũng như thế ấy, vị A La Hán nhẫn nại giữ tâm quân bình chịu đựng tất cả sự chê khen của người thế gian và rải tâm từ ái đến bất cứ là bạn hay thù.

Zụ trụ đồng Indakhila là một cây cột vừa vững chắc, vừa cao dựng lên bên trong hay bên

ngoài các thị trấn cho đẹp mắt, được chôn thật sâu dưới đất, vững vàng như thế nào thì vị A La Hán kiên trì vượt mọi chướng ngại thử thách của đời sống là tham dục (*kàmacchanda*), oán ghét (*byàpàda*), hôn trầm thùy miên (*thìna - middha*), trạo hối (*uddhacca - kukkucça*) và hoài nghi (*vicikicchà*). Năm chướng ngại tinh thần này hằng luôn ngăn cản con đường giải thoát cũng đường thể ấy.

Assaddho akatannu ca	Không tin, hiểu vô vi
sandhicchedo ca ye naro,	Người cắt mọi hệ lụy
hatàvakàso vantàso	Đoạn tận mọi cơ hội
sa ve uttamapariso	Nhỏ sạch các tham ái
	Vị ấy thật tối thượng

Đại ý : Người không nhẹ dạ, thấu triệt trạng thái Vô Sanh (Níp Bàn), cắt đứt mọi hệ lụy, chấm dứt mọi cơ hội (cho điều thiện và điều ác phát sanh), tận diệt mọi tham ái, người ấy quả thật là tối thượng. (P. C. 97)

Ao hồ phẳng lặng, lắng đọng các bùn nhơ như thế nào, vị A La Hán đã tuệ tri các Lưu Hoặc (*asàva*) với Tuệ Quán, nhận biết rằng : “Đây là những Lưu Hoặc”, “Đây là Tập Khởi những Lưu Hoặc”, “Đây là Đoạn Diệt những Lưu Hoặc”, “Đây là Con Đường đưa đến đoạn diệt Lưu Hoặc”. Nhờ tuệ tri như vậy, hiểu biết như vậy tâm của vị ấy thoát khỏi Dục Lưu, thoát khỏi Hữu Lưu, thoát khỏi Tà Kiến Lưu, thoát khỏi Vô Minh Lưu. Đối với tự thân đã giải thoát. Như vậy khởi lên sự hiểu biết “Ta đã giải thoát”. Vị ấy biết : “Sanh đã tận, Phạm Hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, sau đời hiện tại, không còn đời sống nào khác nữa”.

Bất cứ nơi nào, bậc A La Hán vào trú ngụ thường luôn an tịnh không còn các khó khăn và được thêm kẻ thương người mến quanh vây vì quý ngài luôn đem lợi ích đến cho mọi người.

Gàme và yadi và'ranne	Làng mạc hay rừng núi
ninne và yadi và thale	Thung lũng, hay đồi cao
yatthàrahanto viharanti	La Hán trú chỗ nào
tam bhùnim ramaneyyakam	Đất ấy thật khả ái.

Đại ý : Dầu ở trong làng mạc hay rừng sâu, ở non cao, hay trũng thấp, bất luận nơi nào A La Hán trú ngụ, nơi ấy quả thật tịnh lạc. (P. C. 98)

Do sự nào mà bậc Thánh nhân được giác ngộ các Pháp an lặng là Níp Bàn. Người

thức giả nên hành sự ấy. Người ấy là bậc dũng cảm, thân ngữ ý trong lành và chân chánh
 - Là người dễ dạy, có tánh nhu thuận, không ngã mạn - là người biết tri túc, ít bận việc
 và tâm thân nhẹ nhàng - là người có lục căn thanh tịnh, có nhiều trí tuệ. Là người không
 sai lầm, không quyến luyến theo thân bằng quyến thuộc, dứt bỏ mọi dục vọng, yếm ly thế
 gian, khước từ mọi sự vật ở trong đời.

-----00000-----

Tích Truyện và Lời Chú Giải

Phẩm Thứ Bảy: PHẨM A LA HÁN (ARAHANTA VAGGA).

Câu kệ thứ 90: Bậc đã được giải thoát không còn đau khổ.

*Dịch đã đến không sầu,
 Giải thoát ngoài tất cả,
 Đoạn trừ mọi buộc ràng,
 Vị ấy không nhiệt não.
 (P.C. 90)*

*For one who has completed his journey, is without sorrow, is freed in very way, has
 left behind every fetter, there is no suffering (P. C. 90).*

*Il n'y a plus de souffrance pour qui est arrivé au terme du voyage, libre de peines,
 pleinement délivré, en ayant rompu tous les liens (P. C. 90).*

Dịch nghĩa: Đối với người đã trải qua suốt cuộc hành trình, chấm dứt mọi ưu phiền,
 hoàn toàn siêu thoát, cắt đứt mọi trói buộc, nhiệt độ (Tham Ái) không còn nữa (P. C. 90).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại khu vườn xoài của vị lương y
 Jivaka và đã đề cập đến một câu hỏi về Đức Phật.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, sau khi chia rẽ Tăng Đoàn và liên kết với Thái Tử A Xà Thế, Tỳ Khưu
 Devadatta có ác ý muốn ám hại Đức Phật, đã trèo lên đỉnh núi Kỳ Xà Quật, và xô một tảng
 đá to từ trên cao cho lăn xuống trong lúc Đức Phật đang đi phía dưới. May thay, tảng đá
 to lớn ấy đã bị hai thành vách của ngọn núi ngăn giữ lại. Tuy nhiên, một mảnh đá vỡ
 bằng tai năm đã rơi xuống, làm dập chân Đức Phật đến nổi máu chảy ra khiến Ngài bị đau
 đớn mạnh. Chư Tỳ Khưu đi theo sau, đã tiếp đỡ và dìu Ngài đi. Đức Phật biểu hiện ý

muốn đi đến khu vườn xoài của vị lương y tên gọi Jivaka. Chư Tỳ Khuru thuận ý của Đức Thế Tôn và đã đưa Ngài đến tại khu vườn xoài đó.

Vị lương y Jivaka được hay tin, liền đến gặp Đức Phật để chữa trị vết thương. Lương y đã dùng một loại thuốc nước cay nồng để băng bó vết thương. Và sau đó, lương y Jivaka tác bạch với Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, bây giờ con phải đi làm thuốc cho một bệnh nhân ở trong thành, và khi xong việc thì con sẽ quay trở về. Kính xin Đức Thế Tôn hãy chịu khó chờ con về để tháo mở băng thuốc này ra.

Lương y Jivaka ra đi, làm xong phận sự đối với bệnh nhân thì đã tới giờ đóng cửa thành, và ông ta không còn kịp đi tới cổng. Khi ấy, lương y Jivaka khởi Tâm lo lắng và tự nghĩ: *“Than ôi ! Nghiệp ta đã tạo ra quả thật là nghiêm trọng. Ta đã vì một bệnh nhân khác mà không lo châu toàn cho Đức Thế Tôn, đã cho thuốc nước cay nồng và băng bó vết thương, nhưng bây giờ đã tới thời lúc để tháo băng ra cho Ngài, ta lại không có mặt trong thành để làm việc đó ! Cả đêm nay, toàn thân của Đức Phật sẽ phải bị phát sốt nóng lên thôi !”*.

Ngay lúc đó, Đức Phật đọc được tư tưởng của lương y Jivaka, cho gọi Đại Đức Ananda đến và bảo rằng:

- Này Ananda ! Tối nay, lương y Jivaka không về kịp đến cửa thành, hiện giờ trong lòng vị ấy đang lo lắng vì đã đến thời lúc để tháo mở băng vết thương cho Như Lai. Vậy thì Ananda hãy tháo mở băng vết thương đi !”.

Đại Đức Ananda vâng lời và tháo mở băng vết thương thì lúc bấy giờ vết thương đã được lành.

Qua ngày hôm sau khi mặt trời chưa lên, lương y Jivaka đã vội vã về lại thành, đi đến vấn an Đức Phật với lời vấn hỏi:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, đêm hôm qua con đã không kịp về để tháo mở băng vết thương cho Đức Thế Tôn, chẳng hay Ngài có bị phát sốt nóng lên không ?

- Này Jivaka, từ khi Như Lai thành đạt Quả vị Chánh Đẳng Giác ở dưới cội cây Bồ Đề, thì tất cả mọi sự nhiệt nảo thấy đều lắng dịu.

Nhân dịp này, Đức Phật đã khái thuyết một Pháp Thoại thích hợp đến tất cả Hội Chúng đang hiện diện tại nơi đây. Câu hỏi của Jivaka liên hệ với Thân nhiệt, và với Đức Phật đã đề cập đến Tâm nhiệt, với lời đáp rằng:

- Này Jivaka, nói theo Chân Đế, thì đối với bậc đã Lậu Tận, một bậc A La hán, quả thật không còn có sự nhiệt nảo ở trong Tâm.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

Đích đã đến không sâu,

*Giải thoát ngoài tất cả,
Đoạn trừ mọi buộc ràng,
Vị ấy không nhiệt não.
(P.C. 90)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến một câu hỏi của vị lương y Jivaka về Đức Phật, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Với người hoàn tất cuộc hành trình xa xôi diệu vợi của vòng Sanh Tử, và đã chứng đắc Quả vị Vô Sinh thì không còn nhiệt não nơi Thân Tâm. Đối với bậc đã Lậu Tận, khi bị ảnh hưởng của điều kiện bên ngoài, như là sự lạnh sự nóng thì chỉ còn có Thân nhiệt khởi sanh.

Có hai loại nhiệt độ, tinh thần và thể xác. Lúc còn hiện hữu, một vị A La Hán còn thọ cảm về nhiệt độ của xác thân, tuy nhiên quả thật, các Ngài hoàn toàn không để Tâm lưu ý đến điều ấy. Về nhiệt độ của Tâm, lòng Tham Ái, hay lửa Tham Ái hoặc lửa Sân Hận, quả thật các Ngài đã không còn.

Với tâm của một vị A La Hán không còn luyến ái duyên theo những Pháp thế gian, không ưa thích hoặc bất mãn với những điều không ưa. Cũng không còn bám víu vào bất luận một điều chi. Giữa tám điều kiện thăng trầm của Thế Sự - được và thua, tán dương và khiển trách, danh thơm và tiếng xấu, hạnh phúc và khổ đau - một vị A La Hán sống hoàn toàn với Tâm bình thản.

Tâm quân bình, không chao động, không biểu hiện lòng ưa thích hay bất toại nguyện, không hân hoan duyệt ý cũng không lo âu sầu muộn, một vị A La Hán lặng lẽ ra đi khỏi thế gian hệ lụy này.

*Không còn lo sợ mảy may,
Khi đã cắt đứt mọi dây buộc ràng.
Người đã giải thoát hoàn toàn,
Là người đi hết con đường tử sanh.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 91: Bậc A La Hán không còn luyến ái.

*Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn.*

(P.C. 91)

The mindful exert themselves. They do not delight in a house. Like geese leaving a pool, they leave their various homes (P. C. 91).

En hommes réfléchis, ils prennent le depart, ne trouvant leur joie dans nulle demeure. S'arrêtant ici, repartant ailleurs, ils vont comme des oies sauvages quittant un étang après l'autre (P. C. 91).

Dịch nghĩa: Người chuyên chú tận lực cố gắng, không còn luyến ái nơi ẩn trú nào. Ví tựa như những con thiên nga lìa khỏi ao hồ, người ấy rời bỏ nhà này đến nhà khác (và ra đi) (P. C. 91).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khái thuyết tại Trúc Lâm Tự, gần thành Vương Xá, đề cập đến Đại Đức Mahà Kassapa (Đại Ca Diếp).

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, khi gần đến mãn hạn an cư mùa mưa gần thành Vương Xá, Đức Phật đã tuyên bố với Chư Tỳ Khuru Tăng:

- Nay Chư Tỳ Khuru nên biết, còn nữa tháng nữa thì Như Lai sẽ du hành hóa độ chúng sanh.

Theo truyền thống, mỗi khi Đức Phật vân du hành đạo thì Chư Tỳ Khuru thường được thông báo trước thời gian như thế, để có thời giờ lo chuẩn bị những vật dụng cần thiết để mang theo trong mình, như là sửa soạn y bát qua việc đốt hơi lửa bình bát hoặc giặt giũ y áo. Và như thế, tất cả mọi người đều cùng lo phận sự của mình, riêng về Đại Đức Mahà Kassapa cũng đi lo giặt những mảnh y của mình. Có nhiều vị Tỳ Khuru than phiền rằng: “*Tại sao Đại Trưởng Lão lại đi lo giặt y áo vậy ? Nơi thành này, từ bên trong lẫn bên ngoài, với số dân rất là đông đảo, phần lớn đều là thân bằng quyến thuộc hoặc là những Cận Sự tín thành của Đại Trưởng Lão. Ai ai cũng đều tôn kính, trọng đãi, cúng dường Tứ Vật Dụng đến Đại Trưởng Lão. Thế mà, Ngài lại từ bỏ bấy nhiêu tình cảm và sự hộ độ cao quý như thế, để rồi đi đâu ?*”.

Về phần Đức Phật khởi Tâm suy nghĩ: “*Tại nơi thành này, từ bên trong lẫn bên ngoài, với số dân rất là đông đảo, phần lớn đều là những Cận Sự tín thành rất cần chăm lo đời sống tinh thần trong những lúc an vui hoặc bất hạnh của đời sống. Ta phải để lại một vài vị Tỳ Khuru để chăm lo việc này. Và nhận thấy rằng Trưởng Lão Mahà Kassapa thích hợp với điều này, vì lẽ đa phần đều là thân bằng và cận sự tín thành của vị này !*”.

Quyết định như thế, Đức Phật bảo với Đại Đức Mahà Kassapa:

- Nay Mahà Kassapa, chúng ta không thể bỏ hoang vắng Tự Viện này. Dân chúng ở mọi nơi đang an vui hoặc đang đau khổ cũng đều cần sự hiện hữu của các vị Tỳ Khuru. Vậy thì Mahà Kassapa cùng với các môn đệ nên lưu lại nơi đây, để đem lại an vui cho mọi người.

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con xin vâng lời.

Thấy vậy, một số Tỳ Khuru than phiền trước kia đã vội vã bàn với nhau: “*Này chư hiền hữu thấy chưa ? Đại Trưởng Lão sẽ ở lại nơi đây, đúng như là chúng ta đã nghĩ tưởng đến !*”.

Nghe được việc bàn bạc của nhóm Tỳ Khuru này, Đức Phật có lời dạy bảo:

- Nay Chư Tỳ Khuru, có phải các người đã nói rằng “*Trưởng Lão Mahà Kassapa vì lưu luyến với những quyến thuộc, vì sự cúng dường hộ độ của hàng Phật Tử mà không muốn ra đi cùng với Như Lai, phải không ?*”. Nay Chư Tỳ Khuru, cách đây hơn một trăm ngàn đại kiếp, vào thời của Bạc Chánh Đẳng Giác Padumuttara (*Thượng Liên Hoa*) lúc bấy giờ, tiền thân của Trưởng Lão Mahà Kassapa đã từng phát nguyện lần đầu tiên như sau: “*Ta nguyện hành đạo của bậc Thánh Nhân, ví như mặt trăng nơi theo quỹ đạo của nó !*” và như thế, vị tiền thân này đã không có lưu luyến với quyến thuộc, không còn quyến luyến dính mắc với sự cúng dường Tứ vật dụng. Ví như loài Hạc Chúa, sau khi đáp xuống một cái hồ, kiếm ăn no đủ và ra đi không mang theo vật thực bên mình, ra đi đến nơi khác và không có sự lưu luyến dính mắc nơi chốn cũ.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn.
(P.C. 91)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Đại Đức Mahà Kassapa (Đại Ca Diếp), rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Một vị A La Hán, đúng theo căn nguyên của từ ngữ là *bạc xứng đáng thọ lãnh vật cúng dường – bậc Ứng Cúng*. Với một vị A La Hán nhận thức rằng tất cả những điều phải làm đã làm xong, gánh nặng phiền não đã được đặt xuống, và tất cả những hình thức Ái Dục, tất cả những mức độ Vô Minh, đều hoàn toàn tiêu diệt. Vị ấy hội đủ phước duyên, bấy giờ đã đạt đến mức tối cao, cao hơn cả hàng Chư Thiên và Phạm Thiên, hoàn toàn đã dứt bỏ mọi tham vọng và mọi ô nhiễm của Thế Gian, và chứng nghiệm hạnh phúc vô cùng cao thượng mà ngôn từ của Thế Gian Phàm Phu không thể mô tả được, hạnh phúc Níp Bàn.

Sau khi đã thành tựu ước nguyện, vị A La Hán dành trọn khoảng thời gian còn lại của đời mình để hóa độ những chúng sanh hữu duyên ưa thích sự an vui tịch tịnh, bằng gương lành và lời giáo huấn. Trước tiên Ngài tự thanh lọc, và sau đó, cố gắng giúp người gọi rửa bọn nhơ, bằng cách giảng dạy những Giáo Lý mà chính Ngài đã thực hành và dạy lại bằng chính kinh nghiệm của bản thân.

*Sa Môn Chánh Niệm kiên trì,
Lìa bỏ trú xứ ra đi nhẹ nhàng !
Ngõng trời cất cánh thênh thang,
Ao hồ bỏ lại, mây ngàn thông dong !*

-----00000-----

Câu kệ thứ 92: Người xuất gia không nên dính mắc vào vật thực.

*Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liêu tri,
Tự tại trong hành xứ,
“Không, Vô Tướng, giải thoát”,
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm.
(P.C. 92)*

Of whom there is no accumulation, who have knowledge of (and have renounced) food, whose realm is empty and unconditioned release, their going is hard to follow, like that of birds in the sky (P. C. 92).

Ceux qui n'entassent pas de richesses, et mettent la nourriture à sa juste place, se délectant dans la vacuité, le sans – signe, la délivrance, ils vont comme des oiseaux dans l'espace. Difficile est de suivre leur chemin (P. C. 92).

Dịch nghĩa: Những ai không tích trữ, nhiếp Tâm chánh niệm khi thọ dụng vật thực, thành đạt Giải Thoát – vốn Rỗng Không và Vô Tướng – như đối tượng của chính mình. Lộ trình của các vị ấy khác nào chim trời bay trên hư không, thật khó theo cùng (P. C. 92).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khuru Belatthasīsa.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một vị Tỳ Khuru tên là Belatthasisa, thường ngày đi khát thực theo hai ngã đường. Khi đi vào làng theo một con đường, sau khi thọ thực xong, lại đi theo một con đường khác để thọ lãnh vật thực khô, với ý nghĩ là đem về tịnh thất chứa để dành, vì thấy sự đi khát thực hằng ngày vất vả khó nhọc. Vị Tỳ Khuru này muốn nghỉ vài hôm, ở tại tịnh thất để hành Thiền cho phát sanh lợi lạc, và khi nào cần đến vật thực thì sẽ lấy vật thực khô để mà độ.

Chư Tỳ Khuru biết được câu chuyện này, đã khiển trách vị Tỳ Khuru, và sau đó đi đến trình lên với Đức Phật.

Nhân cơ hội này, Đức Phật đã ban bố điều giới học là cấm không cho bất luận vị Tỳ Khuru nào được phép cất giữ vật thực quá thời hạn, và Ngài cũng giải thích rằng vị Tỳ Khuru Belatthasisa không phạm tội vì hành theo Pháp Thiểu Dục, và trong khi điều giới học này chưa được ban hành.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liễu tri,
Tự tại trong hành xử,
“Không, Vô Tướng, giải thoát”,
Như chim giữa hư không,
Hương chúng đi khó tìm.
(P.C. 92)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khuru Belatthasisa, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Theo quan điểm Phật Giáo, sự tích trữ có hai loại: tích trữ Nghiệp Báo (thuộc lãnh vực tinh thần) và tích trữ Vật Dụng (thuộc lãnh vực vật chất). Sự tích trữ các Thiện Nghiệp hoặc Bất Thiện Nghiệp, gọi là tích trữ Nghiệp Báo. Sự tích trữ về Tứ Vật Dụng, y áo – vật thực, trú xứ và thuốc men, gọi là tích trữ Vật Dụng.

Theo điều giới học, mỗi khi hàng xuất gia thọ dụng những vật thực, loại cứng hoặc loại mềm, thường luôn quán tưởng đến ba điều học:

1. vật thực là được biết rõ về vật thực, như là cháo, cơm, v.v. với trạng thái hiện đang có của vật thực,
2. biết rõ vật thực theo cách quán tưởng sự uế trược sẽ phát sanh lên nơi vật thực và nơi người thọ dụng,
3. biết rõ sự dứt bỏ, xa lìa vật thực bởi do có Trí Tuệ ly Tham Ái, không còn dính mắc vào các món ăn thức uống đó nữa.

Vị Tỳ Khưu trau dồi con đường Tuệ Quán, thường luôn quán xét về đặc tướng Rỗng Không ở trong mọi sự vật, nơi đó không có những Tâm Tham, Sân và Si. Trong mỗi sự vật đều bao hàm trạng thái Vô Tướng, hình tướng của Tam Độc – Tham, Sân và Si. Hướng Tâm đến giải thoát, xa lìa Tam Độc, được gọi là Rỗng Không, Vô Tướng và Giải Thoát – Níp Bàn.

Những bậc đã chứng tri Níp Bàn và an trú Tâm thanh tịnh nơi đây, hằng được giải thoát những Pháp Thế Gian. Ví như chim trời bay trên hư không, không lưu lại dấu vết, cũng cùng như thế, những Bậc Lậu Tận không còn tích trữ hai loại về Nghiệp Báo và Vật Dụng.

*Những bậc đắc Lậu Tận Thông,
Của tiền chẳng để dự phòng làm chi !
Ăn uống quán tưởng theo thì,
Trên đường giải thoát lối đi an nhàn.
Cõi Không, Vô Tướng, Níp Bàn,
Là nơi trống vắng, chim ngàn bay cao.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 93: Bậc Lậu Tận sống an vui tự tại, không uế nhiễm.

*Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xứ,
“Không, Vô Tướng, Giải Thoát”,
Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm.
(P.C. 93)*

Whose Āsavas are destroyed, and who is not dependent upon food, whose realm is empty and unconditioned release, his track is hard to follow, like that of birds in the sky (P. C. 93).

Ceux qui s'est libéré des souillures et n'est pas attaché à la nourriture, se délectant dans la vacuité, le sans – signe, la délivrance, il va comme un oiseau dans l'espace. Difficile est de suivre sa trace (P. C. 93).

Dịch nghĩa: Người tận diệt mọi ô nhiễm, và không luyến ái vào vật thực, thành đạt

Giải Thoát – vốn Rỗng Không và Vô Tướng – như đối tượng của chính mình. Con đường của vị ấy khác nào chim trời bay trên hư không, thật khó theo cùng (P. C. 93).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Trưởng Lão Anuruddha may y.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, Trưởng Lão Anuruddha thọ nguyện hạnh Đầu Đà, chỉ mặc y áo dơ cũ và tìm được những mảnh vải đã vứt bỏ ở những nơi đồng rác mà đem về giặt cho sạch và may thành mảnh y. Với phước duyên quá khứ, người vợ tiền kiếp của Trưởng Lão Anuruddha nay sanh làm Thiên Nữ ở Đạo Lợi Thiên, nhìn trông thấy như thế, mới phát Tâm cúng dường ba mảnh Thiên Y bằng cách đem vứt bỏ trên đồng rác, ngay khi Ngài Trưởng Lão đang đi tới để tìm những mảnh vải để đem về may thành y. Quả nhiên, Trưởng Lão vừa trông thấy những tấm vải đó, bèn lượm lấy và xỏ ra nhìn, những tấm vải này vừa dài rộng và lại rất tốt đẹp. Trưởng Lão thầm nghĩ *“Đây là loại vải phẩn tảo rất hiếm có”*. Nghĩ xong, Trưởng Lão Anuruddha cầm tất cả và đem về tịnh thất của mình.

Dự định ngày để may thành mảnh y, thì cùng lúc ấy, Đức Phật cùng với tám mươi vị Tỳ Khuru Trưởng Lão cùng đi với Ngài tới viếng thăm Trưởng Lão Anuruddha. Thế là, tất cả cùng nhau vào phụ với Trưởng Lão để kết hợp với nhau mà may y áo. Đức Phật xỏ chỉ qua lỗ kim, Đại Đức Mahà Kassapa ngồi ở một góc nhà để may y, Đại Đức Sàriputta ngồi ở giữa, Đại Đức Ananda ngồi ở đầu trên và Tăng Chúng cùng nhau vừa may vừa xỏ chỉ vào kim để sớm mau thành mảnh y. Đại Đức Mục Kiền Liên đi qua đi lại để phụ với nhau, xem nơi nào cần chỉ hay kim thì đem tới nơi ấy. Không khí rất vui vẻ và hòa hợp trong tình thương. Lúc bấy giờ, vị Thiên Nữ cúng dường Thiên Y, lại phát Tâm hoan hỷ, thị hiện ở trong làng và kêu gọi tất cả dân chúng đi đến cúng dường vật thực cho Đức Phật và Chư Tỳ Khuru Tăng:

- Nay Chư vị Đạo Hữu, hôm nay là ngày đại kiết tường, có Đức Thế Tôn cùng với Chư Tỳ Khuru Tăng đang kết hợp với nhau để may y cho Trưởng Lão Anuruddha. Vậy chúng ta hãy cùng nhau đi đến Tịnh Xá để dâng lên những vật thực, ngõ hầu gặt hái những quả phước thanh cao thù thắng.

Và như thế, dân trong làng lũ lượt kéo nhau đến Tịnh Xá và bày tỏ lòng tôn kính qua việc dâng lên những vật thực thanh tịnh đến Đức Phật và Chư Tăng, với số lượng dư thừa và ngập tràn của vật thực, đủ loại vừa cứng và mềm. Chư Tăng độ không hết và vật thực còn dư lại rất nhiều. Có một số Chư Tỳ Khuru nhìn thấy như vậy, lại đem ra bàn bạc với nhau: *“Chỉ có bấy nhiêu Tỳ Khuru mà cần chi nhiều vật thực như vậy. Nếu có suy tính độ lượng thì đúng ra nên bảo với những quyền thuộc và những Cận Sự của mình chỉ đem đến*

những vật thực vừa đủ mà thôi. Chắc có lẽ Trưởng Lão Anuruddha muốn khoe khoang cho biết rằng là Ta có nhiều quyền thuộc và đông đảo người hộ độ hay chăng ?”.

Khi ấy, Đức Phật được nghe qua những lời bàn bạc như thế, liền cho gọi nhóm Tỳ Khuru ấy lại và dạy bảo rằng:

- Nay Chư Tỳ Khuru, quả thật không phải do Anuruddha muốn làm như vậy. Chư Tỳ Khuru nên biết, với một bậc đã Lậu Tận thì không còn thời gian để nói những việc về Tứ Vật Dụng. Bữa cúng dường vật thực này phát sanh lên nhờ oai lực và tác ý của Chư Thiên.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xử,
“Không, Vô Tướng, Giải Thoát”,
Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm.
(P.C. 93)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Trưởng Lão Anuruddha may y, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Với bậc tu hành tinh tấn và diệt trừ mọi Lậu Hoặc được gọi là Bậc Lậu Tận, là một Bậc A La Hán. Trong Tâm của các Ngài không còn vướng mắc vào một trong Tứ Lậu – Dục lậu, Hữu Lậu, Kiến Lậu và Vô Minh Lậu.

Liên khiết, chân thật và chánh trực là những đặc tánh của những bậc có đạo hạnh – nhằm kiểm soát thu thúc về những hành động luôn cả lời nói – rất cần thiết để được bước đi vào con đường đến Níp Bàn. Khi đã vững vàng tiến một bước hướng đến mục tiêu, lúc bấy giờ, vị ấy nỗ lực thu thúc lục căn.

Để chế ngự sự thèm muốn vật thực và để cho Thân Tâm được nhẹ nhàng an lạc, có đôi khi, bậc đạo hạnh đã nhịn những buổi ăn chiều, chỉ thọ thực hai bữa - sáng và trưa. Đời sống giản dị và thanh đạm. Sống xa hoa biến con người trở nên nô lệ của Tham Vọng. Sống hạnh viễn ly và tập trung với tất cả những năng lực chỉ dùng vào việc trau giồi tinh thần và đức hạnh, cho chính mình và cho người khác. Từ đó, lần bước, bậc đạo hạnh tự tách rời ra khỏi những sự ràng buộc của xã hội, những trở ngại cho việc tiến hóa của nền đạo đức.

Nhận thấy rằng, xa hoa vật chất là ảo huyền và thú vui vật chất không tạo được hạnh phúc thật sự. Bậc đạo hạnh tự nguyện liả bỏ tất cả mọi sự nghiệp ở trên đời, để khoác lên mình mảnh y vàng và cố ghép mình vào nếp sống hoàn toàn thanh tịnh.

Sa Môn Lậu Hoặc đoạn ly,
 Ăn uống chẳng đắm, có chi lại bàn ?
 Cỏi Không, Vô Tướng, Níp Bàn,
 Là nơi trống vắng chim ngàn tung bay.
 Quãng trời vô tận lắm thay,
 Dấu chim bay mãi, biết bay phương nào !

-----00000-----

Câu kệ thứ 94: Người sống biết tự chế thì hằng được sự mến thương.

Ai nhiếp phục các căn,
 Như đánh xe điều ngự,
 Mạn trù, lậu hoặc dứt,
 Người vậy, Chư Thiên mến.
 (P.C. 94)

Whose senses have gone to rest, like horses well tamed by a charioteer, who has abandoned pride and has no Āsavas, him, being of such a kind, even the Gods envy (P. C. 94)

L'homme qui dompte ses sens comme un conducteur dresse des coursiers, et dont l'orgueil est éteint, les souillures effacées, il est même envié des dieux (P. C. 94).

Dịch nghĩa: Người chế ngự Lục Căn cũng giống như tuần mã được rèn luyện thuần thục, người đã diệt trừ được Ngã Mạn và không còn Lậu Hoặc, người đã vững chắc như thế, chí đến Chư Thiên cũng quý mến (P. C. 94).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khải thuyết tại Đông Phương Tự, đề cập đến Trưởng Lão Mahà Kaccàyaṇa (Đại Ca Chiên Diên).

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, trong ngày Rằm của Lễ Phát Lộ Tự Tứ mãn hạ an cư mùa mưa của Chư Tăng, Đức Phật ngự tọa tại Tăng Xá có Hội Chúng Thánh Văn đệ tử vây quanh, ở nơi Đông Phương Tự của Đại Thí Chủ Visakha xây dựng và cúng dường. Lúc bấy giờ, Trưởng Lão Mahà Kaccàyaṇa đang còn trú ngụ trong Xứ Avantī. Tuy nhiên dù bao xa cách, Trưởng Lão cũng vâng tập về nơi Đức Phật ngự, đến góp mặt để khích lệ nghe Pháp, do đó Chư Tăng Trưởng Lão đã chừa một chỗ trống để dành cho Trưởng Lão Mahà

Kaccàyana.

Thiên Chủ Đế Thích cùng Chư Thiên ở hai Cõi Thiên Giới cũng đem những Thiên Lễ Vật và tràng hoa để đi đến cúng dường Đức Phật và Chư Tỳ Khuru Tăng. Khi đến nơi, Thiên Chủ không được trông thấy Trưởng Lão Mahà Kaccàyana, liền phát Tâm tự hỏi “*Lạ thay, sao Ngài Trưởng Lão của Ta lại không có mặt tại đây ? Phải chi Ngài đến quả thật là tốt biết mấy !*”.

Vừa dứt dòng suy nghĩ thì Trưởng Lão Mahà Kaccàyana vừa đến nơi, và ngồi vào chỗ của mình để cho mọi người được nhìn thấy. Thiên Chủ Đế Thích khởi Tâm hân hoan duyệt ý, đi đến và quỳ xuống nắm lấy hai cườm chân của Ngài Trưởng lão và thốt lên:

- Hạnh phúc thay ! Trưởng Lão của Ta đã đến. Kính bạch Trưởng Lão, Sakka đã mong đợi Trưởng Lão đến từ nãy giờ !”.

Nói xong, Thiên Chủ lấy hai bàn tay của mình và xoa bóp hai chân của Trưởng Lão Mahà Kaccàyana, cúng dường Thiên Lễ Vật và bông hoa, đánh lễ Trưởng Lão xong và đứng nép qua một bên.

Một số Chư Tỳ Khuru thấy vậy, khởi lên thắc mắc và đem ra bàn bạc với nhau “*Thiên Chủ Sakka lựa người mà cúng dường lễ bái, bao nhiêu bậc Đại Thánh Văn khác hiện diện tại nơi đây, nhưng Thiên Chủ lại không tỏ bày sự cung kính ! Vừa thấy Trưởng Lão Mahà Kaccàyana đi đến thì Thiên Chủ tỏ bày hân hoan duyệt ý một cách đặc biệt, quả thật lạ lùng !*”.

Nghe qua lời bàn luận như thế, Đức Phật có lời dạy bảo:

- Nay Chư Tỳ Khuru, với những vị Tỳ Khuru nào biết thu thúc lục căn như Mahà Kaccàyana đây, thì hằng được Chư Thiên và Nhân Loại hoan hỷ duyệt ý và kính mộ.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trù, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến.
(P.C. 94)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Trưởng Lão Mahà Kaccàyana, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Lòng tôn sùng cao cả nhất là tôn sùng con người cao cả nhất, những tâm hồn vĩ đại và can trường, đã quét sạch Vô Minh và búng tận gốc rễ, tận diệt mọi nhiễm ô ở trong Tâm, bằng cách chắc chắn nắm vững thực tướng của vạn pháp. Người thấy rõ Chân Lý là Người có thể thật sự giúp Ta, nhưng một Phật Tử thuần thành không van vái cầu xin. Hàng Phật Tử chỉ tỏ bày sự lễ lạy để tỏ lòng ngưỡng mộ, tri ân và khâm phục với Người

đã khám phá Chân Lý và soi sáng cho người Phật Tử con đường dẫn đến Chân Hạnh Phúc và Giải Thoát mọi triền phược.

Trong hành động lễ bái này, chính là người Phật Tử có Tâm đạo nhiệt thành đề thọ hưởng sự lợi ích. Tư tưởng, lời nói và hành động của người Phật Tử là thanh tịnh khi tưởng niệm đến những phẩm hạnh của Bạc Lậu Tận và chú Tâm vào đó. Người Phật Tử thọ lãnh nguồn gọi cảm và được nâng đỡ tinh thần, dốc lòng ước muốn noi theo gương lành của Bạc Tôn Kính. Đây là một phương pháp hành Thiền một cách hữu ích.

Đảnh lễ một bậc Tôn Kính là một đề mục gom Tâm an trụ và hành Thiền, là nguồn cảm kích mạnh mẽ và cố gắng noi theo gương lành thanh tịnh của Người. Những ai không được thông hiểu ý nghĩa của sự cúng dường và đảnh lễ như thế, vội vã đi đến kết luận, đó chỉ là sự sùng bái một đối tượng. Không có chi có thể sai sự thật hơn nữa.

*Đúng bậc La Hán giỏi trau,
Các căn tịch tịnh, giữa mài sạch trong.
Như người cỡi được ngựa hồng,
Phiền não, ngã mạn, nơi lòng lặng yên.
Nhân Loại cho đến Chư Thiên,
Thấy đều yêu mến nể kiêng đức lành.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 95: Bạc A La Hán không chao động với Pháp Thế Gian.

*Như đất, không hiểm hận,
Như cột trụ, kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy
(P.C. 95)*

Like the earth he is not hostile, he is like a locking post, venerable, with good vows, like a pool without mud. For one of such a kind there are no journeying – on (P. C. 95).

Supportant tout, comme la terre, ferme dans ses devoirs, comme un pilier d'Indra, il est un lac que nulle boue ne trouble. Pour un tel être, il n'y a plus de renaissance en vue (P. C. 95).

Dịch nghĩa: Ví như đất, người giữ Tâm quân bình và có nếp sống kỷ cương, không còn xúc động. Người ấy ví như trụ đồng Indra, ví như ao hồ phẳng lặng, không bị bùn đất

làm như bản. Với người có Tâm quân bình như thế, cuộc hành trình bất định của đời sống không còn lập lại nữa (P. C. 95).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Trưởng Lão Sàriputta bị cáo gian.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, sau khi mãn hạn an cư mùa mưa, Trưởng Lão Sàriputta muốn vân du hành đạo, do đó Trưởng Lão đã đi đến yết kiến Đức Phật, đánh lễ và tác bạch ước nguyện của mình. Sau khi cáo từ Đức Phật, Trưởng Lão Sàriputta đến chào hỏi hết tất cả những Tỷ Khuru thân quen, tuy nhiên có một tân Tỷ Khuru đang đứng lẫn lộn trong đám đông Tăng Chúng và không được Trưởng Lão Sàriputta lưu ý đến. Vị tân Tỷ Khuru này khởi Tâm buộc oan trái với Trưởng Lão. Cùng lúc ấy, Trưởng Lão Sàriputta đắp lại mảnh y lên bên vai trái của mình thì vô tình cuối chéo y đã đụng vào mặt của vị tân Tỷ Khuru đang đứng sau lưng của Ngài. Đợi khi Trưởng Lão rời khỏi Tự Viện thì vị tân Tỷ Khuru này đến khiếu nại với Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Trưởng Lão Sàriputta ý thị là “*Bậc Chí Thượng Thịnh Vãn, Đại Đệ Tử của Đức Thế Tôn*”, nên trước khi ra đi hành đạo, Trưởng Lão đã tát một cái vào mặt của con mà không có xin sám hối.

Nghe qua, Đức Phật cho gọi Trưởng Lão Sàriputta quay trở lại để phân xử. Ngay khi ấy, hai vị Trưởng Lão Mục Kiền Liên và Ananda đều nghĩ thầm “*Đây là cơ hội hy hữu để Hội Chúng Tăng được nghe âm vang của Sư Tử Hống !*”. Thế rồi, hai vị Trưởng Lão kêu mời gọi hết tất cả Hội Chúng Tăng đi đến Giảng Đường để được nghe lời trình bày của Trưởng Lão Sàriputta.

Quay trở lại Giảng Đường, đánh lễ Đức Phật và Trưởng Lão Sàriputta ngồi xuống một bên. Đức Phật đem câu chuyện của vị tân Tỷ Khuru khiếu nại ra trước mặt Trưởng Lão cùng với Hội Chúng Tăng. Thay vì trả lời “*Con không có đánh vị Tỷ Khuru ấy !*”, Trưởng Lão Sàriputta đã nói về đạo hạnh tu tập để diệt “*Tự Ngã*”:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, vị Tỷ Khuru thuần thực trong đề mục quán tưởng *Thân Niệm Uế Trược* thì Tâm không còn lưu luyến đến những bạn đồng Phạm Hạnh. Ví như mặt đất, trên đó người ta có thể vứt bỏ tất cả, thom tho hay hôi thúi, trong sạch hay dơ bẩn, mặt đất cũng vẫn tro như vậy. Cũng cùng thế ấy, vị Tỷ Khuru thấm nhuần về *Thân Niệm Uế Trược*, cũng bình thản như mặt đất trước bao thị phi. Tâm bình thản ví như nước, như lửa, như gió, như bụi, như thanh niên Chiên Đà La, như bò đã gãy sừng, như chén mỡ đặc, như xác rắn chết sinh thúi, để nhìn thấy “*Tự Ngã*” này không có gì đáng quý trọng và bảo trì.

Trong khi Trưởng Lão Sàriputta trình bày mạch lạc về “*Tự Ngã*” của mình, với chín Pháp ẩn dụ từ mặt đất đến xác rắn chết, thì quả địa cầu rung động dữ dội. Đến khi Trưởng Lão ví mình như thanh niên Chiên Đà La, như hạt bụi, như chảo chiên dầu mỡ, thì Chư Phạm Tỳ Khuru không cầm được nước mắt, còn các bậc Thánh Tỳ Khuru khởi Tâm kính cảm vì Pháp.

Ngay khi ấy, vị tân Tỳ Khuru cáo gian Trưởng Lão cảm nhận toàn thân bị thiêu đốt khắp cả người. Vị ấy đã quỳ xuống dưới chân Đức Phật và tự thú lỗi lầm cáo gian đến Trưởng Lão Sàriputta. Đức Phật có lời nói với Trưởng Lão:

- Nay Sàriputta hãy nên tha thứ lỗi lầm của vị Tỳ Khuru này, để cho đầu của vị ấy không bị bể ra làm bảy mảnh.

Trưởng Lão Sàriputta ngồi xồm lên (tư thế của vị Tỳ Khuru xin được sám hối) chấp hai tay lại và nói:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con tha thứ lỗi vị Tỳ Khuru này và kính xin vị Tỳ Khuru này hãy tha lỗi cho con, nếu con có tạo ra lỗi lầm nào.

Sau đó, Chư Tỳ Khuru Tăng đem câu chuyện của Trưởng Lão Sàriputta ra bàn luận:

- Nay Chư Hiền Hữu, Trưởng Lão có đức độ vô lượng. Với vị tân Tỳ Khuru đã cáo gian mình mà Trưởng Lão không có Tâm giận hờn chi cả, và lại tỏ lời xin lỗi đến vị ấy.

Nghe qua những lời bàn luận của Chư Tăng, Đức Phật có lời dạy bảo:

- Nay Chư Tỳ Khuru, không thể nào làm cho bậc đã Lậu Tận như Sàriputta phải khởi Tâm sân hận. Tâm của Sàriputta đã bình thản như mặt đất, kiên cố như trụ đồng của Chư Thiên, thanh tịnh như nước ao không còn bùn nhơ.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Như đất, không hiềm hận,
Như cột trụ, kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy
(P.C. 95)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Trưởng Lão Sàriputta bị cáo gian, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Khinh rẻ, phỉ báng, nguyên rủa là câu chuyện thường tình. Ca tụng khiển trách, được thua, hơn thiệt, đau khổ hạnh phúc, là những câu chuyện thường xảy ra ở trong đời. Giữa bao cuộc thăng trầm của Thế Sự, hàng Phật Tử khéo tu niệm phải biết giữ Tâm bình thản, ví như mặt đất. Mặt đất không giận cũng không thương với bất luận một ai vứt bỏ những gì trên đó.

Huân từ của Đức Phật hằng dạy bảo đến hàng đệ tử “*Này Chư Tỳ Khuru, cho dù có*

người nào bình phẩm các con như thế nào, đúng hay sai, hợp thời hay phi thời, lễ độ hay ty liệt, trung thực hay gian xảo; các con hãy cố gắng tu tập tâm tánh, phải giữ Tâm luôn thanh tịnh, không nên thốt một lời xấu ác, luôn luôn ôn hòa và bi mẫn đối với những người ấy. Các con hãy nên mở rộng Tâm Từ Ái cuộn chảy đến họ, như một dòng suối trường lưu bất tức. Các con nên rải Tâm Từ Ái bao trùm đến tất cả vạn vật, dồi dào phong phú, vô lượng vô biên. Không bao giờ thù oán. Không sân hận. Các con hãy cố gắng tự trau dồi”.

Người đã thanh lọc mọi tham vọng ích kỷ, mọi thù hận, mọi tư tưởng hung ác, tàn bạo, và đượm nhuần tinh thần ôn hòa, bác ái vị tha thì sẽ thấy đời sống được an lạc hạnh phúc.

Người đã tận diệt tham vọng, quả nhiên không thể có lời nói giả dối, phi báng, thô ác, và nhảm nhí vì một mục đích ích kỷ nào. Luôn luôn chân thật, trung tín, luôn tìm cái đẹp cái tốt ở nơi người khác; hơn là lừa dối, vu oan, sỉ nhục, chia rẽ những người bạn đồng cảnh ngộ với mình.

Một nhân vật hòa nhã và đượm nhuần Tâm Từ Ái thì không thể có lời thô lỗ cộc cằn, để làm suy giảm giá trị của mình và làm tổn hại đến người khác.

*La Hán giữ sạch Tam Hành,
Tâm như bình địa chí thành cố kiên.
Nhu Thiên trụ cột vững yên,
Nhu ao sâu thẳm, lặng yên, không bùn.
Nên vòng sanh tử cuối cùng,
Khởi từ vô thủy cáo chung nơi người.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 96: Nhờ Chánh Trí, bậc hoàn toàn giải thoát được an tịnh Tam Nghiệp.

*Người Tâm Ý an tịnh,
Lời an, Nghiệp cũng an,
Chánh Trí, chân giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.
(P.C. 96)*

Of him properly released by knowledge, calm, of such a kind, the mind is calm, the voice is calm and also the deed (P. C. 96).

Calme en pensée, calme en parole, calme en action, tel est celui qui a gagné l'apaisement, s'étant libéré par un savoir véritable (P. C. 96).

Dịch nghĩa: Tâm an tịnh, Lời an tịnh, hành động an tịnh, với người ấy, liễu tri chân chánh, trọn vẹn siêu thoát, hoàn toàn an tịnh và quân bình (P. C. 96).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Sa Di chứng đắc Quả Vô Sinh của Trưởng Lão Tissa ở thành Kosambi.

Tích truyện được nói đến như sau:

Có một công tử ở thành Kosambi, khởi tâm xuất gia tu học trong Giáo Pháp của Đức Phật, thọ Cụ Túc Giới và được gọi là Tỳ Khuru Tissa ở Kosambi. Sau đó, Tỳ Khuru Tissa đã trú ngụ ba tháng an cư mùa mưa tại nơi Kosambi. Khi mãn hạn mùa an cư, có một gia đình Thiện Nam dẫn một bé trai mới vừa bảy tuổi, đi đến xin xuất gia Sa Di với Tỳ Khuru Tissa, để làm một Thị Giả, nhằm hỗ trợ cho Tỳ Khuru Tissa gìn giữ Giới Luật được nghiêm mật.

Ngay khi lưỡi dao cạo vừa chạm vào da đầu, Tỳ Khuru Tissa chỉ dạy cho bé trai này về đề mục quán tưởng Thân uế trước gồm có năm chi phần, là Tóc, Lông, Móng, Răng, Da. Thế rồi, cùng lúc ấy, bé trai thâm sát đề mục một cách chăm chú, dẫn đến chứng đắc được Quả vị Vô Sinh cùng với Tứ Tuệ Phân Tích.

Sau lễ xuất gia của vị Sa Di bảy tuổi này, Tỳ Khuru Tissa còn lưu lại tại nơi Tịnh Thất ở Kosambi thêm nửa tháng, và cuối cùng thì, Tỳ Khuru Tissa cùng với Sa Di này lên đường đi đến yết kiến Đức Phật. Đến nửa đoạn đường, hai Thầy Trò phải ghé vào một ngôi Chùa để nghỉ qua đêm, vị Sa Di bảy tuổi này có bổn phận lo sửa soạn chỗ nghỉ cho Thầy Tế Độ. Khi lo vừa xong thì trời đã vào tối khuya, Sa Di không thể dọn dẹp chỗ nghỉ ngơi cho mình. Tỳ Khuru Tissa có lời vấn hỏi:

- Này Sa Di, con đã lo sửa soạn chỗ nghỉ ngủ của con hay chưa ?
- Kính bạch Ngài, con không có thời giờ để sửa soạn lo cho con !
- Vậy thì, con hãy vào nghỉ chung chỗ của Ta. Chúng ta là khách lữ hành thì phải chịu khổ ở một chút vậy.

Tỳ Khuru Tissa bảo Sa Di vào chỗ nghỉ qua đêm chung với mình, và vì hãy còn là Phàm Tăng, nên vừa ngã lưng xuống nằm nghỉ thì ngủ ngay tức thì. Về phần Sa Di thì ngồi Thiền Tọa trọn cả đêm, ở kế bên giường ngủ của Thầy Tế Độ. Khi trời vừa mờ sáng, Tỳ Khuru Tissa vừa thức giấc, với ý định đánh thức Sa Di, nên đã dùng đầu nhọn của cây quạt, đánh vào đầu của Sa Di, nhưng chẳng may lại đánh trúng vào một con mắt của Sa Di, và đã làm hư hoại con mắt ấy. Sa Di vội lấy một tay để bịt lấy con mắt đau, đứng dậy đi ra để lo làm bổn phận phục vụ cho Thầy của mình. Sa Di đã làm công việc, với một tay bịt con mắt bị hỏng, một tay lo múc nước rửa mặt và súc miệng cho Thầy dùng, rồi quét sân chùa. Khi dâng nước lên cho Thầy Tế Độ, Sa Di chỉ dâng có một tay,

thấy vậy, Tỳ Khuru Tissa quở trách vị học trò:

- Tại sao con lại vô lễ khi dâng nước cho Thầy Tế Độ mà chỉ có một tay ?
- Kính bạch Ngài, con vẫn biết như thế, nhưng con chỉ còn một tay và tay kia thì đang mắc bận.
- Vì sao như vậy, hử con ?

Thế rồi, Sa Di thuật lại câu chuyện không may đã xảy đến đã làm hư con mắt của mình. Vừa nghe xong, Tỳ Khuru Tissa khởi Tâm hoảng hốt, vội vàng bày tỏ sự sám hối, với lời nói:

- Xin bậc Chân Nhân niệm thứ cho tôi ! Tôi quả thật không hay biết việc này, xin hãy là người nâng đỡ cho tôi.

Vị Sa Di an tịnh trả lời với Thầy Tế Độ:

- Kính bạch Ngài, con không muốn nói đến câu chuyện này, kính xin Ngài an tâm. Theo con nghĩ, trong việc này Thầy không có lỗi, mà đó cũng không phải là lỗi của con, mà chính là vì Nghiệp cũ của con nên nay con phải bị hỏng một mắt. Kính xin Ngài đừng lo nghĩ nhiều, con xin giữ kín sự việc này và không nói đến cho một ai hay biết.

Tỳ Khuru Tissa được lời an ủi của Sa Di thì có cảm giác nhẹ nhàng, và cả hai cùng tiến về đến Đức Phật trú ngụ. Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn, nói lên những lời chào hỏi, Tỳ Khuru Tissa thuật lại tất cả câu chuyện đã xảy ra, và bạch với Đức Phật với lời nói:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sau khi con sám hối với Sa Di thì được đón nhận lời an ủi nhẹ nhàng từ nơi vị này, không bày tỏ sự sân hận hay oán giận chi cả. Kính bạch Ngài, từ trước cho đến nay, con chưa từng được thấy một bậc Hiền Đức nào hoàn toàn như vậy.

- Nay Tỳ Khuru Tissa, với bậc Lậu Tận thì Tâm không còn sân hận, oán giận, với Lục Căn luôn an tịnh và Tâm Ý cũng an tịnh.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Người Tâm Ý an tịnh,
Lời an, Nghiệp cũng an,
Chánh Trí, chân giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.
(P.C. 96)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Sa Di chứng đắc Quả Vô Sinh của Trưởng Lão Tissa ở thành Kosambi, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Trong phạm vi quy ước của hạng Phàm Phu thế gian thì không một ai có thể theo dõi con đường mà Tâm của một bậc Vô Sinh trải qua, vì lẽ Tâm của bậc Vô Sinh đã vượt qua khỏi thế gian quy ước, mặc dù vẫn tương tự như hạng Phàm Phu. Con đường tiến hóa từ Phàm Phu đến bậc Thánh Vô Sinh, với cái Tâm luôn chao động và chậm tiến, tuy nhiên

với sự nỗ lực tuần tự thanh lọc, liên tục không gián đoạn, một cách kiên trì không thoái chuyển, thì cái Tâm cũng sẽ dần dần trở nên vi tế thanh tịnh, cho đến khi, thành đạt mức độ vi tế cùng tột. Đến khi ấy, trạng thái vi tế cũng sẽ tan biến, bởi vì trạng thái vi tế cũng là một thực tại quy ước, chỉ còn lại bản chất rỗng không thuần túy, bản chất nguyên chất vi của Giáo Pháp, Tâm thanh tịnh giải thoát, với bậc Vô Sinh đã diệt tận mọi Lưu Hoặc.

Cái được gọi là Nghiệp Quá khứ, cũng nằm bên trong cái Tâm, và do từ nơi Tâm tạo nên. Cho dù còn nhớ nó hay không, hạt giống đã gieo, đã nằm bên trong cái Tâm, không thể ngăn cản nó trở sanh quả, vì lẽ nó đã đâm chồi mọc rễ trong Tâm. Chúng sanh phải biết ghi nhận cái Nghiệp của chính mình. Không nên tránh né và xa lánh. Bàn tay đã viết ra chữ, và chính nơi bàn tay ấy, phải tẩy xóa những chữ đã viết. Đó là niêm luật thường nhiên. Đối với Nghiệp Báo, nó là như vậy, cho đến khi chúng sanh thành đạt được sự giải thoát – lúc bấy giờ, mọi vấn đề khó khăn đau khổ sẽ được chấm dứt.

*La Hán an tịnh thành thoi,
Nhờ vào Chánh Trí thoát nơi bụi hồng.
Thân Ngũ gạn lọc sạch trong,
Ý Nghiệp vắng lặng, rỗng không ly trần.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 97: Với niềm tự tin, bậc Vô Sinh liễu tri Níp Bàn bất tử, dứt bỏ mọi hệ lụy.

*Không tin, hiểu Vô Vi,
Người cắt mọi hệ lụy,
Cơ hội tận, xả ly,
Vị ấy thật tối thượng.
(P.C. 97)*

The man who is without desire (without faith), knows the uncreated (is ungrateful), cuts off rebirth (is a housebreaker), who has got rid of occasions (for quarrels or rebirth) [has destroyed his opportunity], has abandoned desire (is an eater of vomit, i.e. what has been abandoned by others), is the best person (is one of extreme audacity) (P. C. 97).

Ne pas adhérer aux croyances, saisir le sens de l'incrée, rompre le lien de l'existence, mettre fin aux opportunités, renoncer à tous les désirs, voilà ce qui fait l'homme suprême (P. C. 97).

Dịch nghĩa: Người giữ vững lòng tin, liễu tri trạng thái Vô Sinh (Níp Bàn), cắt đứt

mọi hệ lụy, chấm dứt mọi cơ hội (để cho điều Thiện và điều Ác phát sanh), diệt trừ mọi Tham Ái, người ấy, quả thật là bậc thù thắng) (P. C. 97).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khái thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Đại Trưởng Lão Sàriputta với niềm tự tin bất thối.

Tích truyện được nói đến như sau:

Có ba mươi vị Tỳ Khuru tu tập hạnh Đầu Đà ở rừng già, đã đi đến yết kiến và đánh lễ Đức Phật. Đức Phật quán sát thấy những vị Tỳ Khuru này có căn lành để chứng đắc Quả Vô Sinh với Tứ Tuệ Phân tích, nên Ngài đã gọi Đại Trưởng Lão Sàriputta vấn hỏi về năng lực của Ngũ Quyền (Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ) và nhất là Tín Quyền, là những yếu tố đưa đến thành tựu Pháp bất tử.

- Này Sàriputta, khi thẩm sát chú niệm vào Ngũ Quyền thì hành giả có thể chứng đắc được Níp Bàn hay không ?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, về vấn đề chứng đắc được Níp Bàn qua việc thẩm định trên Ngũ Quyền, chẳng phải vì con đã được nghe lời dạy của Đức Thế Tôn, rồi có niềm tin nơi Đức Thế Tôn, mà con tin theo đó. Quả thật vậy, về Tín Quyền, thì những ai chưa được biết, chưa được thấy, chưa làm cho thấu rõ, chưa tiếp xúc Pháp Bất Tử trọn vẹn bằng Trí Tuệ, thì người đó mới phải đặt niềm tin vào tha nhân.

Nghe qua lời giải đáp của Đại Trưởng Lão, Chư Tỳ Khuru họp nhau bàn luận “Đại Trưởng Lão Sàriputta đã trả lời bằng những luận điểm sai lầm, chưa dứt sạch Tà Kiến và không có niềm tin vào nơi Đức Phật”.

Được biết tâm trạng nghi lự của nhóm Chư Tỳ Khuru này, Đức Phật đã giải thích chi tiết ý nghĩa của câu trả lời của Đại Trưởng Lão Sàriputta:

- Này Chư Tỳ Khuru, câu trả lời của Sàriputta chỉ có đơn giản như thế này “Sàriputta có niềm tin rằng nhờ quán sát thẩm định vào Ngũ Quyền, hành giả sẽ chứng đắc Níp Bàn, nhưng vị này chỉ tin vào như thế, sau khi chính mình đã thực sự chứng đắc Níp Bàn, chứ chẳng phải vì nhẹ dạ mà tin vào những lời dạy của tha nhân”. Sàriputta luôn luôn có niềm tin vào Như Lai, có niềm tin vào các kết quả của những hành động Thiện và Bất Thiện. Sàriputta đã tự mình chứng đắc các Pháp Thiền Quán, chứng đắc Đạo Quả, chứ không đặt niềm tin suông vào những tha nhân, do vậy, vị này là người không thể chê trách được.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Không tin, hiểu Vô Vi,
Người cắt mọi hệ lụy,*

*Cơ hội tận, xả ly,
Vị ấy thật tối thượng.
(P.C. 97)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Đại Trưởng Lão Sàriputta với niềm tự tin bất thối, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Những người Phật Tử thuần thành suy nghĩ về những lời dạy của Đức Phật, hoặc vấn đề Tôn Giáo và nguồn gốc của Tôn Giáo, không phải là vấn đề siêu hình, mà là vấn đề Tâm Lý và Trí Thức. Đối với hàng Phật Tử, Giáo Điều không phải là tín ngưỡng suông hay quy tắc thần khải, do quyền lực thiêng liêng khai sáng và chỉ bảo, hoặc lòng kính sợ một cái gì không được biết, hoặc chưa được biết, hay một chúng sanh siêu phàm có năng lực ban thưởng những hành động Thiện và hình phạt những hành động Bất Thiện, vào các chúng sanh do chính mình đã tạo.

Thay vì quan tâm đến những vấn đề này, người Phật Tử chú trọng đến khía cạnh Tâm Lý và Trí Thức phát sanh do kinh nghiệm nhận thức vào Dukkha (Khổ Đau), những xung đột và những bất toại nguyện của đời sống, thực sự thực nghiệm trong kiếp sinh tồn.

Phương cách nắm lấy Chân Lý cao siêu thù thắng của người Phật Tử, từ Vô Minh bừng tỉnh đến sự Giác Ngộ, trọn vẹn không tùy thuộc nơi sự phát triển thuần túy trí thức mà tùy thuộc nơi sự chấp nhận một giáo huấn thực hành. Chính công trình phối hợp chặt chẽ của Pháp Học và Pháp Hành – những huấn từ và thực hiện tu tập – chính những yếu tố này dẫn đến sự Giác Ngộ và sự giải thoát trọn vẹn.

*La Hán chẳng có tin ai,
Vì thân chứng Đạo không hai thoát trần.
Dứt trừ vĩnh viễn nguyên nhân,
Cùng quả ràng buộc Tự Thân luân hồi.
Lòng Tham đoạn tuyệt hẳn hồi,
La Hán, Thượng Sĩ, cao ngời chính mình.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 98: Tịnh lạc thay trú xứ bậc Vô Sinh đang trú ngụ.

*Làng mạc hay núi rừng,
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào,
Đất ấy thật khả ái.
(P.C. 98)*

Whether in a village or in a forest, whether on low land or on high ground, wherever Arahants live, that is a delightful place (P. C. 98).

Qu'il soit au village ou en forêt, sur la colline, dans la vallée, là où est le séjour des Arahants, la joie règne (P. C. 98).

Dịch nghĩa: Cho dù ở trong làng mạc hay chốn rừng già, ở non cao hay ở thung lũng, bất luận ở nơi nào, mà bậc A La Hán trú ngụ, nơi ấy quả thật tịnh lạc (P. C. 98).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khái thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khưu Revata ẩn trú tu tập tại nơi rừng keo.

Tích truyện được nói đến như sau:

Khi Đại Trưởng Lão Sàriputta ra đi xuất gia thì tại nơi nhà còn lại ba người em gái là Cālā, Upacālā và Sīsucālā, cùng với ba em trai. Kế đến, ba người em gái cũng xuất gia, rồi hai người em trai cũng lần lượt đi xuất gia, chỉ còn lại người em út là Revata còn ở lại nhà.

Lúc bấy giờ, Thân Mẫu của Đại Trưởng Lão Sàriputta suy nghĩ “*Tất cả đều rủ nhau đi xuất gia và bây giờ chỉ còn con trai út ở lại đây. Nếu nó lại bỏ đi xuất gia nữa thì bấy nhiêu tài sản này sẽ bị tiêu hoại, dòng dõi ta sẽ bị gián đoạn. Vậy trong khi Revata hãy còn non trẻ, ta phải lập gia đình ngay thôi để ràng buộc con trẻ ở lại với ta*”.

Về phần Đại Trưởng Lão Sàriputta đã có những suy nghĩ tương tự và đã dẫn dò đến Chư Tỳ Khưu:

- Này Chư Đạo Hữu ! Nếu như Revata có đến đây xin xuất gia thì xin Quý Đạo Hữu cứ tự tiện giúp cho Revata. Song thân của ta là người Tà Kiến, không phải hỏi ý kiến của hai Ông Bà, và ta sẽ làm việc Quyền Huynh Thế Phụ để cho phép Revata được xuất gia thôi.

Tuy con trai tuổi vừa lên bảy, nhưng Thân Mẫu của Revata muốn lấy sợi dây gia đình buộc chân con lại, nên bà đã đi tìm nơi thích hợp hỏi vợ cho con. Đến ngày ấn định lễ cưới, bà lo trang điểm cho công tử thật tươi tắn, dắt theo rất đông họ hàng bên trai, đi đến nhà bên đảng gái.

Trong khi hai họ nhóm họp cử hành lễ cưới, thân quyến đến chúc tụng hạnh phúc cho lứa đôi vị thành niên. Mọi người đều chúc cho hai trẻ được sống bên nhau như một bà lão trăm hai mươi tuổi đời. Khi Revata nhìn thấy bà lão già ấy, lòng khởi lên thắc mắc lo ngại “*Thân thể con người khi đến tuổi già nua thì phải chịu thay hình đổi sắc như vậy sao ? Vậy thì ta phải đi tìm Anh Upatissa của ta ngay thôi. Hôm nay ta phải bỏ nhà và đi*

xuất gia”.

Khi tất cả mọi người rước cô dâu cùng lên xe đi trở về lại nhà, thì Revata đã tạo ra nhiều hình thức để tìm cách bỏ trốn đi. Revata đã viện ra nhiều lý lẽ để xuống xe và lên xe, và cho đến một lúc, mọi người đã không còn để ý đến mình, thì Revata đã bỏ chạy thẳng vào rừng già và đi đến một trú xứ, tại nơi có ba mươi vị Tỳ Khuru đang trú ngụ tại nơi đó. Revata đi đến đánh lễ Chư Tỳ Khuru và nói lên ý định xin được xuất gia. Sau khi Chư Tăng tìm hiểu ra được Revata là em trai út của Đại Trưởng Lão Sariputta, cùng với lời dăn dò của Đại Trưởng Lão đã có trước kia, như thế Revata được xuất gia và thọ Sa Di giới. Sau lễ Thí Phát, các Tỳ Khuru đã thông tin cho Đại Trưởng Lão Sariputta được hay biết tin này.

Được Chư Tỳ Khuru chỉ dạy đề mục Thiền Quán, Sa Di Revata xin phép đi đến một khu rừng keo, cách Tu Viện khoảng ba mươi do tuần, để tu tập hạnh ẩn cư. Tại khu rừng keo này, Sa Di Revata đã an cư mùa mưa trọn ba tháng, tiến hành trau dồi Thiền Quán, và đã chứng đắc Quả Vô Sinh cùng với Tứ Tuệ Phân Tích. Sau lễ Tự Tứ, Đại Trưởng Lão Sariputta đến xin Đức Phật vào khu rừng keo để thăm Revata, tuy nhiên Đức Phật cùng Chư Tỳ Khuru Tăng lại cùng đồng hành với Đại Trưởng Lão Sariputta đến viếng thăm nơi trú ngụ của Sa Di Revata.

Đi được một đoạn đường dài, khi đứng trước một ngã ba, Đại Đức Ânanda tác bạch với Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, có hai lối đi đến chỗ của Revata, một đường dài sáu mươi do tuần với những cư dân sinh sống, một đường lộ chỉ có ba mươi do tuần nhưng chẳng có một ai sinh sống nơi đó, lại có nhiều Phi Nhân trú ngụ. Vậy chúng ta nên đi lối nào ?

- Này Ânanda, có Tỳ Khuru Sivali cùng đi với chúng ta hay không ?
- Dạ thưa có.
- Nếu có Sivali đi cùng, thì hãy đi theo con đường thẳng.

Thế rồi, đường đi vào khu rừng keo rất xa, khó khăn, lại vắng người, nhưng Chư Thiên đã dựng lên một trạm nghỉ chân ở mỗi do tuần, và đã cúng dường Thiên Vật Thực đầy đủ đến Đức Phật và Chư Tỳ Khuru, do nhờ vào phước báu của Đại Trưởng Lão Sivali. Về phần Sa Di Revata khi được hay tin Đức Phật cùng với Chư Tỳ Khuru đến, nên Sa Di Revata đã nỗ lực tạo dựng thêm một số trú xá để tiếp đón. Đức Phật cùng với Chư Tăng đã an trú tại nơi rừng keo trong thời gian một tháng, với đầy đủ tất cả những vật dụng được phát sanh, đều do nhờ vào oai lực phước báu của Đại Trưởng Lão Sivali.

Sau đó, Đức Phật cùng Chư Tỳ Khuru quay trở về, cũng với thời gian một tháng dài đi chuyển, hằng luôn được an vui, và cuối cùng dừng chân tại Đông Phương Tự, nơi thành Xá Vệ. Một hôm, nhân dịp thỉnh Đức Phật cùng với Chư Tăng đến nhà thọ vật thực cúng dường trai soạn, nữ đại thí chủ Visàkhà đã vấn hỏi đến Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, trong số Chư Tỳ Khưu cùng đi chung với Ngài, có một số nói rằng chỗ trú ngụ của Sa Di Revata chỉ là một khu rừng keo hoang dã, một số nói rằng nơi ấy thật là khả ái ngoạn mục. Như thế chỗ trú ngụ ấy ra sao ?

- Này Visàkhà, cho dù là làng mạc hoặc chốn rừng già, nơi nào có bậc Vô Sinh tịnh cư thì nơi đó quả thật khả ái và ngoạn mục.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Làng mạc hay núi rừng,
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào,
Đất ấy thật khả ái.
(P.C. 98)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khưu Revata ẩn trú tu tập tại nơi rừng keo, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Cho dù ở xóm làng, một bậc Vô Sinh không được Thân biệt lập, nhưng cũng được Tâm tịch tịnh. Đối với bậc Vô Sinh thì những cảnh tượng đẹp sánh ngang Chư Thiên cũng không thể làm xao động Tâm của Ngài. Như thế, dù ở nơi làng mạc hoặc nơi nào khác, như ở núi rừng, bậc Vô Sinh tịnh cư thì nơi đó phong cảnh trở nên khả ái an lạc và ngoạn mục.

Với thế gian và đường lối vô cùng tận của thế gian triền miên diễn tiến. Nếu một người cố đi tìm hiểu về thế gian, ý nghĩ này chỉ đưa đến hỗn loạn và rối trí. Tuy nhiên, nếu ta sáng suốt quán sát về thế gian một cách rõ ràng thì Trí Tuệ thật sự phát sanh. Như thế, người Phật Tử phát triển con đường tu tập Thiền Quán và sống điều hòa, hợp theo Giáo Pháp, do vậy, với hạnh nguyện ly gia cắt ái, xa lìa nhà cửa để sống giữa rừng già, Tâm được nhuần trạch thái an lạc thanh tịnh. Hành giả ra đi để sống an lạc với chính mình, không vì sự sợ sệt và cũng không vì sự trốn chạy.

Đức Phật ca ngợi cuộc sống giữa chốn rừng già, vì lẽ trạng thái đơn độc của Thân và Tâm thích hợp thuận lợi cho Pháp Hành nhằm để giải thoát. Đến với rừng già để thực hành nhằm khai triển Trí Tuệ. Giữa rừng sâu, có thể gieo trồng và vun bồi hạt giống giác ngộ giải thoát.

Sống trong bối cảnh hỗn loạn và phiền nhiễu, những hạt giống ấy khó mà sanh sôi nảy nở, nhưng một khi đã học làm quen với lối sống trong rừng, người Phật Tử có thể trở lại sống an vui với thành thị, cùng với những khuấy động của chốn phồn hoa. Học sống trong rừng với ý nghĩa là khơi động, phát triển, làm cho Trí Tuệ được tăng trưởng. Và với Trí Tuệ ấy, người Phật Tử có thể áp dụng vào bất cứ bối cảnh nào.

Chỗ nào, rừng núi hoang vu,
Xóm làng, thành thị hoặc tu đất bằng.
Chỗ nào La Hán dự phần,
Nơi ấy quả thật vĩnh hằng an vui.

-----00000-----

Câu kệ thứ 99: Núi rừng không thích hợp với người còn nhiều Tham Dục.

Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phàm không ưa,
Vị ly Tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc.
(P.C. 99)

Forests are delightful. Where ordinary people do not delight, those devoid of passion will delight. They do not seek sensual pleasures (P. C. 99).

Plaisantes sont les forêts, que ne présentent pas les gens du commun. Les hommes sans passions y trouvent leurs délices, car ils ne cherchent point les plaisirs des sens (P. C. 99).

Dịch nghĩa: Quả thật tịnh lạc nơi chốn rừng già mà người thế gian chẳng ưa thích ở. Người không còn dục vọng sẽ thỏa thích an trú ở nơi ấy, vì các Ngài không còn tâm cầu những Dục Lạc (P. C. 99).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến một kỹ nữ trên ghẹo vị Tỳ Khuru đang tu tập nơi vườn bách thảo.

Tích truyện được nói đến như sau:

Có một vị Tỳ Khuru tu hạnh Đầu Đà và trau dồi đề mục Chi Quán từ nơi Đức Phật chỉ dạy, tại nơi một vườn bách thảo đã bỏ phế, thực hành Sa Môn Pháp.

Lúc bấy giờ, có một kỹ nữ cũng đến vườn bách thảo ấy để được gặp người bạn trai của mình, nhưng lại không được gặp vì người bạn ấy không đến. Thất vọng về câu chuyện này, nàng kỹ nữ đi qua đi lại ở nơi đây, và trông thấy vị Tỳ Khuru đang tĩnh tọa tham thiền. Kỹ nữ khởi lên trong Tâm với những suy nghĩ như sau “*Đây cũng là một thanh niên, ta sẽ giải tỏa Tâm của vị này vậy*”. Thế rồi, kỹ nữ đi đến trước mặt vị Tỳ Khuru, cởi áo choàng bên ngoài ra và mặc lại, nhiều lần như vậy, còn không thì buông xả mái tóc ra và bới lại, hoặc vỗ tay trên cười chọc ghẹo vị Tỳ Khuru.

Vị Tỳ Khuru này khởi sanh Tâm kinh cảm, toàn thân đều rờn óc, tự suy nghĩ “*Việc này là như thế nào ?*”. Ngay lúc ấy, tại nơi Hương Thất của Đức Phật, Ngài dùng Thiên Nhân quán sát “*Vị Tỳ Khuru đã đến xin đề mục Chỉ Quán của Ta để trau dồi Sa Môn Pháp, bây giờ tiến hóa ra sao ?*”. Ngài thấy được kỹ nữ đang trêu ghẹo quyến rũ, và thấy được sự phát tâm kinh cảm của vị Tỳ Khuru. Tại nơi Hương Thất, Đức Phật thị hiện hào quang phóng tới trước mặt của vị Tỳ Khuru và thốt lời chỉ bảo:

- Này Tỳ Khuru, chỗ ở bất khả ái chỉ để dành cho những người đi tìm dục lạc, chẳng phải để dành cho vị Tỳ Khuru. Và vị Tỳ Khuru nên chọn nơi vắng vẻ của rừng già mà hăng phàm phu chẳng ưa thích để tìm đến.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phàm không ưa,
Vị ly Tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc.
(P.C. 99)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến một kỹ nữ trêu ghẹo vị Tỳ Khuru đang tu tập nơi vườn bách thảo, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Pháp Hành nhằm trau dồi cái Tâm, quả thật vô cùng quan trọng. Hành giả nỗ lực phát triển tốt đẹp trong việc chú niệm và Trí Tuệ, rèn luyện cho nó thâm sát sự vật, vốn luôn phát sanh đến và làm cho Tâm rối loạn. Thông thường, chính cái Tâm là kẻ khuấy động, luôn luôn gây rối, không ngừng nghỉ. Và rồi, hành giả nghiêng ngã theo hậu quả của cái Tâm vọng động. với điều này, đã làm cho hành giả bị xôn xao, chao động, và phiền não, nếu không biết khéo tu tập.

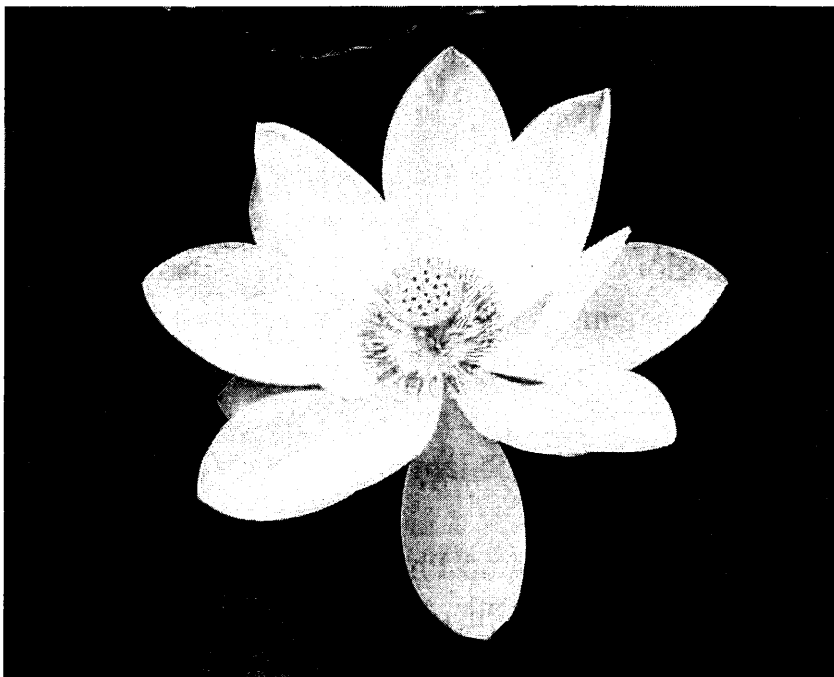
Xuyên qua những lời dạy trong Giáo Pháp, hành giả nhận chân được cái Tâm có thể đạt đến Giáo Pháp, và thấu hiểu Giáo Pháp. Như vậy, những vấn đề thuộc về Giáo Pháp không nằm nơi ngoài cái Tâm. Tâm là tụ điểm thích nghi của Thiện, Bất Thiện, Hạnh Phúc và Đau Khổ. Tâm biết rõ những điều ấy trước hơn tất cả ai hết, hoặc những gì khác có thể biết. Do vậy, hành giả phát triển chú niệm và Trí Tuệ để làm nguồn hiểu biết nhằm theo dõi những diễn biến luôn luôn vương mắc dính liền với Tâm, suốt ngày và mỗi ngày.

Với trạng thái vọng động, không yên tĩnh, những ý tưởng do cái Tâm tự khuấy động, luôn luôn tạo thành và vọng tưởng đến các đối tượng của Tâm Thức. Hành giả nhận chân được rằng, nếu không được tu tập và gội rửa cái Tâm, thì mỗi khi Tâm gửi những ý tưởng nghĩ suy ra ngoài là nó thâu về phiền muộn và đau khổ. Điều nào mà cái Tâm gửi ra là nguồn gốc của đau khổ, và điều nào mà cái Tâm nhận về là đau khổ. Nói cách khác, những tư tưởng được tạo thành ở bên trong và gửi ra bên ngoài là nguyên nhân sanh đau

khô, kết quả của những tư tưởng ấy mà quay trở lại cái tâm là đau khổ. Sự việc luôn được tạo thành và xảy ra như vậy.

*Rừng sâu khả ái vô cùng,
Trú xứ phàm tục ngại ngừng bước chân.
Xa rời dính mắc dục trần,
La Hán vui thích trọn phần an vui.*

-----0000-----



IV / Giáo Án Kinh Pháp Cú - Phẩm thứ tám : Phẩm Ngàn

Phẩm Ngàn có mười sáu câu với nội dung chính cần nắm bắt là Đức Phật khuyến khích chúng ta nên tầm cầu chất lượng tu tập hơn là số lượng, trau dồi về phẩm chất hơn là số lượng.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm lẻ ba :

Yo sahasam sahasena	Dầu tại bãi chiến trường
Sangame mánuse jine	Thắng ngàn ngàn quân địch
Ekam ca jeyà m'attanam	Tự thắng mình tốt hơn
sa ve sangamajuttamo.	Thật chiến thắng tối thượng

Đại ý: Dầu chinh phục hàng triệu người ở chiến trường, tuy nhiên, quả thật vậy, chinh phục được chính mình là chiến thắng cao quý nhất.

Tại đây, Đức Phật dạy cho ta tầm quan trọng của sự tự khắc phục, tự kiềm chế, việc làm chủ của bản thân. Tự nó đã nói lên một tinh thần chủ động, lòng tự tin và tự trọng, nói lên ý chí quyết tâm, dũng cảm chịu đựng và khắc phục khó khăn, gian khổ vì những mục tiêu cao quý.

Attà have jitam seyyo	Tự thắng, tốt đẹp hơn
yà càyam itarà pajà	Hơn chiến thắng người khác
attadantassa posassa	Người khéo điều phục mình
niccam sannatacàrino	Thường sống tự chế ngự

Đại ý: Tự thắng mình quả thật thập phần vẻ vang hơn chiến thắng kẻ khác. (P. C. 104)

Bất cứ ai, nếu không tự biết mình và làm chủ bản thân xem thường chữ “nhẫn”, luôn luôn bị dục vọng cá nhân và sân tâm lôi cuốn, kiêu căng, ngạo mạn, chủ quan, thì dù có tài năng và tạm thời giành được thắng lợi đến bao nhiêu, chắc chắn cũng sẽ gặp thất bại, thậm chí thất bại chua cay, có thể nhìn những hoạt cảnh sinh động miêu tả sự tự làm chủ bản thân và tự chiến thắng lấy mình của Đức Phật và Chư Thánh Văn Giác.

Yo ca vassasatam jive	Ai sống một trăm năm
kusito hìnavìriyo	Lười nhác không tinh tấn
Ekàham jìvitam seyyo	Tốt hơn sống một ngày

Viriyam àrabhato dalham

Hăng hái tận sức mình.

Đại ý: Nếu phải sống trăm tuổi cuộc đời giải đãi và bất động tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày của người tinh tấn chuyên cần (P. C. 112).

Con đường trau dồi đạo hạnh - con đường tạo dựng một tình thương sáng suốt, công bằng, vô ngã vị tha, theo đúng đạo lý nhà Phật, đúng là con đường phải qua nhiều thử thách rèn luyện lòng mình. Mặc dù rất là khó, Đức Phật khuyên dạy chúng ta nên có được đời sống đạo hạnh, tuy chỉ là ngắn ngủi hơn là sống lâu mà chẳng lợi ích, buông lung tự hại mình.

Yo ca vassasantam jive
dussilo asamàhito
ekàham jìvitam seyyo
silavantassa jhàyino

Dầu sống một trăm năm
Ác giới không thiên định
Tốt hơn sống một ngày
Trì giới, tu thiên định.

Đại ý: Nếu phải sống đến trăm năm cuộc đời buông lung và không tự chế, tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày đời đạo hạnh và có hành thiền. (P. C. 110)

Thiền định là một phương pháp tu tâm trọng yếu, khiến cho giới được trong sạch, cho trí tuệ được thanh cao.

Sự trì giới rất cần thiết cho thân và lời để lánh xa nghiệp dữ; song, nếu không nhờ năng lực thiền định thì phẩm hạnh phải bộn nhơ, trí tuệ cũng không sao phát triển được.

Yo ca gathàsataṃ bhāse
anattapadaśamhitā
ekam dhammapadam seyyo
yam sutvā upasammati

Dầu nói trăm câu kệ
Nhưng không chút lợi ích
Tốt hơn một câu Pháp
Nghe xong, được tịnh lạc

Đại ý : Nếu phải đọc cả trăm câu gồm toàn những tiếng vô ích, tốt hơn, chỉ nói một lời của Giáo Pháp, làm cho người nghe được an tịnh. (P. C. 102)

Đôi khi chỉ cần nói giản dị như trên, hay một hàng chữ đơn độc như “không nên tìm thỏa thích trong hương vị của thế gian mà phải trau dồi đời sống ẩn dật”, hay chỉ vồn vện một chữ có nhiều ý nghĩa như “chuyên cần” cũng đủ cho trọn một kiếp sống.

Yo ca vassasataṃ jive
apassam udayavyayam
akàham jìvitam seyyo

Ai sống một trăm năm
Không thấy pháp sinh diệt
Tốt hơn sống một ngày

passato udayavyayam

Thấy được pháp sinh diệt.

Đại ý: Nếu phải sống trăm tuổi mà không thông suốt tất cả sự vật phải phát sanh và tiêu diệt như thế nào, thì tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày mà thấu triệt pháp sanh diệt của vạn vật. (P. C. 113)

Bản chất của thế gian là vô thường biến đổi, phóng túng, quên mình, duyên theo nó chỉ là tự hại. Khép mình vào một đời sống kỷ cương giới luật và rèn luyện tâm trí cho được sáng suốt, chính là vun bồi cho mình con đường an vui trường cửu.

Không ai thương ta bằng chính tự ta thương ta.

-----00000-----

Tích Truyện và Lời Chú Giải

Phẩm Thứ Tám: PHẨM NGÀN (SAHASSA VAGGA).

Câu kệ thứ 100: Một lời nói có ý nghĩa đưa đến có giá trị hơn cả ngàn lời rỗng không.

*Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc
(P.C. 100)*

If there were a thousand utterances made up of meaningless words, better is one word of meaning, which hearing one becomes calm (P. C. 100).

Meilleur que mille paroles aux mots sans contenu est un seul mot riche de sens qui apaise celui qui l'entend (P. C. 100).

Dịch nghĩa: Chỉ với một lời hữu ích làm cho người nghe được an tịnh, còn quý hơn với cả ngàn lời vô dụng (P. C. 100).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Trúc Lâm Tự, đề cập đến vị đạo phủ thủ có tên là Tambadàthika được chứng đắc Quả Thất Lai và sanh về Thiên Giới.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một thanh niên tên là Tambadàthika, rất khỏe mạnh và đã đi đến gia nhập

vào một băng đảng cướp. Thanh niên này cùng băng đảng cướp tạo ra rất nhiều tội ác và cuối cùng thì bị Vua Quan cùng với dân chúng hợp lực nhau và bắt được hết tất cả. Tất cả đều bị thọ án tử hình, nhưng lúc bấy giờ không có vị đạo phủ thủ để xử lý tội án này. Thanh niên Tambadàthika xin nhận lãnh chức vụ đạo phủ thủ và như thế thì được thoát khỏi án tử hình, và từ đó Tambadàdhika đảm nhiệm luôn chức vụ đạo phủ thủ này.

Thi hành chức vụ đạo phủ thủ suốt trọn năm mươi năm, đến lúc tuổi già sức yếu, Tambadàdhika được nghỉ hưu, và về nhà tịnh dưỡng những năm tháng cuối của cuộc đời. Lúc trước kia, khi hãy còn làm việc, Tambadàdhika không hề được thưởng thức bốn điều như ý nguyện, đó là:

1. được mặc y phục mới,
2. được ăn cháo sữa nấu với bơ trong mới,
3. được trang sức với những vòng hoa lài, và
4. được thoa xức dầu thơm cho thân thể.

Ngày nghỉ việc, Tambadàdhika căn dặn người nhà *“Hãy nấu cháo sữa cho ta ăn”*, rồi bảo đem y phục mới, trang điểm với những vòng hoa lài cùng với dầu thơm, tất cả đều mang ra sông để tắm rửa. Sau khi tắm rửa xong, Tambadàdhika thọ hưởng những vật dụng này, rồi trở lại ngôi nhà. Lúc bấy giờ, người nhà của ông đem đến trước mặt một bát cháo sữa nấu với bơ trong mới cùng với nước rửa tay. Ngay khi ấy thì Đại Trưởng Lão Sàriputta cũng vừa xuất khỏi Thiền Diệt Thọ Tướng Định, và quán sát hôm nay sẽ đi khát thực tại nơi nào. Với Tuệ Nhãn, Đại Trưởng Lão biết được sự việc của Tambadàdhika, liền khởi lên tuệ tri nghĩ suy *“Người này sẽ cúng dường bát cháo sữa này đến ta và sẽ thọ hưởng Phước Báo thù thắng”*. Thế rồi, Đại Trưởng Lão Sàriputta đáp y và mang bát đi đến đứng trước nhà của Tambadàdhika.

Ngay khi vừa trông thấy Đại Trưởng Lão Sàriputta, Tambadàdhika phát khởi Tâm tịnh tín và nghĩ thầm *“Ta đã hành nghề đao phủ thủ bấy nhiêu năm, chém giết rất nhiều người, chẳng có dịp làm một việc Thiện nào, nay sắp có cháo sữa và lại có một Đại Trưởng Lão đang đứng trước nhà, ta phải cúng dường đến bậc Trưởng Lão này vậy”*.

Dứt dòng suy nghĩ, Tambadàdhika đi đến đánh lễ Đại Trưởng Lão Sàriputta và thỉnh Ngài vào nhà để cúng dường bát cháo sữa bỏ vào trong bát, sau đó ra đằng sau đứng hầu quạt.

Sau khi thọ thực xong, Đại Trưởng Lão Sàriputta khái thuyết Giáo Pháp đem lợi lạc đến Tambadàdhika, nhưng ông ta không thể đưa Tâm thức của mình vào những dòng Pháp Thoại này, vì trong lòng vẫn cứ mãi bị ám ảnh đến cuộc đời đao phủ thủ của mình, là chỉ chuyên đi giết người. Biết được tâm trạng này, Đại Trưởng Lão Sàriputta đã vấn hỏi đến Tambadàdhika:

- Này Cậ Sự Nam, ông đã làm việc này, là vì theo lệnh của Vua ban truyền hay là vì lòng ông vui thích giết ?

- Kính bạch Ngài, chỉ vì theo lệnh của Vua mà làm theo.

- Nếu là như thế, thì ông sẽ phải có tội hay không ? Chẳng có ác ý muốn giết thì không có phạm tội sát sanh.

Nghe nói như thế, tâm thức của Tambadàdhika liền được thanh thản, trở lại lắng tâm chú niệm vào việc Thính Pháp, và cuối cùng tuệ tri được Giáo Pháp, chứng đắc Quả vị Thất Lai. Dứt thời Pháp Thoại, Tambadàdhika tiến đưa Đại Trưởng Lão Sàriputta ra về được một đoạn đường, trên đường quay trở về nhà, thì ông ta đã bị một con bò cái điên (do Dạ Xoa nhập vào bò điên ấy) húc vào bên hông, khiến Tambadàdhika ngã lăn qua bên lề đường mạng vong, và thọ sanh về Cõi Đâu Xuất Đà.

Vào buổi chiều ngày hôm ấy, sau khi biết được câu chuyện xảy đến cho Tambadàdhika, Chư Tỳ Khuru Tăng đã tụ tập tại nơi giảng đường với những điểm luận bàn *“Đao phủ thủ Tambadàdhika đã hành nghề xấu ác trong suốt năm mươi năm, và vừa phát tâm cúng dường bát cháo sữa đến Đại Trưởng Lão Sàriputta liền mạng vong ngay, không biết vị này đã thọ sanh về đâu ?”*. Cuối cùng, Chư Tỳ Khuru đã đi đến vấn hỏi Đức Phật về điều thắc mắc này. Đức Phật trả lời:

- Này Chư Tỳ Khuru, vị này đã thọ sanh về Cõi Đâu Xuất Đà.

- Với duyên nào mà ông ta được sanh về nơi ấy ?

- Do được gặp một bậc Hiền Trí cao quý, do được nghe Giáo Pháp thù thắng, dẫn đến chứng đắc Pháp Nhãn bậc Thánh với Tuệ Thuận Tùng và thọ sanh về Thiên giới.

Chư Tỳ Khuru bày tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy Tambadàdhika chỉ được nghe Giáo Pháp có một lần mà được chứng đắc Đạo Quả và sanh Thiên Giới một cách mau lẹ. Đức Phật có lời giải thích:

- Này Chư Tỳ Khuru, chẳng phải thuộc lầu muôn ngàn lời trong Chánh Pháp là điều quan trọng, mà chỉ cần với một lời nói thật có ý nghĩa trong Chánh Pháp cũng đem lại lợi lạc thù thắng.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc
(P.C. 100)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến vị đao phủ thủ có tên là Tambadàdhika được chứng đắc Quả Thất Lai và sanh Thiên Giới, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Giáo Pháp của Đức Phật thể hiện với rất nhiều phương pháp, mà qua đó, người Phật Tử có thể áp dụng vào đời sống riêng tư của từng mỗi người, và nhanh chóng thấy được điều lợi ích của sự thực hành ngay hiện tại. Quả thực vậy, toàn bộ Giáo Lý của Đức Phật bao gồm một khối lượng những phương pháp uyển chuyển thích hợp nhiều mặt cho từng lúc, cho từng nơi khác nhau, và quan trọng nhất là cho những căn tánh khác nhau của con người. Thật chính xác khi nói rằng, Giáo Pháp được xây dựng trên một nền tảng căn bản vững chắc và dẫn đến sự giác ngộ, mà hàng Phật Tử, nương vào Giáo Pháp và trau dồi tu tập, có thể chứng nghiệm năng lực Đại Trí Tuệ mà Đức Phật đã chứng đạt khi thành tựu Quả vị Phật.

Với một người, nếu đã xem Giáo Pháp được đặt đề trong những kinh điển mà nương tựa vào đó, thì điều ấy không được chấp nhận, vì sự tôn kính kinh điển mà không biết kinh điển chứa đựng những gì, thì quả thật như thế, là đã xa hẵn Chánh Kiến của Đạo Phật. Nương tựa vào Giáo Pháp, là thực sự khi Giáo Pháp được đưa vào việc tu tập và được thể chứng.

Nói một cách khác, Giáo Pháp cũng như Đức Phật, cả hai thực sự là những nơi nương tựa, chỉ được tìm kiếm ở bên trong, và không phải ở những biểu hiện bên ngoài, mặc dù những biểu hiện bên ngoài có thể và thường là những hỗ trợ hữu ích cho chính nơi nương tựa thực sự.

*Cho dù nói đến ngàn câu,
Toàn lời vô nghĩa có đâu ích gì ?
Một lời chí lý thích nghi,
Một câu nghe được, đoạn ly khổ sầu.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 101: Một lời nói có ý nghĩa đưa đến có giá trị hơn cả ngàn lời rỗng không.

*Dẫu nói ngàn câu kệ,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong, được tịnh lạc
(P.C. 101)*

If there were a thousand verses made up of meaningless words, better is one word of a verse, which hearing one becomes calm (P. C. 101).

Meilleur que mille strophes aux mots vides de sens est un seul qui apaise celui qui

l'entend (P. C. 101).

Dịch nghĩa: Chỉ với một câu hữu ích, làm cho người nghe được an tịnh, còn hơn cả ngàn câu, gồm toàn những lời vô nghĩa (P. C. 101).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khái thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến thanh niên Bāhiya mặc y bằng vỏ cây.

Tích truyện được nói đến như sau:

Khởi phát tích truyện này bắt nguồn từ thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa đi đến sắp hoại diệt, tất cả chư Tỳ Khuru và Sa Di thực hành sai phạm với lời dạy của Đức Phật, vi phạm rất nhiều điều luật (sikkhāpada) mà Đức Phật Kassapa đã cấm chế định đặt, luôn cả chà đạp những lời Phật đã dạy.

Lúc bấy giờ, có bảy vị Tỳ Khuru thấy hiện bày hiện tượng như thế, đồng cùng kết hợp với sự trầm ẩn động tâm và cùng nhau bàn tính:

“Giáo Pháp của bậc Chánh Đẳng Giác gần sắp tiêu hoại, quả thật thích hợp cho chúng ta đi tìm kiếm chỗ nương nhờ đặng thực hành sự nỗ lực chuyên cần, cho kịp Giáo Pháp chưa đến kỳ hoại diệt, một khi Đạo Quả vẫn còn trong thời Phật Pháp và vẫn chưa đến thời tiêu hoại, tất cả chúng ta cần phải ghi nhớ để nỗ lực cố gắng cho chóng đạt đến Đạo Quả”.

Sau khi bàn tính với nhau như vậy, cả bảy vị Tỳ Khuru cùng dẫn nhau đi đến đánh lễ Tháp Vàng có chứa đựng Ngọc Xá Lợi của Đấng Chí Tôn hộ trì thế gian có danh xưng là Kassapa, cùng nhau bày tỏ lòng trí kính đánh lễ và sau đó rời khỏi bảo tháp, cùng nhau đi về hướng rừng già, đến một núi ở trong khoảng giữa rừng cây vừa thích hợp cho nương nhờ để thành tựu Sa Môn Pháp. Khi được đón nhận điều kiện thuận lợi, cả bảy vị Tỳ Khuru cùng nhau phát nguyện:

“Tất cả chúng ta sẽ làm cho thành tựu Sa Môn Pháp tại núi này. Nếu một trong tất cả chúng ta đây còn có sự vẩn vương đời sống hoặc có sự sợ hãi về sự chết thì quả thật không nên đi lên núi này. Với người nào không có sự vẩn vương đối với mạng sống thì hãy nên đi”.

Cả bảy vị Tỳ Khuru này đồng cùng thực hiện một cầu thang cho áp tựa vào và bắt đầu đi lên trên đỉnh núi, và sau đó xô đổ cầu thang cho rớt xuống trở lại mặt đất vì lẽ quyết định không có trở xuống, hạ quyết tâm cho làm được thành tựu Đạo Quả rồi sẽ dùng năng lực thần thông để đi trở xuống. Vừa dứt dòng suy nghĩ, tất cả bảy vị Tỳ Khuru này đi vào trung tâm của núi và bắt đầu thực hành “Chuẩn Bị Tu Tập Sa Môn Pháp”.

Trong tất cả bảy vị Tỳ Khuru này, vị Tỳ Khuru Trưởng Lão Tăng tiến hóa Sa Môn Pháp trải qua vừa tròn một đêm thì thành tựu quả vị bậc Vô Sinh trước tiên, và cả sáu vị Tỳ

Khuru vẫn chưa chứng đắc được quả vị nào đặc biệt. Vào lúc buổi sáng hiện bày, vị Trưởng Lão Tăng lìa khỏi đỉnh núi, bay đến ao hồ núi Tu Di súc miệng đánh răng, rửa mặt xong liền bay đi đến Bắc Lục Địa Kuru để trì bình khát thực. Sau khi việc khát thực vừa đủ dinh dưỡng làm cho sanh mạng được hiện hành, vị Trưởng Lão vội quay trở lại đỉnh núi, đi thỉnh mời chư Tỳ Khuru thân hữu thực hành Phạm Hạnh với nhau để được súc miệng, rửa mặt đánh răng và thọ dụng vật khát thực.

Cả sáu vị Tỳ Khuru đồng trả lời:

- Kính bạch Tôn Giả, là người tiên hóa, tất cả chúng tôi đồng có một suy nghĩ gìn giữ lấy với nhau là trong tất cả chúng tôi, nếu người nào được chứng đắc quả vị Vô Sinh thì người đó sẽ đi khát thực cho những người còn lại khi vẫn chưa được thành quả vị Vô Sinh. Vì lẽ đó, cả sáu anh em chúng tôi sẽ không thể độ vật khát thực của Tôn Giả đem đến được, vì chúng tôi đã có sự suy nghĩ giữ lấy như vậy cho phù hợp với việc thọ dụng vật khát thực của bậc Trưởng Lão. Nếu tất cả chúng tôi chưa có được thành tựu Pháp Quả cao thượng như Tôn Giả thì quyết sẽ không thọ dụng vật khát thực của bậc Trưởng Lão đem đến, chỉ sẽ thọ dụng vật thực do chính mình tự tìm ra.

Thế là, cả sáu vị Tỳ Khuru này không thọ dụng vật thực của vị Trưởng Lão Tăng đem đến, quay trở lại trú xứ của mình và nỗ lực tiến tu làm cho thành tựu Sa Môn Pháp.

Đến ngày thứ hai, vị Tỳ Khuru Trưởng Lão thứ hai, là vị kế của vị Đại Trưởng Lão đầu tiên, chứng đạt thành tựu quả vị Bất Lai. Vào lúc trời vừa rạng đông, vị Tỳ Khuru Bất Lai này cũng đi đánh răng súc miệng rửa mặt và đi khát thực đem về cúng dường cho năm vị Tỳ Khuru còn lại.

Tuy nhiên cả năm vị Tỳ Khuru này cũng nói lên lời giải thích của lập nguyện ban đầu, không có thọ dụng vật khát thực của cả hai vị Trưởng Lão đem đến, và kiên trì chú tâm nỗ lực làm cho thành tựu Sa Môn Pháp.

Với cả bảy vị Tỳ Khuru này, vị Đại Trưởng Lão thứ nhất khi đã thành đạt quả Vô Sinh và đến thời thọ mạng diệt thì Vô Dư Y Níp Bàn. Vị Trưởng Lão thứ hai khi đã thành tựu quả Bất Lai và đến thời thọ mạng diệt thì thọ sanh về Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Sắc Giới.

Với năm vị Tỳ Khuru còn lại cùng là đạo hữu đồng Phạm Hạnh, sau bảy ngày không có thọ dụng vật thực thì cũng thọ mạng diệt, và được thọ sanh về Thiên Giới với năng lực của việc Thiện đã có kiến tạo trong việc tiến tu cho được thành tựu Sa Môn Pháp.

Khi đến thời Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, cả năm vị Chư Thiên này cùng nhau lìa khỏi Thiên Giới và đi tái tục ở Cõi Nhân Loại, được sanh làm con trai trong các dòng họ sai khác nhau. Riêng tại đây, thì có một vị Thiên Nam sanh làm thanh niên có tên gọi Bàhiya, là đạo hữu của vị Phạm Thiên đã chứng đắc quả vị Bất Lai trong thời Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa và đang hưởng Phúc Thọ trong Cõi Phạm Thiên.

Vào một ngày, thanh niên Bàhiya cùng với một số thương gia lên thuyền, ra khơi để đi

buôn, nhưng chẳng may, thuyền bị bão tố đánh chìm, và tất cả người ở trên thuyền đều mạng vong, chỉ trừ thanh niên Bàhiya nhờ ôm được một tấm ván, rán sức lội và trôi dạt vào một hải cảng tên là Suppàraka. Bàhiya không còn mảnh vải che thân, nên lấy cành cây khô, tước vỏ soắn lại làm chỉ đan thành y phục để mặc đỡ che thân, và lượm được một cái bát, đi vào hải cảng để khát thực. Dân chúng thấy vậy, cho rằng Bàhiya là bậc A La Hán, nên rất tôn trọng và cúng dường vật thực rất đầy đủ. Có người tới dâng cúng y phục nhưng thanh niên Bàhiya lại từ chối, vì nghĩ rằng “*nếu ăn mặc theo người thường thì sẽ giảm đi số người tôn kính cúng dường*”. Và từ đó, Bàhiya sống theo cái hư danh “*mình là bậc A La Hán*” và chấp giữ lấy tà kiến sai lầm ấy. Mãi cho đến một đêm, vị Phạm Thiên là đạo hữu của thanh niên Bàhiya trong tiền kiếp, đi đến đánh thức và nhắc nhở rằng:

- Này Bàhiya, bạn đâu phải là người đã chứng đắc Đạo Quả A La Hán, sao lại dám nhận mình là như thế ?

- Tôi cũng biết là tôi có tội rất lớn, chẳng có tu hành chi mà chứng đắc Đạo Quả. Vậy thì Ngài có biết trên thế gian này ai là người đã chứng đắc Đạo Quả A La Hán hay không ?

- Cách đây không xa, tại thành Sàvatthi, nơi Kỳ Viên Tự có Đức Thế Tôn hiệu Gotama, Ngài là bậc A La Hán, là bậc đã hoàn toàn giác ngộ và giải thoát. Ngài đang thuyết giảng để độ những chúng sanh hữu duyên đưa đến sự giác ngộ và chứng đắc Đạo Quả.

Vừa nghe xong, tức thời thanh niên Bàhiya lặn lội cả đêm để đi đến Kỳ Viên Tự. Khi vừa đến nơi, cũng là thời gian Đức Phật và Chư Tăng đang đi khát thực. Bàhiya với y phục bị rách nát, chân tay bị trầy xước, quỳ bên đường đánh lễ Đức Phật và với hai bàn tay, thanh niên Bàhiya ôm chặt hai bàn chân của Đức Phật và tác bạch:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con đã lặn lội từ xa và vừa đến đây. Kính xin Ngài hãy thuyết giảng Chánh Pháp cho con được nghe, để được tấn hóa, để được an vui lâu dài.

Đức Phật từ khước, đáp rằng:

- Này Bàhiya, nay không phải thời, vì Như Lai đang trì bình khát thực và hãy để đến khi khác, khi hợp thời.

- Kính bạch Đức Thế Tôn, đời người quá ngắn ngủi, chẳng biết rồi đây có điều nguy hại xảy đến mất mạng sống của con hay không, kính xin Ngài hãy từ bi thương xót và chỉ dạy ngay cho.

Với tâm thành khẩn cầu đến ba lần của thanh niên Bàhiya, Đức Phật quán sát thấy Bàhiya đã hội túc duyên để chứng đắc Đạo Quả, nên Ngài dừng lại bên đường và khái thuyết một cách vắn tắt:

- Này Bàhiya, khi thấy chỉ biết sắc, khi nghe chỉ biết âm thanh, khi ngửi chỉ biết mùi hơi, khi nếm chỉ biết các vị, khi đụng chỉ biết sự xúc chạm, khi ý thức chỉ biết nghĩ suy.

Khi Đức Phật vừa dứt lời, thanh niên Bàhiya diệt trừ tất cả mọi Lậu Hoặc, chứng đắc Quả vị A La Hán và ngỏ lời thỉnh cầu Đức Phật cho gia nhập Tăng Đoàn. Đức Phật bảo Bàhiya đi lấy y casa và bình bát cùng với những vật dụng cần thiết của một vị Tỳ Khuru, và đem đến nơi Đức Phật để làm lễ xuất gia. Nhưng rủi thay, trên con đường đi tìm kiếm y và bát thì Bàhiya đã bị một con bò điên húc vào hông bên trái và ngã ra chết trên đồng rạc. Về phần Chư Tăng, sau khi thọ thực xong, đi trở ra ngoài thành và thấy được thi thể của Bàhiya, đã đi trình đến Đức Phật. Theo lời chỉ dạy của Đức Phật, Chư Tỳ Khuru biết được Bàhiya đã Vô Dư Y Níp Bàn, đi thông báo hàng Thiện Tín làm lễ hỏa táng cho Bàhiya và thiết lập bảo tháp tôn thờ Xá Lợi của Bàhiya.

Tại nơi Giảng Đường của Kỳ Viên Tự, Chư Tăng đã bàn luận về hiện tượng của thanh niên Bàhiya đã chứng đắc Quả vị A La Hán là do chỉ nghe qua mấy câu kệ, quả thật khác thường. Trước sự ngạc nhiên của Chư Tăng, Đức Phật có lời giải thích:

- Này Chư Tỳ Khuru, Giáo Pháp của Như Lai khái thuyết không thể tính vào số lượng. Chỉ với một câu kệ mà hữu ích còn quý hơn ngàn câu mà vô ích.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Dầu nói ngàn câu kệ,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong, được tịnh lạc
(P.C. 101)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến thanh niên Bàhiya mặc y bằng vỏ cây, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Thanh niên Bàhiya là người có đầy đủ Pháp Balamật đầy đặn, tuy nhiên trong đời chưa từng dâng cúng y áo Kathina cúng dường đến Đức Phật, Độc Giác và chư tỳ khuru bất luận vị nào. Sau khi thành tựu quả vị Vô Sinh nhưng bản thân vẫn còn hiện hữu thân người cận sự nam, và cũng không thể thành tựu quả vị Thiện Lai Tỳ Khuru. Với nhân như thế, hàng Phật Tử nên có tác ý khôn khéo để nhận biết về người không có từng xả ly cúng dường y áo đến Chư Tăng, ngay khi được thành tựu quả vị Vô Sinh lậu tận diệt, cũng không có thể duy trì sanh mạng lâu dài, vì lẽ hàng cư sĩ không thể nào duy trì ân đức thanh cao của bậc Vô Sinh.

Một khi vị cư sĩ đã thành tựu bậc Vô Sinh, nếu có sở nguyện được tiếp tục duy trì sanh mạng ở trong Giáo Pháp thì cần phải xuất gia ngay trong ngày đó, và nếu không được xuất gia trong ngày chứng đắc Đạo Quả, thì sẽ thích hợp cho việc viên tịch Vô Dư Y Níp Bàn.

Hội đủ duyên lành để được xuất gia là phải do nương nhờ vào việc bố thí cúng dường y áo từ trong quá khứ. Nếu đã có từng dâng cúng y áo đến Chư Tăng thì sẽ được xuất gia

trong kiếp hiện tại. Một cách tận cùng, nếu không được thành quả vị Thiện Lai Tỳ Khưu thì cũng vẫn tìm kiếm được y áo và bình bát, và sẽ được xuất gia thọ Cụ Túc Giới trau dồi tiến tu Phật Pháp được lâu dài, mãi cho đến thích hợp việc viên tịch Níp Bàn.

Và cũng nên hiểu biết, việc không có từng bố thí cúng dường y áo đến Chư tăng thì vẫn được thành tựu quả Vô Sinh, tuy nhiên không hội túc duyên để có thể xuất gia, vì lẽ sẽ không có thể tìm kiếm được y áo và bình bát, như là thanh niên Bàhiya vậy.

*Dầu cho tụng đến ngàn câu,
Toàn là vô nghĩa có đâu ích gì !
Một kệ chỉ lý, thích nghi,
An lạc đưa đến, đoạn ly khổ sầu !*

-----00000-----

Câu kệ thứ 102 và 103: Một lời của Giáo Pháp hơn cả ngàn lời vô nghĩa và tự chiến thắng lấy mình là chiến thắng cao thượng.

*Dầu nói trăm câu kệ,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu Pháp,
Nghe xong, được tịnh lạc
(P.C. 102)*

*Dầu tại bãi chiến trường,
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng.
(P. C. 103)*

And if anyone were to speak one hundred verses make up of meaningless words, better is one word of the doctrine, which hearing one becomes calm (P. C. 102).

If a man were to conquer in battle a thousand times a thousand men, but conquer one, himself, he indeed is the best conqueror in battle (P. C. 103).

Mieux vaut réciter un seul verset de la Loi, qui apaise celui qui l'entend, que cent strophes aux mots vides de sens (P. C. 102).

Qui a triomphé de lui – même est bien plus noble vainqueur, que celui qui a soumis

mille fois mille ennemis sur le champ de bataille (P. C. 103).

Dịch nghĩa: Nếu phải đọc cả trăm câu gồm toàn những lời vô nghĩa, tốt hơn, chỉ nói một lời của Giáo Pháp, làm cho người nghe được an tịnh (P. C. 102).

Dầu cho chinh phục hằng triệu người ở chiến trường, tuy nhiên, quả thật vậy, chinh phục được chính mình là chiến thắng cao quý nhất (P. C. 103).

Hai câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khái thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khuru Ni Kundalakesi.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, tại thành Vương Xá có một thiếu nữ tên là Kundalakesi, con của một Bá Hộ rất giàu có. Một hôm, cô Kundalakesi đứng ở trên lầu và nhìn ra cửa sổ, thấy một nhóm đông người đang dẫn một tên trộm ra pháp trường để hành quyết. Vừa nhìn thấy tên trộm này, cô Kundalakesi liền phát tâm ái luyến, vội đi nài nỉ ông Bá Hộ bỏ tiền ra để cứu mạng tên trộm và ngỏ lời xin với Cha Mẹ được chọn lấy tên trộm ấy làm chồng của mình. Được Cha Mẹ thuận lòng chiều ý, tên trộm được về ở chung nhà của Bá Hộ, và được cô Kundalakesi hết lòng săn sóc một cách rất chu đáo. Tuy nhiên, chỉ được vài ngày, tên trộm khởi ác tâm, do chẳng yêu thương với người vợ đã cứu mình, mà chỉ muốn hãm hại để đoạt lấy những nữ trang và tài sản của cô Kundalakesi. Bầy mưu lập kế, tên trộm bảo cô Kundalakesi cùng đi với anh ta đến một đỉnh núi, để làm lễ tạ ân Chư Thiên đã cứu mạng và được cưới cô Kundalakesi làm vợ.

Làm theo lời người chồng, cô Kundalakesi đã đội mâm lễ vật và cùng đi với nhau lên đến đỉnh núi. Lúc bấy giờ, tên trộm mới nói lên ác tâm của mình, là muốn giết cô Kundalakesi để đoạt lấy những nữ trang đang đeo trên người. Cô Kundalakesi vội năn nỉ người chồng, bảo rằng cứ lấy hết những nữ trang và xin tha cho mạng sống, tuy nhiên, tên trộm chẳng thuận tình. Đứng lặng thinh suy nghĩ, cô Kundalakesi tính tới việc phải cứu lấy mạng mình, nên vội thưa với tên trộm:

- Chỉ trong phút giây nữa là vợ chồng ta phải xa lìa, vậy xin phép anh cho tôi được nhìn rõ mặt anh lần cuối và bái biệt anh.

Nghĩ tới chỉ còn những giây phút cuối cùng nên tên trộm đồng ý. Thế rồi, cô Kundalakesi đi nhiễu quanh tên trộm ba vòng, đến vòng thứ tư, cô quỳ xuống đánh lễ dưới chân người chồng, và bất ngờ trong lúc tên trộm sơ ý, cô Kundalakesi đã xô tên trộm rơi xuống vực thẳm ở phía sau của đỉnh núi.

Sau khi thực hiện hành động ấy xong, cô Kundalakesi không còn mong muốn quay trở về lại nhà của Cha Mẹ. Cởi hết tất cả những nữ trang đang đeo trên người và treo lên một

cành cây, cô Kundalakesi lần bước xuống núi, đi lang thang và đến một khu vực của những nữ du sĩ ngoại đạo, cô đã bày tỏ lòng muốn được xuất gia nhập đạo. Tại nơi Tu Viện này có hai phương thức tu tập, với Pháp Hành chuyên chú tu về những đề mục Hoàn Tịnh để đưa đến Nhập Định, và với Pháp Học là phải học thuộc lòng về Thiên Ngôn Luận để trở thành một nhà biện thuyết. Như thế, cô Kundalakesi đã chọn phương thức tu học về Thiên Ngôn Luận.

Một thời gian sau, cô Kundalakesi thành tựu việc Pháp Học, và được Sư Phụ của cô trao tặng một cành cây Anh Đào cùng với lời khuyến khích như sau:

- Bây giờ con đã học thuần thục rồi, con hãy đi chu du khắp cả mọi nơi để tìm người có khả năng tranh luận biện thuyết với mình. Nếu gặp người yếu kém hơn con thì hãy thâm nhận làm đệ tử, còn nếu gặp người tài giỏi hơn con thì nên xin theo làm đệ tử với vị ấy.

Sau khi rời khỏi chỗ ẩn tu, cô Kundalakesi đi khắp mọi nơi, để tìm cho gặp tay đối thủ về môn biện thuyết. Tuy nhiên không có một ai có đủ tài để tranh biện, cô Kundalakesi trở nên nổi danh với danh hiệu "*Nữ du sĩ Anh Đào*", và cô đi đến đâu thì mọi người đều tránh xa, không dám đến gần cô ta. Đến thành Xá Vệ, cô Kundalakesi đã dựng lên một trại trước cổng thành và cũng tuyên bố với lời thách thức như trên.

Cho đến một hôm, Đại Trưởng Lão Sàriputta đi trì bình khát thực ngang qua nơi đó, được một số trẻ con đang đứng trước trại của cô Kundalakesi báo cho Ngài biết về ý định của cô ta, và như thế, Đại Trưởng Lão Sàriputta nhận lời việc tranh luận cùng với cô Kundalakesi.

Khắp cả kinh thành đều xôn xao vì cái tin về hai bậc Đại Trí sắp so tài biện bác với nhau. Dân chúng rủ nhau lũ lượt đi đến đánh lễ Đại Trưởng Lão, và sau đó tuần tự mỗi người ngồi xuống một bên. Nữ du sĩ Kundalakesi mở đầu cuộc tranh luận, với khả năng thông suốt về Thiên Ngôn Luận, cô ta đã đem ra chất vấn Đại Trưởng Lão Sàriputta từng mỗi câu hỏi. Tuy nhiên, Đại Trưởng Lão đã tuần tự giải đáp tường tận tất cả những câu hỏi bí hiểm của cô Kundalakesi. Cuối cùng đến lượt của Đại Trưởng Lão Sàriputta, chỉ với một câu hỏi về Danh Pháp, nữ du sĩ Kundalakesi không giải đáp được, và cô ta liền xin Ngài Sàriputta thâm nhận làm đệ tử.

Đại Trưởng Lão Sàriputta đã hướng dẫn cô Kundalakesi đến một Ni Viện và giới thiệu cho cô được xuất gia. Sau khi được thọ Cụ Túc Giới, cô được mệnh danh là Tỳ Khuru Ni Kundalakesi, và sau đó, cô chứng đắc Quả vị A La Hán cùng với Tứ Tuệ Phân Tích.

Chư Tỳ Khuru đem câu chuyện về Tỳ Khuru Ni Kundalakesi ra bàn luận tại nơi Giảng Đường của Kỳ Viên Tự, và đã được Đức Phật giải thích ý nghĩa của câu chuyện như sau:

- Nay Chư Tỳ Khuru, Giáo Pháp của Như Lai khái thuyết không thể tính vào số lượng. Chỉ với một câu kệ mà hữu ích còn quý hơn ngàn câu mà vô ích. Và lại, người chiến thắng được tất cả quân địch ở bãi chiến trường cũng không thù thắng với sự chiến thắng phiền

não ở nội tâm của mình.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên hai câu kệ Pháp Cú như sau:

*Dầu nói trăm câu kệ,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu Pháp,
Nghe xong, được tịnh lạc
(P.C. 102)*

*Dầu tại bãi chiến trường,
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng.
(P. C. 103)*

Qua hai câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khuru Ni Kundalakesi, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

“Đời sống trên thế gian này quả thật là khốn khổ ! Thà Ta chết trên chiến trường còn hơn sống mà thất bại !”.

Lời nói đó đã được thốt ra từ nơi đạo sĩ Gotama trong đêm khuya ở nơi chôn rừng già, ngay trước khi chứng đắc Đạo Quả Chánh Đẳng Giác.

Những Chân Lý Vi Diệu đã được Đức Phật tìm ra, khám phá và nhận diện được Chánh Pháp. Qua đó, hàng Phật Tử đã tìm thấy ở nơi Đức Phật với một bậc cao quý, đáng được kính mộ và tôn trọng. Ở nơi Đức Phật, không chỉ thể hiện thuần túy của một bậc Đạo Sư, mà còn thể hiện, một mẫu người Thánh Thiện thanh tịnh, với một đức hạnh hy sinh cao quý, với cả một cuộc đời trầm tư sâu sắc, một gương sáng cho người Phật Tử được noi theo, để được trở nên hoàn hảo.

Mỗi Phật Tử phải tự cố gắng thích nghi để bẻ gãy những xiềng xích đã giữ chặt mình trong vòng trói buộc, để được giải thoát và đi đến sự tự do, vượt ra khỏi mọi thăng thúc đã siết chặt mình vào những kiếp sinh tồn từ bấy lâu nay, bằng cách kiên trì nỗ lực, gia công chuyên cần và với Trí Tuệ minh sát. Và ngay chính nơi Đức Phật, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, đã chỉ dạy người Phật Tử rằng giải thoát có thể được thành tựu mà không nhờ vào một ai, rằng để vượt qua mọi khổ đau của đời sống, mỗi người phải tự trau dồi, uốn nắn bằng chính những hành động bởi sự nỗ lực của chính mình.

Đức Phật luôn khuyến khích và hướng dẫn người Phật Tử theo đường lối phân biệt và khảo sát, để phát triển những năng lực và phẩm chất từ ở bên trong chính của nội tâm.

*Dầu cho tụng đến ngàn câu,
Toàn kệ vô nghĩa có đâu ích gì !
Một lời Pháp Cú thích nghi,
Nghe xong tịnh lạc, đoạn ly khổ sâu !*

*Chiến trường quyết liệt hơn thua,
Thắng ngàn quân địch chẳng chưa luận bàn !
Thắng mình quả thật nên bàn,
Chiến công oanh liệt, liệt hàng Đại Nhân.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 104 và 105: Hãy tự chiến thắng lấy mình hơn là thắng kẻ khác và không một ai có thể thắng người đã tự thắng.

*Tự thắng tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.
(P.C. 104)*

*Dầu Chư Thiên, Thát Bà,
Dầu Ma Vương, Phạm Thiên,
Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.
(P. C. 105)*

The self as a conquest is indeed better than these other people (as a conquest) for a man who has tamed himself, who constantly wanders self – controlled (P. C. 104).

Not a God nor a Gandhabba, nor Māra with Brahmā, could make conquest into defeat for a person of such a kind (P. C. 105).

Plus grande que la victoire sur les autres, est celle qu'on remporte sur soi – même. Ni un Dieu ni un Gandhabba, ni Māra et Brahma ensemble ne peuvent changer en défaite. La victoire de celui qui s'est dompté et se maîtrise sans cesse (P. C. 104 – 105).

Dịch nghĩa: Tự thắng mình quả thật thập phần vẻ vang hơn chiến thắng kẻ khác. Cho dầu Chư Thiên, Càn Thát Bà, Ma Vương hay Phạm Thiên, không ai có thể đánh bại con

người đã tự khắc phục và sống tự chế (P. C. 104 – 105).

Hai câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khái thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến thanh niên Bà La Môn Anattapucchaka.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một thanh niên Bà La Môn với tên gọi là Anattapucchaka, đã đi đến yết kiến Đức Phật cùng với lời vấn hỏi:

- Kính bạch Ngài, có phải Ngài chỉ biết về Pháp Hữu Ích và chẳng rõ biết về Pháp Vô Ích, phải không ?

Đức Phật đã trả lời rằng Ngài biết cả hai, Pháp Hữu Ích và Pháp Vô Ích, những điều lợi ích và những điều tai hại đến bản thân. Thế rồi, Đức Phật thốt lên một bài kệ nói về sáu hành động khiến cho tài sản phải sớm bị tiêu hoại, đó là:

1. Mặt trời đã lên cao mà vẫn còn ngủ trễ.
2. Thường hay đã dục, lười biếng.
3. Hung bạo tàn ác.
4. Uống rượu mạnh hay dùng các chất say.
5. Đi lang thang trên đường phố trong những lúc Phi Thời.
6. Tà hạnh bất chánh.

Sau đó, Đức Phật quán xét khuynh hướng của thanh niên Bà La Môn này và có lời vấn hỏi về nghề nghiệp đang sinh sống. Vị Bà La Môn trả lời rằng đang mưu sinh với nghề cờ bạc. Nghe vậy, Đức Phật lại hỏi tiếp:

- Nghề cờ bạc có được thắng hay không ?
- Khi thắng và cũng có khi thua.
- Nay thanh niên kia, người chiến thắng trong những canh bạc sao bằng chính mình tự chiến thắng những lậu hoặc phiền não trong nội tâm của mình.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên hai câu kệ Pháp Cú như sau:

*Tự thắng tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.
(P.C. 104)*

Dầu Chư Thiên, Thát Bà,

*Dầu Ma Vương, Phạm Thiên,
Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.
(P. C. 105)*

Qua hai câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến thanh niên Bà La Môn Anattapucchaka, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Trong bất luận một trận chiến nào, luôn luôn có cả hai, người chiến thắng và kẻ chiến bại. Người chiến thắng sinh kiêu hãnh và chuốc oán thù. Kẻ chiến bại sinh oán hận và phục thù báo oán.

Tự kiểm soát chính mình là chìa khóa để mở cửa vào Chân Hạnh Phúc. Đó là năng lực nằm ở phía sau mọi hành động dẫn đến Chân Thành Tự. Hành động mà thiếu kiểm soát, quả thật không đưa đến mục tiêu nhất định nào cả. Chỉ vì con người không tự kiểm soát được phần Tâm Linh của chính mình, cho nên bị đủ mọi thứ xung đột phát sanh ở nội tâm. Và với những xung đột ấy, cần phải được kiểm soát, và hơn thế nữa, cần phải được loại trừ. Con người cần phải biết kiềm chế những tham vọng và những thích thú riêng tư của chính mình, phải cố gắng sống đời sống tự chủ và trong sạch.

Trong tất cả mọi năng lực cả về Thân lẫn về Tâm, Tâm Lực có công hiệu hùng mạnh hơn hết. Chính Tâm Lực tự nó là năng lực. Để thấu đạt được bản chất thật sự của đời sống, người Phật Tử cần phải khảo sát tận tường, đào sâu vào những sâu kín bên trong của nội tâm. Điều này chỉ có thể thực hiện được bằng cách nhìn vào sâu bên trong của mình, một công trình khảo sát đặt trên nền tảng của một Giới Đức trong sạch và một nền tảng vững chắc của sự tu tập Thiền Định.

*Hãy tự mình thắng lấy mình !
Hơn thắng kẻ khác, thật tình chẳng hay !
Người sống tự chế lâu dài,
Quả là khôn khéo với tài Tu Thân.*

*Dầu cho Thát Bà, Thiên Thần,
Ma Vương, Phạm Thiên, mấy tầng trời cao,
Cũng không đánh bại được nào,
Với người tự thắng, anh hào nào hơn.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 106: Chỉ trong giây lát tôn kính đến bậc Ứng Cúng hơn cúng dường liên tục đến người không xứng đáng.

*Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
Tế tự cả trăm năm,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường bậc tự tu,
Cúng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.
(P.C. 106)*

If anyone were to sacrifice with a thousand month by month for a hundred years, but were to honour even for a moment someone with developed self – that very homage would be better than sacrificing for a hundred years (P. C. 106).

Plutôt que d'entretenir cent ans durant un feu sacré dans la forêt, si l'on révere, ne serait – ce qu'un instant, un être qui s'est exercé sur lui – même, cet hommage vaut mieux que cent ans de sacrifices (P. C. 106).

Dịch nghĩa: Cho dù có thể cúng dường từ tháng này sang tháng kia, liên tục cả trăm năm, nếu chỉ trong giây lát, tôn kính bậc Thánh Nhân đã tự làm cho mình trở nên toàn thiện – sự tôn kính ấy quả thật cao quý hơn tế tự trong cả trăm năm (P. C. 106).

Kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Trúc Lâm Tự, thành Rājagaha (Vương Xá), đề cập đến người cậu của Đại Trưởng Lão Sāriputta.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, Đại Trưởng Lão Sāriputta đi đến viếng thăm người Cậu, là một tín đồ của nhóm du sĩ ngoại đạo Nigantha, với lời vấn an:

- Từ trước đến nay, cậu có làm một việc Phúc Thiện nào không ?
- Hàng tháng tôi thường xuất ra hàng ngàn đồng tiền vàng để xả thí cúng dường đến các tu sĩ thuộc phái lửa thể Nigantha, với hy vọng sẽ được tục sinh về Cõi Phạm Thiên trong kiếp vị lai.
- Các tu sĩ ngoại đạo lửa thể ấy đã gieo niềm tin sai lầm đến cho Cậu, vì chính bản thân họ cũng không biết rõ con đường đi đến Cõi Phạm Thiên. Chỉ có Đức Thế Tôn liễu tri và chỉ dạy cho người hữu duyên được biết về con đường đó mà thôi.

Thế rồi, Đại Trưởng Lão Sāriputta đã mời người Cậu đi đến gặp Đức Phật, để được nghe giảng dạy về Chánh Pháp, và nhờ đó, người Cậu sẽ được tục sinh về Cõi Phạm Thiên. Khi gặp Đức Phật, Đại Trưởng Lão Sāriputta đã trình bày hết mọi sự việc và nghe qua, Đức Phật có lời giảng dạy đến người Cậu của Đại Trưởng Lão:

- Nay vị Bà La Môn, việc xả thí để tạo Phúc Thiện như vậy, cho dù có liên tục đến cả trăm năm cũng không bằng chỉ trong giây lát, với Tâm trong sạch, được nhìn thấy bậc

Thánh Thịnh Văn, hoặc cúng dường đến một vị Tỳ Khưu đang trì bình khát thực với một vá cơm, sẽ đem lại nhiều phước báu to lớn hơn.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
Tế tự cả trăm năm,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường bậc tự tu,
Cúng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.
(P.C. 106)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến người cậu của Đại Trưởng Lão Sàriputta, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Sự tu tập liên hệ đến hạnh Xả Ly (sự từ bỏ) là một trong những hạnh tu tập hữu ích dẫn đến mục đích Níp Bàn. Quả thực, người Phật Tử, theo lối sống của hàng xuất gia của Chư Tăng Ni, hoặc với đời sống của người cư sĩ, hạnh Xả Ly luôn luôn làm thành một nền tảng, và trên đó, ngôi nhà Chánh Pháp được xây dựng trong nội tâm. Người Phật Tử không sợ hãi với hạnh Xả Ly, vì người Trí tìm thấy được ở trong đó, điều Thiện to lớn nhất. Chỉ có một con người của các chân trời co rúm, thiên trọng vật chất, sống trong rừng âu lo, phiền muộn mới sợ hãi sự Xả Ly và nỗi sợ hãi của hạng người ấy, còn hư ảo hơn cả những công việc mà người ấy chăm lo.

Người Phật Tử càng có khả năng để từ bỏ thì càng có khả năng để tu tập, và ít tu tập đồng nghĩa với việc chậm chứng ngộ. Khả năng từ bỏ càng nhiều thì sự tu tập và sự liễu tri của con người càng sâu sắc hơn, và do đó, sự chứng ngộ sẽ càng triệt để và nhanh chóng hơn. Khả năng Xả Ly, quả thật không phụ thuộc vào hoàn cảnh và vật chất, mà phụ thuộc vào mặt tâm linh.

Xả Ly là con đường đi theo Giáo Pháp. Giáo Pháp, ở đây có nghĩa là con đường của Chân Thực Tính, khiến cho Thân và Tâm, và dĩ nhiên, với tất cả mọi tập hợp được kết thành là Thân và Tâm, đều không thể xem là sở hữu của một người. Xả Ly biểu hiện trong đời sống hiện thực của người Phật Tử, vì lẽ, người ấy sẽ đón nhận được hạnh phúc, khi từ bỏ sự đòi hỏi sở hữu những cái chi không thực sự thuộc về mình.

Xả Ly không phải là xả ly trống rỗng, không phải có tính cách diễn hình hay biểu tượng, mà là sự tu tập thực sự được hướng dẫn bởi Trí Tuệ và được khuyến khích bởi lòng Từ Ái. Xả Ly là Tối Thiện, nhưng phải được kèm theo với một ý niệm tích cực hơn về những gì cần phải được làm với cả năng lực Trí Tuệ.

Mỗi tháng bỏ ra ngàn vàng,
Sắm sanh tế tự đến hàng trăm năm.
Không bằng giây phút ân cần,
Cúng dường bậc Thánh tâm chân phước lành.
Cúng dường đúng cách rõ ràng,
Hơn là tế vật hy sinh mãi đời.

-----00000-----

Câu kệ thứ 107: Tôn kính đến bậc Tự Tu chỉ trong giây lát còn hơn tế tự thần lửa cả trăm năm.

Dầu trải một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường bậc tự tu,
Cúng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.
(P.C. 107)

And if any person were to attend the fire for a hundred years in the forest, but were to honour even for a moment someone with developed self – that very homage would be better than sacrificing for a hundred years (P. C. 107).

Plutôt que d'entretenir cent ans durant un feu sacré dans la forest, si l'on revere, ne serait – ce qu'un instant, un être qui s'est exercé sur lui – même, cet hommage vaut mieux que cent ans de sacrifices (P. C. 107).

Dịch nghĩa: Và cho dù người có thể chăm lo ngọn lửa trong rừng trọn cả một trăm năm, nhưng nếu chỉ trong giây lát, người ấy tôn kính bậc Thánh Nhân đã tự làm cho mình trở nên toàn thiện – sự tôn kính ấy quả thật quý hơn thờ lửa cả trăm năm (P. C. 107).

Kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Trúc Lâm Tự, thành Rājagaha (Vương Xá), đề cập đến người cháu của Đại Trưởng Lão Sāriputta.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, Đại Trưởng Lão Sāriputta đi đến viếng thăm người cháu, vốn thuộc giai cấp Bà La Môn, với lời vấn an:

- Từ trước đến nay, cháu có làm một việc Phúc Thiện nào không ?

- Hàng tháng cháu thường giết một con dê để cúng tế Thần Lửa, với niềm tin sẽ được tục sinh về Cõi Phạm Thiên trong kiếp vị lai.

- Các tu sĩ thờ Thần Lửa ấy đã gieo niềm tin sai lầm đến cho cháu rồi, vì chính bản thân họ cũng không biết rõ con đường đi đến Cõi Phạm Thiên. Chỉ có Đức Thế Tôn liễu tri và chỉ dạy cho người hữu duyên được biết về con đường đó mà thôi.

Thế rồi, Đại Trưởng Lão Sàriputta đã dẫn người cháu đi đến gặp Đức Phật, để được nghe giảng dạy về Chánh Pháp, và nhờ đó, người cháu sẽ được tục sinh về Cõi Phạm Thiên. Khi gặp Đức Phật, Đại Trưởng Lão Sàriputta đã trình bày hết mọi sự việc và nghe qua, Đức Phật có lời giảng dạy đến người cháu của Đại Trưởng Lão:

- Này thanh niên Bà La Môn, việc tế tự Thần Lửa như vậy, cho dù có liên tục đến cả trăm năm cũng không bằng trong giây lát, với Tâm trong sạch, tỏ lòng tôn kính đến một vị Tỳ Khuru tu hành chân chánh, còn đem lại nhiều phước báu to lớn hơn thế nữa.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Dầu trái một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường bậc tự tu,
Cúng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.
(P.C. 107)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến người cháu của Đại Trưởng Lão Sàriputta, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Đối với người Phật Tử, vấn đề tôn giáo và nguồn gốc của tôn giáo không phải là vấn đề siêu hình, mà là vấn đề Tâm Lý và Trí Thức. Đối với người Phật Tử, tôn giáo không phải là sự tín ngưỡng suông hay quy tắc thần khải, do quyền lực thiêng liêng khai sáng và chỉ bảo, hoặc vì lòng kính sợ một điều gì mà mình không hiểu biết, hay một chúng sanh siêu phàm có quyền ban thưởng những hành động Thiện và hình phạt những hành động Bất Thiện của các sinh vật mà chính mình đã tạo ra. Thay vì quan tâm đến lãnh vực Thần Linh, người Phật Tử chú trọng đến khía cạnh Tâm Lý và Trí Thức phát sanh do kinh nghiệm về lãnh vực *Dukkha – Khổ Đau*, những xung đột và bất toại nguyện của đời sống, thực sự thực nghiệm trong kiếp sinh tồn.

Phật Giáo không nhìn nhận một Thần Linh với những năng lực siêu phàm, trường tồn vĩnh cửu và không khuyên dạy người Phật Tử về một hệ thống nghi thức sùng bái và van vái nguyện cầu những Thần Linh. Do đó, không có sự tin tưởng về một quyền lực cao siêu kiểm soát định mạng con người. Người Phật Tử luôn tự xem tất cả những điều đã được

thực hiện một cách tốt đẹp và thành tựu hoàn mãn đều do sự cố gắng và sự hiểu biết của chính mình.

Phật Giáo lấy con người làm trung tâm điểm, không phải Thần Linh. Như vậy, đối với người Phật Tử, tôn giáo là một phương thức sống, trong ý nghĩa của Pháp Hành, nhằm tự tạo cho mình một nếp sống luân lý, đạo đức, và trí thức dẫn đến ánh sáng nội tâm cao siêu để chấm dứt mọi hình thức đau khổ và những kiếp sống còn luôn mãi luân hồi, và cuối cùng tâm linh được giải thoát trọn vẹn.

*Trăm năm trọn một kiếp người,
Rừng sâu Thờ Lửa, chẳng lời ngày nào.
Chi bằng giây phút giới trau,
Cúng dường bậc Thánh tự tu hạnh lành.
Rõ là Quả Phước sẵn dành
Còn hơn tế tự Lửa Thần trăm năm.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 108: Tôn kính đến bậc hoàn toàn thanh tịnh còn hơn giết thú để tế thần.

*Suốt năm cúng tế vật,
Để cầu Phước ở đời.
Không bằng một phần tư,
Kính lễ bậc Chánh Trục.
(P.C. 108)*

If a man were to sacrifice in this world any sacrifice or offering for a year, looking for merit, all that does not come to a quarter (of the better offering). Respectful salutation to the righteous is a better thing (P. C. 108).

Quelques offrandes ou sacrifices qu'en ce monde, l'on fasse une année Durant, pour gagner du mérite, ce zèle ne vaut pas le quart de l'hommage rendu à un être qui mène une vie droite (P. C. 108).

Dịch nghĩa: Trên thế gian này, bất luận lễ vật hay vật thực nào mà một người có thể cúng dường trong một năm để tạo Phước Báo, tất cả những vật lễ ấy cũng không bằng một phần tư của sự đánh lễ bậc Chánh Hạnh cao thượng (P. C. 108).

Kệ Pháp Cú này được Đức Phật thuyết tại Trúc Lâm Tự, thành Rājagaha (Vương Xá),

đề cập đến người bạn của Đại Trưởng Lão Sàriputta.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, Đại Trưởng Lão Sàriputta đi đến viếng thăm người bạn, vốn thuộc giai cấp Bà La Môn, và thường hay cúng tế và bố thí để cầu Phước, với lời vắn an:

- Từ trước đến nay, bạn có làm một việc Phúc Thiện nào không ?
 - Tôi thường giết thú vật để cúng tế, và thường mở hội bố thí rộng rãi, với niềm tin sẽ được tục sinh về Cõi Phạm Thiên trong kiếp vị lai, là làm theo những lời chỉ dạy của các vị Thầy của mình, để cầu xin được Phước Báo.

- Đó là các vị Thầy của bạn đã cho bạn một ảo vọng về việc sanh Thiên, vì chính bản thân họ cũng không biết rõ con đường đi đến Cõi Phạm Thiên. Chỉ có Đức Thế Tôn liễu tri và chỉ dạy cho người hữu duyên được biết về con đường đó mà thôi.

Thế rồi, Đại Trưởng Lão Sàriputta đã dẫn người bạn đi đến gặp Đức Phật, để được nghe giảng dạy về Chánh Pháp, và nhờ đó, người bạn sẽ được tục sinh về Cõi Phạm Thiên. Khi gặp Đức Phật, Đại Trưởng Lão Sàriputta đã trình bày hết mọi sự việc và nghe qua, Đức Phật có lời giảng dạy đến người bạn của Đại Trưởng Lão:

- Này vị Bà La Môn, cho dù suốt năm giết thú vật để tế thần và bố thí rộng rãi đến quần chúng như vậy để cầu Phước, cũng không bằng một phần tư giá trị của người phát tâm trong sạch với Thiện Tác Ý, tỏ lòng kính lễ đến một Thánh Thinh Văn đã hoàn toàn thanh tịnh.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Suốt năm cúng tế vật,
 Để cầu Phước ở đời.
 Không bằng một phần tư,
 Kính lễ bậc Chánh Trực.
 (P.C. 108)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến người bạn của Đại Trưởng Lão Sàriputta, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Người Phật Tử thường được khuyến giáo trong sự tu tập về ba hạnh nguyện công đức là Xả thí, Trì Giới và Tham Thiền. Nhằm nỗ lực tiến tu trên Đạo Lộ của Đức Phật, người Phật Tử phải đảo ngược con đường phàm phu *thường tình* của chính mình. Phàm phu nói về **“sự nhận được”** còn Đạo Lộ đề cập đến **“sự Xả thí”**. Một người càng nhận được thêm nhiều tài vật hơn, có nghĩa là, ngoài việc trở nên ích kỷ hơn theo lối thông thường, người ấy còn tăng cường cảm thọ về cái **“Tôi là”** bằng với một khối sở hữu để được tuyên bố với mọi người rằng **“Tôi có”**. Quả thật việc này, không đưa đến ngay cả Chân Hạnh Phúc mà

con người vẫn tưởng là thực, luôn cả ngăn cản con đường Đạo Lộ của Tri Thức.

Con đường Đạo Lộ đòi hỏi một ý thức từ bỏ mạnh mẽ, một sự nói lỏng các mối ràng buộc, cột trói con người với sự vật, và một sự an tịnh có hiệu quả của Tâm Thức. Quả thật là, Đạo Lộ dẫn dắt con người hướng đến nhận thức rõ ràng về cái “*Tôi là*” thực sự sai lầm. Như thế, đối tượng của Xả thí là phá đổ, hay ít nhất là khởi sự phá hủy những tường thành ngục tù của cái “*Tôi có*”.

Hành động Xả thí phải được thực hiện với Tâm Từ Ái. Việc Xả thí hướng đến sự thanh tịnh, với đời sống thánh thiện, và người Xả thí quả thật được hưởng một sự tái sinh hạnh phúc.

Người Phật Tử thường luôn liễu tri về Giáo Pháp của Đức Phật, vì lẽ Giáo Pháp được xây dựng trên nền tảng Thực Tính của thực tại và chỉ dạy cho mọi chúng sanh biết cách sắp đặt cho cuộc đời của chính mình. Do được tu tập Phật Pháp, người Phật Tử có thể trở nên hạnh phúc sau khi đã làm tròn những mục tiêu cao cả. Phật Pháp có Đạo Lộ cho những ai có sở cầu được tái sinh về Nhân Loại. Tương tự như thế, có Đạo Lộ cho những người vui thích đi về các Cõi Trời, và hơn thế nữa, có Đạo Lộ cho những người quyết tâm mong mỏi được vào hàng các bậc Giác Ngộ.

Tuy nhiên, để Xả thí Pháp đưa đến Níp Bàn như thế, cần phải là một vị đã dày công tu tập, thiện hảo tu hành, và nhất là, trước hết phải đạt được Tuệ Giác Níp Bàn cho chính mình.

*Cúng dường Xả thí trọn năm,
Công đức chẳng được cao thâm như là.
Một phần tư được trích ra,
Từ Phước kính lễ các hàng Thánh Nhân.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 109: Người biết tôn kính đến bậc đáng tôn kính thì hằng được hưởng Phước Báo.

*Thường tôn trọng, kính lễ,
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn Pháp được tăng trưởng:
Thọ, Sắc, Lạc, Súc Mạnh.
(P.C. 109)*

To him who practises respectful salutation, constantly respecting his elders, four

things increase: age, beauty, happiness, strength (P. C. 109).

Qui a coutume d'honorer et de respecter ses aînés, voit s'accroître en lui quatre bienfaits: longévité, force, bonheur et beauté (P. C. 109).

Dịch nghĩa: Với người có một lòng kính nể và tôn trọng đến những bậc trưởng thượng, thì sẽ được tăng trưởng bốn điều: tuổi thọ, sắc đẹp, hạnh phúc và sức khỏe (P. C. 109).

Kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết trong khu rừng ở tại trú xứ Dìghalambika, đề cập đến tuổi thọ của bé trai Vaddhana, con của hai vợ chồng Bà La Môn trong thành Sàvatthi.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có hai vị Bà La Môn cùng nhau đi xuất gia tu Khô Hạnh của nhóm tu sĩ ngoại đạo, trong suốt bốn mươi tám năm. Sau đó, trong hai vị này, có một vị khởi lên ý nghĩ hoàn tục và quay trở lại đời sống xã hội, tạo lập gia đình và có được một đứa con trai. Một hôm, hai vợ chồng Bà La Môn ẵm bồng trẻ sơ sinh đi đến trú xứ vị tướng số Bà La Môn, là một người bạn có sự hiểu biết về môn nghệ thuật này, có khả năng hiểu biết tuổi thọ sanh mạng của con người nội trong bảy ngày. Như thế, cả hai vị Bà La Môn này ẵm đứa bé trai đi đến, rồi luân phiên nhau xá lạy người bạn hữu. Khi người chồng chuẩn bị xá lạy thì trao bé trai cho người vợ ẵm bồng. Khi người vợ chuẩn bị xá lạy thì trao bé trai lại cho người chồng. Khi cả hai xá lạy thì đều được vị tướng số nói rằng “*chắc chắn người có tuổi thọ với thời gian lâu dài*”. Cả hai đã xá lạy xong, thì làm cho bé trai xá lạy vị tướng số Bà La Môn này, tuy nhiên, vị này lại không nói lên một lời nào. Cả hai vợ chồng này khởi tâm hoài nghi: “*Vì lẽ khi chúng ta xá lạy thì nguyên nhân nào lại có lời chúc phúc, mà khi chúng ta cho bé trai xá lạy thì lại không có được lời đề cập đến, bất luận một nguyên nhân nào, dường như sẽ có một điều bất tường nào sắp xảy đến trẻ sơ sinh này*”.

Cả hai vợ chồng có lời vấn hỏi:

- Trong khi cả hai chúng tôi xá lạy đến Ngài, thì lý do nào được Ngài bảo rằng “*được sống lâu mãi cho đến thọ mạng diệt*”, nhưng khi chúng tôi cho đứa bé này xá lạy Ngài, thì nguyên nhân nào, Ngài lại không thốt lên một điều chi cả ?

Vị Bà La Môn trả lời rằng:

- Sở dĩ tôi không có lời đề cập đến như thế, là vì con của cả hai người sẽ không có được tuổi thọ bao nhiêu, sẽ dẫn đến việc bố úy tử (chết kinh hãi), nội trong bảy ngày này.

Cả hai vợ chồng đồng cùng thốt lên lời hoảng hốt:

- Nếu là như thế, thì chúng tôi sẽ phải làm như thế nào để cho con trai của chúng tôi

được sống lâu dài, không có xảy ra sự chết trong thời gian bảy ngày của thời cận tử. Trong trường hợp này, Ngài là người biết phương cách để ngăn chặn, cản ngăn mỗi hiểm nguy cho con trai của chúng tôi, kính xin Ngài hãy mở lòng bi mẫn cho mạng sống đến con của chúng tôi.

Vị Bà La Môn tướng số trả lời:

- Thật sự tôi không có sự hiểu biết phương cách để ngăn chặn sự chết được. Người có sự hiểu biết phương cách để ngăn chặn sự chết này, ngoại trừ duy nhất chỉ có bậc Chánh Đẳng Giác. Cả hai người nên cùng nhau đi đến yết kiến và cầu xin sự giúp đỡ ở nơi Ngài.

Thế rồi, cả hai vợ chồng Bà La Môn dắt dẫn nhau đi đến trú xứ của Đức Phật bày tỏ sự tôn kính rồi cùng nhau tác bạch xin được biết đến phương cách để ngăn chặn bố úy tử của con cả hai người.

Đức Phật mở lời khái ngôn thuyết giảng:

- Sự việc ngăn chặn sự chết sẽ phát sanh đến với chúng sanh vào lúc phi thời tử là hãy thực hiện lễ bái cúng dường đến Tam Bảo. Hãy đặt đứa bé nằm trong khoảng giữa rồi thỉnh Chư Tăng ngồi đonh vây xung quanh để tụng kinh Paritta (cầu an) cùng với lễ vật cúng dường thỉnh mời Chư Tăng để tụng kinh cầu an trọn cả bảy ngày. Do như vậy mỗi hiểm nguy sẽ được diệt mất.

Cả hai vợ chồng khi đã được nghe Đức Phật khái ngôn thuyết giảng như thế, phát tâm hoan hỷ vui mừng, cùng nhau quay trở về nơi trú ngụ, sửa soạn bày trí vải màn khắp cả phòng ốc, rồi sắp đặt tọa cụ thích hợp đối với Chư Tăng sẽ ngồi để tụng kinh an lành, và ở khoảng giữa phòng đặt cái ghế dành cho bé trai. Sau đó, cả hai người cùng trở lại Kỳ Viên Tự, thỉnh mời Chư Tăng đến tụng kinh cầu an suốt trọn cả bảy ngày, đến ngày thứ tám thì cung thỉnh mời chư Tỳ Khưu Tăng đến thọ thực trai ngọ và ngày đó có Đức Phật cùng ngự đến với Chư Tăng. Cả hai vợ chồng Bà La Môn tạo nghi lễ cho bé trai bày tỏ sự tôn kính. Đức Phật khái ngôn thuyết giảng Diệu Pháp như sau:

- Lời phúc chúc được cả bốn điều, tuổi thọ tăng trưởng lâu dài mãi cho đến thọ mạng diệt, màu sắc da tốt tươi xinh đẹp, tiếng lành tăng trưởng mọi nơi, ân đức tỏa khắp mọi phương, sự an lạc về thân, an vui về tâm và sức mạnh về thân cùng năng lực trí tuệ hằng tăng trưởng tiến hóa với người thường luôn có sự xá lỵ tôn kính Tam Bảo với tâm không có dễ dãi, luôn tỏ bày việc cúi mình đánh lễ Tam Bảo trong suốt mọi thời gian.

Cũng nên hiểu biết, trong suốt bảy ngày đó, dạ xoa luôn đến từng mỗi ngày trông đợi liên tục không gián đoạn, để hủy diệt mạng sống bé trai, nhưng không thể nào tiến hành việc hãm hại được, vì Chư Tăng thường luôn trì tụng kinh an lành, đành phải quay về và không thể nào hủy diệt được sanh mạng của đứa bé.

Cho đến về sau, Đức Phật mở lời khái ngôn chúc phúc với cả bốn điều như trên và như thế dạ xoa càng không thể nào làm hãm hại được đứa bé, do đó sự chết của đứa bé không

còn thích hợp với thời gian.

Trước khi Đức Phật cùng với chư Tỳ Khuru Tăng quay trở lại Kỳ Viên Tự, cha mẹ của đứa bé vội hỏi Đức Phật là con của mình sẽ sống được bao lâu. Đức Phật trả lời rằng trẻ sơ sinh này sẽ sống đến một trăm hai mươi tuổi. Như thế, cha mẹ của đứa bé mới đặt tên cho con là “*Āyuvaddhanakumàra*” - *Tăng Thọ Nam Tử*.

Theo thời gian, đứa trẻ này lớn lên và chăm lo tu hành, hướng dẫn một số bạn hữu đi đến Kỳ Viên Tự để đánh lễ Đức Phật và nghe Pháp. Lúc bấy giờ, có một số vị Tỳ Khuru đem câu chuyện của Tăng Thọ Nam Tử ra bàn luận tại Giảng Đường và đã hỏi Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, với những yếu tố nào để làm người sống ở trong đời có được sự trường thọ ?
- Này Chư Tỳ Khuru, bậc trí tuệ nên có sự hiểu biết về sự Tôn Kính đối với Tam Bảo, với những bậc Cao Đức và với những bậc trưởng thượng. Như thế, con người ở trong đời, chẳng những được trường thọ mà còn được sự phú quý vinh hiển, sắc đẹp và an vui hạnh phúc.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Thường tôn trọng, kính lễ,
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn Pháp được tăng trưởng:
Thọ, Sắc, Lạc, Sức Mạnh.
(P.C. 109)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến tuổi thọ của bé trai Vaddhana, con của hai vợ chồng Bà La Môn trong thành Sàvatthi, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Giá trị của Kinh Paritta (Cầu An) được mô tả trong những bài Kinh, hay những lời giảng do Đức Phật đã khai thuyết, đã được xem là có đủ điều kiện để bảo vệ và làm cho thoát khỏi những ảnh hưởng xấu xa. Nghi thức đọc tụng và nghe Kinh Paritta đã bắt đầu từ xa xưa trong lịch sử Phật Giáo. Chắc chắn rằng đọc những bài Kinh Paritta đã tạo ra trạng thái Tâm được an lành cho những ai được lắng nghe một cách có hiểu biết và tin tưởng vào Chân Lý của những Phật ngôn. Tâm trạng an lành như vậy có thể giúp cho người bệnh sớm mau phục hồi và cũng có thể giúp đưa đến trạng thái tinh thần an lạc hạnh phúc. Đức Phật cũng được người khác đọc kinh Paritta cho Ngài, và cũng có khi Ngài yêu cầu người khác đọc cho các vị đệ tử của Ngài khi lâm bệnh, như bài Kinh Thất Giác Chi. Nghi thức này, ngày nay vẫn còn thịnh hành trong các quốc gia Phật Giáo.

Đức Phật và chư vị A La Hán có thể gom Tâm vào những bài Kinh Paritta mà không cần ai giúp đỡ. Tuy nhiên, khi đau ốm bệnh hoạn, các Ngài được nghe người khác đọc, rồi

trụ Tâm vào Giáo Pháp chứa đựng trong Kinh, thì dễ dàng hơn là chính các Ngài nghĩ đến Giáo Pháp. Trong những trường hợp như bệnh nặng, khi Tâm Trí đã mệt mỏi, mà có ai gọi lên cho ta ý nghĩ thì công hiệu hơn là chính ta tự kỷ ám thị.

Đọc Kinh Paritta là một hình thức **“Saccakiriya – Chân Hạnh”**, nương nhờ Chân Lý để được bảo vệ, xác nhận Chân Lý để tự bảo vệ. **“Oai lực Chân Lý bảo vệ người sống theo Chân Lý”** là nguyên tắc nằm phía sau công phu đọc tụng những Kinh Paritta. **“Đức hạnh bảo vệ con người đức hạnh”** với người chăm chú lắng nghe Kinh Paritta, với niềm tin vững chắc vào những lời dạy của Đức Phật, vốn phát xuất từ Trí Tuệ của Bạc Toàn Giác, ắt phải đạt đến trạng thái Tâm đầy đủ phẩm hạnh để diệt trừ mọi ảnh hưởng bất thiện xấu xa. Đọc tụng những bài Kinh Paritta đem lại Phước Lành có tánh cách vật chất xuyên qua những trạng thái tâm linh, bằng cách gom Tâm an trụ và đặt niềm tin trong sự lắng nghe lời Kinh một cách hiểu biết.

Theo lời dạy của Đức Phật, Chánh Tinh Tấn là một yếu tố thiết yếu để khắc phục đau khổ. Thành tâm lắng nghe những Kinh Paritta một cách thích nghi, cũng làm tăng thêm lòng thiết tha mong mỏi làm những việc Thiện, và chuyên cần thuận theo con đường tiến bộ của Thế Gian.

Không có thuốc nào công hiệu bằng Giáo Pháp, cho cả Thân lẫn Tâm, vốn là nguyên nhân của tất cả mọi đau khổ và bất hạnh. Như vậy, Kinh Paritta, khi được lắng nghe một cách chân chánh, sẽ đem lại tiến bộ tinh thần và tình trạng thể xác thái bình an lạc.

*Hoan hỷ lễ bái cúng dường,
Các bậc Trưởng Thượng thì thường gia tăng,
Bốn điều Phước Báo cội căn:
Sống lâu, sắc đẹp, lạc an, mạnh lành.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 110: Sống một ngày mà có đạo đức hơn là sống trăm năm mà buông lung phóng dật.

*Dẫu sống một trăm năm,
Ác Giới, không Thiên Định,
Tốt hơn sống một ngày,
Trì Giới, tu Thiên Định.
(P.C. 110)*

And if anyone were to live for one hundred years, wicked and unconcentrated, living

for one day would be better for him being virtuous and meditating (P. C. 110).

Mieux vaut vivre un seul jour dans la vertu et la meditation, que cent ans sans vertu et sans discipline (P. C. 110).

Dịch nghĩa: Nếu phải sống đến trăm năm với cuộc đời buông lung và không tự chế, tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày đời sống đạo hạnh và có tu Thiền Định (P. C. 110).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến giá trị của một đời sống đức hạnh với tài liệu tham khảo về Sa Di Samkicca

Tích truyện được nói đến như sau:

Vào thời kỳ của Đức Phật, có ba mươi vị Tỷ Khuru, sau khi đã thọ lãnh chủ đề với đề mục thiền định từ nơi Ngài, đã chuẩn bị ra đi đến một làng mạc rộng lớn. Đức Phật, vì đã nhận thấy có một sự nguy hiểm trong việc tu tập thiền định của họ và sự nguy hiểm đó sẽ được khắc phục do bởi Sa Di Samkicca, là người đang cùng ở với Đại Trưởng Lão Sàriputta, nên Ngài đã có lời khuyên với họ là nên đi tới và bày tỏ lòng tôn kính đến Pháp Huynh Sàriputta của họ, trước khi đi đến làng mạc. Đại Trưởng Lão Sàriputta nhận thức được điều mong muốn của Đức Phật, nên đã cho Sa Di Samkicca đi tháp tùng theo như một thị giả, một người phục vụ ngay khi họ bày tỏ lòng tôn kính đến Ngài trước lúc khởi hành.

Tại đây, Sa Di Samkicca chỉ mới bảy tuổi đời mà đã thành đạt Quả vị Vô Sinh. Mẹ của vị ấy đã thọ mạng chung ngay khi đang có mang và chuẩn bị hạ sanh trẻ Samkicca. Trong khi đang hỏa táng tử thi, ngoại trừ tử cung, toàn cả cơ thể đã bị đốt cháy thành tro bụi. Vào ban đêm, người thức canh hỏa thiêu tử thi, đã chọc thủng vào tử cung vẫn chưa cháy với một gậy tre và đục vào một góc nhỏ của con mắt. Sáng hôm sau, một cách lạ kỳ, một đứa bé đã được nhìn thấy đang nằm trên ngọn lửa đã hỏa thiêu tử thi. Thế rồi, đứa bé được mang đến người thân của nó để được nuôi dưỡng lớn dần lên. Một người thầy bói, khi được hỏi về tương lai của đứa bé, đã tiên đoán rằng nếu nó được nhận nuôi dưỡng thì sẽ phải bị nghèo khổ trong bảy đời và nếu nó được xuất gia trong Tăng Đoàn như một Sa Di thì nó sẽ trở nên rất nổi tiếng với một đoàn tùy tùng to lớn trong Tăng Đoàn. Và như thế đứa bé lớn dần lên, nó đã bị kích động mãnh liệt khi được nghe kể lại về sự việc nó vừa thoát khỏi cái chết. Ngay sau đó, đứa bé này đã suy nghĩ không muốn sống một cuộc đời vô ích và muốn gia nhập Tăng Đoàn nhằm thực hiện những Thiện Hạnh, để cho nó được thoát khỏi vòng luân hồi tái tục. Sau khi ngỏ lời xin phép và được quyền thuộc đồng ý, thế rồi đứa bé được đưa đến Đại Trưởng Lão Sàriputta để được xuất gia làm một

vị Sa Di. Trong khi nắm tóc vừa cạo ở trên đầu, đứa bé đã tu tập Thiền Minh Sát và khi vừa dứt việc cạo tóc, tức thì đã thành đạt Quả vị Vô Sinh ở vào lứa tuổi chỉ vừa lên bảy.

Cùng với vị Sa Di trẻ Samkicca này, ba mươi vị Tỳ Khuru khởi sự tu tập Thiền Minh Sát Tuệ ở trong rừng già cạnh bên làng. Trong lúc thiền định như thế, có năm trăm tên cướp đang ẩn trốn trong rừng cây rậm rạp muốn thực hiện một cuộc hiến tế máu tươi từ cổ họng của một người nam đến vị Thần bảo vệ khu rừng với một ý nghĩ cuồng si rằng việc trộm cướp của chúng sẽ được thành công viên mãn. Do đó, bọn cướp đã đi đến tu viện ở làng và đòi hỏi một trong những vị Tỳ Khuru cho làm vật hy sinh. Đó là điều rất nguy hiểm mà Đức Thế Tôn đã nhìn thấy trước. Khi chư Tỳ Khuru hành thiền đi đến hiểu biết về lời đòi hỏi đó, vị Trưởng Lão cao niên nhất của họ đã đứng lên và long trọng thốt lời:

- Này Chư Pháp Đệ, đây là trách nhiệm của tôi phải đi theo những tên cướp. Tất cả các bạn còn lại phải tiếp tục tu tập Thiền Minh Sát Tuệ một cách an tịnh và tôi sẽ đi theo với bọn cướp này.

Lại nữa, vị Trưởng Lão thứ hai đã đứng lên và thỉnh cầu:

- Dạ thưa không Pháp Huynh Trưởng Lão, Ngài không nên làm như vậy. Những vị trẻ tuổi sẽ không thể thiếu mất vị thầy lãnh đạo, vậy kính xin Ngài không đi theo những tên cướp.

Lại nữa, vị Trưởng Lão thứ ba đã đứng lên và thỉnh cầu cũng cùng một cách thức. Từ vị Tỳ Khuru cao niên nhất đến vị Tỳ Khuru trẻ tuổi nhất, từng mỗi vị tự nguyện thỉnh cầu để đi với bọn cướp. Và cuối cùng, Sa Di Samkicca can thiệp vào:

- Kính bạch Chư Tỳ Khuru tôn kính, đây là trách nhiệm của con. Đức Tôn Sư của con là Đại Trưởng Lão Sàriputta đã nhận thấy trước về điều nguy hiểm này và đã có ý định cho con đi theo cùng với tất cả quý Ngài.

Vừa dứt lời, Sa Di Samkicca đã đi cùng với những tên cướp. Vị Tỳ Khuru lãnh đạo đã yêu cầu bọn cướp không nên hiển thị cây gươm vì Sa Di còn quá trẻ, nên đối xử một cách tử tế và chẳng nên làm kinh sợ. Bọn cướp đã dẫn Sa Di đi vào rừng và đặt vị ấy ở dưới bóng mát của cội cây, và đi mài bén thanh gươm của chúng. Trong khi bọn chúng lo chuẩn bị lễ hiến tế, Sa Di trẻ đã đạt đến sự nhập định tột bậc (Nhập Đại Định) ở dưới bóng mát của cội cây. Khi tất cả mọi việc đã sẵn sàng cho sự kiện, vị chủ bọn cướp đi đến Sa Di Samkicca đang ngồi với tâm khấn khít Nhập Đại Định. Vị chủ bọn giở gươm lên và vùng tay chém mạnh vào cổ của Sa Di Samkicca. “Dunn” âm thanh của việc chém vang dội như là lưỡi gươm đã chém vào tảng đá. Lưỡi gươm bật lên và anh ta đã thử lại một lần nữa và kết quả cũng vẫn tương tự. Sa Di trẻ không bị tổn thương cũng không bị làm hại được. Thế rồi, vị chủ bọn lúc lắc Sa Di và nói:

- Này Sa Di trẻ, ta đã chém ngươi với lưỡi gươm này. Vậy ngươi không có lo sợ về sự chết hay sao? Trông ngươi có vẻ không có sợ hãi về sự giết này. Gương mặt của

ngươi rất thanh thản, an tịnh và điềm tĩnh còn thái độ của ngươi quả thật rất thản nhiên. Vậy ngươi không có nỗi lo sợ hay sao ?

Sa Di Samkicca trả lời:

- Nay người thủ lãnh, một bậc Vô Sinh như chúng tôi không có lo sợ về sự chết. Chính xác thân ngũ uẩn này là một gánh nặng cho chúng tôi. Dưỡng nuôi xác thân mỗi ngày chẳng tầm cầu lợi ích chi mà chỉ có khổ đau. Ngày nào đặt được gánh nặng của xác thân ngũ uẩn này xuống đó là ngày hạnh phúc nhất của chúng tôi. Các bậc Vô Sinh như chúng tôi không kinh sợ cũng không ưu não.

Cầm thanh gươm ở trong tay và lắng nghe điều mà vị Sa Di đã nói, vị chủ bọn bật thốt lên lời:

- Ô, vị này là bậc Vô Sinh. Thanh gươm vô tâm vô tính này còn biết được phẩm chất của bậc Vô Sinh còn như ta đây có tâm có thức mà chẳng biết chi cả. Quả thật là Ta đã lầm.

Và như thế, nhận thức lỗi lầm của mình, ông ta đã buông bỏ gươm và quỳ xuống dưới chân của Sa Di Samkicca, ngỏ lời xin tha thứ lỗi lầm của mình:

- Ô Ngài Sa Di, xin cho tôi được gia nhập vào Tăng Đoàn và xin cho tôi được thọ những điều giới học thích hợp bắt đầu ngay tại đây. Tôi sẽ vĩnh viễn không còn trộm đạo.

Cả năm trăm tên cướp rung động kinh sợ, bày tỏ ăn năn về những hành động sai lỗi của mình và thỉnh cầu xin được trở thành những vị Sa Di. Sa Di trẻ Samkicca đã hoan hỷ với những thỉnh nguyện và truyền trao cho họ mười điều giới học. Sa Di Samkicca đã đi cùng với năm trăm đệ tử mới của mình trong những bộ y vàng, quay trở lại với ba mươi Tỳ Khưu đang nóng lòng chờ đợi việc gì sẽ xảy đến Sa Di. Tất cả họ đã cảm thấy rất nhẹ nhõm khi được nghe những tin vui về sự kiện và nói:

- Nay Samkicca, con phải đi và gặp Thầy của con. Đại Trưởng Lão Sariputta Ngài sẽ rất hoan hỷ nếu Ngài nhìn thấy con và các đệ tử của con.

Thế rồi Sa Di Samkicca cùng các đệ tử tiếp tục hành trình đến bày tỏ lòng tôn kính đến Tôn Sư của mình. Sau khi đón tiếp hội chúng, Đại Trưởng Lão Sàriputta có lời khuyên bảo với họ nên tỏ lòng tôn kính đến Đức Thế Tôn. Vừa trông thấy hội chúng, Đức Thế Tôn đã thốt lên:

- Nay Sa Di Samkicca, quả thật là tuyệt vời, con hôm nay có rất nhiều đệ tử.

Thế rồi Samkicca đã giải thích rằng đó là sự thật, rằng tất cả bọn cướp đã thọ những điều giới học từ nơi mình và đã trở thành những vị Sa Di trong Tăng Đoàn. Đức Thế Tôn có lời nhận xét:

- Lành thay các vị Sa Di, đã bao nhiêu năm dài các con đã sống không có đức hạnh và tu thiện, với đời sống những kẻ trộm đạo. Quả thật là vô ích. Bây giờ, chính tự các con đã có đầy đủ đức hạnh và cũng cùng như vậy với thầy của các con. Với một đời sống tuy

ngắn ngủi mà có đạo đức còn tốt hơn một chuỗi dài sống vô đạo đức.

Sau đó Đức Thế Tôn đã thốt lên một bài kệ như sau “ Dẫu sống một trăm năm với người vô đạo đức, không kiểm soát được những tri giác của mình, tốt hơn chỉ sống một ngày với người có đức hạnh, biết vun bồi sự An Tĩnh và tu tập Phát Triển Tuệ Giác”.

*Dẫu sống một trăm năm
Ác Giới, không thiên định,
Tốt hơn sống một ngày,
Trì Giới, tu Thiên Định.
(P.C. 110)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Sa Di bảy tuổi Samkicca, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Trong một xã hội không ngừng chuyển động nhanh chóng, người Phật Tử cần phải bỏ ra một ít thời gian để tu tập Thiền, để làm dịu bớt tình trạng thần kinh căng thẳng và nhẫn nại chịu đựng những thăng trầm của cuộc sống. Do nhờ vào hành Thiền, người Phật Tử có thể vượt qua phần lớn các vấn đề tâm lý khó khăn hay những xáo trộn cơ thể do Tâm Trí gây nên, những xáo trộn tâm linh, những cảm xúc và những thúc giục, và thành tựu trạng thái tĩnh lặng và thái bình an lạc mà người Phật Tử hằng mong ước.

Con người không phải chỉ là thể xác, mà còn có cái Tâm, và Tâm cũng cần phải được rèn luyện. Rèn luyện Tâm, hay hành Thiền, là cái chìa khóa mở đường dẫn đến sự tự chủ, dẫn đến trạng thái thoải mái, và thoải mái đem lại hạnh phúc.

Theo quan điểm của Phật Giáo, Tâm là phần nòng cốt của kiếp nhân sinh. Tất cả những kinh nghiệm về đau khổ và hạnh phúc, buồn vui, thiện ác, sống và chết, đều đến với con người, như là kết quả của từ những tư tưởng và những hành động. Và chính hành động cũng xuất phát từ tư tưởng. Do đó, trong guồng máy phức tạp của con người, Tâm là yếu tố vô cùng quan trọng.

Hành Thiền là một lối sống. Đó là lối sống toàn vẹn, không phải là một phần sinh hoạt của đời sống. Pháp môn Thiền Định nhằm phát triển toàn thể con người. Xuyên qua Pháp Hành Thiền chân chánh, người Phật Tử có thể diện đối diện, nhìn vào những ảo kiến của chính mình, và những ảo cảnh mà mình cho là thực, nhìn một cách rõ ràng, không còn che lấp và không sai lạc.

Điều này biến đổi hoàn toàn con người của chúng ta. Đây không phải là học thêm, mà là tháo gỡ, bứt ròi ra những gì đã học. Người Phật Tử cần phải dứt bỏ những điều đã học trước kia và đã vui thích ôm ấp vững chắc, một khi nhận thức rằng những điều học ấy chỉ là trở ngại, cản ngăn con đường tiến bộ tinh thần đạo đức.

*Trăm năm sống có ích chi,
Buông lung, phóng dật, Ác Tri Ác Tà!
Một ngày trong cõi Ta Bà,
Trì Giới – Thiền Định, quả là tốt hơn.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 111: Sống một ngày mà có Trí Tuệ hơn là sống trăm năm mà si mê lầm lạc.

*Ai sống một trăm năm,
Ác Tuệ, không Thiền Định,
Tốt hơn sống một ngày,
Có Tuệ, tu Thiền Định.
(P.C. 111)*

And if anyone were to live for one hundred years, ignorant and unconcentrated, living for one day would be better for him having knowledge and meditating (P. C. 111).

Mieux vaut vivre un seul jour dans la sagesse et la méditation que cent ans sans sagesse et sans discipline (P. C. 111).

Dịch nghĩa: Và nếu một ai phải sống đến trăm tuổi già, bất liễu tri và không tu tập, tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày với người có được liễu tri và tu tập Thiền Định (P. C. 111).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Trưởng Lão Khàṇḍikondanna.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một vị Tỳ Khuru với tên là Kondanna được hội túc duyên thọ giáo với đề mục Thiền Quán từ nơi Đức Phật, đã đi vào rừng già và tinh tấn hành trì, thì chẳng bao lâu được chứng đắc Quả Vị Vô Sinh. Bấy giờ, Tỳ Khuru Kondanna khởi lên tác ý quay về Kỳ Viên Tự để đánh lễ Đức Phật. Tuy nhiên, vì đường xa mệt mỏi, vị Tỳ Khuru này đã dừng chân và ngồi nghỉ trên một tảng đá bằng phẳng, với Tâm Trí an trú vào Thiền Định. Vào lúc ấy, có một băng đảng cướp vừa đánh phá một làng bên cạnh, đã vơ vét rất nhiều tài vật, và cùng nhau vào rừng già để tạm nghỉ. Với xác thân mệt mỏi, bọn cướp đã đi đến tảng đá bằng phẳng nơi vị Tỳ Khuru Kondanna đang Nhập Định, và vì không nhìn thấy vị Trưởng

Lão này, tưởng rằng là một gốc cây khô trụi, nên bọn cướp đã máng tất cả những tài vật lên trên đầu vị Tỳ Khuru Kondanna, và sau đó tất cả bọn cướp cùng ngã lăn ra ngủ. Sáng ra, cả năm trăm tên cướp được nhìn thấy Tỳ Khuru Kondanna cũng vừa xuất khỏi Đại Định, lại tưởng rằng là Hung Thần thị hiện đến để bắt bọn chúng. Tất cả đều sợ hãi và cùng nhau bỏ chạy, Trưởng Lão Kondanna gọi bọn họ lại, và bảo cho biết rằng:

- Này các Thiện Nam đừng kinh sợ, Ta là một tu sĩ và chẳng làm hại một ai.

Bọn cướp quay lại nằm mọp dưới chân Tỳ Khuru Kondanna và xin sám hối:

- Kính bạch Ngài, xin Ngài từ bi tha tội cho chúng con, vì chúng con tưởng lầm Ngài là một gốc cây.

Được Trưởng Lão Kondanna niệm thứ lỗi lầm, lại thuyết giảng Chánh Pháp mà mình đã tu tập, cho bọn cướp được hiểu biết, đã tác động tâm lý đến tất cả bọn và cuối thời Pháp Thoại, bọn cướp đã cùng nhau từ bỏ nghề xấu ác, đồng cùng nhau xin xuất gia tu tập theo Trưởng Lão Kondanna. Từ đó, Trưởng Lão được biết với biệt danh là Khàṇukondanna (Kiều Trần Như gốc cây).

Thế rồi, Trưởng Lão Khàṇukondanna cùng với năm trăm tân Tỳ Khuru hướng về Kỳ Viên Tự mà tiến bước để về đánh lễ Đức Phật.

Tại Kỳ Viên Tự, sau khi được Trưởng Lão Khàṇukondanna kể lại tất cả sự việc đã xảy ra tại rừng già, Đức Phật có lời khen ngợi với các vị tân Tỳ Khuru đã biết cải tà quy chánh, cùng với lời dạy bảo:

- Này Chư Tỳ Khuru, sống trăm năm trong sự mê mờ lầm lạc và đã tạo ra những hành động điên cuồng xấu ác như trước kia, quả thật là vô ích, không bằng chỉ sống một ngày mà biết được Chánh Pháp, liễu tri được Chân Lý, thành bậc Hiền Trí, tu tập Thiền Định, quả thật là cao quý.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Ai sống một trăm năm,
Ác Tuệ, không Thiền Định,
Tốt hơn sống một ngày,
Có Tuệ, tu Thiền Định.
(P.C. 111)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Trưởng Lão Khàṇukondanna, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Tâm mê hoặc lầm tưởng cái không thật là thật, thấy cái bóng bay qua ngõ đó là cái thực chất và trường tồn vĩnh cửu, và kết quả là tâm thần bán loạn mù mờ, xung đột, bất điều hòa, và triền miên đau khổ. Với người sống trong tình trạng mê hoặc ắt nhận thức, suy tư và hiểu biết sai lầm. Với người ấy, thấy trường tồn vĩnh cửu trong những sự vật vô

thường tạm bợ, thấy hạnh phúc trong đau khổ, thấy một bản ngã trong cái vô ngã, thấy sự việc xinh đẹp trong việc đáng phải dứt bỏ và khước từ.

Với người tiến tu Thiền Định, phát triển Tuệ Minh Sát, loại trừ được những mê hoặc và giúp cho con người nhận được bản chất thực sự của cuộc sống, nằm phía dưới lớp mặt bên ngoài. Đến lúc vượt ra khỏi đám mây mê mờ lầm lạc, bằng với Trí Tuệ thực sự, người ấy quả thật chói ngời rực rỡ sáng lạng, như vàng trắng rằm vượt qua khỏi đám mây đen che ám.

Chính nhờ vào Trí Tuệ do bởi Tu Thiền Định, người ấy, đã vượt lên khỏi mọi khả năng của sự lầm lạc, không còn bị thế gian hiện tượng bao phủ tâm trí như đám mây mờ dày đặc, đã trở nên tuyệt đối vô nhiễm. Vị này đã giải thoát, bước ra ngoài vòng luân hồi lần quần sanh tử triền miên.

*Cho dù sống cả trăm năm,
Vô Trí lại chẳng hành thâm Pháp Thiền.
Không bằng chỉ với một ngày,
Liễu tri Chánh Pháp, hành Thiền quý hơn.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 112: Dù sự sống chỉ ngắn ngủi mà tinh cần hơn là sống lâu dài lại lười biếng giải đãi.

*Ai sống một trăm năm,
Lười nhác không tinh cần,
Tốt hơn sống một ngày,
Tinh tấn tận sức mình
(P.C. 112)*

And if anyone were to live for one hundreds years, lazy and lacking in energy, living for one day would be better for him strenuously putting forth energy (P. C. 112).

Mieux vaut vivre un seul jour d'effort intense que cent ans dans une vile indolence (P. C. 112).

Dịch nghĩa: Và nếu một ai phải sống đến trăm tuổi già, lười biếng và không năng động, tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày với người nỗ lực năng động (P. C. 112).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khái thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của

Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Trưởng Lão Sappadāsa (Xà Nô).

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, trong thành Xá Vệ có một thanh niên trong một gia đình lễ giáo, sau khi được Thính Pháp do từ nơi Đức Phật khai thuyết, đã khởi tín tâm và xuất gia thọ Cụ Túc Giới Tỳ Khuru. Trải qua một thời gian, cho dù nỗ lực tu tập ngày đêm chẳng ngừng nghỉ, vị Tỳ Khuru này vẫn cảm thấy bất duyệt ý vì tự nghĩ về việc hành đạo của mình không có sự tiến triển như ý. Cảm thấy hồ thẹn với tự ngã, luôn cả với gia đình và bạn hữu, nếu phải nghĩ tới việc phải trở lại đời thế tục, vị Tỳ Khuru này liên tưởng đến việc tự sát và nghĩ rằng đó là một cách thích hợp nhất.

Một hôm, nhìn thấy Chư Tăng đã bắt được một con rắn độc và bỏ nó vào cái bình bát, với ý định sẽ đem thả rắn độc ra ngoài đồng, vị Tỳ Khuru này đã tiến lại gần và ngỏ ý xin Chư Tăng để được con rắn, với sự suy nghĩ là sẽ dùng rắn độc cắn cho mạng vong. Tuy nhiên, vị Tỳ Khuru đã thò tay vào trong bình bát, quậy lung tung và luôn cả đút ngón tay vào miệng rắn, nhưng rắn độc vẫn không cắn, vì trong tiền kiếp, rắn là tên nô lệ của vị Tỳ Khuru này. Bấy giờ, trong số Chư Tăng có người biết được chuyện này, và đem kể lại trong Hội Chúng Tăng để cho mọi người cùng hay biết. Và kể từ ngày đó, mọi người đã gọi vị Tỳ Khuru này với biệt danh là Xà Nô (*Sappadāsa* – người chủ của con rắn nô lệ).

Vào một thời gian sau, có ba vị Tỳ Khuru đi tắm và mang theo hai lưỡi dao cạo vào Chùa, đã bỏ dưới đất một lưỡi, còn một lưỡi dùng cạo tóc cho Chư Tăng. Tỳ Khuru Xà Nô đã lượm lưỡi dao bỏ quên trên đất, với lòng tự nghĩ “*sẽ dùng lưỡi dao này để cắt cổ tự sát*”. Với tư thế đứng thẳng người, ngẩng cao cổ, tự ví mình như một thân cây, Tỳ Khuru Xà Nô đưa lưỡi dao sát vào cổ, cùng lúc ấy, quán xét lại Giới hạnh của mình, từ lúc thọ Tỳ Khuru Giới cho đến nay thì nhận thấy hoàn toàn trong sạch, không tỳ vết, vô nhiễm như Trắng Rằm, tinh khiết như Ngọc Ma Ni. Khi quán sát về Giới Hạnh như vậy, Tỳ Khuru Xà Nô phát tâm phi lạc, khiến toàn thân cảm thấy tràn ngập một niềm vui sướng vô biên. Vượt qua trạng thái Hỷ Lạc đưa đến Xả thanh tịnh, Tỳ Khuru Xà Nô phát triển Tuệ Minh Sát, đưa đến chứng đắc Quả vị Vô Sinh cùng với Tứ Tuệ Phân Tích.

Khi quay trở lại Chùa, Chư Tăng thấy Tỳ Khuru Xà Nô còn cầm lưỡi dao cạo, mới vẫn hỏi đã đi đâu về. Tỳ Khuru Xà Nô trả lời:

- Tôi vừa có ý định dùng lưỡi dao này để cắt đứt cổ họng, nhưng với lưỡi dao Trí Tuệ đã cắt đứt hết tất cả Phiền Não và Lậu Hoặc ở trong Tâm tôi.

Chư Tăng vẫn còn chưa tin vào lời nói đó, và đã đi đến trình mọi sự việc đến Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Tỳ Khuru Xà Nô nói rằng vừa chứng đắc Quả vị Vô Sinh

ngay trong lúc đưa lưỡi dao lên sắp cắt cổ của mình, như thế có đúng với sự thật hay không ?

- Nay Chư Tỳ Khuru, với bậc đã diệt trừ Lậu Hoặc thì không bao giờ tự tay cắt đứt sanh mạnh của mình.

Về việc con rắn độc, là do rắn đó, đã từng là nô bộc của vị Tỳ Khuru này trong ba kiếp quá khứ, nên nó đã không cắn mổ thân thể của chủ nó được.

Về việc nhàm chán và bất duyệt ý trong lúc tiến tu hành đạo, là vì trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa, vị Tỳ Khuru này đã sanh tâm bất mãn với một Pháp Hữu đã tác động tâm lý đến mình, xúi giục việc hoàn tục và ca tụng đời sống tại gia, chỉ vì vị Pháp Hữu có tâm dính mắc vào những vật phụ tùng của vị Tỳ Khuru này, do nhân như thế, kiếp này đi vào con đường xuất gia hành đạo mà vẫn còn có tâm nhàm chán và bất duyệt ý.

Còn việc đắc Đạo Quả một cách mau lẹ là do công đức tu tập Sa Môn Pháp của vị Tỳ Khuru này trong suốt thời gian lâu dài của quá khứ.

Do vậy, nay Chư Tỳ Khuru, với vị nào chuyên cần tinh tấn, giở bàn chân lên để bước tới, ngay khi bàn chân chưa đụng tới đất, thì đã chứng được Đạo Quả Vô Sinh. Đời sống của một vị chuyên cần tinh tấn, dù chỉ trong một giây lát cũng còn quý báu hơn đời sống trăm năm của người biếng nhác giải đãi.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Ai sống một trăm năm,
Lười nhác không tinh cần,
Tốt hơn sống một ngày,
Tinh tấn tận sức mình
(P.C. 112)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Trưởng Lão Sappadāsa, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Không thành đạt được những điều mong muốn, quả thật là đau khổ. Và nếu cho rằng, mọi mong muốn của con người đều được thỏa mãn thì người ta sẽ được hạnh phúc, quả thật là si mê lầm lạc. Có một ít người đang ở trong hoàn cảnh có thể có được thỏa mãn như thế, nhưng với những người này, những người giàu có phong phú tài vật, và những người tương tự, cũng không được xem là người hạnh phúc nhất ở trong nhân loại. Họ có thể có những điều mà họ mong muốn về **phương diện vật chất**, còn những chi thuộc về điều kiện thể xác hay tinh thần thì sao ? Cũng cùng chung như những người còn lại của hạng loại người nghèo hơn họ, thì cho dù là bậc đại phú, họ cũng không có thể ra lệnh “*Đừng để cho lo âu phiền não, khó khăn, bệnh tật, tuổi già sức yếu, cái chết (hay sự tục sinh) đến gần ta được !*”.

Những phương diện ấy của kinh nghiệm, không phải bởi do tài sản lớn hoặc nhỏ kiểm soát, mà chỉ do sự điều ngự tâm kiểm soát mà thôi. Đây lại là một kinh nghiệm chung của đại đa số những người không đạt được những cái chi mà họ ham muốn. Ham muốn của họ đã để lại khổ đau và ngay cả khi họ đạt được những gì họ ham muốn, họ cũng nhận thấy được rằng, họ không thật sự được an lạc một cách bền vững. Niềm an lạc bởi do những gì họ ham muốn, mà có được, quả thật cũng mong manh, và ở bất cứ trường hợp nào, đối tượng ham muốn cũng là vô thường. Và sự làm thỏa mãn những ham muốn, bằng sự sở hữu các đối tượng ham muốn, đã được Đức Phật ví như người uống nước biển để làm thỏa mãn cơn khát của mình.

*Cho dù sống cả trăm năm,
Mà lười biếng chẳng nhiệt tâm tu hành.
Không bằng chỉ với một ngày,
Nỗ lực tinh tấn, miệt mài tiến tu.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 113: Sống ngắn ngủi mà có suy tư hơn là sống lâu dài mà thiếu suy nghĩ.

*Ai sống một trăm năm,
Không thấy Pháp Sinh Diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được Pháp Sinh Diệt.
(P.C. 113)*

And if anyone were to live one hundred years, not seeing arising and passing away, living for one day would be better for him seeing arising and passing away (P. C. 113).

Mieux vaut vivre un seul jour et voir l'apparition et la cessation que cent ans sans jamais les voir (P. C. 113).

Dịch nghĩa: Và nếu một ai phải sống đến trăm tuổi già, mà không thấy được tất cả sự vật phải khởi sanh và tiêu diệt như thế nào, thì tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày mà thấu triệt được Pháp Sanh Diệt của vạn vật (P. C. 113).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khuru Ni Patàcàrà.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, tiểu thư Patàcàrà có nhan sắc rất xinh đẹp, là con gái của một vị bá hộ giàu có

trong thành Xá Vệ. Khi đến tuổi thành niên, cô Patàcàrà đã đem lòng thương yêu một người nô bộc ở trong nhà. Trong khi đó, vợ chồng bá hộ lại chuẩn bị gả cô Patàcàrà về làm dâu cho một gia đình giàu có. Khi đến gần ngày gả cưới, cô Patàcàrà đã bàn tính với người nô bộc, lén trốn khỏi gia đình, ra đi thật xa và đến định cư tại một làng nọ. Chàng trai thì vào rừng phát rẫy làm ruộng, đem củi lá về nhà. Còn cô Patàcàrà thì ở nhà, xách nước, chẻ củi, nấu cơm, cam lòng chịu đựng kết quả của việc làm sai quấy của mình.

Thế rồi, cô Patàcàrà có mang thai, cô đã đem ý định ra bàn với người chồng, là muốn được về lại Cha Mẹ để tiện việc sinh nở và có người phụ giúp đỡ tay chân. Người chồng từ chối, viện dẫn lý do sẽ bị hình phạt tù đầy, nên đã khước từ lời yêu cầu của cô Patàcàrà, đến năm bảy lần. Một hôm, thừa dịp người chồng đi vào rừng, cô Patàcàrà đã trốn chạy về nhà của Cha Mẹ, nhưng người chồng được hay biết, đã rượt đuổi theo kịp, dẫn cô Patàcàrà quay trở lại chỗ cũ. Khi còn đang đi trên đường, thì cô Patàcàrà chuyển bụng, buộc lòng rẽ vào một bụi cây, và hạ sanh một bé trai. Và như thế, con đã được sanh thì mục đích về lại nhà của Cha Mẹ cũng không còn, cô Patàcàrà đã bỗng con lủi thủi theo người chồng trở về lại chỗ cũ, và lại sống chung với nhau như trước.

Một thời gian sau, cô Patàcàrà lại có mang lần thứ hai. Khi thai vừa đủ tháng, cô Patàcàrà cũng van xin người chồng như trước kia, và cũng không được như ý, cuối cùng cô Patàcàrà cũng lén ẵm con và ra đi. Người chồng rượt đuổi theo kịp, nhưng kỳ này, cô Patàcàrà đã kiên quyết không chịu quay trở lại chỗ cũ, và rồi cả hai người cùng nhau lần bước đi về quê nhà. Người chồng dẫn đưa bé trai, và cô Patàcàrà lại đau bụng nặng, ngay khi cả hai vẫn còn đang đi trên đường, thì bỗng nhiên trời đổ trận mưa to, sấm chớp khắp mọi nơi, và mưa đã rơi xuống nặng hạt. Người chồng vội đi tìm chỗ cho cô Patàcàrà nằm trú mưa để hạ sanh con trẻ, nhưng bất ngờ thay đã bị một con rắn độc từ trong một lùm cây, nhào ra cắn vào người chồng và anh ta ngã chết ngay bên đường. Chờ đợi mãi không thấy người chồng trở lại, rút cuộc lại, cô Patàcàrà đã hạ sanh đứa con trai thứ hai trong sự cô quạnh. Một mình với hai đứa con thơ đại giữa cảnh mưa gió phũ phàng, cô Patàcàrà không dần được nỗi lòng, lớn tiếng khóc la sầu khổ. Nhưng nàng đã gắng gượng đặt hai con trẻ vào giữa bụng, tự mình chống hai đầu gối và hai tay xuống đất mà chịu suốt cả một đêm mưa.

Sáng ngày hôm sau, trời đã tạnh cơn mưa, với tay bỗng tay dắt hai đứa con trẻ, cô Patàcàrà lần bước đi tìm người chồng. Lần theo dấu chân, đi đến nơi gò mối, thấy người chồng đã chết, nằm bất động nơi đó, cô Patàcàrà khóc than thảm thiết, và gắng gượng đi đến bờ sông. Trời mưa suốt đêm qua, đã làm cho nước sông Aciravati dâng lên cao và chảy siết. Nhận thấy mình còn yếu đuối, chẳng thể nào cùng một lúc bồng cả hai con lội qua sông được, cô Patàcàrà đã để đứa lớn đứng chờ bờ bên này, ẵm đứa nhỏ bơi qua sông, rồi đặt nó trên một mô đất cao, và quay trở lại dòng sông để rước đứa lớn. Ngay khi cô

đến giữa dòng sông thì có một con điều hâu to lớn bay đến, nhìn thấy trẻ sơ sinh còn đỏ hỏn, tưởng là cục thịt, điều hâu đã từ trên không đáp xuống và xót trẻ sơ sinh đi. Cô Patàcàrà trông thấy như thế, vội hét to lên và giơ hai tay lên cao để xua đuổi điều hâu, thì ngay lúc ấy, đứa con lớn nhìn thấy Mẹ kêu to, lại tưởng rằng Mẹ kêu gọi mình, nên vội chạy nhào xuống nước. Thế là, đứa con nhỏ thì bị điều hâu xót bắt đi, và đứa con lớn thì lại bị nước cuốn trôi. Chỉ trong khoảnh khắc, cô Patàcàrà đã mất người chồng và cả hai con, cô đã ngồi khóc than vô cùng đau khổ bên bờ sông.

Lúc bấy giờ, có người bộ hành từ thành Xá Vệ đi tới, cô Patàcàrà đã hỏi thăm tin tức về Cha Mẹ, thì được cho biết là tất cả gia đình của cô gồm Cha Mẹ và người em trai, đã chết trong cơn mưa hối hừng của đêm hôm qua, do nhà sập xuống và đè chết hết, tất cả đều bị chôn vùi dưới đồng gạch vụn. Hiện tại, người dân làng đang tụ họp lại và làm lễ hỏa táng cho cả gia đình ông bá hộ. Nghe vậy, cô Patàcàrà đau đớn, đã phát điên lên, và không còn biết chi cả, xé hết quần áo, lột bỏ thân thể, vừa đi vừa khóc than:

*Chết rồi hai trẻ con thơ,
Giữa đường chồng chết, bơ vơ một mình.
Mẹ Cha Em, cả gia đình,
Lửa thiêu mất xác, bóng hình còn đâu !*

Do Phước Duyên lành đã tu tập Thập Độ Ba La Mật trong thời Đức Phật Padumuttara vừa tròn đủ, cô Patàcàrà vừa đi vừa khóc than một cách điên loạn, đã từng bước đi đến trước cửa Kỳ Viên Tự, và ngay lúc ấy, Đức Phật đang thuyết giảng Giáo Pháp cho Tứ Chúng ở ngay Đại Giảng Đường, cũng vừa quán thấy cảnh khổ của cô Patàcàrà. Những cư sĩ tại gia đã ngăn cản cô Patàcàrà không được vào nơi Đức Phật đang ngự, tuy nhiên, Đức Phật bảo cứ cho nàng vào, để được nghe những lời an ủi từ nơi Ngài giải thích. Nhờ oai lực của Đức Phật, cô Patàcàrà lập tức phục hồi lại Chánh Niệm, nhận thấy sự lỗi lạc ở nơi thân thể, khởi sanh tâm biết tầm quý, tức thời được một cận sự nam trao cho một mảnh y để che thân. Đến quỳ xuống đánh lễ Đức Phật, cô Patàcàrà đã kể lại tất cả mọi sự việc đã xảy ra, và khi vừa dứt lời thì Đức Phật có lời khuyên bảo:

- Này Patàcàrà, con chớ bận tâm đau khổ về những việc đã xảy ra. Nước mắt của con đã chảy ra để khóc cho người Cha, cho người Mẹ, cho người chồng, cho con cái, và cho các anh chị em, qua bao kiếp sống luân hồi, thì so ra còn nhiều hơn nước của bốn biển.

*Nước trong bốn biển có bao nhiêu ?
Nước mắt so ra mới thật nhiều !
Trong cõi nhân gian đầy khổ lụy,
Sao còn lo đến thả xuôi chiều !*

Và này Patàcàrà, đến phút giây lâm chung, cho dù thân thương như tình chồng con, cũng không thể làm chỗ cứu giúp và làm thành chỗ nương tựa ỷ nại được. Chớ có quá đau đớn vì mãi nhớ đến những người thân đã quá vắng, mà ngay hiện tại, bậc Hiền Trí hiểu biết được Chân Lý thì cần phải thu thúc trong Giới Luật, cần phải thanh lọc Tâm Thức cho được thanh tịnh, nỗ lực tu tập, sớm lo quét sạch con đường để được chứng đắc Níp Bàn.

Dứt thời Pháp Thoại, bao nhiêu phiền não nhiều như vi trần phủ khắp cả địa cầu đều được diệt sạch và cô Patàcàrà chứng đắc quả vị Thất Lai, phát nguyện xuất gia thọ Tỳ Khuru Ni Giới, và tu hành rất tinh tấn.

Một hôm nọ, Tỳ Khuru Ni Patàcàrà đi đến bên bờ suối, cầm bình múc nước để rửa chân. Với ba lần xối nước, lần thứ nhất với lượng nước ít thì nước rót xuống và loang ra trên mặt suối ngắn. Lần thứ hai với lượng nước nhiều hơn thì nước loang ra trên mặt suối dài hơn. Lần thứ ba với lượng nước rất nhiều thì nước loang ra trên mặt suối rất dài. Tỳ Khuru Ni Patàcàrà đã lấy nước loang ra làm đề mục để quán sát về tuổi thọ của chúng sanh, ngắn hạn, trung bình và dài lâu. Ngay lúc ấy, Đức Phật ngự nơi Hương Thất, hướng Tâm Lực của Ngài đến Tỳ Khuru Ni Patàcàrà với lời thuyết giảng:

- Này Patàcàrà, Tâm của con đang đi đứng Chánh Đạo và nhận thức được đặc tướng Vô Thường, Vô Ngã và Bất Toại Nguyên của Thân Tâm Ngũ Uẩn. Với ai cho dù sống cả trăm năm mà bất liễu tri sự sanh diệt của Thân Tâm Ngũ Uẩn thì không bằng với người chỉ sống có một ngày mà liễu tri được Pháp Sanh Diệt.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Ai sống một trăm năm,
Không thấy Pháp Sinh Diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được Pháp Sinh Diệt.
(P.C. 113)*

Cuối thời Pháp Thoại, Tỳ Khuru Ni Patàcàrà đã chứng đắc Quả vị Vô Sinh cùng với Tứ Tuệ Phân Tích.

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khuru Ni Patàcàrà, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Thật sự rất ít người được chuẩn bị sẵn sàng để chết. Người ta đều muốn được sống, và sống lâu hơn nữa. Khoa học hiện tại đang làm cho ảo mộng đó có khả năng thể hiện nhiều hơn. Lòng ham muốn về cuộc đời càng ngày càng tăng nhiều được vui nhẹ đi, nếu người ta đã tin rằng đời sống này chỉ là một đời sống trong một chuỗi dài của đời sống tiếp nối

nhau. Có rất nhiều đời sống thích ứng cho những ai tham muốn sống và công việc được khởi đầu trong đời sống này không cần phải nóng nảy đi nhanh đến kết thúc mà có thể tiếp tục làm trong những đời sống kế tiếp. Những khổ đau thật sự của sự chết hẳn là rất nhiều và không phải mọi người đều trải qua những nỗi thống khổ về vật lý. Còn có một nỗi sầu khổ về thể loại khác, đó là sự bức xúc kinh khiếp đặt trên tâm lý của người mà cơ thể đang chết, đang chống lại với ý muốn của người ấy. Đây quả thật là bằng chứng cuối cùng, chứng tỏ rằng cơ thể này ***không phải là của tôi, vì nếu nó là của tôi thì tôi có thể làm bất cứ điều gì mà tôi muốn về nó.*** Vào lúc chết, cho dù người ta có muốn sự sống vẫn được tiếp tục, thì sự sống vẫn cứ ra đi và cái chết vẫn phải đến. Người ta đã không làm gì được về điều ấy. Nếu sự chết đi đến, mà chưa có sự chuẩn bị sẵn sàng thì vào lúc cơ thể đang chết, người ta sẽ chứng nghiệm một sự bất an đầy hãi hùng, kết quả của sự việc đã nhận lầm cơ thể này là ***của tôi.***

Tiếp theo lời tuyên bố của Đức Phật về đau khổ, là với vài từ ngữ khác nữa, đã thật sự mở rộng lời dạy trên, như là: ***sầu muộn, bi ai, đau đớn thể xác, phiền não tinh thần, chán ngán (đều) là khổ.***

Những từ ngữ đã rõ ràng, không cần phải nói đến thêm sự việc. Đức Phật đã nói nhiều về các sự kiện trên, là để chỉ rõ cái khuynh hướng phổ thông của con người, là cứ quay mặt đi mà không muốn nhìn tới những sự việc như thế, là cứ dùng con mắt mù, cái tai điếc khi các đối tượng vẫn hiện bày, báo cho biết những hiểm nguy của đời sống. Những thái độ ấy, bất hạnh thay, không thể loại bỏ được những nguồn khổ đau. Tuy nhiên, với người Phật Tử sáng suốt, tất cả những kinh nghiệm này, từ bên trong hay bên ngoài, đều được hiểu như là ***“những vị Thiên Sứ”***. Đó là những trăm triệu hữu ích cho người Phật Tử để thực hành Phật Pháp.

*Cho dù sống cả trăm năm,
Không thấy Sanh Diệt, thân tâm Vô Thường.
Không bằng sống trọn một ngày,
Liễu tri Chánh Pháp, Vô Thường Diệt Sanh.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 114: Sống ngắn ngủi mà có suy nghĩ hơn là sống lâu dài mà thiếu tư duy.

*Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.*

(P.C. 114)

And if anyone were to live for one hundred years, not seeing the place which is death – free, living for one day would be better for him seeing the place which is death – free (P. C. 114).

Mieux vaut vivre un seul jour et voir l’immortalité, que cent ans sans jamais la voir (P. C. 114).

Dịch nghĩa: Và nếu một ai sống cả trăm năm, mà không chứng ngộ được Trạng Thái Bất Diệt, thì tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày đời sống của người đã được chứng ngộ (P. C. 114).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khưu Ni Kisàgotamì.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, trong thành Xá Vệ, có ông Bá Hộ vốn có rất nhiều tài sản vàng ròng, nhưng bỗng chốc, tất cả số vàng ròng lại hóa thành than đen. Thấy vậy, ông Bá Hộ lấy làm phiền muộn, bỏ cả ăn uống nằm rũ liệt trên giường. Một hôm, có một người bạn thân đến thăm viếng và sau khi được biết rõ sự việc của ông Bá Hộ, liền có lời khuyên và chỉ dẫn:

- Này bạn, bạn hãy đích thân ra ngoài chợ, trải tấm chiếu ra và đổ tất cả những than đen này lên. Sau đó, bạn cứ ngồi chờ đợi cho đến khi có người nào đến nhận ra những than đen này là vàng ròng, người đó nếu là con gái thì bạn hãy cưới về cho con trai của bạn và trao hết tài sản này cho cô dâu trọn quyền xuất phát. Nếu là người nam thì bạn hãy rước về gả con gái cho anh ta, và cũng trao hết tài sản này cho chàng rể trọn quyền xuất phát.

Ông Bá Hộ rất mừng rỡ, vội đi thực hiện theo lời chỉ dẫn của người bạn. Sáng hôm sau, Bá Hộ đi ra ngoài chợ, đem tất cả những than đen ra đổ trên một tấm chiếu và ngồi chờ đợi bậc Quý Nhân đến. Khi ấy, có một cô gái tên là Kisagotamì, vì có thân hình mảnh khảnh (**Kisa**: ốm yếu) vốn là con gái của một gia tộc khá giả, đi đến và nhìn thấy toàn là vàng ròng ở trên tấm chiếu của ông Bá Hộ, liền vấn hỏi:

- Này bác ơi ! Người ta thì bán những loại như đường, vải, mật ong, v.v. Còn bác sao lại ngồi đây mà bán vàng ròng như vậy, thưa bác ?

- Cháu ơi, vàng ròng ở đâu ?

- Vậy bác không lấy vàng ròng ra ngồi đây để bán hay sao ?

- Vậy cháu hãy đem lại cho bác một nắm để xem như thế nào ?

Cô Kisagotamì liền hốt lấy một bụm than đen và đặt vào bàn tay của Bá Hộ, thì than đen liền hóa ra thành vàng ròng. Nhận biết được cô gái này là bậc Quý Nhân, Bá Hộ liền tìm hiểu gia phả, địa chỉ và hoàn cảnh thân thế của cô Kisagotamì. Sau đó, Bá Hộ đã cho người đến xin hỏi cưới cô Kisagotamì về cho người con trai và trao hết tài sản cho cô dâu này. Tức thời, tất cả những tài sản đã biến thành than đen đều hoàn trở lại là vàng ròng như trước kia.

Một thời gian sau, cô Kisagotamì có mang thai và hạ sanh ra bé trai. Tuy nhiên, không được lâu dài, khi vừa biết đi chập chững, thì bé trai này ngã bệnh và chết đi. Vì chưa từng chứng kiến hiện tượng này, cô Kisagotamì khóc than sầu khổ, ẵm con trong lòng, và đi khắp mọi nơi, để gặp ai cũng hỏi thuốc cứu mạng sống cho con. Nhiều người đã khuyên bảo, với người đã chết thì không có thuốc nào để cải tử hoàn sinh lại được, tuy nhiên vì quá đau khổ, cô Kisagotamì vẫn không rời xác con thơ. Khi ấy, có một bậc Hiền Trí với lời khuyên bảo cô Kisagotamì, là hãy đi đến Đức Phật để nhận lời chỉ dạy hữu ích. Và tại Kỳ Viên Tự, Đức Phật đã chỉ bảo cô Kisagotamì, hãy đi đến nhà nào mà **chưa có người chết** để xin một ít hạt cải và đem về lại nơi Đức Phật. Bồng xác con trong tay, cô Kisagotamì đi đến từng mỗi nhà, từ đầu làng cho đến cuối làng, để vấn hỏi và được đón nhận câu trả lời là, tất cả đều đã có **người chết trong từng mỗi nhà**. Cuối cùng, cô Kisagotamì đau khổ buồn chán và thất vọng, quay trở lại Chùa, đặt con bên lề đường, vào đánh lễ Đức Phật và nhận lời chỉ dạy:

- Nay Kisagotamì nên biết, cái chết đến với mọi nhà, chẳng phải chỉ có riêng một mình con mới khóc cho cái chết của con mình. Đó là lẽ thường nhiên đối với tất cả chúng sanh. Cái chết đến với mọi chúng sanh, chẳng chừa một ai, bất luận với mọi lứa tuổi, ngay cả trong khi mọi ước muốn về cuộc đời vẫn còn chưa được thỏa mãn hết.

*Người còn tâm ý đắm say,
Con cái cùng với tài vật.
Tử Thần bắt lấy người ấy,
Như lút cuốn trôi làng ngủ.*

Lắng lòng nghe dứt câu kệ của Đức Phật khái thuyết, cô Kisagotamì liễu tri được thực tướng của định luật Vô Thường, Vô Ngã và Bất Toại Nguyên của Thân Tâm Ngũ Uẩn này, vào ngay lúc ấy, cô chứng đắc Quả vị Thất Lai. Sau khi thiêu xác con xong, cô Kisagotamì quay trở lại Chùa, phát nguyện xin xuất gia thọ Tỳ Khuru Ni Giới, và tu hành rất tinh tấn.

Một hôm, nhân ngày lễ Phát Lộ, Tỳ Khuru Ni Kisagotamì ngồi thẩm định vào một ngọn lửa của cây đèn, chập chờn khi tỏ khi mờ, lóe lên rồi vụt tắt, cô khởi tâm nhận xét *“Đời sống của chúng sanh cũng như ngọn đèn, cứ sanh diệt diệt sanh mãi, khởi lên rồi đột*

ngọt chấm dứt như ngọn lửa kia vậy !”. Cùng lúc ấy, Đức Phật ngự nơi Hương Thất, hướng Tâm Lực của Ngài đến Tỳ Khuru Ni Kisagotamì với lời thuyết giảng:

- Này Kisagotamì, Tâm của con đang đi đúng Chánh Đạo, hãy tiếp tục quán sát thâm sâu về đặc tướng Vô Thường của kiếp nhân sinh. Với ai cho dù sống cả trăm năm mà bất tịnh tín nơi Níp Bàn, thì không bằng với người chỉ sống một ngày mà có tịnh tín nơi Níp Bàn.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.*

(P.C. 114)

Cuối thời Pháp Thoại, Tỳ Khuru Ni Kisagotamì chứng đắc Quả vị Vô Sinh cùng với Tứ Tuệ Phân Tích.

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khuru Ni Kisagotamì, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Mọi khổ đau ở trong thế gian này sẽ không còn cần thiết để có được kinh nghiệm một khi con người từ bỏ được Ái Dục và Vô Minh. Vì Ái Dục và Vô Minh, là những vấn đề trọng đại của mặt tinh thần, đã được nuôi dưỡng trong vô lượng kiếp quá khứ, đã làm cho tăng trưởng lớn mạnh theo thời gian, và đến hiện tại, vẫn tiếp tục phát triển do bởi nhiều tham muốn của con người. Do đó, Đức Phật đã vạch ra một Con Đường trực nhập vào vùng sâu thẳm của nội tâm chúng sanh. Một Con Đường được dẫn dắt liên tục nhờ vào sự thanh tịnh qua việc thọ trì Giới Luật, tỉnh lặng Tâm Thức qua việc tu tập Thiền Định, và giải thoát hoàn toàn khỏi những trói buộc của Vô Minh và Ái Dục, nhờ vào Tuệ Giác.

Với những Phàm Nhân khó chứng đạt sự giác ngộ về Vô Thường và Khổ Đau, là do bởi Vô Minh và sự thúc đẩy của Ái Dục. Với con người, vì Vô Minh và Ái Dục, nên thường tin rằng con người, tài vật, trú xứ và hoàn cảnh, luôn mãi thường hằng, và có thể cho con người có được hạnh phúc chân thật. Tuy nhiên, Đức Phật chỉ dạy người Phật Tử chớ có nỗ lực lẫn tránh việc nhận diện thực tướng Khổ Đau và Vô Thường, mà cần phải vun trồng kiến thức để được liễu tri về điều đó, để được đúng thời đi đến nhận thức và chú tâm trọn vẹn vào bản chất thật sự của Khổ Đau. Vì lẽ, con người đã bị tác động bởi Ái Dục, và sau khi trau dồi nhận thức về Khổ Đau, con người sẽ hiểu được rằng, chính do Ái Dục, Khổ Đau đã khởi sinh duyên theo từ nơi đó như thế nào. Tức là, ở đâu có Ái Dục, ở đó có Khổ Đau.

Thế nhận được như thế, con người sẽ từ bỏ được ngay cả những tư tưởng đã bám rễ

sâu xa mong được cái thường hằng và hạnh phúc bằng những Con Đường sai lạc. Và như thế, Đức Phật dạy rằng “*chúng sanh nên nhận thức rằng các Pháp Hữu Vi là Vô Thường và Khổ Đau*”.

*Sống trăm năm có ích gì,
Bất tri Bất Tử, bất tri Níp Bàn,
Không bằng giây lát vẹn toàn,
Liễu tri Bất Tử, Níp Bàn Vô Sinh.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 115: Một ngày được liễu tri Giáo Pháp còn quý hơn sống cả trăm năm mà bất liễu tri.

*Ai sống một trăm năm,
Không thấy Pháp Tối Thượng,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được Pháp Tối Thượng.
(P.C. 115)*

And if anyone were to live one hundred years, not seeing the highest doctrine, living for one day would better for him seeing the highest doctrine (P. C. 115).

Mieux vaut vivre un seul jour et voir la Loi sublime, que cent ans sans jamais la voir (P. C. 115).

Dịch nghĩa: Và nếu một ai sống cả trăm năm, mà không thấy được Chân Lý Tối Thượng, thì tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày đời sống của người đã được thấy Chân Lý Tối Thượng (P. C. 115).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khuru Ni Bahuputtikà.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, trong thành Xá Vệ có một gia đình rất giàu có, sanh được bảy người con trai và bảy người con gái. Khi đến tuổi trưởng thành, tất cả đều yên bề gia thất. Tuy đã ra riêng, nhưng tất cả cũng sống hạnh phúc và an lành. Một thời gian sau, người Cha của gia đình mất phần, và người Mẹ sống một mình trong gia sản to lớn, không có ý nghĩ là phải

phân chia tài sản cho các con. Tuy nhiên, tất cả các người con đều theo năn nỉ người Mẹ nên phân chia tài sản đến con cái để có thời gian hưởng sự an tịnh tuổi già. Sau một thời gian làm thính, nhưng cuối cùng thì người Mẹ nghĩ suy là *“Các con trai sẽ phụng dưỡng ta, vậy ta còn giữ gìn tài sản làm của riêng chi nữa !”*.

Thế rồi, người Mẹ cho hội các con lại và phân chia hết tất cả di sản của người Chồng đã để lại, đến tất cả những người con, chẳng còn giữ lại chi cho mình. Từ đó, người Mẹ đến ở luân phiên từng mỗi gia đình của những người con này. Cho đến khi, các con dâu và các chàng rể đều nói ra nói vào, với những giọng điệu nặng nhẹ xua đuổi, và cuối cùng đến luôn cả những con gái và con trai của mình cũng có những lời nặng nhẹ tương tự. Người Mẹ buồn tủi trong sự ruồng rẫy, chán ngán cho tình đời đen bạc đổi thay, bà đã đi đến quyết định là vào Chùa, và xuất gia tu hành.

Tự nhủ lòng rằng *“Ta nay đã xuất gia vào lúc cao niên lớn tuổi, cho nên ta cần phải nỗ lực siêng năng tu tập mới phải lẽ đạo”*. Từ đó, vị Tỳ Khuru Ni này chuyên cần tu tập ngày đêm, thọ trì Giới Luật rất nghiêm ngặt, trau dồi Sa Môn Hạnh một cách tinh cần, và chẳng bao lâu, vị Tỳ Khuru Ni này đã thấm nhuần Chánh Pháp. Một đêm, đang tiến tu Sa Môn Pháp trong oai nghi Tọa Thiền, thì ngay lúc ấy, Đức Phật đang ngự nơi Hương Thất, hướng Tâm Lực của Ngài đến Tỳ Khuru Ni Bahuputtikà, với lời thuyết giảng:

- Này Bahuputtikà, với người cho dù sống cả trăm năm mà bất liễu tri đến Chánh Pháp do Như Lai đã khải thuyết, thì cũng chẳng bằng với một người, dù chỉ sống một ngày mà liễu tri tận tường con đường giác ngộ và giải thoát của Như Lai.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Ai sống một trăm năm,
Không thấy Pháp Tối Thượng,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được Pháp Tối Thượng.
(P.C. 115)*

Cuối thời Pháp Thoại, Tỳ Khuru Ni Bahuputtikà chứng đắc Quả vị Vô Sinh cùng với Tứ Tuệ Phân Tích.

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khuru Ni Bahuputtikà, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Một người có thể quyết định dành cuộc đời cho những mục tiêu ích kỷ, Bất Thiện, một hiện hữu suông và trống rỗng. Một người khác có thể quyết định dành cuộc đời của mình nhằm thực hiện các việc Thiện, làm cho những người khác và cho chính họ được hưởng hạnh phúc. Quả thật là, có một tồn tại chứa đựng những khuynh hướng tập quán từ trong

quá khứ và ảnh hưởng tác động đến những con người ấy. Tuy vậy, trong nhiều trường hợp, con người cũng có thể có những quyết định sinh động để uốn nắn cuộc đời của mình theo cách này hay cách nọ. Làm như thế, họ cũng tạo hình thái cho đời sống tương lai của họ, vì lẽ thường nhiên, các hành vi Thiện gia tăng sức mạnh của Thiện trong tâm, do đó, bảo đảm một đời sống tái hiện hạnh phúc. Các hành vi Bất Thiện sẽ chỉ tái tạo đời sống tương lai khốn khổ nếu người ta trợ lực cho một cái Tâm lệch lạc, bệnh hoạn.

Chính con người, nếu muốn, có thể chứng nghiệm Chân Lý Giác Ngộ tối thượng và trở thành như Đức Phật – đây là hạnh phúc tối thượng, vì không phải chỉ chứng đắc sự an tịnh của vị giải thoát ở một con người, mà còn khai thị Đạo Pháp cho rất nhiều người khác do bởi lòng Từ Bi cao thượng.

Người Phật Tử luôn có sự hiểu biết rằng được *sinh ra làm người là một điều vô cùng quý báu, là một cơ hội lớn lao mà không nên để uổng phí.*

*Sống trăm tuổi thọ sẵn dành,
Bất tri Tối Thượng, Vô Sinh Pháp mầu.
Không bằng sống chẳng dài lâu,
Liễu tri Tối Thượng, Pháp mầu Vô Sinh.*

-----00000-----



V / Giáo Án Kinh Pháp Cú - Phẩm thứ chín : Phẩm Ác

Từ ngữ “**Pàpa**” dịch là ác, là hành động xấu, không tốt đẹp của Tâm Bất Thiện - là cái gì làm cho Tâm bị ô nhiễm - là cái gì dẫn dắt ta đến trạng thái khổ đau. Danh từ “tội lỗi” không dịch đúng nghĩa từ ngữ “**Pàpa**” vì Phật giáo không đặt vấn đề thưởng phạt. Hành động nào bắt nguồn từ ba căn Tham (lobha), Sân (dosa), Si (moha) là ác. Có mười loại hành động ác là : sát sanh, trộm cắp, tà dâm (thực hành bằng thân), nói dối, nói đâm thọc, nói ác ngữ, nói vô ích những nhằm nhí (thực hành bằng lời nói), tham lam, sân hận, tà kiến (thực hành bằng ý).

Phẩm Ác gồm có mười ba câu, nêu lên lợi ích trong việc gìn giữ Tâm cho được thiện lành và nên xa lánh điều ác xấu.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm mười sáu :

Abhittharetha kalyàne	Hãy gấp làm điều lành
papa cittaṃ nivāraye	Ngăn tâm làm điều ác
dandham hi karoto punnam	Ai chậm làm việc lành
pāpasmim ramati mano.	Ý ưa thích việc ác.

Đại ý : Hãy gấp rút làm việc thiện. Hãy chế ngự điều ác trong tâm, vì tâm của người dễ duôi, chậm tạo thiện nghiệp, sẽ ưa thích làm ác. (P. C. 116)

Bẩm tính con người có nhiều loại, cả tốt lẫn xấu. Bẩm tính tốt như thiên về trí thức, sáng suốt (**bodhicarita** - *Tánh Giác*) thông minh; bẩm tính có nhiều đức tin (**sadhicarita** - *Tánh Tín*) có con tim đầy nhiệt thành, nhiệt tâm v. v...

Đó là những bẩm tính cần được phát huy. Nhưng còn có loại bẩm tính mà Đức Phật dạy bảo là phải loại trừ để tạo ra một “tâm địa” trong sáng, là những bẩm tính xấu, không tốt, trói buộc con người vào một nếp sống ích kỷ, đó là lòng tham lam, sân hận, si mê. Chúng ta thường luôn lựa chọn hoặc vui thích với những gì vừa ý hoặc ghét bỏ những gì nghịch lòng. Vừa ý thì luyến ái, bám víu, nhiễm đắm (Tham). Trái ý thì không thỏa mãn, xua đuổi, oán ghét, bực dọc (Sân). Mê mờ, tối tăm nên không phân biệt được cái tốt và cái xấu, nên phải vừa ưa và ghét (Si). Từ đó, đã tạo cho mình biết bao những Ác Nghiệp tai hại.

Vậy, điều tiên quyết là Đức Phật khuyên chúng ta không nên huyên đãi làm các việc

lành. Nên nắm ngay lấy mọi cơ hội để làm các việc Thiện. Những hành động như thế sẽ ảnh hưởng tốt đẹp đến hạnh phúc của chúng ta. Cũng nên vận dụng mọi cố gắng để thanh lọc tâm, mỗi khi nó ve vãn các điều ác. Tâm ô nhiễm sẽ thỏa thích trong tư tưởng xấu.

Pàpam ce puriso kayirà	Nếu người làm điều ác
natam kayirà punappunam	Chớ tiếp tục làm thêm
natamhi chandam kayiràtha	Chớ ước muốn điều ác
dukkho pàpassa uccayo	Chứa ác, tất chịu khổ

Đại ý : Nếu người kia làm điều ác, người ấy không nên lặp đi lặp lại, không nên thỏa thích trong việc ác : tích ác tức thọ khổ. (P. C. 117)

Chúng ta cần phải thấy rõ là cố gắng gạt bỏ những “chướng ngại triền cái” che lấp nhận thức đối với ngoại cảnh; qua đó chúng ta thấy Đức Phật đã khuyên chúng ta là phải hết sức xem trọng cuộc sống nội tâm, chỉ dạy chúng ta phải gột rửa cả tâm trí chúng ta cho sạch hết những bụi bặm dày đặc mà dục vọng đã tạo ra, loại bỏ được tất cả những gì là chướng ngại, là tiêu cực, là trói buộc trên con đường “giải thoát”, xây dựng được một nếp sống chân chánh cao đẹp của những người biết bỏ ác làm thiện, tạo lập một trạng thái tinh thần thanh tịnh, an lạc, an nhiên tự tại.

Vàñiyo’va bhayam maggam	Ít bạn đường, nhiều của
appasattho mahaddhano	Người buôn tránh đường hiểm
viṣam jīvitukāmo’va	Muốn sống, tránh thuốc độc
pāpaṇi parivajjaye	Hãy tránh ác như vậy.

Đại ý : Như người đi buôn - mang theo nhiều tiền của mà ít bạn đồng hành - tránh con đường nguy hiểm, như người muốn sống tránh thuốc độc, cùng thế ấy, ta phải lánh xa điều ác. (P. C. 123)

Hãy tránh xa điều ác, như chúng ta lánh xa một con đường nguy hiểm - Không nên xem thường điều ác.

Pāpo’pi passati bhadram	Người ác thấy là hiền
yāva pāpam na paccati	Khi ác chưa chín mùi
yadā ca paccati pāpam	Khi ác nghiệp chín mùi
atha pāpo pāpaṇi passati	Người ác mới thấy ác.

Đại ý : Người làm ác có thể gặp lành, ngày nào mà quả dữ chưa trở. Nhưng, khi quả

trở, chừng ấy họ mới thấy hậu quả tai hại. (P. C. 119)

Bhadro'pi passati pàpam	Người hiền thấy là ác
Yàva bhadram na paccati	Khi thiện chưa chín mùi
yadà ca paccati bhadram	Khi thiện được chín mùi
atha bhadro bhadràni passati	Người hiền thấy là thiện.

Đại ý : Người hành thiện có thể gặp dữ, ngày nào mà quả lành chưa trở. Nhưng, khi quả trở, chừng ấy người hành thiện sẽ gặt quả phúc. (P. C. 120)

Một khía cạnh khác, Đức Phật chỉ dạy một cách hết sức tế nhị cho chúng ta phải biết bình tĩnh nhận thức giữa các điều Thiện - Ác và những con người đã tạo ra việc Thiện và Ác - Đức Phật khuyên chúng ta không vội dao động giữa những sự kiện người ác mà gặp các việc lành, còn người Thiện lại luôn gặp các điều không may. Khi đã hội túc duyên khởi thì tất cả đều phải gặt hái tương xứng với những việc đã làm, không sai chạy.

Một người xấu xa hư hèn có thể sống dồi dào phong phú nhờ hành động tốt trong quá khứ. Người ấy đang thọ hưởng hạnh phúc nhờ tiềm năng của nghiệp lành trong quá khứ hãy còn mạnh, mạnh hơn, đang thắng thế, và đàn áp nghiệp hiện tại. Do đó lắm lúc ta thấy hình như có sự bất công trên thế gian - người ác được may mắn. Nhưng một khi mà quả dữ hội đủ duyên kỳ để trở sanh, theo định luật nghiệp báo dĩ nhiên phải có, chừng ấy người làm ác sẽ gặp quả khổ đau do hành động bất thiện của mình trong quá khứ.

Cũng nhiều khi người đạo đức hiền lương lại gặp phải hoạn nạn khốn cùng vì tiềm năng của nghiệp Ác trong quá khứ hãy còn mạnh, mạnh hơn, thắng thế và đàn áp nghiệp lành hiện tại. Người ấy chỉ rõ biết được hiệu năng của hành động Thiện của mình, khi mà, đúng lúc, sẽ trở quả và đem lại hạnh phúc phong phú dồi dào.

Chính sự kiện có việc trái ngược trong đời - người xấu xa hư hèn được dồi dào phong phú, còn người đạo đức hiền lương lại phải gặp hoạn nạn khốn cùng - là một biện minh vững chắc cho niềm tin vào nghiệp báo và tái sanh.

Với người hiền lương, ôn hòa, chúng ta không nên làm tổn hại người ấy. Chính việc gây tổn hại đến người ấy, Đức Phật nói rằng đó là việc ác.

Yo appadutthassa narassa dussati	Hại người không ác tâm
suddhassa passassa ananganassa	Người thanh tịnh, không uế
tam eva bàlam pacceti pàpam	Tội ác đến kẻ ngu

sukhumo rajo pativàtam'va khitto Như ngược gió tung bụi.

Đại ý : Kẻ nào xâm phạm người ôn hòa, trong sạch, và vô tội quả dữ sẽ dội trở lại kẻ cuồng dại ấy, như tung cát bụi ngược chiều gió, cát bụi sẽ bay trở vào mắt. (P. C. 125)

Cổ nhân chúng ta có câu *“ngậm máu phun người, miệng mình dơ trước”*.

Cũng như người kia ngửa mặt, phun nước miếng lên trời. Nước miếng hẳn không làm dơ trời mà chỉ rơi trở lại người ấy.

Quả ác sẽ đến với những người có tâm ác, hành hung gây đau khổ với người hiền lương, ôn hoà.

Na antalikkhe na samuddamajjhe	Không trên trời, dưới biển
na pabbatànam vivaram pavissa	Không lánh vào động núi
na vijjati so jagatippadeso	Không chỗ nào trên đời
yatthatthito munccya pàpakammà	Trốn được quả ác nghiệp.

Đại ý : Không phải trên trời, giữa biển hay trong hang núi mà người tạo nghiệp ác có thể tìm được nơi nào trên thế gian để lẩn trốn (hậu quả) của hành động Bất Thiện. (P. C. 127)

Đức Phật nói rằng chính ta tạo ra hành động và cũng chính ta cũng gặt hái lấy kết quả của hành động ấy một cách tương xứng thích hợp.

Theo đúng giáo lý của Đức Phật, không thể van lơn cầu cạnh, hay hối lộ, hoặc gian lận bằng cách nào mà ta thay đổi được định luật nhân quả, cũng không thể lẩn trốn nơi nào trên thế gian, dầu trên trời rộng mênh mông, giữa đại dương sâu thẳm, hoặc ở thâm sơn cùng cốc mà ta tránh khỏi hậu quả của Ác Nghiệp đã tạo. Không có vị Trời nào, chí đến Đức Phật đi nữa, cũng không có thể can thiệp vào sự báo ứng của Nghiệp Báo.

-----00000-----

Tích Truyện và Lời Chú Giải

Phẩm Thứ Chín: PHẨM ÁC (PÀPA VAGGA).

Câu kệ thứ 116: Hãy gấp rút làm việc Thiện và mau mau diệt tắt điều ác.

*Hãy gấp làm điều lành,
Ngăn tâm làm điều ác,
Ai chậm làm việc lành,
Ý ưa thích việc ác.
(P.C. 116)*

*One should make haste in doing good, one should restrain one's thought from evil.
For of one performing merit slowly the mind delights in evil (P. C. 116).*

*Hâte – toi de faire le bien, garde ton esprit du mal, à tarder à s'engager dans le bien,
on se complait dans le mal (P. C. 116).*

Dịch nghĩa: Hãy gấp rút làm việc Thiện. Hãy chế ngự điều Ác trong Tâm, vì Tâm của người dể dôi, chậm tạo Thiện Nghiệp, sẽ ưa thích làm việc Ác (P. C. 116).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến vợ chồng Bà La Môn nghèo khổ, chỉ có một áo để mặc.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, trong thành Xá Vệ, có một đôi vợ chồng người Bà La Môn rất nghèo khổ. Người chồng có tên là Cùlekasātaka, và cả hai vợ chồng này chỉ có một cái áo choàng bên ngoài mà thôi. Hai người thay phiên nhau xài chung cái áo choàng này, để đắp lên mình, mỗi khi đi ra khỏi nhà. Cả hai rất mến mộ Đạo, thường xuyên đến Kỳ Viên Tự để được Thính Pháp, với ban ngày thì người vợ mặc áo đến Chùa, và ban đêm thì tới phiên của người chồng đi nghe giảng Giáo Pháp. Một đêm kia, đi đến ngồi trước mặt của Đức Phật và chăm chú lắng nghe luồng Giáo Pháp đang tuôn chảy, người chồng cảm thấy một niềm vui sướng vô biên, năm phỉ lạc phát khởi thấm đều khắp cả châu thân, và muốn phát tâm cúng dường mảnh áo đang choàng bên ngoài đến Đức Phật. Nhưng người chồng lại nghĩ đến vợ ở nhà, ngày mai chẳng có áo đi ra ngoài, nên dừng lại ý nghĩ muốn cúng dường mảnh áo. Tuy nhiên, cùng lúc ấy, hàng ngàn cái Tâm bôn xén khởi sanh, và lại có hàng ngàn cái Tâm Tín thành khởi sanh xen kẻ. Trận giặc lòng kéo dài suốt một canh đầu, “*Ta sẽ cúng dường, Ta không thể cúng dường*” người chồng cứ phân vân ở giữa hai ý tưởng như thế.

Vào đến nửa đêm, vẫn tiếp tục ngồi nghe giảng Giáo Pháp, cuộc nội chiến vẫn tiếp diễn, và người chồng không thể cúng dường mảnh áo. Và vào đến canh chót, khi trời bắt đầu hừng sáng, người chồng suy nghĩ “*Tín Tâm và Bỏ Xén Tâm của ta đã chiến đấu với*

nhau suốt cả hai canh qua, mà Tín Tâm vẫn không thể nào chiến thắng. Bây giờ, với bao nhiêu Bón Xén Tâm này đã không làm cho ta được tiến hóa, thì ta có thể bị sa đọa vào Tứ Ác Đạo. Vậy ta phải quyết dâng cúng mảnh áo choàng này !". Với ý định cúng dường trở nên mạnh mẽ, người chồng liền cởi mảnh áo ra và đem đặt dưới chân của Đức Phật, cùng lúc ấy thốt to lên ba lần *"Ta đã chiến thắng, Ta đã chiến thắng, Ta đã chiến thắng"*.

Ngay khi ấy, trong hàng Thính Chúng, có Vua Pasenadi đang ngồi Thính Pháp, được nghe tiếng hô to như vậy, mới sai viên quan hầu cận, đến tìm hiểu câu chuyện này ra sao. Sau khi được người chồng đem hết tâm sự của mình ra bày tỏ, cả hai vợ chồng chỉ có một mảnh áo duy nhất mà nay đã đem cúng dường đến Đức Phật, Vua Pasenadi hết sức ngợi khen về việc rất khó làm kia, nên truyền quan hầu cận mang một tấm vải tốt đến tặng vị Bà La Môn nghèo này, nhưng ông lại đem dâng lên Đức Phật. Vua được thấy Thiện Hạnh do người chồng thực hiện, lại ban tặng thêm hai tấm vải mới, anh ta lại cũng dâng cúng đến Đức Phật. Vua Pasenadi lại ban tặng bốn tấm nữa, cứ mỗi lần tăng số tấm vải lên gấp đôi, và cho đến lúc được ba mươi hai tấm vải, người chồng mới chịu nhận lãnh hai tấm vải, còn ba mươi tám tấm vải còn lại đều cúng dường đến Đức Phật.

Vua Pasenadi bèn truyền lệnh vị quan hầu cận về lại Hoàng Cung chọn hai tấm vải gấm thật đẹp, và ban tặng cho người chồng. Vị Bà La Môn này tự nghĩ *"Những vải gấm này quả thật không thích hợp với ta, mà chỉ thích hợp với Đức Phật và Giáo Pháp của Ngài"*. Dứt dòng suy nghĩ, người chồng liền cầm một tấm vải gấm đi đến Hương Thất của Đức Phật và trải lên chỗ nằm nghỉ của Ngài. Tấm vải gấm còn lại thì được treo lên chỗ Chư Tăng thường xuyên thọ thực. Một hôm, Vua Pasenadi đến viếng thăm Đức Phật, nhìn thấy những vải gấm của mình được đem dùng vào những việc hữu ích, liền phát khởi sự cảm kích và liền ra lệnh tặng thưởng cho vị Bà La Môn rất nồng hậu. Số tặng phẩm gồm có bảy thứ, mỗi thứ gồm có bốn, đó là: bốn voi, bốn ngựa, bốn nữ nô lệ, bốn nam nô lệ, bốn cậu trai nhỏ để sai vặt, bốn làng nộp thuế, và bốn ngàn đồng vàng.

Chư Tăng nghe thấy sự việc như thế, đem câu chuyện ra luận bàn tại Giảng Đường, và được Đức Phật giải thích cho Chư Tăng được thấu hiểu:

- Nay Chư Tỳ Khru, nếu vị Bà La Môn cúng dường mảnh áo choàng vào đầu hôm thì sẽ được thọ hưởng bảy thứ với mọi thứ có số lượng là mười sáu. Nếu vị này cúng dường mảnh áo choàng vào canh giữa thì sẽ được thọ hưởng bảy thứ với mọi thứ có số lượng là tám. Vì người Bà La Môn này đã trì hườn để đến canh cuối, mới đem cúng dường, do vậy chỉ được thọ hưởng bảy thứ với mọi thứ có số lượng là bốn. Như thế cho nên, nay Chư Tỳ Khru, khi phát tâm xả thí cúng dường, hãy nên hăng hái thực hiện liền ngay, không nên đắn đo lượng lự. Làm việc Thiện mà chậm trễ thì quả Phước Báo phát sanh cũng chậm trễ, và không nên bỏ lỡ cơ hội, vì Tâm ý thường quen hướng theo việc Bất Thiện.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Hãy gấp làm điều lành,
Ngăn tâm làm điều ác,
Ai chậm làm việc lành,
Ý ưa thích việc ác.
(P.C. 116)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến vợ chồng Bà La Môn nghèo khổ, chỉ có một áo, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Xuyên qua nhiều kiếp sống, lòng mong muốn của tất cả con người là mong được thoát ra khỏi Khổ Đau, lánh xa Phiền Nã, và nỗ lực tạo ra những hoàn cảnh hữu hạnh. Tuy nhiên, nhiều người vì không am hiểu đường lối chân chánh để thành tựu, mà chỉ đi tìm hạnh phúc trong những thú vui của Ngũ Dục Lạc và lợi dưỡng để thỏa mãn cá tánh vị kỷ. Nhiều người không nhận chân để hiểu biết rằng, trong khi khao khát mưu cầu những cảm giác tạo ra hạnh phúc, thì họ chỉ thật sự đem lại cho chính mình sự đau khổ. Con người có thể thỏa thích thụ hưởng một niềm vui trong khoảnh khắc mà ngay khi nó đang còn tồn tại, nhưng lắm khi ngay sau đó, đủ loại hối tiếc có thể làm hư hỏng tất cả, chí đến một kỷ niệm tốt đẹp đã được có trước kia. Và nơi nào có Tham tất cũng có Sân. Cả hai hiện tượng này đã bị sự Si Mê dẫn dắt. Như vậy, để đuổi khao khát là phương cách đem lại cho chính mình biết bao điều bất hạnh, thay vì đem lại một niềm hạnh phúc, mà con người tha thiết mong mỏi và đã gia công tìm kiếm.

Trái lại, điều hạnh phúc chỉ có thể đến với người tinh tấn tích cực tạo việc Thiện. Một người cảm thấy mình nghèo đói nên đã quyết tâm xả thí cho ra. Một người khao khát sự thành công của người khác nên đã nỗ lực trau dồi Tâm Tùy Hỷ với người. Và hơn thế nữa, vì nhận thấy mình còn nhiều mê muội, một người đã cố gắng phát triển Trí Tuệ. Những người như thế, sẽ thực sự thành đạt hạnh phúc, không phải một loại hạnh phúc lệ thuộc vào hoàn cảnh vui buồn tùy hứng của thế gian, mà là một niềm hạnh phúc thật bền vững hơn hết.

Người Phật Tử vượt ra khỏi những thú vui tạm bợ và mỏng manh mà xã hội nhân loại đang tán dương và ca tụng, đó là những ai đã có thực hành, đều có được sự hiểu biết rằng con đường hạnh phúc phải trải dài xuyên qua khu rừng Phược Báu.

*Hãy gấp tạo tác việc lành,
Lại mau diệt tắt Ác Hạnh khởi sanh.
Việc ác khởi phát rất nhanh,
Chậm làm việc Thiện, Khổ sanh luân hồi.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 117: Không nên lặp đi lặp lại điều ác đã làm.

*Nếu người làm điều ác,
Chớ tiếp tục làm thêm.
Chớ ước muốn điều ác,
Chừa ác, tất chịu khổ.
(P.C. 117)*

If a man were to do evil, he should not do it again and again. He should not set his heart on it. The accumulation of misery is sorrowful (P. C. 117).

Le mal une fois commis, il faut se garder de le refaire et d'y prendre gout. Accumuler le mal est souffrance (P. C. 117).

Dịch nghĩa: Nếu một người đã làm điều xấu ác, người ấy không nên lặp đi lặp lại trong việc tạo ác. Người ấy không nên thỏa thích trong việc xấu ác. Sự tích lũy điều ác sẽ thọ khổ đau (P. C. 117).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Tỳ Khuru Seyyasaka tạo việc xấu ác.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một vị Tỳ Khuru có tên là Seyyasaka, là người đệ tử của Trưởng Lão Loludayi. Mỗi khi người đệ tử khởi Tâm buồn bực không vui, vì không chiến thắng được trận giặc tình dục, và đã đi đến phát lộ tâm trạng của mình với người Thầy, thì thường được đón nhận lời xúi dục việc thủ dâm, tương tự như người Thầy đã từng làm. Chư Tăng biết được việc này và đã đem trình lên Đức Phật. Được biết rõ sự việc, Đức Phật đã quả trách rất nặng Tỳ Khuru Seyyasaka, với lời giáo giới rằng “*Tật xấu thủ dâm này sẽ dắt dẫn người tu sĩ rời xa khỏi con đường chứng đắc Đạo Quả Níp Bàn, và quả thật với Nghiệp xấu ác, ngay trong kiếp hiện tại và ngày vị lai, dắt dẫn người tạo việc xấu ác này vào vòng khổ não luân hồi*”.

Sau đó, Đức Phật đã ban hành điều học trong phần Giới Luật, nghiêm cấm tất cả các hành vi có liên quan đến tình dục, với điều học thứ nhất thuộc Luật Tăng Tàn. Đức Phật có lời dạy bảo Chư Tỳ Khuru:

- Này Chư Tỳ Khuru, người vi phạm về điều Giới Luật này, chẳng những phải bị thọ hình phạt cấm phòng, sẽ bị trục xuất ra khỏi Tăng Đoàn ngay trong kiếp hiện tại, và còn bị sa đọa vào Tứ Ác Đạo trong ngày vị lai.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Nếu người làm điều ác,
Chớ tiếp tục làm thêm.
Chớ ước muốn điều ác,
Chứa ác, tất chịu khổ.
(P.C. 117)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Tỳ Khuru Seyyasaka tạo việc xấu ác, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Giáo huấn mà Đức Phật đã truyền dạy, vẫn còn được tồn tại và thực hành mãi cho đến ngày nay, bao gồm cả hai, đó là Pháp (**Dhamma**) và Luật (**Vinaya**). Đứng về phương diện của Phật Giáo, quả thật không thể nào quan niệm về điều này có mà không có điều kia. Dạy **Giáo Pháp** mà không có **Giới Luật** thì không khác nào dạy suông một Giáo Lý mà không mở cửa, hoặc không hướng dẫn người đệ tử khởi đầu bước vào con đường thực hành. Một đàng khác, **Giới Luật** mà không có **Giáo Pháp** thì chỉ là một nghi thức trống rỗng, một quy phạm không đem lại lợi lạc hoặc một kết quả hữu hiệu nào. Cả hai phần trong Phật Sự - **Giáo Pháp và Giới Luật** – phải luôn song hành, phải luôn kề vai sát cánh, cho dù trong sự tu tập của người cư sĩ tại gia hoặc của hàng tu sĩ xuất gia.

Người Phật Tử cư sĩ thuần thành tận dụng mọi nỗ lực để nghiêm trì Ngũ Giới và thực hành Giáo Pháp. Cùng thế ấy, vị Tỳ Khuru có phẩm hạnh trong sạch, phải tận lực mọi cố gắng để không vi phạm một trong 227 điều học trong Giới Luật mà chính mình đã long trọng chấp thuận và chú nguyện nghiêm trì trong lúc thọ lễ xuất gia. Đối với người cư sĩ cũng như hàng tu sĩ, sự quan tâm lo lắng để cố gắng giữ gìn Giới Luật trang nghiêm, không để phải rơi vào sự sơ xuất nào, có thể gọi là “*sự thận trọng*”.

Với hai Pháp bảo hộ - **Tàm** (*hồ thẹn*) và **Quý** (*ghê sợ*) – thực sự đã được Đức Phật gọi là “*những vị Thiên Tử bảo vệ thế gian*”. **Hồ Thẹn** được nhận diện khi ta Tự Ngã Giáo Giới vì một hành động xấu ác đã, hoặc sẽ làm và khi cảm thấy **Ghê Sợ** vì phải nghĩ đến hậu quả không tốt mà ta sẽ phải lãnh chịu, do Nghiệp xấu ác đã tạo. Lại nữa - **Thiếu Dục và Tri Túc** – đức tánh cao quý của người xuất gia. Cùng với một yếu tố quan yếu khác của Phạm Hạnh thận trọng và khiêm tốn, đó là **Chánh Niệm**, căn bản hiển nhiên của mọi sự tu tập, của tất cả hàng Phật Tử, cho dù ở mức độ nào. Cho dù ở vị trí phải giữ trong sạch bao nhiêu điều học, phải luôn có **Chánh Niệm** để được thận trọng, để được hay biết việc đang làm, mới mong bảo vệ được Giới Đức. Không cần phải đề cập đến Thân và Ngũ Nghiệp, chí đến việc tạo Nghiệp bằng tư tưởng đi nữa, **Chánh Niệm** cũng hằng giúp ta sự thận trọng và sáng suốt.

Với ai điều Ác đã làm,
 Ngưng ngay hành động, dễ thành thói quen.
 Chẳng mong tạo Ác thường xuyên,
 Ác Hạnh tạo tác, khổ liền noi theo.

-----00000-----

Câu kệ thứ 118: Hãy nên lập đi lập lại việc Thiện đã làm.

Nếu người làm điều Thiện,
 Nên tiếp tục làm thêm.
 Hãy ước muốn điều Thiện,
 Chứa Thiện, được an lạc.
 (P.C. 118)

If a man were to do good, he should do it again and again. He should set his heart on it. The accumulation of good is happy (P. C. 118).

Le bien une fois accompli, il faut chercher à le refaire, en y trouvant son plaisir. Accumuler le bien est bonheur (P. C. 118).

Dịch nghĩa: Nếu một người đã làm điều Thiện, người ấy phải nên lập đi lập lại trong việc tạo Thiện sự. Người ấy nên thỏa thích trong việc tạo Thiện sự. Tích lũy điều Thiện là an lạc (P. C. 118).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khái thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Thiên Nữ Làjà.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, Đại Trưởng Lão Mahà Kassapa trú ngụ tại hang động Pippali, nhập Đại Định của Thiền Diệt trọn bảy ngày. Sau khi xuất khỏi Thiền Diệt, Đại Trưởng Lão dùng Tuệ Nhãn và quán sát chúng sanh hữu duyên để sửa soạn đi khát thực, thì được trông thấy có một phụ nữ giữ ruộng lúa nếp Sàli và đang rang những hạt bắp. Nhận thấy người phụ nữ này, thuộc một gia đình lễ giáo và có đức tin thuần tịnh, hội túc duyên để hưởng được Phước Báo qua việc cúng dường bậc Tôn Đức vừa xuất khỏi Thiền Diệt, do vậy, Đại Trưởng Lão Mahà Kassapa liền rời khỏi hang động, mang bình bát và đi đến đứng gần nơi ruộng lúa Sàli. Vừa trông thấy Đại Trưởng Lão, người phụ nữ phát Tâm tịnh tín, phỉ lạc khắp cả châu thân, liền đem hết tất cả những hạt bắp rang cúng dường bỏ vào bát của Đại

Trưởng Lão Mahà Kassapa, và tiến hành bày tỏ lòng tôn kính, quỳ xuống đánh lễ với lời phát nguyện:

- Kính bạch Ngài, xin cho con được chứng đắc Pháp Vị của Ngài đã chứng đắc ngay trong lúc hiện tại này.

- Mong cho Thí Chủ được thành tựu quả Phước như ý nguyện.

Sau khi cúng dường xong, người phụ nữ đi vòng quanh một gốc cây, để quay trở về cái lều của mình, thì chẳng may, bị một con rắn độc cắn vào chân và cô đã ngã lăn ra chết ngay tại nơi đó. Nhờ Phước Báu vừa cúng dường đến Đại Trưởng Lão Mahà Kassapa, nên cô được hóa sanh về Cõi Đạo Lợi Thiên, ngự vào một Thiên Cung tráng lệ chói sáng và được gọi tên là Thiên Nữ Làjà. Quán xét Phước Báu có được là do nhờ vào việc cúng dường đến Đại Trưởng Lão mà được hưởng như vậy, Thiên Nữ khởi Tâm muốn báo đáp ân sâu đó, và cũng mong muốn được thụ hưởng quả Phước ở Thiên Giới được lâu dài, nên mỗi sáng sớm, đều đến quét dọn, gánh nước đổ đầy lu và làm hết các việc lật vật nơi Đại Trưởng Lão Mahà Kassapa trú ngụ.

Hai ngày đầu, Đại Trưởng Lão thầm nghĩ rằng những sự việc xảy ra ở trong và ngoài nơi tịnh thất của mình là do các vị Sa Di trẻ tuổi đến giúp. Đến ngày thứ ba, Đại Trưởng Lão biết được sự việc xảy ra một cách tường tận, liền có lời giáo giới với Thiên Nữ:

- Này Thiên Nữ ! Người hãy biến mất đi và đừng đến đây để làm những sự việc này nữa, vì e rằng sẽ có những người thiếu hiểu biết khởi lên những lời đàm tiếu thị phi.

Thiên Nữ Làjà nghe thấy Đại Trưởng Lão chẳng cho phép mình được tạo những Thiện Công Đức, liền khóc than với lời cầu khẩn:

- Kính bạch Ngài, xin Ngài đừng ngăn cản những Thiện Hạnh và làm tiêu tan hết những Phước Báu của con. Xin Ngài từ bi ban ân phước cho con được thụ hưởng lâu dài.

Lúc bấy giờ, Đức Phật đang ngự tại Hương Thất, với Tuệ Nhãn nhìn thấy sự việc đang hiện bày như thế, liền hướng Tâm Lực của Ngài đến Thiên Nữ Làjà, với lời thuyết giảng:

- Này Thiên Nữ chớ có khởi sanh Tâm ưu não, với Mahà Kassapa là vị tu hành nghiêm trì Giới Luật, thuần chuyên việc thu thúc Lục Căn, đã suy xét cặn kẽ về sự việc này và có những lời khuyên bảo đến người. Tuy nhiên, nếu người đã làm được việc Thiện, thì hãy nên tiếp tục làm cho thường luôn. Người hãy nên hoan hỷ làm việc Thiện, và tích lũy việc Thiện thì nhất định thụ hưởng sự an lạc.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Nếu người làm điều Thiện,
Nên tiếp tục làm thêm.
Hãy ước muốn điều Thiện,
Chứa Thiện, được an lạc.*

(P.C. 118)

Dứt câu kệ này, Thiên Nữ Làà liền chứng đắc Quả vị Thất Lai.

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Thiên Nữ Làà, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Giáo Pháp của Đức Phật thường luôn dưỡng nuôi và phát triển những Thiện Pháp vốn sẵn có trong người Phật Tử, để cung ứng chất dinh dưỡng cho Tâm Thức. Làm cho Tâm Thức được hoan hỷ duyệt ý và an lạc. Nâng đỡ cho Tâm Thức ở một mức độ đức hạnh khả quan, trau dồi Thiện Pháp, để một khi tách rời thân xác hiện tại và hướng về bất luận nơi nào hoặc cảnh giới nào, thì Tâm Thức đã được dưỡng nuôi trong Thiện Pháp sẽ là một Tâm Thức thiện hảo. Bất luận nơi nào mà Tâm Thức đi đến thì sẽ đến một cách tốt đẹp. Bất luận nơi nào mà Tâm Thức được tái sanh thì sẽ tái sanh một cách an lạc. Tâm Thức sẽ tiếp tục chứng nghiệm trạng thái an vui hạnh phúc cho đến khi tích lũy đầy đủ khả năng, tiềm lực và Phước Báo, để vượt qua khỏi Thế Gian và chứng ngộ sự Giải Thoát.

Khả năng, tiềm lực và Phước Báo phải được tuần tự trau dồi và phát triển từ quá khứ cho đến hiện tại. Hôm qua là quá khứ của ngày hôm nay. Hôm nay là vị lai của ngày hôm qua. Mỗi ngày trong tất cả những ngày quá khứ và hiện tại, người Phật Tử phải gia công dưỡng nuôi và phát triển Thiện Pháp, tuần tự từng bước tiến cho đến khi, nhờ vào sự hỗ trợ của Thiện Pháp, Tâm Thức vững chắc vững mạnh để vượt thoát ra khỏi Thế Gian.

Cái mà được gọi là Phước Báo (*Punna*) không bao giờ phản bội niềm hy vọng và lòng trông đợi của người Phật Tử. Phước Báo lúc nào cũng cung cấp cho người Phật Tử những hoàn cảnh thuận lợi đúng theo Nghiệp Thiện đã tích lũy và những tình trạng an vui hạnh phúc mà toàn thể thế gian đều mong muốn và không một ai cho là quá đủ. Nói một cách khác, điều mà thế gian hằng mong mỏi và muốn được, là tình trạng an lành, bất luận loại an lành nào, và đặc biệt là trạng thái Tâm an lành, phát sanh dần dần từng giai đoạn do nhờ việc đã tạo tác những Thiện Nghiệp cao thượng và thiện hảo.

Phải kiên trì nỗ lực trong xác thân này khi hãy còn hoạt động, bởi vì khi kiếp sống đã đến mức tận cùng thì không thể làm gì được. Bất luận điều gì có thể làm được, thì hãy làm ngay trong kiếp hiện tại này, và rồi sẽ gặt hái phần thưởng của việc làm – trong một ngày vị lai.

*Việc Thiện nếu đã được làm,
Tiếp tục kiên trì, cứ mãi tạo ra.
Ngày đêm tích lũy hằng hà,
An Lạc đưa đến, là xa khổ sầu.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 119 và 120: Một khi quả đã trở sanh thì sẽ biết được việc làm Thiện và hành động xấu ác.

*Người ác thấy là hiền,
Khi ác chưa chín mùi.
Khi Ác Nghiệp chín mùi,
Người ác mới thấy ác
(P.C. 119)*

*Người hiền thấy là ác,
Khi Thiện chưa chín mùi.
Khi Thiện được chín mùi,
Người hiền thấy là thiện.
(P. C. 120)*

Even an evil person sees good as long as his evil does not mature. But when his evil matures, the evil person sees evil (P. C. 119).

Even a good person sees evil as long as his good does not mature. But when his good matures, the good person sees good (P. C. 120).

Tant que le mal n'est pas venu à terme, au malfaisant parfois échoit le bien. Mais quand le mal a muri son fruit, il en voit les néfastes effets (P. C. 119).

Tant que le bien n'est pas venu à terme, à l'homme de bien parfois échoit le mal. Mais quand le bien a muri son fruit, il en voit les effets heureux (P. C. 120).

Dịch nghĩa: Cho dù một người đã làm điều Ác có thể gặp quả thiện lành, ngày nào mà quả xấu ác chưa chín mùi. Nhưng, một khi quả xấu ác chín mùi thì chừng ấy, người làm điều Ác mới thấy điều nguy hại (P. C. 119).

Cho dù một người đã làm việc Thiện có thể gặp quả nguy hại, ngày nào mà quả thiện lành chưa chín mùi. Nhưng, một khi quả thiện lành chín mùi thì chừng ấy, người làm việc Thiện mới thấy điều an lành (P. C. 120).

Hai câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khái thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Trưởng Giả Cấp Cô Độc.

Tích truyện được nói đến như sau:

Vị Thí Chủ quan trọng nhất vào thời Đức Phật còn hiện tiền, là Trưởng Giả Sudatta,

với tấm lòng quảng đại vô lượng vô biên, và có tánh hạnh xả thí cho ra rất rộng rãi, nên người đời đã ban tặng cho Trưởng Giả một danh hiệu là Cấp Cô Độc, với ý nghĩa là “*trợ cấp và nuôi dưỡng những người nghèo khổ, mồ côi, cô đơn*”. Trưởng Giả Cấp Cô Độc rất giàu có, là người đã mua khu vườn của Hoàng Tử Jeta (Kỳ Đà), thành Xá Vệ, để kiến tạo Kỳ Viên Tự và cúng dường đến Đức Phật và Chư Tăng. Là người rất kính mộ Đạo, rất có Tín Tâm, Trưởng Giả Cấp Cô Độc thường cúng dường vật thực vào mỗi buổi sáng đến Chư Tăng, vào buổi trưa thì dâng cúng thuốc men, vật dụng đến ngôi Tam Bảo, và vào buổi chiều thì thường cúng dường những tràng hoa, vật thơm, đến Đức Phật và Chư Tăng. Mỗi ngày, Trưởng Giả Cấp Cô Độc thường xuyên thọ trì Giới Luật rất tinh nghiêm, Thính Pháp và cúng dường, nên chẳng bao lâu, Trưởng Giả đã chứng đắc Quả vị Thất Lai.

Một số người thương buôn cũng đã đến xin vay mượn tiền tài của Trưởng Giả để làm vốn mưu sinh, và vẫn chưa trả lại phần tài chánh đã vay mượn. Một số nhà kho chứa đựng tài sản để ở bên bờ sông của Trưởng Giả, lại bị nước phá vỡ đê, cuốn hết tất cả vào lòng biển cả. Và riêng về bản thân cũng chẳng quan tâm đến việc tính toán để làm giàu thêm, nên chẳng bao lâu sau, tài sản của Trưởng Giả Cấp Cô Độc hao hụt dần và dẫn đến sự khánh kiệt.

Tuy bị sa sút, Trưởng Giả vẫn đề bát cúng dường vật thực đến Chư Tăng như thường lệ, nhưng chỉ là vật thực thông thường, không có được những lễ vật thịnh soạn. Và một hôm, Đức Phật biết được sự việc này, đã khái thuyết Pháp Thoại *Velāma* để khuyến khích và an ủi đến Trưởng Giả Cấp Cô Độc, với nội dung lấy Tâm là điểm chánh yếu, không cần phải bận tâm lo lắng về hình thức tài vật ở bên ngoài.

Vào một đêm, có một Thiên Tử trú ngụ trong nhà đã đến hiện bày trong phòng của Trưởng Giả nói lên lời đề nghị:

- Này Ngài Trưởng Giả, tôi là một vị Thần gác cửa trong nhà của ông, nay đến có những lời cần trình bày đến ông. Bấy lâu nay, tôi thấy Ngài chỉ lo việc cúng dường đến Sa Môn Gotama mà chẳng lo liệu đến gia sản của mình, dẫn đến ngày nay phải bị sa sút khánh kiệt. Ông nên dừng lại việc cúng dường, ngưng việc xả thí, mà hãy chăm lo việc nhà, tôi sẽ giúp cho Ngài phục hồi lại cảnh giàu sang như xưa kia.

Nghe lời nói quá ích kỷ đó, Trưởng Giả Cấp Cô Độc khởi tâm bất duyệt ý, và ra lệnh đuổi vị Thần ra khỏi nhà:

- Hãy đi đi ! Cho dù có đến một trăm hoặc ngàn như người cũng không làm lay chuyển được lòng ta được. Lời nói của người không thích hợp, tại sao người còn trú ngụ trong nhà của ta được ! Người hãy rời khỏi nhà của ta ngay lập tức.

Với lời quyết định của bậc Thánh Thinh Văn Thất Lai, vị Thiên Tử liền biến mất tại chỗ, vội đi đến cầu cứu đến Chư Thiên ra tay giúp đỡ để được trở lại trú tại nhà của Trưởng Giả Cấp Cô Độc. Đi đến cầu cứu với Tứ Đại Thiên Vương cũng không được, vị

Thiên Tử này đi đến Đạo Lợi Thiên, thuật lại câu chuyện đã xảy ra và bày tỏ lòng sám hối đến Thiên Chủ Sakka. Nghe qua sự việc, Thiên Chủ Sakka có lời chỉ bảo:

- Ta không thể nói lời nào với Trưởng Giả được. Tuy nhiên, Ta chỉ dạy cho người một cách để chuộc lại lỗi lầm này. Hiện nay, có một số người thương buôn vẫn chưa trả nợ của Trưởng Giả, có một số tài sản của Trưởng Giả đã bị chìm dưới lòng biển cả, và tổ tiên của Trưởng Giả đã chôn dấu một số tài sản rất lớn trong khu vườn, và không có một ai biết được chỗ chôn dấu. Vậy người hãy đem hết cả Tâm Trí và Thần Lực ra, để thâm thập lại tất cả những tài sản này, đem đổ vào trong nhà kho của Trưởng Giả, và sau cùng, người hãy đến sám hối với Trưởng Giả, xin được tha tội.

Vị Thiên Tử đã làm đúng theo lời chỉ dạy của Thiên Chủ Sakka. Trưởng Giả Cấp Cô Độc hoan hỷ niệm thứ vị Thiên Tử, và đã cùng với vị Thiên Tử này đi đến yết kiến Đức

Phật. Sau khi thuật lại câu chuyện, Thiên Tử quỳ xuống tác bạch:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con vì si mê mù quáng, nên đã có lời quấy ác xúc phạm đến Đức Thế Tôn, kính xin Ngài tha tội cho con.

Ngay khi đó, Đức Phật có lời huân từ đến Trưởng Giả và Thiên Tử:

- Này gia chủ, trong đời này, khi quả Nghiệp Ác chưa chín mùi thì kẻ ác thấy việc làm của mình là vui thích. Nhưng đến khi quả ác trở sanh thì kẻ ác mới thấy việc làm của mình là ác. Khi quả Nghiệp Thiện chưa chín mùi thì kẻ hiền thấy là ác, nhưng đến khi quả Thiện trở sanh thì kẻ hiền mới thấy là thiện.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên hai câu kệ Pháp Cú như sau:

*Người ác thấy là hiền,
Khi ác chưa chín mùi.
Khi Ác Nghiệp chín mùi,
Người ác mới thấy ác
(P.C. 119)*

*Người hiền thấy là ác,
Khi Thiện chưa chín mùi.
Khi Thiện được chín mùi,
Người hiền thấy là thiện.
(P. C. 120)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Trưởng Giả Cấp Cô Độc, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Trong thế gian này không có điều chi xảy đến cho một người mà không do một hoặc nhiều nguyên nhân. Quả trở sanh an vui, hoặc khổ đau của những người đang gặt hái, đều

do những tác nhân Thiện hay Bất Thiện đã tạo, hoặc ngay trong kiếp hiện tại, hoặc là trong những kiếp quá khứ. Tuy nhiên với lý trí của hàng Phàm Phu, và với sự hiểu biết tùy thuộc vào những giác quan của thể xác, con người không dễ gì thấu triệt những nguyên nhân vô hình và phức tạp của guồng máy thế gian này. Con người chỉ nhìn thấy hiển hiện trước mắt cái Quả đang trở, mà không nhìn thấy được tất cả các nguyên nhân vi tế đã làm trở sanh ra Quả ấy. Vì lẽ, tác nhân không phải hoàn toàn phát sanh trong kiếp hiện tại, mà có thể được rải rắc gieo trồng từ trong vô lượng tiền kiếp.

Phật Giáo cũng có nhìn thấy về phần ảnh hưởng của sự truyền thừa và môi trường thân cận, tuy cho rằng quả thật là không đầy đủ. Phật Giáo có bỏ túc vào sự việc này, là định luật Nghiệp Báo, tức là sự tổng hợp các hành động trong quá khứ và vị lai. Và xác định, chính con người phải nhận lãnh phần trách nhiệm về những hành động của chính mình từ trong quá khứ, và gặt hái sự an vui hoặc khổ đau ngay trong hiện tại.

Định luật Nghiệp Báo, hoặc định luật Nhân Quả, là sự tiến triển từ hành động, Thiện hoặc Ác, dẫn đến Quả lành hay dữ. Nhân đã gieo thì Quả trở sanh. Nhân Thiện đem lại Quả an vui. Nhân Ác đem lại Quả khổ đau. Đó là định luật thường nhiên, phải trở sanh. Đó là sự tiến triển từ Nhân đến Quả, cũng thường nhiên và cần thiết. Đó là nguyên tắc Nhân Quả tương xứng của định luật Nghiệp Báo.

*Nghiệp ác chưa được chín mùi,
Thiếu Trí nghĩ tưởng an vui sẵn dành.
Đến khi Nghiệp ác trở sanh,
Thiếu Trí đón nhận khổ hành thân tâm.*
(P. C. 119)

*Nghiệp Thiện vừa mới tạo xong,
Hiện nhân chẳng thấy thông dong an nhàn.
Nghiệp Thiện trở Quả rõ ràng,
Kẻ Trí hiểu biết muôn phần an vui.*
(P. C. 120)

-----00000-----

Câu kệ thứ 121: Không nên xem thường điều ác.

*Chớ chê khinh điều Ác,
Cho rằng “Chưa đến mình”.
Như nước nhỏ từng giọt,*

*Rồi bình cũng đầy tràn.
Người ngu chứa đầy ác,
Do chất chứa dần dần
(P.C. 121)*

One should not think little of evil, thinking "That will not come to me". Even a waterpot is filled by the falling of drops of water. A foolish man is filled with evil, even practising it little by little (P. C. 121).

Ne mésestime pas le mal, en te disant "Impossible qu'il m'atteigne !". Goutte à goutte une cruche se remplit: Le sot, accumulant le mal, en sera abreuvé (P. C. 121).

Dịch nghĩa: Không nên khinh thường điều ác, nói rằng "nó sẽ không đến gần ta". Từng giọt nhỏ rơi xuống, lâu ngày cũng làm đầy cái bình. Đường thế ấy, người ngu góp nhặt mỗi lần chút ít điều ác (ngày kia) sẽ bị điều ác thấm nhập trọn vẹn (P. C. 121).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến vị Tỳ Khuru không biết giữ gìn tài vật của Tam Bảo.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, tại Kỳ Viên Tự, có một vị Tỳ Khuru có tánh nết dễ dãi khinh xuất, không biết quý trọng tài sản của Tam Bảo. Vị Tỳ Khuru này mỗi khi dùng xài những vật dụng của Tam Bảo, như giường, ghế, v.v. lại không có sự bảo quản, gìn giữ, trái lại phung phí và không biết quý trọng. Như khi đem ghế ra ngoài sân để ngồi, vị Tỳ Khuru này chẳng mang ghế đem trở vào trong nhà, và cứ để cho ghế bị phơi mưa phơi nắng, làm cho bị hư hoại đi. Chư Tăng thấy vậy, có lời nhắc nhở, nhưng vị Tỳ Khuru này bất duyệt ý trong việc đón nhận những lời xây dựng dạy bảo, và dùng lời cãi lại:

- Này Chư Pháp Hữu, tôi nào có ý làm hư cái ghế này, và lại việc này quả thật quá nhỏ nhen, chẳng có điều chi bị tổn hại mà phải quá lo lắng như vậy.

Thế rồi, vị Tỳ Khuru này vẫn tiếp tục làm như cũ, vẫn với tính nết tật nấy, và chẳng chịu sửa đổi. Chư Tăng đem câu chuyện này trình lên Đức Phật và Ngài cho gọi vị Tỳ Khuru này đến với lời vấn hỏi:

- Này vị Tỳ Khuru, có phải người đã làm những việc như thế, phải chăng ?

Vị Tỳ Khuru này, không trả lời ngay câu hỏi của Đức Phật, trái lại có lời chống chế bào chữa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, việc này có gì to lớn đâu ! Con nghĩ việc này quả thật nhỏ nhoi, chẳng có chi là quan trọng ! Con nghĩ những vật dụng này là đồ vô tâm, chúng đều

là vật vô tâm mà thôi !

- Này vị Tỳ Khuru, không nên nghĩ và làm như vậy. Người nên sửa đổi ngay tánh nết ấy lại. Một lỗi lầm cho dù có nhỏ nhoi, cũng không nên coi thường, nếu cứ mãi lập đi lập lại nhiều lần sẽ thành thói quen, tích lũy lâu dần sẽ trở thành một tội to lớn. Ví như một cái bình không đậy nắp, và để ra ngoài trời mưa, cho dù mỗi giọt nước mưa rót vào, không thể làm đầy bình ngay. Tuy nhiên, từng giọt nước mưa cứ rơi vào mãi trong bình, rồi cũng sẽ tràn đầy bình kia. Kẻ tạo nghiệp Ác, cũng dường như thế ấy, tích lũy lâu dần, Nghiệp Ác lớn dần và sẽ thành một khối tội lỗi to lớn.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Chớ chê khinh điều Ác,
Cho rằng “Chưa đến mình”.
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người ngu chứa đầy ác,
Do chất chứa dần dần
(P.C. 121)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến vị Tỳ Khuru không biết giữ gìn tài vật của Tam Bảo, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Từ những căn nguyên Bất Thiện – Tham, Sân và Si – phát sinh ra những điên đảo phức tạp. Từ đó, dẫn đến con người có sự nhận thức sai trật trong ý nghĩ, dẫn đến nhận thức sai lầm vào những sự vật. Với Tâm Thức bị điên đảo, hiện bày những tư tưởng thực sự là Bất Thiện và sẽ đưa đến Khổ Đau, lại cho là dẫn đến sự an vui và hạnh phúc. Với Kiến Thức bị điên đảo, hiện bày những thủ chấp vào quan điểm sai trật, không nhận ra được chân lý tối hậu, không đặt nó vào sự thẩm xét của Trí Tuệ toàn hảo, có khả năng duy nhất để khám phá được Chân Lý tối hậu. Với những ai thích thú trong ba căn, Tham, Sân, Si, hiển nhiên là những người đang nỗ lực một cách điên đảo để hưởng thọ những sự việc không thể thụ hưởng. Khổ đau đi liền với bất cứ trạng thái Tâm Thức nào có ba căn Bất Thiện này thâm nhập vào.

Nghiệp và Nghiệp Quả vận hành qua ba thời, quá khứ, hiện tại và vị lai, giải thích rõ ràng những sự sai biệt. Nghiệp Quả có nhiều loại đối với khoảng thời gian ở giữa. Sự mang lấy Nghiệp tạo ra Nghiệp Quả và sự thành quả của chúng. Một số Nghiệp có kết quả tức thời và mối liên hệ Nhân Quả có thể nhận ra ngay. Những Nghiệp Quả khác, sau một thời gian mới thành và khó nhận ra mối liên hệ ấy. Tuy nhiên, có nhiều loại Nghiệp khác không có Quả trong đời sống hiện tại, mà lại có kết quả ở đời sống tiếp theo, hoặc có thể trong nhiều đời sống về sau nữa. Những Nghiệp Quả này, quả thật khó hiểu nhất, và quả

thực nếu phải nhờ vào năng lực của việc thực hành Thiền Định mà không được phát triển để nhớ lại các đời quá khứ, thì với một Phạm Nhân không thể nào thấu hiểu được những sự việc mà chính mình đã cho là ngẫu nhiên may rủi, khi con người không thể giải thích được sự việc này, hoặc có thể cho là “ý của Thượng Đế” một khi con người đã cố để giải thích mà vẫn không được.

*Đừng khinh những lỗi nhỏ nhen,
Cho rằng lỗi ấy chẳng xen hiện bày.
Giọt mưa tuy nhỏ rớt hoài,
Rớt đi rớt mãi lâu ngày đầy lu.
Ác Đạo sẵn chứa kẻ ngu,
Bởi do Ác tạo kẻ ngu thường làm.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 122: Không nên xem thường việc Thiện.

*Chớ chê khinh điều Thiện,
Cho rằng “Chưa đến mình”.
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người trí chứa đầy Thiện,
Do chất chứa dần dần
(P.C. 122)*

One should not think little of merit, thinking “That will not come to me”. Even a waterpot is filled by the falling of drops of water. A wise man is filled with merit, even practising it little by little (P. C. 122).

Ne mésestime pas le bien, en te disant : “Impossible qu’il m’atteigne !”. Goutte à goutte une cruche se remplit: Le sage, accumulant le bien, s’en trouvera comblé (P. C. 122).

Dịch nghĩa: Không nên khinh thường Phước báu, nói rằng “nó sẽ không đến gần ta”. Từng giọt nhỏ rơi xuống, lâu ngày cũng làm đầy cái bình. Dường thế ấy, bậc Thiện Trí góp nhặt mỗi lần chút ít điều Thiện (ngày kia) điều Thiện sẽ thấm nhập trọn vẹn (P. C. 122).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khải thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến vị Bá Hộ Bilālapāḍaka có sự suy nghĩ sai lầm.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, người dân thành Xá Vệ thành lập một đoàn Hộ Pháp, phát tâm để bát cúng dường đến Đức Phật và Chư Tăng. Một hôm, trong lúc chúc phúc an lành đến các Phật Tử thí chủ, Đức Phật có lời giảng dạy:

- Nay chư Thí Chủ, tại nơi đây trong Giáo Pháp này, có bốn hạng người:

1/ Tự mình phát tâm cúng dường Trai Tăng, mà không ưa thích rủ rê người khác cùng làm, đến khi chuyển kiếp lai sinh, thì được sanh làm người giàu sang đầy đủ tài vật, nhưng lại không có thân bằng quyến thuộc và người hầu hạ.

2/ Không tự mình phát tâm cúng dường Trai Tăng, nhưng lại ưa thích rủ rê người khác cùng làm, đến khi chuyển kiếp lai sinh, thì được sanh làm người không có được tài vật thịnh vượng, nhưng lại có đông đảo thân bằng quyến thuộc và người hầu hạ.

3/ Không tự mình phát tâm cúng dường Trai Tăng, cũng không ưa thích rủ rê đốc xúi người khác làm, đến khi chuyển kiếp lai sinh, thì sanh làm người phải bị nghèo khổ, không có tài sản của cải, và cũng không có thân bằng quyến thuộc và người hầu hạ.

4/ Tự mình phát tâm cúng dường Trai tăng, lại có sự ưa thích rủ rê người cùng làm, đến khi chuyển kiếp lai sinh thì được sanh làm người giàu sang thịnh vượng, cùng với đông đảo thân bằng quyến thuộc và người hầu hạ.

Ngay khi ấy, có một Thiện Nam được lắng nghe thời Pháp Thoại này, lấy làm hoan hỷ duyệt ý, phát tâm suy nghĩ *“Ôi Chân Lý quả thật là kỳ diệu ! Bây giờ ta phải tạo Thiện Nghiệp để có được cả hai loại phước báu”*. Với sự quyết tâm thực hành theo lời dạy của Đức Phật, vị Thiện Nam này đã cung thỉnh Đức Phật và Chư Tỳ Khuru Tăng đến thọ việc cúng dường Trai Soạn tại nhà của mình. Sau khi được Đức Phật im lặng nhận lời, vị Thiện Nam này đi mời tất cả những dân trong làng có Tín Tâm, hãy đến tham gia việc cúng dường Trai Soạn này. Mỗi người, tùy theo khả năng cùng với sự hoan hỷ, cùng đóng góp vào công việc cúng dường.

Khi đến nhà của vị Bá Hộ Bilālapāḍaka, là người giàu có nhất trong làng, vị Thiện Nam nói lên mục đích cúng dường vào ngày mai, và mời Bá Hộ tham gia góp phần. Nghe xong, vị Bá Hộ khởi tâm suy nghĩ *“Vị này sao lại làm như thế, tại sao lại không liệu lượng sức mình, mà lại mời đông đảo Chư Tăng như vậy, rồi lại phải chạy kêu gọi cùng khắp cả làng để giúp đỡ. Để ta thí cho anh ta chỉ một chút mà thôi”*. Thế rồi, vị Bá Hộ chum ba ngón tay nắm một chút gạo, chút đậu xanh, và một chút đậu trắng, để vào bát của vị thanh niên. Kế đến, là bố thí nước, vị Bá Hộ trút ra từ mỗi cái bình, với từng giọt từng giọt nhiều

xuống, của nước mía, mật ong, v.v. Sau khi gom chung tất cả vật hùn phước của mọi người, vị thanh niên này để riêng ra một bên về những phần của vị Bá Hộ và, đã làm cho vị Bá Hộ lại khởi tâm suy nghĩ “*Vì lẽ gì anh ta lại để phần hùn phước của ta ra riêng biệt ? Có thể sẽ đi nói xấu về ta là một kẻ keo kiệt hay chăng ?*”. Vị Bá Hộ liền sai người hầu cận đi theo dõi sự việc này sẽ diễn tiến ra sao.

Người hầu cận thấy người thanh niên đem từng mỗi phần của vị Bá Hộ, sót ra từng phần nhỏ, và bỏ đều vào các vật thực của những người khác. Người hầu cận về thuật lại mọi sự việc, vị Bá Hộ chẳng hiểu ý nghĩa của việc làm này, nên đợi đến ngày hôm sau, vị Bá Hộ đi đến dự lễ cúng dường với một con dao nhọn giấu vào bên trong lưng, với ý định sẽ đâm chết vị thanh niên này, nếu đem sự việc xấu thí của mình ra trước mặt mọi người, với lời bêu xấu là kẻ keo kiệt.

Sau khi Đức Phật và Chư Tăng thọ lễ Trai Soạn xong, vị thanh niên quỳ xuống tác bạch:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con đã kêu gọi Đại Chúng hùn phước làm xong cuộc lễ Trai Tăng này. Tại đây, với những người hùn phước, đã tùy theo sức mình, dù ít hay nhiều, nhưng với tất cả lòng mến mộ đạo nhiệt thành và hảo tâm chia xẻ của mọi người. Ngưỡng mong thiện sự cúng dường này, đem lại phước báu đồng đều nhau đến tất cả những ai đã góp phần công đức.

Được nghe qua lời tác bạch, vị Bá Hộ phát sanh tâm Tàmanā về những suy nghĩ sai quấy của mình với vị thanh niên này, liền đi đến gần và ngỏ lời xin sám hối lỗi lầm. Đức Phật nghe được rõ sự việc về lý do tại sao vị Bá Hộ phải xin sám hối với người thanh niên, Ngài có lời giảng dạy:

- Nay các vị Thiện Nam nên biết, trong khi làm những Thiện Sự thì không nên khinh thường những việc nhỏ nhoi. Quả thật vậy, cho dù nhỏ nhoi, nhưng nếu được làm nhiều lần, tích lũy lâu dần cũng thành công đức lớn. Ví như cái bình hứng lấy từng giọt nước mưa rơi, và cứ liên tục hứng mãi thì lâu dần cũng đầy tràn.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Chớ chê khinh điều Thiện,
Cho rằng “Chưa đến mình”.
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người trí chứa đầy Thiện,
Do chất chứa dần dần
(P.C. 122)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến vị Bá Hộ Bilàlapàdaka có sự suy nghĩ sai lầm, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Người Phật Tử thường luôn được nhận thức, rằng hành động Xả thí luôn được thực hiện từ nơi Tâm Từ Ái, tiến hành từ một niềm Tịnh Tín thuần túy, rằng những hành động Xả thí là thanh tịnh và cố gắng sống đời sống thiện hảo, rằng người Xả thí được hưởng kết quả đảm bảo một sự tái sinh an vui hạnh phúc, và không có gì thù thắng hơn nữa. Sự thực hành Xả thí của Phật Giáo không bao giờ chờ đợi một sự đền đáp nào. Đối với của Xả thí, đền đáp duy nhất mà người Phật Tử nhận được từ sự Xả thí, là ở trong Tâm Thức. Tâm nhờ vào đó, mà được thanh tịnh. Vì một khi, có sự hoan hỷ trong Thiện Sự thì Tâm Thức trở nên nhuần nhuyễn và sự tu tập sẽ được dễ dàng hơn.

Chí đến một người nghèo khó cũng vẫn có thể cho những tặng vật to lớn: tặng vật của tấm lòng Từ Ái khởi lên nơi những người khác sự tín nhiệm và lòng tin tưởng mà đối với họ, đó là tặng vật Vô Úy, bất cứ một vật gì cho dù nhỏ bé mà người ấy có – người ấy Xả thí với sự hoan hỷ duyệt ý.

Công đức, như đã được nói đến, không thể thực sự tùy thuộc vào cá nhân, và công đức thực sự được tạo ra bằng cách ban bố công đức của mình. Đây là một cách dạy rằng người ta đừng để bị sự ràng buộc của cá nhân đến những kết quả Thiện Hạnh, mà dùng những Thiện Hạnh vượt ra khỏi công đức và phi công đức, để đi đến giải thoát Níp Bàn.

*Đừng xem Thiện Sự nhỏ nhen,
Cho rằng Thiện ấy chẳng xen hiện bày.
Giọt mưa tuy nhỏ rớt hoài,
Rớt đi rớt mãi lâu ngày đầy lu.
Thiện Đạo sẵn chứa Chân Tu,
Bởi do Thiện tạo hiền nhân thường làm.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 123: Hãy tránh xa điều Ác như lánh xa con đường nguy hiểm.

*Ít bạn đường, nhiều tiền,
Người buôn tránh đường hiểm,
Muốn sống, tránh thuốc độc,
Hãy tránh ác như vậy
(P.C. 123)*

As a merchant with a small caravan and much wealth would avoid a dangerous road,

as one desirous of life would avoid poison, so one should avoid evils (P. C. 123).

Ainsi qu'un marchand en faible equipage évite pour ses richesses les routes périlleuses, ou qu'un home aimant la vie se garde du poison, l'on doit se détourner de toute mauvaise action (P. C. 123).

Dịch nghĩa: Ví như người thương buôn với nhiều tài sản của cải và ít người đồng hành nên tránh xa con đường nguy hiểm, cũng ví như người ham muốn sống nên tránh xa thuốc độc, cùng thế ấy, người ta nên lánh xa điều xấu ác (P. C. 123).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khái thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến một vị Đại Thương Buôn (Mahàdhana) tránh xa con đường nguy hiểm.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, trong thành Xá Vệ có một vị đại thương buôn rất giàu có và có năm trăm tên cướp luôn rình rập để mong cướp đoạt tài sản của vị đại thương buôn này. Một hôm, vị đại thương buôn chuẩn bị một chuyến buôn với năm trăm cỗ xe bò chở hàng hóa quý giá, và được biết có năm trăm vị Tỳ Khuru Tăng cũng muốn được tháp tùng đi theo. Vị đại thương buôn đã đến thỉnh mời năm trăm vị Tỳ Khuru Tăng đi theo và phát tâm cúng dường vật thực trong suốt thời gian du hành.

Cuộc hành trình đi đến sát cận một khu rừng già, vị đại thương buôn cho đoàn dừng lại, để cho người và bò được nghỉ ngơi một vài ngày. Tại khu rừng già này là nơi trú ẩn của bọn cướp rất độc ác, chuyên cướp của giết người. Người dân trong làng được hay biết là bọn cướp đang chuẩn bị phục kích trong rừng, chờ đoàn thương buôn và Chư Tăng đi qua thì sẽ ra tay sát hại và cướp lấy thương hàng. Dân làng đã đến báo tin cho vị đại thương buôn, và vì lo sợ đến sự an vui của Chư Tăng, vị đại thương buôn đã đến tác bạch:

- Kính bạch Chư Đại Đức Tăng, tại đây đang có bọn cướp chuẩn bị đón đường để cướp đoạt lấy hàng hóa của con. Khi con ý định quay trở về thì bọn cướp lại chuẩn bị chặn đón đường về. Con đang ở trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan, tiến tới vào rừng già cũng không được và quay trở về thì cũng không xong. Do vậy, con quyết định phải lưu trú lại nơi đây với một thời gian lâu. Nếu Chư Đại Đức Tăng muốn ở lại thì cứ ở lại, còn nếu các Ngài muốn ra đi thì tùy ý thích ra đi.

- Như thế, Chư Tăng chúng tôi sẽ quay trở về.

Qua ngày hôm sau, Chư Tăng cáo từ vị đại thương buôn và quay trở về lại thành Xá Vệ, về lại Kỳ Viên Tự. Chư Tăng đến đánh lễ Đức Phật và thuật lại tất cả những sự việc xảy ra về chuyến du hành bị dở dang cùng với sự nguy hiểm của đoàn thương buôn.

Nghe qua câu chuyện, Đức Phật có lời dạy bảo Chư Tăng:

- Này Chư Tỳ Khưu Tăng, người thương buôn biết né tránh con đường nguy hiểm với nhiều kẻ cướp. Con người muốn được sống lâu thì phải biết né tránh thuốc độc nguy hại. Bậc Hiền Trí phải thông suốt con đường Tam Giới với nhiều cạm bẫy nguy khôn, và muốn né tránh sự nguy khôn ấy thì phải biết lánh xa những điều tội ác.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Ít bạn đường, nhiều tiền,
Người buôn tránh đường hiểm,
Muốn sống, tránh thuốc độc,
Hãy tránh ác như vậy
(P.C. 123)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến một vị Đại Thương Buôn (Mahādhana) tránh xa con đường nguy hiểm, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Con người chiếm vị trí rất quan trọng trong vũ trụ của Phật Giáo, và do chính con người có năng lực quyết định chính đời sống của mình. Đời người là một sự hỗn hợp của một chút hạnh phúc và đắng cay. Những người có sự cảm nghiệm hỗn hợp ấy, sẽ không bị ru ngủ vào một cảm giác an ổn giả tạo bằng quá nhiều lạc thú và nhờ có sự thuận lợi với tư chất thông minh, nên có thể làm điều gì để tránh khỏi những thống khổ đắng cay.

Con người có thể và có cơ hội để nghĩ đến Đạo Pháp. Con người, thực sự ít có sự tu tập về Tam Học – Giới, Định và Tuệ, và một khi đã có được sự tu tập như thế, thì con người sẽ thâm nhuần và trở thành Đạo Pháp, vì lẽ các yếu tố của Đạo Pháp trở thành một phần trọn vẹn đời sống của con người. Chính vì nhắm vào con người, Đức Phật đã dạy hầu hết giáo lý quan trọng của Ngài đến cho con người, vì Ngài liễu tri rõ biết con người có khả năng thấu hiểu giáo lý, thực hành giáo lý, và đi đến chứng ngộ giáo lý.

“*Tâm chói sáng ngay lúc vừa mới ra đời, lâu dần với những ô nhiễm bất cần đã làm cho bị bợn nhơ*”. Vì thiếu sự kiểm soát mà trong Tâm phát sanh ra đủ loại xung đột lẫn nhau. Muốn loại trừ những xung đột, con người phải kiềm hãm lòng khát khao ham muốn và nỗ lực sống cuộc đời biết tự chế và trong sạch. Bằng cách chú tâm và suy nghĩ chân chánh về những gì mà con người thường hay gặp phải trong đời sống hằng ngày, kiểm soát những khuynh hướng xấu và kiềm chế những quyến rũ, con người lúc bấy giờ, có thể giữ cái Tâm thoát khỏi bị ô nhiễm.

*Phú thương ngừa cướp ản cư,
Lánh xa độc dược tợ như Ác Hành.
Hiền Trí liễu tri rõ ràng,*

Xa là Tam Giới, Pháp Hành chuyên tu.

-----00000-----

Câu kệ thứ 124: Không có tác ý xấu sẽ không tạo ra Nghiệp Ác.

*Bàn tay không thương tích,
Có thể cầm thuốc độc.
Không thương tích, tránh độc,
Không làm, không có ác.
(P.C. 124)*

*If there were no wound on one's hand, one could pick up poison with one's hand.
Poison does not enter one who has no wound. There is no evil for one who does not do
[evil] (P. C. 124).*

*Une main sans blessure peut sans crainte empoigner du poison. Absence de plaie
protège de l'infection. Absence de méfait préserve du malheur (P. C. 124).*

Dịch nghĩa: Nếu tay không bị thương tích, người ta có thể cầm lấy thuốc độc. Chất độc không thâm nhập người không có bị thương tích. Điều ác không làm nguy hại với người không tạo điều xấu ác (P. C. 124).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến hai vợ chồng người thợ săn có tên là Kukkutamitta.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, tại thành Vương Xá có một tiểu thư, là con của một gia đình Bá Hộ giàu có, tuy còn rất trẻ mà đã sớm chứng đắc Quả vị Thất Lai. Một hôm, tình cờ được nhìn thấy một người thợ săn có tên là Kukkutamitta, là người hằng ngày vào trong thành đi bán những thịt và da thú để mưu sinh, cô tiểu thư này liền đem lòng ái luyến yêu thương, và quyết định đi theo người thợ săn để kết thành phu phụ, do sự kết hợp xa xưa trong tiền kiếp. Tuy bị người thợ săn từ chối nhiều lần, tiểu thư vẫn quyết lòng rời khỏi gia đình, ra đi và sống với người thợ săn.

Là do bởi Nghiệp Duyên trong kiếp quá khứ, cô tiểu thư này đã là vợ của người thợ săn, lúc bấy giờ là một vị Bá Hộ trong một làng. Cả hai vợ chồng này ở với nhau có được bảy người con trai và bảy nàng dâu. Tất cả mười sáu người đều phát tâm xây dựng và suốt

đòi chăm nom Bảo Tháp tôn thờ Xá Lợi Phất của Đức Phật Kassapa. Đến khi mãn phần, tất cả đều được sanh về Thiên Giới. Đến thời kỳ của Đức Phật Gotama, người vợ được sanh làm cô tiểu thư, là con của vợ chồng Bá Hộ. Còn người chồng vì có tạo Nghiệp nặng, do không tâm cầu Chân Lý, do đó, phải tái sanh vào gia đình của người thợ săn. Như thế, cô tiểu thư vừa trông thấy người thợ săn Kukkutamitta, đã liền đem lòng ái luyến yêu thương, vì lẽ tình xưa nghĩa cũ:

*Xưa từng chung chạ ra vào,
Giờ đây tao ngộ, lòng nào chẳng lay.
Men tình vừa nhấp đã say,
Bèo kia gặp nước, bèo say men tình.*

Còn vợ chồng Bá Hộ cho người đi tìm kiếm tiểu thư khắp mọi nơi, cuối cùng nghĩ rằng người con gái đã mất, vợ chồng Bá Hộ đã thiết lập lễ cúng hương linh cho con gái của mình. Riêng về hai vợ chồng người thợ săn Kukkutamitta thì chẳng bao lâu sau, cả hai có được bảy người con trai, và lần hồi, các người con trai lớn dần lên và cô tiểu thư đã lần lượt lo bề gia thất cho tất cả các con.

Một hôm vào lúc trời gần sáng, ngay khi còn đang lúc Thiên Định, Đức Phật đã quán sát Pháp Giới thì thấy cả được gia đình người thợ săn Kukkutamitta đã hội túc duyên để chứng đắc Quả vị Thất Lai trong ngày hôm ấy. Thế rồi, Đức Phật liền đắp y mang bát đi ngay đến khu rừng, và đã dẫm một dấu chân gần chỗ gài bẫy, sau đó Ngài đến ngồi dưới một gốc cây có bóng mát. Trưa ngày hôm ấy, người thợ săn Kukkutamitta đi thăm các bẫy, và chẳng thấy có thú nào bị mắc bẫy cả, mà lại nhìn thấy dấu chân người đi. Thợ săn Kukkutamitta thắc mắc tự nghĩ “*Có ai đã đến đây và đã thả hết những con thú mắc bẫy rồi hay sao ?*”. Suy nghĩ xong, thợ săn lần theo dấu chân, và nhìn thấy Đức Phật đang ngồi dưới gốc cây, anh ta liền khởi Tâm Sân, giương cung lên định bắn vào Đức Phật. Tuy nhiên với Thần Lực của Đức Phật, đã khiến cho người thợ săn bị đứng yên tại chỗ, buông tên không được và bỏ tay xuống cũng không xong. Người thợ săn đã đứng bất động như bị trời trồng. Vào lúc ấy, các người con trai theo Cha để đi săn, lại cũng vừa tới nơi, và nhìn thấy hiện tượng của Cha đang bủn rủn trước một người lạ, nghĩ Đức Phật là kẻ thù của Cha mình. Tất cả đều giương cung lên định bắn và cũng bị đứng bất động như Cha của họ, do bởi Thần Lực của Đức Phật hiện bày. Ngay khi ấy, cô tiểu thư cùng với bảy nàng dâu, đem vật thực để cho chồng và các con trai thợ thực, cũng vừa bước đến. Cô tiểu thư nhìn thấy Đức Phật và cảnh tượng đang hiện bày trước mắt, liền thét to lên:

- Đừng có vô lễ với Đức Từ Phụ của tôi ! Đừng có giết Đức Từ Phụ của tôi.

Người thợ săn Kukkutamitta được nghe như thế, liền tự nghĩ “*Ác hại thay ! Đây là Cha Vợ của ta mà ta không được biết ! Nếu vợ ta không nói ra, thì nghiệp của ta tạo ra*

nặng nề biết mấy !”. Còn bảy con trai lại nghĩ đến là Ông Ngoại của mình, do đó, tất cả mọi người đều dẹp bỏ sự tức giận, và khởi lên Tâm Từ Ái đến Đức Phật. Cô tiểu thư liền bảo với mọi người:

- Tất cả hãy buông bỏ cung tên xuống hết ! Hãy mau đến đánh lễ và xin sám hối Đức Từ Phụ !

Đức Phật biết được Tâm của Cha Con người thợ săn đã mềm dịu, liền thân Thần Lực và cho phép họ hạ cung tên xuống. Tất cả đều đến đánh lễ Đức Phật và quỳ tác bạch:

- Kính bạch Ngài tha thứ tội lỗi cho chúng con !

Lúc bấy giờ, Đức Phật khai thuyết Tuân Tự Pháp cho tất cả đều được nghe. Cuối thời Pháp Thoại, người thợ săn Kukkutamitta cùng với các con trai và dâu, đều chứng đắc Quả vị Thất Lai.

Trở về lại Trúc Lâm Tự, Đức Phật thuật lại cho Đại Đức Ànanda và Hội Chúng Tăng được biết về việc Ngài đã vừa tế độ cho tất cả gia đình của người thợ săn Kukkutamitta:

- Này Ànanda, tất cả Cha Con và Dâu của người thợ săn, hết thảy là mười lăm đều chứng đắc Quả vị Thất Lai, có niềm tin bất thối và không còn hoài nghi về Tam Bảo. Tất cả đều từ bỏ Nghiệp Sát sanh.

Chư Tỳ Khưu Tăng vẫn hỏi Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, thế còn cô tiểu thư có được chứng đắc Quả Thánh nào hay không ?

- Này Chư Tỳ Khưu, người vợ của thợ săn đã chứng đắc Quả vị Thất Lai ngay khi còn là con gái của ông bà Bá Hộ.

- Kính bạch Đức Thế Tôn, như thế người vợ đã chứng đắc Quả Dự Lưu, có phạm Nghiệp Sát sanh hay không, khi hằng ngày bà đã sửa soạn cung tên, gươm giáo cho chồng đi săn giết thú ?

- Này Chư Tỳ Khưu, vị Nữ Thánh Dự Lưu không có tạo Nghiệp Sát sanh ! Bà ta chỉ vâng theo lệnh của người chồng mà làm, và chẳng có Tâm hoan hỷ hay xúi đốc để tạo Nghiệp Sát sanh. Cũng ví như, với bàn tay không có thương tích, và cầm nắm lấy thuốc độc thì chẳng có điều chi nguy hại. Thuốc độc không làm nguy hại đến tánh mạng. Cùng thế ấy, người không có tác ý xấu thì sẽ không tạo ra Nghiệp Ác.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Bàn tay không thương tích,
Có thể cầm thuốc độc.
Không thương tích, tránh độc,
Không làm, không có ác.
(P.C. 124)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến hai vợ chồng người thợ săn có tên là Kukkutamitta, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Nghiệp là hành động. Quả là phản ứng của hành động. Nói một cách khác, Quả là kết quả của hành động. Ví như mỗi vật đều dính liền với cái bóng của nó, thì cũng như thế, mỗi hành động có tác ý (*Cetanà cetasika – Tâm Sở Tư*) đều gắn liền với kết quả của nó. Nghiệp có thể ví như một cái hạt có khả năng trở thành một cây. Quả ví như là bông hoa, lá và trái cây. Nói một cách chính xác, Nghiệp và Quả đều tùy thuộc ở Tâm. Hành động (Nghiệp) và kết quả của hành động ấy (Quả) đều do Tâm tạo tác. Vì lẽ, Nghiệp có thể Thiện hay Bất Thiện. Quả có thể là an vui hay khổ đau. Nếu hành động thuộc về Tâm thì Quả cũng thuộc về Tâm. Khả năng trở sanh Quả đã gắn liền với Nghiệp. Trong hành động – bằng Thân, Ngữ và Ý, đã có tiềm tàng năng lực tạo Quả, cũng ví như trong hạt đã có năng lực tạo nên cây và sanh ra hoa quả.

Sự báo ứng của Nghiệp là một tiến trình vô cùng phức tạp, mà chỉ có Đức Phật mới có thể thấu hiểu một cách tận tường. Để nhận thức được phần nào vấn đề khó khăn này, người Phật Tử cần phải thấu hiểu được tiến trình sanh diệt của dòng tư tưởng, hay gọi là Lộ Trình Tâm Thức (*Cittavithi*).

Tâm Thức, phần tinh túy của cái được gọi là chúng sanh, đóng một vai trò rất quan trọng trong guồng máy phức tạp của con người. Chính cái Tâm làm cho con người được trong sạch, và cũng chính do cái Tâm làm cho con người ô nhiễm bợn nhơ. Trong thực tế, Tâm là kẻ thù nguy hiểm nhất của con người (nếu thiếu Chánh Niệm và Tỉnh Giác, cùng với VôTâm và Vô Quý) và cũng là người bạn chí thân của con người (nếu có Chánh Niệm và Tỉnh Giác, cùng với Tàm và Quý).

*Thuốc kia dầu độc chẳng nguy,
Bàn tay lành lặn chẳng suy chút nào.
Tâm lành tác ý khéo trau,
Ác kia vô hiệu, được vào Dục Lưu.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 125: Người tạo điều nguy hại đến người đức hạnh sẽ thọ lãnh quả khổ đau.

*Hại người không ác tâm,
Người thanh tịnh, không uế.
Tội ác đến kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi.*

(P.C. 125)

Whoever does harm to an innocent man, a pure man who is without blemish, evil comes back to that very fool like fine dust thrown against the wind (P. C. 125).

Qui blesse un être inoffensive, un être pur et innocent, verra, insensé qu'il est, le mal se retourner contre lui, comme poussière jetée contre le vent (P. C. 125).

Dịch nghĩa: Kẻ nào xâm phạm người vô tội, thanh tịnh và vô nhiễm, tội ác sẽ trở lại kẻ ấy, ví như tung bụi ngược gió thổi (P. C. 125).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến người thợ săn tên là Koka tạo ra Ác Nghiệp.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có một người thợ săn tên là Koka, vào một buổi sáng, đã vác cung tên và một đàn chó săn đi vào rừng. Dọc đường, thợ săn Koka gặp một vị Tỳ Khuru Đầu Đà đang đi khát thực. Thợ săn khởi lên sự suy nghĩ “*Ta gặp điềm xui rồi, có lẽ hôm nay sẽ chẳng được chút nào cả!*” và anh ta lặng lẽ bỏ đi đến rừng già. Vị Tỳ Khuru vào làng khát thực, thọ thực xong và quay trở vào rừng. Ngay khi ấy, thợ săn Koka từ trong rừng quay trở về làng, với lòng bức bối vì chẳng săn bắt được thú nào cả, lại gặp vị Tỳ Khuru này. Thế thì bao nhiêu nổi bức tức trong lòng, thợ săn Koka trút xuống vị Tỳ Khuru, vì nghĩ rằng chính vị Sa Môn này đã làm cho anh ta phải về tay không. Nghĩ suy như thế, thợ săn liền xua đàn chó săn hung dữ đến cắn vị Tỳ Khuru. Hoảng sợ với đàn chó dữ, vị Tỳ Khuru vội nói:

- Đừng làm như thế, nầy anh Thiện Nam.

Nói xong, vị Tỳ Khuru vội trèo lên một nhánh cây cao khỏi đầu người, ngồi tránh đàn chó dữ. Đàn chó đến bao quanh gốc cây, và thợ săn tàn ác đi đến dùng mũi nhọn của cây tên đâm vào gót chân của vị Tỳ Khuru. Toàn thân của vị Tỳ Khuru cảm thấy phát sốt nóng lên như bị lửa đốt vì thợ Khô quá mạnh. Vị Tỳ Khuru không giữ được Chánh Niệm, đã làm rớt mảnh y casa trúng ngay đầu của thợ săn. Mảnh y casa phủ trùm kín hết cả người thợ săn Koka. Đàn chó tưởng là vị Tỳ Khuru, bu lại và chui vào trong mảnh y, kéo lôi người thợ săn ra cắn xé đến tận xương. Khi thợ săn Koka đã chết, đàn chó chui ra đứng ngoài mảnh y. Vị Tỳ Khuru phát khởi lòng bi mẫn, bẻ một nhánh cây và xua đuổi đàn chó. Lúc bấy giờ, đàn chó biết đã cắn lầm chủ của mình, liền bỏ chạy vào rừng.

Vị Tỳ Khuru tuột xuống lại mặt đất, đến gần bên người thợ săn với ý định để giúp đỡ, nhưng biết được rằng thợ săn Koka đã bị đàn chó dữ cắn chết rồi, thì khởi Tâm áy náy về

Giới Luật và đời sống Phạm Hạnh của mình có còn lành mạnh hay không ! Vội vã đi đến Kỳ Viên Tự, vị Tỳ Khuru đánh lễ Đức Phật và thuật lại tất cả sự việc vừa đã xảy ra, cuối cùng bày tỏ xin sám hối tội lỗi vì đã vô tình gây nên cái chết cho người thợ săn. Đức Phật có lời dạy bảo đến vị Tỳ Khuru:

- Này Tỳ Khuru, hãy an tâm ! Giới hạnh của người vẫn còn lành mạnh và tồn tại, chẳng có bị tỳ vết chi cả. Đó là kẻ làm hại người vô tội phải gặp tai họa. Chẳng những ngay kiếp hiện tại này, thợ săn Koka bị thợ lãnh quả khổ đau như thế, mà luôn cả trong kiếp quá khứ, sau khi cũng hại những người vô tội tương tự, và kẻ ấy cũng bị thợ lãnh quả khổ như vậy.

Nói xong, Đức Phật thuật lại câu chuyện tiền kiếp của thợ săn Koka. Thuở ấy, thợ săn Koka là một vị thầy thuốc, đã đi khắp các làng mạc để hành nghề, nhưng chẳng kiếm được việc chi để làm. Bụng đói và run cả người, vị y sĩ này vừa đi ra khỏi làng, được nhìn thấy có nhiều trai trẻ đang vui chơi, nghĩ thầm trong Tâm “*Cho rắn cắn mấy đứa bé này, rồi cho thuốc chữa bệnh, thì ta sẽ có được vật thực*”. Nghĩ xong, vị thầy thuốc này kêu các đứa bé trai đến, nói gạt con rắn nằm trong bông cây trước cổng làng là một con chim và hãy bắt lấy nó đi. Khi ấy, có một đứa bé lanh tay, đã thò tay vào trong bông cây, chụp lấy đầu con rắn và ném nó đi. Bất ngờ, con rắn lại rớt ngay vào đầu của vị thầy thuốc đang đứng gần nơi đó. Con rắn quấn quanh cổ ông ta và mổ thật mạnh một cái, khiến vị y sĩ này ngã ra chết liền tại chỗ. Như thế, tiền kiếp của thợ săn Koka cũng từng mưu hại người vô tội, rồi tự mình đi đến chỗ diệt vong như vậy.

Sau khi Đức Phật đã thuật xong tích xưa, chỉ rõ mối quan hệ giữa tiền kiếp và hiện kiếp, thì Ngài thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Hại người không ác tâm,
Người thanh tịnh, không uế.
Tội ác đến kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi.
(P.C. 125)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến người thợ săn tên là Koka tạo ra Ác Nghiệp, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Với người hiền lương, ôn hòa, vô tội thì chúng ta không nên làm tổn hại người ấy. Chính việc gây tổn hại đến người ấy, Đức Phật nói rằng đó là việc làm ác.

Cổ nhân chúng ta có câu “***ngậm máu phun người, miệng mình dơ trước***”.

Cũng như người kia ngựa mặt, phun nước miếng lên trời. Nước miếng hẳn không làm dơ trời mà chỉ rơi trở lại người ấy. Quả ác sẽ đến với những người có tâm ác, hành hung gây đau khổ với người hiền lương, ôn hòa, vô tội.

Người Phật Tử cần lưu ý đến sự nhận thức về từ ngữ “*tội lỗi*”, một khái niệm xa lạ với tư tưởng Phật Giáo. Một Phật Tử phá giới, biết rằng mình có lẽ sẽ chịu đựng những kết quả tùy theo các hành động của mình và vì thế cho nên người Phật Tử đã thọ giới lại bằng cách nhận giới từ một vị Tu Sĩ. Vị Tu Sĩ phá giới của mình thì vị ấy phải làm thanh tịnh bằng việc làm sám hối, bằng hết cả sự quyết tâm và tiếp đó là sự thanh tịnh. Người Phật Tử không thể bị đè nén bởi gánh nặng *tội lỗi*, cái gánh nặng *tội lỗi* ấy được nghĩ đến như là một thái độ tâm lý Bất Thiện sản sinh ra khổ đau trong tương lai. Sự phán xét, trong tư tưởng Phật Giáo, do đó không phải ở một cảnh giới tương lai nào đó, mà chính thực ở ngay trong hiện tại, khi người ta thọ nhận kết quả của Nghiệp quá khứ. Nếu quá khứ của một người có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống hiện tại thì ngay trong hiện tại, khả năng chọn lựa của người ấy bị giới hạn. Và nếu người ấy thoát ly được ảnh hưởng của quá khứ thì người ấy sẽ có nhiều tự do lựa chọn hơn.

Một vị Thánh thiện xảo thuận thực về Giới, Định và Tuệ thì giải thoát khỏi ảnh hưởng của quá khứ, và mặc dầu vị ấy, có thể vẫn còn thọ nhận những kết quả của Nghiệp quá khứ, tuy nhiên sự lựa chọn của vị Thánh này, ngay trong hiện tại thì vô giới hạn.

*Kẻ ngu hãm hại Hiền Lương,
Tội ác trở lại hại người ác tâm.
Vĩ như gió ngược bụi trần,
Khổ đau dội lại muôn phần đắng cay.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 126: Tái sinh tùy thuộc vào hành động tạo tác.

*Một số sinh bào thai,
Kẻ ác sinh địa ngục.
Người Thiện lên cõi trời,
Vô Lậu chứng Níp Bàn.
(P.C. 126)*

Some are reborn in a [human] womb, evil doers are reborn in hell. Those with a good rebirth go to heaven, those without Ásavas gain Nibbàna (P. C. 126).

Certains renaissent dans le ventre d'une mere. Les malfaisants renaissent aux enfers. Les hommes de bonne destine, aux cieux. Et dans le Nibbàna se fondent les êtres sans souillures (P. C. 126).

Dịch nghĩa: Vài người tái sanh vào thai bào của một người Mẹ. Người tạo điều xấu ác thì tái sanh vào địa ngục. Người đức hạnh đến được Thiên Giới. Bạc Vô Lậu chứng tri Níp Bàn (P. C. 126).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến Đại Trưởng Lão Tissa và viên hồng ngọc của thợ kim hoàn.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có hai vợ chồng thợ kim hoàn thường xuyên cúng dường vật thực đến Trưởng Lão Tissa, suốt cả mười hai năm. Cả hai vợ chồng này chăm lo phụng sự Trưởng Lão Tissa như là Song Thân của Ngài. Vào một buổi sáng, Trưởng Lão Tissa đến nhà và bước vào sân, người chồng đang ngồi cắt thịt, thì ngay lúc ấy, có một sứ giả của Vua Pasenadi cũng vừa đến, đem đến một viên hồng ngọc và nhờ thợ kim hoàn mài dũa và soi lỗ. Thợ kim hoàn đón nhận viên hồng ngọc với tay còn dính máu, đặt tạm trên nắp hộp ở trên bàn, rồi quay vào trong nhà rửa tay. Trong nhà của thợ kim hoàn này có nuôi một con ngỗng ở trong sân, nhìn thấy viên ngọc dính máu, tưởng là vật thực, đã đến nuốt viên ngọc vào trong cổ họng, trước mặt Trưởng Lão Tissa.

Thợ kim hoàn quay trở ra sân, không thấy viên hồng ngọc, bèn đi hỏi khắp trong nhà, từ vợ đến các con, có ai lấy viên ngọc hay không. Tất cả đều trả lời “*Không thấy và cũng không lấy !*”, thợ kim hoàn liền nghĩ đến Trưởng Lão Tissa đã lấy trộm viên ngọc, và trao đổi ý nghĩ của mình đến người vợ. Vợ nghe qua, vội có lời khuyên can:

- Này ông ơi, đừng nên nói như thế. Từ bấy lâu nay, chúng ta chưa hề thấy Trưởng Lão có sai lỗi điều chi cả ! Lẽ nào, Trưởng Lão Tissa lại lấy cắp viên hồng ngọc này. Thà chúng ta chịu làm nô lệ còn hơn, ông không nên nói những lời vô lễ đến Trưởng Lão.

Chẳng nghe lời khuyên can của người vợ, thợ kim hoàn đến vấn hỏi Trưởng Lão Tissa, và vị Trưởng Lão đã lắc đầu, bảo rằng chẳng có lấy cắp. Mỗi nghi ngờ nơi thợ kim hoàn càng lúc càng gia tăng, không còn kiềm chế và không còn nghĩ đến sự lễ phép, ông ta đã lấy sợi dây quần vào đầu Trưởng Lão và lấy cây gậy đánh mạnh vào. Từ trên đầu và hai lỗ tai của Trưởng Lão đã tuôn trào máu chảy ra, hai con mắt của Trưởng Lão gần lòi ra ngoài. Thợ khổ khóc liệt, Trưởng Lão ngã lăn nằm trên mặt đất, vẫn giữ sự im lặng.

Lúc bấy giờ, con ngỗng đứng gần đó, thấy máu chảy đỏ ra, chạy đến đưa mỏ vào hút uống máu trên người của Trưởng Lão Tissa. Chưa dứt cơn nổi giận, thợ kim hoàn lấy chân đá mạnh con ngỗng văng vào vách tường, và ngã lăn ra chết tại chỗ. Nhìn thấy sự việc hiện bày, Trưởng Lão nói với thợ kim hoàn:

- Này Thiện Nam, con ngỗng đã chết thật rồi hay chưa ?
- Nó đã chết rồi, và rồi ông cũng chết giống như nó thôi !

- Này Thí Chủ, bây giờ ngỗng kia đã chết, bản đạo mới dám mở lời với Thí Chủ, nếu không thì bản đạo phải chịu chết, cũng không dám nói ra lời. Chính ngỗng kia đã nuốt viên hồng ngọc đó vậy !

Nghe qua, thợ kim hoàn xách con ngỗng vào trong bếp, mổ bụng và quả thật, nhìn thấy viên hồng ngọc đang nằm tại nơi đó. Toàn thân phát run rẩy, tâm thần hoảng hốt, người thợ quá ăn năn, vội đến đỡ Trưởng Lão ngồi lên ghế, và ông ta đã quỳ mọp dưới chân bày tỏ sự sám hối lỗi lầm:

- Kính bạch Ngài, xin Ngài xá tội cho con. Vì con mù quáng mà con đã xúc phạm và tạo ra lỗi lầm nặng nề đến Ngài.

- Này Thiện Nam, người chẳng có tội chi cả. Đây chẳng qua là do Nghiệp quá khứ trong vòng luân hồi của bản đạo. Và sự việc xảy ra hôm nay cũng là do lỗi của bản đạo, khi đi khát thực thì chẳng nên bước vào trong nhà, mà chỉ nên đứng chờ bên ngoài cổng mà thôi.

Vừa dứt lời, Trưởng Lão Tissa trút hơi thở cuối cùng vì đã thọ thương tích quá nặng nề.

Chiều hôm đó, Chư Tỳ Khuru Tăng đem câu chuyện của Trưởng Lão Tissa đến trình với Đức Phật, với lời vấn hỏi:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chẳng biết những nhân vật này sẽ đi tục sinh vào trong cảnh giới nào ?

- Này Chư Tỳ Khuru, con ngỗng tục sinh vào làm con trai của thợ kim hoàn, người chồng đọa vào Địa Ngục, người vợ tục sinh về Thiên Giới làm một Thiên Nữ, còn Tissa đã chứng đắc Quả vị Vô Sinh và Vô Dư Y Níp Bàn.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Một số sinh bào thai,
Kẻ ác sinh địa ngục.
Người Thiện lên cõi trời,
Vô Lậu chứng Níp Bàn.
(P.C. 126)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Trưởng Lão Tissa và viên hồng ngọc của thợ kim hoàn, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Nghiệp và Nghiệp Quả, người Phật Tử nên biết không phải là giáo điều của Phật Giáo, mà đó là một điều thiết thực có thể hiểu được trong đời sống riêng của mỗi người (và cũng hiểu được một phần nào trong đời sống của người khác). Thế thì, tại sao với hành động có tác ý sản sinh ra Nghiệp Quả ? Câu trả lời là, ở hành động có tác ý, có sự tiêu phí năng lực

nhiều hơn ở hành động không có tác ý. Năng lực ấy, có thể được gọi là “*năng lực ý chí*” (*Ý Lực*) mặc dù nó không phải là thuật ngữ Phật Học. Do sự tiêu phí của Ý Lực, một sự kiện kết quả sẽ phải khởi lên vào một thời gian nào đó sau Nghiệp Tác Nhân, tùy thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các Duyên (*Paccaya*) giúp vào hay làm chậm đi cái kết quả của Nghiệp ấy. Đây là sự hình thành của các yếu tố chủ động nhân duyên, mà được sinh ra trong đời sống quá khứ, thì chúng trở thành một tiềm năng một cách mạnh mẽ trong đời sống hiện tại, và khi được sinh ra trong đời này, thì chúng trở thành khuôn mẫu cho ngày vị lai.

Người Phật Tử luôn nhận thức rằng Đức Phật không chủ trương chuộc lại những tội lỗi cho đời. Người ta nhận thức rằng có nhiều hành động sai lạc, thường sản sinh ra những kết quả khổ đau. Tuy nhiên, người ta có thể làm cho chúng nhẹ bớt đi, nếu không tránh khỏi, cũng bằng với Tâm nhiệt thành tu tập theo con đường của Đức Phật. Ở đây, Đạo Phật nhận thức được cái sức mạnh to lớn của lòng tin chuyên nui, và chắc chắn có thể vượt qua những trở ngại lớn lao, chỉ cốt sao cho, lòng tin sáng suốt vào Phật, Pháp và Tăng, được thiết lập một cách vững chắc.

*Người từ thai bào hình thành,
Địa Ngục khổ não sẵn dành kẻ ngu.
Hiên Nhân Thiên Giới nhàn du,
Thánh Nhân Lậu tận Vô Dư Níp Bàn.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 127: Không một ai tránh được kết quả của Nghiệp Ác đã tạo.

*Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được quả Ác Nghiệp.
(P.C. 127)*

Not in the sky, not in the middle of the sea, not entering an opening in the mountains is there that place on earth where standing one might be freed from evil action (P. C. 127).

Ni dans les airs, ni au millieu des mers, ni dans les failles les plus profondes, il n'y a d'endroit en ce monde, où échapper à ses mauvaises actions (P. C. 127).

Dịch nghĩa: Không phải ở trên trời, không phải ở giữa biển, không phải ở trong hang

sâu núi thăm, mà người tạo điều xấu ác có thể tìm được nơi nào trên thế gian này, để lần tròn [kết quả] của hành động xấu ác (P. C. 127).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sàvatthi (Xá Vệ), đề cập đến câu chuyện về Quả Ác Nghiệp trở sanh của ba nhóm Tỳ Khuru.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, có ba nhóm Tỳ Khuru tu tập từ phương xa, vân tập trở về Kỳ Viên Tự để đánh lễ Đức Phật. Trên đường đi, từng mỗi nhóm Tỳ Khuru lại đón nhận một câu chuyện lạ thường, nhưng nghĩ suy không ra được ý nghĩa của nội dung câu chuyện, nên bàn với nhau là đem về thuật lại với Đức Phật và tìm cầu lời giải thích từ nơi Ngài.

Với nhóm Tỳ Khuru thứ nhất, đi về bằng con đường làng. Nhóm Tỳ Khuru này đã dừng lại tại một làng để thọ thực. Trong khi ấy, có một phụ nữ đang nấu nướng vật thực ở nơi nhà bếp, vì đun củi lửa quá nhiều, ngọn lửa từ nơi lò bốc lên cao mãnh liệt, và làm cháy mái tranh. Từ nơi đó, có một bụng tranh bốc cháy, và bay bổng lên hư không. Ngay lúc ấy, có một con quạ đang bay ngang qua, lại đút cổ vào trong bụng tranh đang cháy. Quạ bị cổ tranh quấn khắp cả mình và bị thiêu đốt cháy, rớt xuống mặt đường chết tại chỗ. Chư Tỳ Khuru chẳng hiểu biết duyên Nghiệp gì mà quạ bị đốt cháy thảm khốc như thế. Với lòng nghĩ thầm, Chư Tăng sẽ về trình lên Đức Phật để rõ biết Tiền Nghiệp của nó.

Với nhóm Tỳ Khuru thứ hai, đi về bằng đường tàu thủy. Nhóm Tỳ Khuru này đang đi được nửa lộ trình thì tàu bị dừng lại. Vị Chủ tàu cùng với tất cả hành khách đều nghĩ thầm “*Chắc là trên tàu này có người xúi quẩy, do vậy tàu không đi được nữa!*”. Tất cả người trên tàu đều đồng lòng dùng lá thăm để tìm ra người xúi quẩy mà giải quyết vấn đề. Với cả ba lần thực hiện bắt lá thăm, lá thăm đều rơi vào tay người vợ của Chủ tàu. Cuối cùng, người Chủ tàu phải tuyên bố:

- Ta không thể vì một phụ nữ mà để cho đại chúng phải bị thọ nạn. Vậy tất cả hãy thả cô ta xuống biển đi !

Tất cả mọi người đến nắm lấy người vợ của Chủ tàu, lấy một thùng cát nặng cột vào cổ của cô ta, và ném xuống biển cả, tức thời người của Cô này bị chìm xuống lòng đại dương. Chư Tăng ngồi trên tàu, chứng kiến cảnh trạng hãi hùng ấy, khởi Tâm thắc mắc và nghĩ thầm sẽ về trình lên Đức Phật để rõ biết Tiền Nghiệp của cô Chủ tàu này.

Với nhóm Tỳ Khuru thứ ba, gồm có bảy vị đi về bằng đường núi rừng. Trên đường đi, vào lúc chiều tối, Chư Tăng quyết định nghỉ qua đêm tại một hang động của một ngôi chùa. Đến nửa đêm, một tảng đá to lớn, từ trên núi cao lăn xuống và bít cửa hang động. Chư Tăng trong Chùa cùng tất cả dân chúng trong bảy làng đến, rán hết sức để xô đẩy, nhưng không tảng đá vẫn không nhúc nhích chút nào. Bên trong hang động, bảy vị Tỳ

Khuru cũng tận lực một cách vô ích. Suốt cả bảy ngày liền, dân chúng không dời được tảng đá to. Và bảy vị Tỳ Khuru ở bên trong hang động phải chịu đói khát suốt cả bảy ngày, cảm thọ khổ một cách thảm khốc. Đến ngày thứ bảy, tảng đá tự động lăn đi. Cả bảy vị Tỳ Khuru được thoát nạn, tâm tư bồi hồi thắc mắc, với lòng nghĩ thầm sẽ về trình lên Đức Phật để rõ biết Tiền Nghiệp của chính mình.

Thế rồi, cả ba nhóm Tỳ Khuru lần lượt về đến Kỳ Viên Tự, lần lượt thuật lại những chuyện kỳ lạ đã xảy ra ở từng mỗi nhóm, và thỉnh cầu Đức Phật giải thích rõ nguyên do ở từng mỗi sự việc. Nghe qua, Đức Phật lần lượt giải đáp:

- Này Chư Tỳ Khuru, với nhóm thứ nhất, về con quạ là do đã tự tạo Ác Nghiệp nên phải chịu quả báo như vậy. Trong kiếp quá khứ, quạ kia là một nông phu có nuôi một con bò. Bò rất lười biếng, chẳng chịu làm việc theo ý của chủ, mà chỉ muốn ăn no lại nằm. Chủ tìm mọi cách để bắt bò đi làm, nhưng bò rất ngoan cố, chẳng chịu cất bước, và cứ mãi lo nằm ỳ. Cô gắng hết sức nhưng bất duyệt ý, chủ bò phát Tâm Sân, mới lấy cỏ rom bó quần bò lại, rồi nổi lửa lên đốt cháy bò. Bò bị thiêu sống và phải chết ngay nơi ấy. Với Ác Nghiệp đó, chủ bò sa vào Địa Ngục rất lâu, do còn dư sót Quả Dị Thục, tục sanh vào hàng súc sanh và phải bị chết cháy suốt bảy kiếp liên tiếp.

Tiếp theo, này Chư Tỳ Khuru, với nhóm thứ hai, về người vợ của Chủ tàu đã tạo Ác Nghiệp trong kiếp quá khứ, lúc bấy giờ là một phụ nữ có nuôi một con chó, đi đâu chó này cũng đi theo, như bóng với hình. Nhóm thanh niên trong làng trêu chọc cảnh tượng ấy, khiến người phụ nữ xấu hổ mắc cỡ, mới nghĩ đến việc sát hại chó kia, để tránh đi tiếng đời thị phi. Chó kia ái luyến người phụ nữ này, cũng là do tiền kiếp quá khứ, là người chồng trong suốt ba kiếp liền, do vậy không thể đoạn xa mỗi dây ái luyến được. Một hôm sau khi đem vật thực đến người chồng, phụ nữ này trên đường đi về, đã lập mưu bắt cột trói chó vào một thùng đựng đầy cát, và quăng chó xuống ao nước. Chó bị lôi theo cái thùng và chết chìm dưới ao. Với Ác Nghiệp đó, phụ nữ bị sa vào Địa Ngục rất lâu, và do còn dư sót Quả Dị Thục, thì phải bị quăng chết chìm dưới nước trong rất nhiều kiếp tục sinh.

Cuối cùng, với nhóm thứ ba, này Chư Tỳ Khuru, là câu chuyện của bảy vị Tỳ Khuru đã phải bị gặp nạn tai là do Tiền Nghiệp quá khứ. Quả thật vậy, trong thời quá khứ, là bảy đứa trẻ đi chăn bò, thường hay đưa bò đi ăn trong những vùng đất hoang ở ven rừng, cứ bảy ngày thì quay trở lại chỗ cũ. Một hôm, thấy con kỳ đà và cả bảy trẻ này rượt đuổi theo bắt nó. Kỳ đà vụt chạy về nơi gò mối, và trú ẩn trong hang có bảy ngõ ngách. Vốn tính nghịch, cả bảy trẻ lấy những nhánh cây và bít cả bảy ngõ ngách này. Làm xong việc nghịch này, cả bảy trẻ lừa bò đi ăn cỏ, và sau đó, bọn trẻ đã quên hẳn việc nhốt giam kỳ đà ở trong hang. Đến ngày thứ bảy, khi quay trở lại chỗ cũ, cả bảy trẻ này nhớ lại việc của tuần qua, vội chạy đến rút bỏ những nhánh cây ra, và kỳ đà bò ra khỏi hang với thân hình ốm đói khổ đau. Nhờ kỳ đà chưa phải bị chết, bảy trẻ này không bị sa vào Địa Ngục, tuy

nhân do tạo tác Ác Cộng Nghiệp, bảy trẻ này phải thọ lãnh mười bốn kiếp bị giam nhốt và bị đói khát trong cả bảy ngày.

Ngay khi ấy, có một vị Tỳ Khuru vấn hỏi Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu vậy một khi con người đã tạo ra Ác Nghiệp, thì cho dù bay lên hư không, lặn xuống biển sâu, hoặc trốn vào hang động của núi rừng, cũng không thoát khỏi Quả Ác Nghiệp đã trở sanh, phải chăng ?

- Này Chư Tỳ Khuru, quả đúng như vậy ! Trên thế gian này, chẳng có nơi nào mà tránh khỏi Quả báo của Ác Nghiệp đã tạo.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được quả Ác Nghiệp.
(P.C. 127)*

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến câu chuyện về Quả Ác Nghiệp trở sanh của ba nhóm Tỳ Khuru, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Trách nhiệm đạo đức được thiết lập một cách vững chắc trong Giáo Lý của Đức Phật, và nơi đó, người Phật Tử tu tập với sự nhận thức “*Ta là chủ của Nghiệp [của ta], là người thừa kế của Nghiệp, được sản sinh ra do từ nơi Nghiệp, bị trói buộc do bởi Nghiệp, và được xây dựng hình thành trên Nghiệp. Bất luận Nghiệp nào mà ta đã tạo ra, cho dù Thiện hay Ác, ta sẽ là người thừa kế của nó, quả thật vậy, mà nhận lấy những kết quả của nó*”.

Mỗi chúng sanh là tạo hóa của mình, ngoài hành động của chính ta thì không thấy có tạo hóa nào khác trong thế gian. Bằng hành động ta tạo ra tâm tánh, cá thể, và tư cách cá nhân của mình. Giáo lý Nghiệp Báo, vốn là giải đáp duy nhất hợp lý nhằm giải thích toàn thể khối khổ đau được gọi là Thế Gian, không thể bị loại bỏ. Ngoài Lý Nghiệp Báo, tất cả những lối giải thích về kiếp sinh tồn luôn luôn biến đổi này, quả thật hoàn toàn không được thỏa đáng, vì lẽ không chú trọng đến chức năng thật sự của phần Tâm Linh.

Toàn thể Thế Gian đều do định luật Nhân Quả chi phối và bị tác động bởi Lý Duyên Sinh. Trọn cả Thế Gian nằm vòn vẹn dưới quyền điều khiển và kiểm soát của định luật Nhân Quả phối hợp với Lý Duyên Sinh vô cùng tận, hay nói theo cách khác, hành động và phản ứng của hành động, được phối hợp chặt chẽ với mỗi dây Duyên Sinh Duyên Hệ.

*Cho dù bay vút lên trời,
Lặn sâu dưới biển, xa vời núi hoang !*

*Thế Gian thật khó cưu mang,
Ác Nghiệp đã tạo muôn ngàn khổ đau.*

-----00000-----

Câu kệ thứ 128: Không một ai khắc phục được Tử Thần.

*Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn khỏi tay Thần Chết.
(P.C. 128)*

Not in the sky, not in the middle of the sea, not entering an opening in the mountains is there that place on earth where standing death would not overcome one (P. C. 128).

Ni dans les airs, ni au milieu des mers, ni dans les failles les plus profondes, il n'y a d'endroit en ce monde, où échapper à la victoire de la mort (P. C. 128).

Dịch nghĩa: Không phải ở trên trời, không phải ở giữa biển, không phải ở trong hang sâu núi thẳm, mà người tạo điều xấu ác có thể tìm được nơi nào trên thế gian này, để lần tránh khỏi Tử Thần (P. C. 128).

Câu kệ Pháp Cú này được Đức Phật khai thuyết tại Kỳ Viên Tự, trong khu vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc, nơi thành Sāvattthi (Xá Vệ), đề cập đến Vua Thiện Giác (Suppabuddhasakya) bị đất rút.

Tích truyện được nói đến như sau:

Thuở ấy, Vua Thiện Giác vốn dòng họ Sakya (Thích Ca), là Phụ Vương của Hoàng Tử Devadatta và Công Chúa Yasodharà (là vợ của Thái Tử Siddhattha). Vua Thiện Giác có niềm oán hận oan trái với Đức Phật, do bởi hai lý do: một là Ngài đã bỏ Công Chúa Yasodharà ở lại một mình cô đơn khi Ngài còn là Thái Tử Siddhattha ra đi xuất gia tầm Đạo giải thoát, hai là Ngài đã làm Hoàng Tử Devadatta được xuất gia và gia nhập Tăng Đoàn, do vậy, Vua Thiện Giác đã xem Đức Phật như một kẻ thù.

Một hôm, khi được biết Đức Phật và Chư Tăng đi khát thực trong thành Kapilavatthu, Vua Thiện Giác đã có tác ý muốn chặn đường Đức Phật đi ngang qua, nên đã cùng bọn hầu cận ngồi ở giữa đường mà uống rượu say. Khi Đức Phật và Chư Tăng đến nơi, thì Vua Thiện Giác chẳng chịu dời tránh đi, vẫn cứ ngồi nguyên một chỗ, và có lời nói lặp

đi lặp lại là:

- Sa Môn Gotama nhỏ tuổi hơn ta, tại sao ta phải nhường đường cho Gotama đi được!

Thấy được sự việc ấy, Đức Phật và Chư Tăng quay trở về. Vua Thiện Giác ra lệnh cho một mật thám theo dõi Đức Phật, rình xem Ngài có nói gì về Vua hay không. Lúc quay trở về, Đức Phật nói với Đại Đức Ānanda:

- Này Ānanda, vì Vua Thiện Giác đã cản ngăn đường một vị Phật như Ta, từ đây cho đến bảy ngày, ông ta sẽ bị đất rút ở ngay tại chân nấc thang bước vào thềm cung điện của ông ta.

Nghe được những lời nói này, người mật thám đã về báo cáo lại đến Đức Vua. Nghe qua, Vua Thiện Giác nói rằng “*Ta sẽ có cách làm cho những lời nói đó của Đức Phật sẽ trở nên sai trật*”. Thế rồi, Vua đã ra lệnh cho những người tháo bỏ hết những bậc thang trước thềm, như thế để không có thể dùng chúng nó nữa, tạo ra một lối đi khác, và căn dặn những người túc trực ở nơi đó có nhiệm vụ là nhắc nhở Vua nếu quên mà đi ngang qua chỗ cũ.

Khi Đức Phật nghe được câu chuyện này, thì có lời tuyên bố:

- Này Chư Tỳ Khuru, cho dù Vua Thiện Giác trú ở đỉnh nhọn của bảo tháp, hoặc ở trên hư không, hoặc ở trong đại dương, hoặc ở trong hang động, lời nói của Ta không thể nào sai trật. Vua Thiện Giác sẽ bị đất rút ngay tại chỗ mà Ta đã nói với các người.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên câu kệ Pháp Cú như sau:

*Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn khỏi tay Thần Chết.
(P.C. 128)*

Đến ngày thứ bảy, vào thời gian Đức Vua đang dùng bữa, bỗng đâu con ngựa yêu quý của Vua, nổi chứng bất kham, đã cất tiếng hí vang lên và vùng đá mãnh liệt. Nghe tiếng động kinh sợ từ nơi con ngựa, Vua liền nghĩ tới muốn giải quyết con vật yêu quý của mình, và đã quên đi những điều cần lưu ý. Vua đã bước tới cửa. Cánh cửa đã tự động mở ra, và những người hầu cận đã quên đi việc cản ngăn Ông ta trong việc bước xuống lầu. Như thế, Vua đã vội bước xuống những nấc thang một cách mau lẹ, Vua đã bước xuống tới mặt đất, đến chỗ nấc thang bước vào thềm của cung điện, thì đất nứt ra và rút Vua rơi thẳng xuống tới A Tỳ Địa Ngục.

Qua câu kệ Pháp Cú này, đề cập đến Vua Thiện Giác (Suppabuddhasakya) bị đất rút, rút ra một ý nghĩa rất quan trọng như sau:

Nếu có người đến hỏi một người sắp chết, người ta thường nhận ra rằng, người ấy không muốn chết. Không, người ấy chỉ muốn sống. Còn có rất nhiều điều để làm, đến nỗi rất ít người thực sự sẵn sàng để chết một cách êm đẹp, và từ bỏ tất cả các việc đời, mà họ không còn gì để nói đến nữa, để đi với cái chết và đi vào cuộc sống tương lai một cách hoàn bị. Một người cho dù đứng ở ngưỡng cửa của Tử Thần, đầu óc vẫn còn đầy sự quan tâm của Hiệp Thế, ham muốn dục lạc và sự hiện hữu ở đời sau trong thế gian. Con người vào lúc cận tử có thể nhận thấy nhiều dấu hiệu khác biệt nhau. Quả thật là, con người thường thiếu sự chuẩn bị kỹ Tâm Thức để khai thác những kinh nghiệm đang lần lượt lướt qua vào những giây phút cuối cùng của một kiếp sống.

Yếu tố Tâm Thức về Sân thường luôn được kết nối với kinh nghiệm khổ đau. Với một ai vun xới sự oán ghét, sân hận, giận dữ, tính ác được nuôi dưỡng sự trả thù hay duy trì sự căm giận, thì thường bị trói buộc vào kinh nghiệm khổ đau, vì lẽ người ấy đã nắm giữ một nguồn rất mạnh của khổ đau. Những ai gieo hận thù cho người khác, như giết chóc, hành hạ, v.v. có thể sẽ tục sinh vào một cảnh giới cảm thọ cực kỳ đau đớn, và khắc nghiệt. Chỉ trong những hoàn cảnh như thế, họ mới có thể chứng nghiệm những nỗi khốn khổ mà do sự Bất Thiện của chính họ, mà họ đã tự đem đến cho họ.

Và đời sống trong các Địa Ngục, dài hay ngắn, tùy theo từng Địa Ngục khác nhau, chỉ rõ cho được thấy sự trầm trọng của điều xấu ác mà con người đã làm khi đem sâu khổ đến cho người khác với cái Tâm chứa đầy oán ghét. Làm như thế là mời gọi sự thống khổ liên tục, và sau cùng những chúng sanh kinh sợ và khốn khổ ấy, sẽ thoát khỏi cảnh Địa Ngục là do đón nhận được kết quả của vài việc Thiện đã tạo ra trước đó.

*Cho dù bay vút lên trời,
Lặn sâu dưới biển, xa vời núi hoang !
Thế Gian thật khó cưu mang,
Tử Thần đi đến, khổ ngàn nỗi theo.*

-----00000-----

Đến đây là chấm dứt TẬP II với năm Phẩm: V, VI, VII, VIII và IX
của bộ sách GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ.

SĀDHU ! SĀDHU ! SĀDHU !



VIETNAMESE AMERICAN MAHASI MEDITATION CENTER

12734 Marsh Road, Bealeton, VA 22712

**PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG
ÂN TÔNG KINH SÁCH
KINH PHÁP CÚ - TẬP I & II**

Phật Tử Washington DC, Virginia & Maryland

Cô Lê Thị Bài	100.00
Diệu Phát	20.00
Diệu Tâm	10.00
Diệu Thân	10.00
Từ Dụng	10.00
Tuyết Trinh	20.00
Hương Võ	5.00
Cô Mai	10.00
Minh Hà - Chị Ba	15.00
Anh Chín (VA)	100.00
Trần Diệp Dung, Trần Mai Ngân & Nguyễn Trần Ngân Hà	130.00
<i>Hồi hướng đến Bà Lê Thị Tâm</i>	
Tâm Thiện & Gia Đình	100.00
Chúc Giới, Chúc Nguyên & Gia Đình	100.00
Diệu Hoa	100.00
Nguyễn Thị Phương Khanh	50.00
Ô/B Phạm Ngọc Thành & Phạm Ngọc Quế	200.00
Lê Mỹ	200.00
Nguyễn Tú	100.00
Sơn Tuấn & Kim Thoa Lưu	500.00
Phạm H. Anh & Gia Đình	500.00
Nguyễn Phi Yến & Gia Đình	100.00
Ngô Bá Lộc	50.00
Chị Bình Ngọc	100.00
Chị Kim Phạm	10.00
Trần Thị Phục (P/D Diệu Phương)	20.00
Laura Trang	20.00
Tổ Nga	10.00
Trang Cang	10.00
Lê Bích Huyền & Nguyễn Thế Tuấn	50.00
Cô Tịnh Trí	50.00

Hồi hướng cho Cửu Huyền Thất Tổ & Chia phước đến Sư Sứ Nhiên

Trần Đỗ Kim Anh	100.00
Chị Metta & Gia Đình	100.00
Kevin Lưu	20.00
Thảo Dũng	20.00
Diệu Hoàng	20.00
Huỳnh Ngọc Đỉnh	50.00
Phương Trần	100.00
Cô Từ Mẫn	100.00
Cô Kim Oanh	40.00
Cô Tịnh An & Gia Đình	200.00
Tiểu Kiến Bình & Leslie Wong	300.00
Toàn Vũ	200.00
Kim Yến Vũ	200.00
Bác Diệu Pháp & Bác Thanh Lương	100.00
Ô/B Hồ Văn Khánh & Nguyễn Thị Huệ	60.00
Bác Diệu Hoàng	40.00
Tâm Phước & Gia Đình	50.00
Lê Phương Thảo & Lê Ái Cơ	200.00
<i>Chia Phước đến Ông Lê Văn Định & Bà Phạm Thị Nga</i>	
Thủy Đỗ (Diệu Hải)	40.00
Chơn Hạnh Thuần	100.00
Võ Nương (Tâm Lạc)	100.00
Mộng Bảo	100.00
Tuoi T. Tran	200.00
Lương Năng	80.00
Trần Quang Bình, Nhân Khanh & Gia Đình	60.00
Gia Đình Thủy & Đạt	200.00
Lê Quốc Trần Phi	50.00
Huỳnh A. Đức & Trần T. Thảo	200.00

Phật Tử Oklahoma

Tịnh Lạc, Viên An & Tịnh Nghiệp	200.00
Bình An & Viên An	50.00
Kim Hường	50.00
Kiên Dung	50.00
Diệu Phẩm	50.00
Thiện Giới	50.00
Dave Tạ	50.00
Stephanie Lê	20.00
Cathy Sukaromya	30.00
Chương Liên	20.00
Lê Quang	20.00

Diệu Thiên	25.00
Ngọc Bảo	25.00
Bình An	30.00
Ngọc Thiện	50.00
Chơn Trí	50.00
Viên Thụ	100.00
Minh Lý & Diệu Châu	100.00
Tánh Định, Diệu Tuyết & Đồng Đức	100.00

Phật Tử Chùa Pháp Hoa (Austin, TX)

Thánh Từ Hoa	40.00
Pháp Tuấn, Diệu Ngọc, Phạm Anh Tú & Lê Kim Cương	100.00
Nguyễn Vinh & Diệu Nga	50.00
Hoàng Đăng & Ngọc Liên	50.00
Chánh Thường Huy	60.00
Nguyễn Hiền	20.00
Nguyên Thường	20.00
Tương Nguyễn	20.00
Thái Giáo Sum & Thái Tổ Mỹ	40.00
Diệu Minh	100.00
Diệu Liên, Nguyễn Thị Mỹ Linh & Diệp Chánh Pháp	50.00
Thông Văn Thái	20.00
Ngọc Nhiệm	50.00
Tuấn Nguyễn	20.00
Diệu Tú & Thánh Thông	50.00
Huệ Tâm	50.00
Thông Quốc Cường	20.00
Gia Đình Tâm An	50.00
Thông Quốc Huy	20.00
Tuệ Duyên, Hồ Phước Nông, Hồ Melinda & Hồ Allen	100.00
Quyên Diệp (Tuệ Khương & Gia Đình)	40.00
Diệu Hạnh	30.00
Nguyễn Mai Anh & Đặng Thành Long	100.00
Như Nguyệt	50.00
Châu Thanh Vân	100.00
Gia Đình Diệu Nga	50.00
Lưu Thị Kiều Nga	20.00
Khanh Hoa	50.00
Chánh Thường Hoàng & Diệu Quý	50.00
Diệu Tâm	50.00
Nguyễn Kim Liên, Vũ Quang Thông & Vũ Thùy Trang	100.00
Diệu Nguyệt	30.00

Diệu Thanh & Minh Quang	80.00
Minh Nguyệt	50.00
Tấn Bảo	50.00
Diệu Hải	20.00
Diệu Viên	30.00
Diệu Bảo	50.00
Lê T. Thúy Phượng	50.00
Trương Hồng Sơn & Đỗ Thị Sót	100.00
Diệu Hòa	40.00
D. Của	50.00
Huệ Tâm	50.00
Nguyên Hỷ	30.00
Gia Đình P/T Minh Tiến	100.00
Dương T. Muôn (P/D Diệu Lệ) & Dương T. Tuyết (P/D Diệu Mai)	100.00
Tuấn Vũ, Hoa Vũ & Tú Vũ	200.00
Huệ Lạc & Diệu Châu	40.00
Lê Văn Nghi, Tâm Phương, Tâm Hiếu, Nguyễn Đăng Tri, Diệu Tịnh & Thiên Ngộ	40.00
Trần Tập Khánh	20.00
Lê Thị Hạnh Tiên	50.00
Phật Tử Ân Danh	20.00
Phạm Hoàng Bửu, Phạm Trần Ngọc, Phạm Thanh Hiệp, Phạm Thanh Hào & Phạm Thanh Thảo	100.00
Hồng Khanh & Kim Hoa	50.00
Minh Phúc & Chúc Lượng	50.00
Diệu Hương	100.00
Hồng Ngọc	20.00
Diệu Niệm	60.00
Phật Tử Ân Danh	20.00
Hồi hướng cho Hoàng Bá Hoài Nam, Hoàng Lê Trâm & Gia Tộc	
Diệu Hương (OK)	100.00
Leslie Wong & Bình K. Tiêu	100.00
Hoàng Quyên	50.00
Chơn Châu	50.00
Gia Đình Trần Thị Bích Nga	50.00
Gia Đình Chơn Lan	100.00
Lý Hồng Liên	50.00
Hồi Hướng Phước Báu Cho Cha - Lý Chiêu Phong	
Hồi Hướng Phước Báu Cho Mẹ - Lâm Đông Phi	
Hồi Hướng Phước Báu Đến Di - Lâm Tăng Oanh	
Nguyễn Phước Trường Sơn	100.00
Nguyễn Tường An (P/D Tịnh Tâm)	100.00

Hồi Hướnɡ Phước Báu Cho Ông Nguyễn Thanh Thôi

Kiên L. Phạm 100.00

Hồi Hướnɡ Công Đứᴄ Đến Bà Nguyễn Thị Lân & Ông Phạm Văn Cẩm

Viên An, Tịnh Lạc & Tịnh Nghiệp (OK) 300.00

Viên Thư (OK) 100.00

Kiên Liễu Lê (OK) 50.00

Ngọc Thiện (OK) 50.00

Quang Lê (OK) 30.00

Nguyễn Thị Bằng (OK) 20.00

Nguyễn Thị Thuận Thái (OK) 20.00

Tánh Định, Diệu Tuyết & Đồng Đức (OK) 60.00

Irene Thị Nguyễn & Phong Đoan 100.00

Nguyễn Thị Mỹ Yến & Phạm Văn Trung 100.00

Hồ Lâm Bích Vân & Gia Đình 50.00

Hồ Văn Khánh & Lâm Thị Huệ 50.00

Cô Từ Mẫn 50.00

Nguyễn Ngọc Đông Phương 40.00

Tánh Bảo (Austin, TX) 100.00

Minh Quang (Austin, TX) 30.00

Diệu Viên (Austin, TX) 30.00

Diệu Thanh (Austin, TX) 20.00

Nguyễn Chí Thanh (Austin, TX) 30.00

Nguyễn Phạm Benjamin (Austin, TX) 30.00

Gia Đình Anh Phương (Austin, TX) 100.00

Diệu Minh (Austin, TX) 100.00

Xin Chia Phước Báu cho Cháu Nội - William Trần (P/D An Hoà)

Diệu Đan & Thiện Thủy (Austin, TX) 110.00

Thiện Ngộ & Toàn Thế Gia Đình (Austin, TX) 50.00

Diệu Tịnh & Toàn Thế Gia Đình (Austin, TX) 200.00

Diệu Lệ & Diệu Mai (Austin, TX) 200.00

Hồi Hướnɡ Công Đứᴄ Cho Cửu Huyền Thất Tổ

Trương Dương Tuyết (Austin, TX) 200.00

Hồi Hướnɡ Công Đứᴄ Cho Cửu Huyền Thất Tổ

Hồi Hướnɡ Công Đứᴄ Cho Mẹ - Dương Thị Muôn (P/D Diệu Lệ)

Ngọc Cao (P/D Diệu Đào Austin, TX) 100.00

Hồi Hướnɡ Công Đứᴄ Cho Cửu Huyền Thất Tổ -

Nội Ngoại Hai Bên Đã Quá Vãng

Nguyễn Tấn Phương (P/D Quảng Minh) 100.00

Hồi Hướnɡ Công Đứᴄ Cho Ba - Nguyễn Văn Sảnh (P/D Minh Phúc)

Hồi Hướnɡ Công Đứᴄ Cho Mẹ - Nguyễn Thị Phúc (P/D Diệu Giác)

Phật Tử Chùa Pháp Hoa 100.00

Phật Tử (T.X. Hương Thiền) 40.00

Trần Quang Bình 50.00

Nguyễn Thị Ánh Dương (OK) 50.00

Hồi Hương Phước Báu Cho Bạn - Yến

Thu Nowak	100.00
Cô Lê Thị Bài	200.00
Cát Phương (Tâm Thiện) & Gia Đình	200.00
Sư Cô Linh Minh (T.V. Chánh Pháp, OK)	100.00
Sư Cô Hạnh Nhu (T.V. Chánh Pháp, OK)	300.00
Nguyễn Tòng & Nguyễn Hiền (CA)	100.00
Từ Vân, Thanh Hương & Mầu Kim Trang (CA)	300.00
Viên An, Tịnh Lạc & Tịnh Nghiệp (OK)	200.00
Minh D. Phan & Amy N. Luru (OK)	100.00
Nguyễn Phương Khanh	50.00

Kính Dâng Phước Báu Đến Bhikkhu PASĀDO

Nguyễn Thị Mỹ Yến	50.00
Phan Văn Trung	50.00
Lê Ái Cơ	100.00
Nguyễn Ngộ & Hạnh Hỷ	100.00
Nguyễn Thiện	100.00

Hồi Hương Phước Báu Cho Ông Phạm Văn Thi (P/D Tâm Bút)

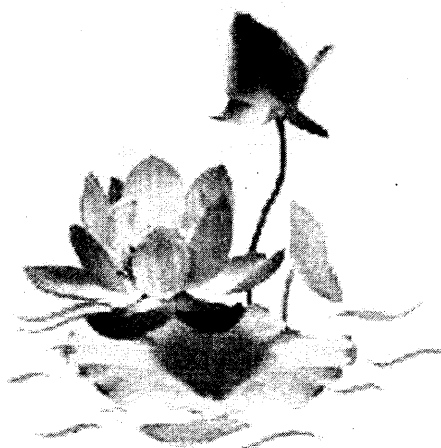
Huỳnh Kim Chi	50.00
Trần Minh Tuấn, Trần Phan Linh Sương, Trần Đức Vinh & Trần Mỹ Linh	200.00
Lý D Phạm	100.00
Đoàn Thị Ánh Hà	50.00
Trương Thị Thuý Nhung	50.00

Hồi Hương Phước Báu Cho Cụ Bà Nguyễn Thị Rót (PD Diệu Liên)

Quang Lê (OK)	30.00
Chương Liên (OK)	20.00
Viên Thư (OK)	100.00
Tánh Định, Diệu Tuyết & Đồng Đức (OK)	60.00
Kiểm Dung (OK)	50.00
Ngọc Thiện, Bình An (OK)	50.00
Thuận Thái (OK)	20.00
Diệu Thiện (OK)	25.00
Nguyễn Bằng (OK)	20.00
Chân Trí (OK)	20.00
C.T. Printing & Graphics	300.00
Bác Thanh Lương & Bác Diệu Pháp	100.00
Lý Thủy Tiên	20.00
Đạo & Tới	30.00
Bà Chúc Thuần & Gia Đình	50.00
Minh N. Trịnh (P/D Nguyên Hạnh)	100.00
Thủy & Đạt	200.00
Mindy Nguyễn	50.00
Phạm Hữu Minh & Gia Đình	100.00
Trần Diệp Dung & Nguyễn Trần Ngân Hà	100.00

Chúc Giới & Chúc Nguyên	50.00
Chúc Huệ	25.00
Chúc Định	25.00
Bác Ba Chúc Giới	20.00
Sơn Tuấn Lưu & Thoa Kim Lưu	200.00
Gia Đình Bạch Hải Triều & Tâm Ân	50.00
Hồi Hương Phước Báu Đến Ông Huỳnh Thanh Nhân & Bà Lâm Thị Hương	
Leslie Wong & Bình K. Tiêu	300.00
Lanne Huỳnh & Gia Đình	50.00
Nương Võ (P/D Tâm Lạc) & Nền Lê (P/D Tâm Hỷ)	100.00
Hoa Võ (P/D Chơn Hạnh Thuận)	100.00
Anh Võ, Đình Lê, Hoàng Anh & Tuấn Anh	50.00
Thiện Võ, Lắm Đình, Xuân Trang & Duy Tâm	50.00
Đại Võ & Chí Thanh	50.00
Đức Võ, Văn Nguyên, Dung, Huệ & Hạnh	50.00
Phước Võ, Sương Nguyễn & David Tân	50.00
Hương Võ, Juan, Diane, & Kevin	50.00
Xuân Võ (P/D Tâm Diệu Phú), Trọng Phan, Thư, Trung, Phụng & Hân	100.00
Tu Nữ Khemika (Tịnh An)	100.00
Dũng Mã, Tiên Mã, Minh Mã, Uyên Mã & Quân Mã	100.00
Cụ Nguyễn Thị Hiền	50.00
Cô Phó Ngọc Anh	40.00
Kim Phạm	40.00
Tuyết Nguyễn	40.00
Huỳnh N. Đính	50.00
Nguyễn H. Nhã Hương	50.00
Nguyễn H. Long Hoa	50.00
Nguyễn Thị Mê Linh	50.00
Nguyễn Ngô & Hạnh Hỷ	50.00
Huỳnh Mỹ Yến	50.00
Phật Tử Ấn Danh	20.00
Cô Diệu Hoàng	40.00
Trần Quang Bình & Nhân Khanh	40.00
Lê Như Mỹ	40.00
Phạm Hữu Anh & Gia Đình	250.00
Từ Ngọc Hân & Gia Đình	100.00
Diệu Hoa	50.00
Ô. Phạm Ngọc Thành	60.00
Võ Bích	20.00
Đồng Lực (OK)	100.00
Kim Anh Trần	50.00
B. Phạm Ngọc Quế	60.00
Chị Metta	50.00
Chị Bình Ngọc	50.00

Chị Tâm Phước & Gia Đình	100.00
Jennifer Trần & Gia Đình	30.00
Vina Cúc T. Nguyễn	30.00
Tuân Thế Nguyễn & Huyền B. Lê	50.00
Trâm McCarthy (P/D Tâm Bảo)	50.00



Sādhū! Sādhū! Sādhū!
Lành thay! Lành thay! Lành thay!

Kinh sách đã được in ấn và phát hành:

- * GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (1000 QUYỀN)
- * CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỰ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỀN)
- * TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP - TẬP I (1000 QUYỀN)
- * KINH ĐẠI PHÁT THÚ - TẬP I (500 QUYỀN)
- * NHỮNG PHÁP THOẠI CỦA ĐẠI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỀN)
- * KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỀN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỀN)
- * ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỀN)
- * GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP I (500 QUYỀN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỀN)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

- * KINH ĐẠI PHÁT THÚ - TẬP I (HIỆU ĐỈNH) (200 QUYỀN)
- * KINH ĐẠI PHÁT THÚ - TẬP II (HIỆU ĐỈNH) (200 QUYỀN)
- * BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT (500 QUYỀN)
- * GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP II (500 QUYỀN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỀN)
- * TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP - TẬP II (500 QUYỀN)





CATUDISA SANGHA VIHĀRA

VIETNAMESE AMERICAN MAHASI MEDITATION CENTER
12734 Marsh Road, Bealeton VA 22712 - USA

